NĂM THỨ MƯỜI MỘT • # 133 • MAY 2000

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL: (714) 839-8746 • FAX: (714) 839-8215

30-4
NHIỀU TÁC GIẢ

PHỞ BẮC
KHẢ VI

THƯỢNG VỀ THÀNH
LÔ

Mọi chi tiết xin liên lạc Trung Tâm Làng Văn:
15101 Weststate St., Westminster CA, 92683 Tel: (800) 426-1558 (714) 894-2233/891-0640 Fax: (714) 894-5552 http://www.langvan.com Email: langvan@vinet.com

Cả thế giới đều công nhận
Tháp Eiffel Paris đã chiếm ngôi vị nghệ thuật hàng đầu
trong đêm lịch sử đón chào năm 2000...

Trong chiều hướng thay đổi mới lạ
VIDEO PARIS BY NIGHT 53 đã trở lại Paris.
Sau 5 năm chuẩn bị, một VIDEO vĩ đại đầy nghệ thuật
với đoàn chuyên viên thượng thặng của
đài truyền hình Pháp TF6.

VIDEO PARIS by NIGHT 53

THIÊN ĐƯỜNG LÀ ĐÂY

Sẽ phát hành nay mai với sự góp mặt của các nghệ sĩ:

Khánh Ly - Ái Vân - Như Quỳnh - Lưu Bích - Thúy Anh - Thiên Kim
Loan Châu - Bảo Hân - Lynda Trang Đài - Ngọc Ánh - Ngọc Huệ
Trúc Lam - Trúc Linh
Tuấn Ngọc - Don Hồ - Nguyễn Hưng - Thế Sơn - Anh Dũng - Trần Đức
Mạnh Đình - Mạnh Quỳnh - Trường Vũ - Trang Thanh Lan - Hồng Đào
Quang Minh - Lay Minh - Tommy Ngo

Điều khiển chương trình:

NGUYỄN NGỌC NGẠN & NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Xin liên lạc: thúynga

MỸ & CANADA: P. O. Box 2174 Westminster, CA 92683 Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673
ÂU CHÂU: 44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris FRANCE Tel: 01-45-83-23-41
ÚC CHÂU: 323 Chapel Rd., Bankstown - N.S.W 2200 - AUSTRALIA Tel: (02) 796-7227
Web Site: www.thuyngaonline.com / E-mail: thuynga@thuyngaonline.com

Bản án kết tội chế độ CSVN nặng nề nhất.
Công an tịch thu và tiêu hủy ngay khi vừa xuất bản ở Sài Gòn.
Báo South China Morning Post cho biết sách còn bị vu cáo là khiêu dâm.

Những khổ đau tột cùng người tù "cải tạo" phải chịu đựng. Những vất vả nhục nhằn triền miên mà các Bà Mẹ, các bà vợ, và trẻ thơ phải chịu đựng *ngoài xã hội*

Đọc một mạch xong quyển sách, rồi lại phải đọc ngay lần thứ hai. Không cầm được nước mắt

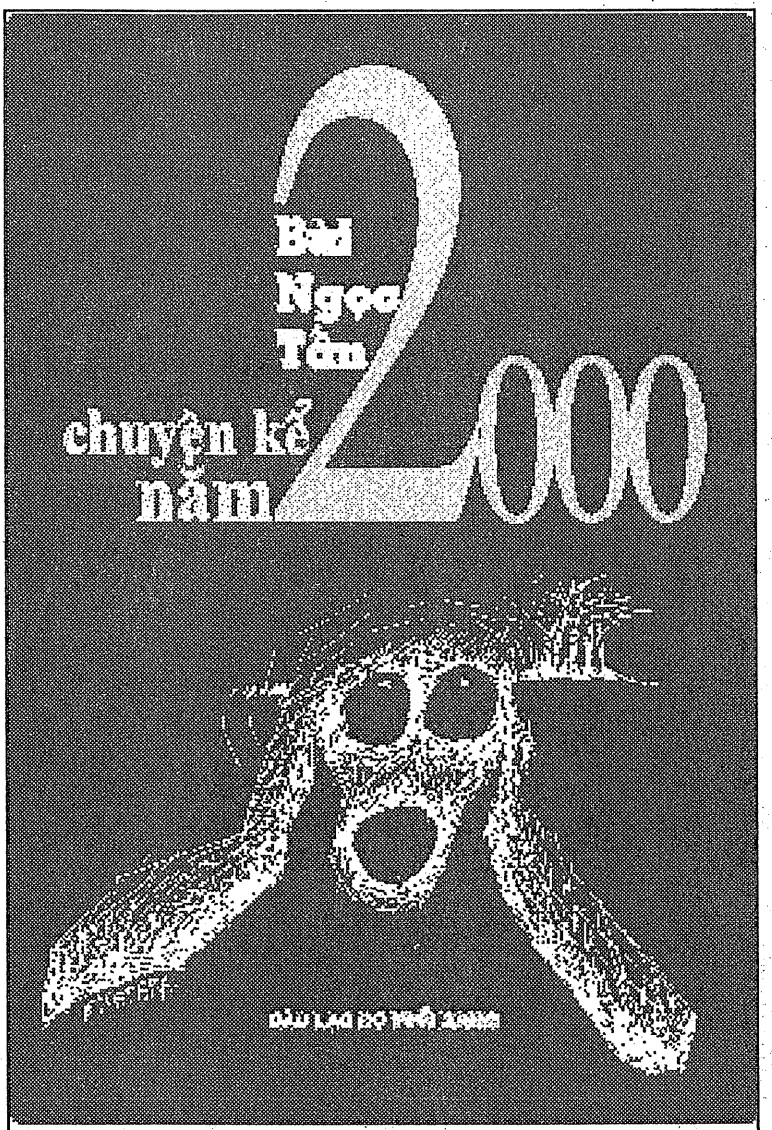

Cuốn tiểu thuyết của *Bùi Ngọc Tấn* vượt ra ngoài khuôn khổ những hồi ký và tiểu thuyết viết về nhà tù cộng sản, ở Nga, Trung Quốc hay ở Việt Nam vì trong đó không phải chỉ có nhà tù, mà còn cả xã hội loài người bị khép vào án chung thân tập thể. Nhưng bừng sáng lên trên cả xã hội khô héo và tối đen đó, tình mẹ con,tình vợ chồng, tình anh em, tình bè bạn vẫn là nguồn cứu rỗi cho con người đau khổ.

Đã bán tại các nhà sách

Tú Quỳnh ***(714-531-4284)***, *Tự Lực* ***(714-531-5290)***
Văn Khoa ***(714-892-0801)***, *Văn Bút* ***(714-903-3984)***

VIETNAM
CALIFORNIA
RADIO

VNCR

Hãy tìm đọc

Kỷ Yếu VNCR Muà Hè 2000

Phát hành : tháng 6/2000

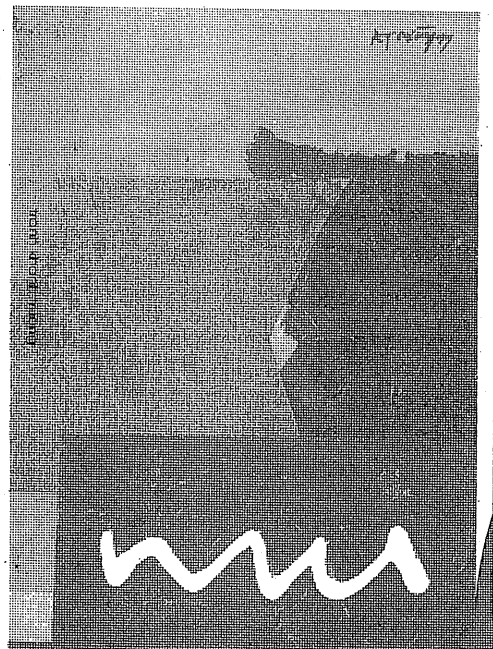

Niên giám Kinh doanh Ngành Truyền thanh tại Hải ngoại.
Với hình ảnh bài vở về lịch sử nhân vật, ký sự hoạt-động của Ngành Phát thanh trong nước trước 1975, ngoài nước sau 1975.
Ngành Truyền thanh tiếng Mỹ tại Hoa kỳ.
Tương lai ngành Truyền thanh tiếng Việt ở Hải ngoại...

Đầy đủ hình ảnh các Xướng Ngôn viên
Các Nhân vật làm Ngành Phát thanh ở hải ngoại.

Với sự đóng góp bài viết của Hồng Ngọc, Thanh Thảo, Ngô Mạnh Thu, Y Sa, Vũ Ánh, Phan Mỹ Sương, Hoàng Trọng Thuỵ, Hồng Vân, Ngọc Chiệu, Nguyễn Trường, Phạm Xuân Đài, Sơn Khê, Đỗ Việt Ánh, Hoàng ngọc Tuệ

VNCR YEARBOOK 2000-2001

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG
(714) 531-2773
GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ
* CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.
* HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.
* Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.
* Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.
NHA KHOA TỔNG QUÁT
* TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG
* LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI
* NHA KHOA THẨM MỸ
* NHA KHOA NHI ĐỒNG
SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM
14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

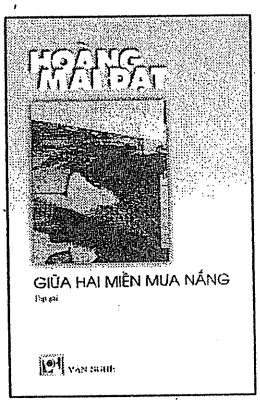

GIỮA HAI MIỀN MƯA NẮNG

tạp ghi ***Hoàng Mai Đạt***

Cái mới của tác phẩm Hoàng Mai Đạt là tâm trạng của một lớp người trẻ trước những đổi thay lớn lao đang diễn ra ở mọi nơi, là cảm giác cô đơn trong một thế giới mênh mông không thuộc về mình. Một tập tạp ghi nhân một chuyến về quê, nhưng cũng là một câu hỏi lớn.

Nhà văn ***Nguyễn Mộng Giác***

Với lối hành văn thong thả — đôi lúc rề rà — và trầm tĩnh — đôi lúc nguội lạnh — Hoàng Mai Đạt đã làm tôi khi thì ứa nước mắt, khi thì bật cười một mình. Đến với một đề tài nhiều cảm xúc như về Việt Nam, Hoàng Mai Đạt tránh được cái sướt mướt mà vẫn giữ được cái cảm động. Bởi chăng vì anh có khả năng tự trào, tự chế nhạo, tự cười lấy mình.

Họa sĩ, nhà văn ***Võ Đình***

Không cần những suy tư và triết lý sâu xa, tạp ghi của Hoàng Mai Đạt đem chúng ta trở lại đời sống với những ánh mắt và nụ cười, những chia sẻ và chịu đựng, những khổ đau và hy sinh, những thiết tha và hy vọng... vốn là những chất liệu muôn đời của một cuộc sống có ý nghĩa.

Nhà phê bình ***Bùi Vĩnh Phúc***

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ
9351 Bolsa Ave.,
Westminster, CA 92683
714-934-8574

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

LỐI CŨ CHẲNG SAO QUÊN

của **BÍCH HUYỀN**

Hồi ký của một người vợ đi thăm chồng bị tù đày trên đất Bắc. Những nỗi khó khăn, sức chịu đựng và tình yêu thương, trung hậu của người phụ nữ miền Nam sau biến cố 1975.

Sách song ngữ Việt- Anh. **Giá $15.00**

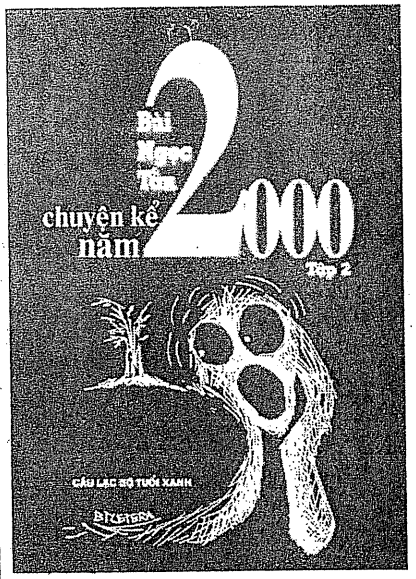

CHUYỆN KỂ NĂM 2000

truyện của

BÙI NGỌC TẤN

Cuốn truyện cực tả đời sống tù đày trong chế độ cộng sản, đích thực là một "Quần đảo Goulag Việt Nam." Vừa xuất bản tại Sài Gòn đã bị tịch thu và tiêu hủy.

Tập I giá $18.00. Tập II giá $14.00

Sách Mới:

* Tuyển Tập Thơ Văn Hải Ngoại Năm 2000 - nhóm Việt Thường thực hiện. **$20.00**
* Bí Mật Hậu trường Chính Trị tập III (Trận Giặc Văn Bút) - Đặng Văn Nhâm. **$18.00**
* Duyên Anh Và Tôi - Vũ Trung Hiền. **$20.00**
* Tự Điển Hán Việt (Hán ngữ cổ và hiện đại) - Trần V. Chánh. **$56.00**
* Đại Tự Điển Chữ Nôm - Vũ Văn Kính. **$48.00**
* Tự Điển Văn Học Cổ Điển Trung Quốc - Nguyễn Tôn Nhan. **$27.00**
* Câu Đố Việt Nam - Nguyễn Văn Trung. **$14.00**
* 249 bài thơ chữ Hán Nguyễn Du - **$13.00**
* Nhà Văn Việt Nam Thế Kỷ 20 - trọn bộ bốn cuốn. **$68.00**

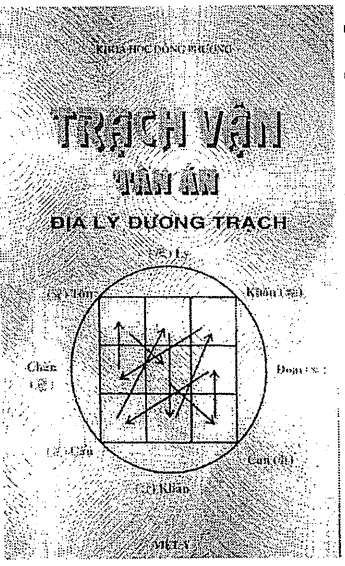

TRẠCH VẬN TÂN ÁN

sách về **khoa Địa Lý** của **THẨM TRÚC NHƯNG**, bản dịch Việt ngữ của **LÊ VIỆT ANH.**

Đọc sách này bạn sẽ hiểu tại sao nhà bạn ở rất đúng hướng, hợp tuổi, nhưng đang thịnh bỗng suy, hay ngược lại, đang suy bỗng thịnh... **Giá $18.00**

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
www.tuluc.com

THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 839-8746
Fax: (714) 839-8215
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cật, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:

Phát hành & Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương

Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84
Tr. T. Diệu Tâm: 01 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

Tranh bìa: *Contrebasse*. Sơn dầu. 18"x24". 1998. **Đinh Cường**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Etcetera**
Ảnh: **Anh Thành**, tư liệu.

MỤC LỤC

Số 133 . Tháng Năm 2000

THỜI SỰ - CHÍNH TRỊ

15 Nguyên ủy của chiến tranh Việt Nam - **Ngô Nhân Dụng**
20 Nhân 30-4, nghĩ về dân chủ hóa đất nước - **Nguyễn Minh Cần**
25 The South Vietnam Liberation Front and Hanoi Myth and Reality - **Tôn Thất Thiện**

LỊCH SỬ - VĂN HÓA

34 Lột trần huyền thoại Hồ CHí Minh - **Trần Gia Phụng**
39 Vấn đề trọng đại nhất của nghìn năm tới - **Trần Ngọc Ninh**
45 Một vài suy nghĩ về dạy và học tiếng Việt tại hải ngoại - **Đoàn Xuân Kiên**
76 Ba mươi năm chiến tranh - **Thụy Khuê**
89 Công cuộc nghiên cứu Việt sử tại Bắc Mỹ - **Trần Anh Tuấn**

DIỄN ĐÀN

49 Cái nhà là nhà của ta - **Lê Đình Thông**
97 Góp ý kiến về bài "Công cuộc nghiên cứu Việt sử..." - **Vĩnh Sính**

VĂN

65 Thượng về thành - **Lô**
68 Lại một mùa xuân - **Võ Doãn Nhẫn**
82 Chuyện ở tỉnh lỵ - **Vũ Thư Hiên**
101 Phở Bắc - **Khả Vi**

THƠ

67. Đêm trăng tròn tháng Tư - **Lưu Văn Vịnh. 70.** Quán vô thường tận - **Doanh. 85.** Tình cũ - **Dạ Sỹ. 91.** Lời biển hẹn - **Lưu nguyễn. 103.** Chia đều - **Nguyễn Văn Thực. 106.** Lời cuối ở phi trường - **Trương Nghĩa Kỳ**

MỤC THƯỜNG LỆ

7 Bạn đọc viết
10 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
10 Thư trị sự - **Phan Mỹ Sương**
11 Tin Việt Nam
54 Sổ tay
59 Đời sống quanh ta - **Thanh Thảo, Tiểu Quyên, Trần Quán Niệm**
109 Chân trời Văn học Nghệ thuật - **Anh Thành, Nhật Phong**
112 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài, Nguyễn Đình Cường, Chu Tất Tiến**

Chi tiết nhỏ mà không nhỏ

Trong bài Hành Trình Thế Kỷ (*Thế Kỷ 21*, số 132, trang 41) tác giả Thụy Khuê viết: "Ngày 2/6/1947, tướng Nguyễn Văn Xuân ban hành một thứ "hiến chương lâm thời gọi là Pháp Qui Tạm Thời (Statut Provisoire) của nước Việt Nam, bao gồm: Quốc Kỳ: cờ vàng, ba sọc đỏ (đã có từ thời chính phủ Trần Trọng Kim) và quốc ca..."

Nếu tôi nhớ không nhầm thì cờ vàng, ba sọc đỏ là của chính phủ Nguyễn Văn Xuân. Cờ của chính phủ Trần Trọng Kim là cờ Quẻ Ly, trông hơi giống, có từ thời đảo chính Nhật 9/3/1945.

Tưởng cũng nên nói thêm vua Bảo Đại tuy là người có thiện chí, ông không có sự bền bỉ và *guile* thí dụ như của vua Sihanouk. Những thỏa ước ký với nước Pháp hồi đó có giá trị tương tự như những thỏa ước của các vua triều Nguyễn đã ký với nước Pháp thời trước. Những chính phủ của Quốc Trưởng Bảo Đại phần lớn điều khiển bởi những người thân Pháp, nếu không phải là người có quốc tịch Pháp. Nhu cầu của họ là nhu cầu của nước Pháp, cho đến khi cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm truất phế Quốc Trưởng Bảo Đại. Những ngày này, báo chí đăng tin những vụ phá hoại tại Sài Gòn, hoặc chính phủ Việt Nam bắt quả tang mấy người Pháp đặt chất nổ tại những nhà máy biến điện nhưng sau đó phải thả vì những áp lực nào đó v.v...

Nguyễn Đức Tường
(Indianapolis, IN)

Món quà cho ngày 30-4

Đối với ngày 30-4 dân Việt Nam kẻ thì vui người thì buồn. Phe thắng vui, phe thua buồn, và nhìn chung thì dù sao vào năm 1975 đó cũng là ngày chấm dứt cuộc chiến kéo dài đã quá lâu. Kẻ thắng ăn mừng chiến thắng, người thua truy điệu sự đau thương. Cũng là đánh dấu một kỷ niệm cả. Và trong những dịp như thế, người ta thường chọn một món quà để ghi nhớ, nhất là năm nay, kỷ niệm 25 năm, một phần tư thế kỷ, càng nên chọn một món gì thật ý nghĩa để làm một dấu mốc, nếu có một món dùng chung được cho cả hai phía, nghĩa là cho cả dân tộc Việt Nam, thì càng hay.

Nhìn tới nhìn lui, thì thấy chỉ có bộ truyện *Chuyện Kể Năm 2000* là đúng món quà ấy. Không có cái gì thích hợp bằng nó, xứng đáng bằng nó. Tác giả Bùi Ngọc Tấn đã chọn đúng năm 2000 này để khai sinh và đặt tên cho nó, chắc không phải là tình cờ. Cuốn sách là một đúc kết những gì điển hình nhất, vẽ được cái bản chất sâu xa nhất của chế độ chính trị đang ngự trị Việt Nam. Chỉ riêng sự việc chế độ đối với tác phẩm: lên án, miệt thị, tịch thu, tiêu hủy, trừng trị người có trách nhiệm xuất bản, làm khó dễ người đã bỏ bao tâm huyết để hoàn thành một tác phẩm giá trị như thế cho nền văn học Việt Nam, chỉ cần nhìn *cung cách phát xít* đó đối với sản phẩm trí tuệ thì đủ biết bản chất chế độ ấy là thế nào. Đâu có cần ai bôi đen chế độ? Chính hành vi của một chế độ phơi bày bộ mặt thật của nó.

Tác phẩm bộc lộ đầy đủ nhất sự đau khổ mà một thể chế chính trị vô nhân đề lên con người. Trên thế giới đã có những tác phẩm đánh động lương tri như thế, và đã thật sự góp phần tích cực trong việc đẩy lui bóng tối để con người được sống tự do sung sướng hơn: *Bóng tối giữa trưa* (Dakness at Noon) của Koestler, *Giờ thứ hai mươi lăm* của Georghiu, *Quần đảo Goulag* của Solzhenitsyn... Gần đây có *Đêm giữa ban ngày* của Vũ Thư Hiên, và giờ đây, đánh dấu 25 năm "chiến thắng" của một chế độ độc tài trên nước Việt Nam, chúng ta có **Chuyện kể năm 2000** của Bùi Ngọc Tấn. Nó tố cáo hành vi nghiền nát con người của cộng sản Việt Nam. Nó sẽ góp phần tích cực trong sự nghiệp đẩy lui bóng tối ở đấy.

Chấm dứt bức thư này, xin mạn phép trích lại một đoạn của Thụy Khuê trong số báo trước (*Thế Kỷ 21* # 132, trang 102):

Cái khác nhau giữa "nô lệ tiền sử," "nô lệ phong kiến," *và* "nô lệ hiện đại" *là ở hai thời kỳ đầu, sự chiếm hữu nô lệ xảy ra giữa những bộ tộc khác nhau, ở những giai cấp khác nhau, mà thường là bộ tộc mạnh đàn áp yếu, giai cấp giàu bóc lột nghèo. Ở hình thức "nô lệ hiện đại," những người bị giáng xuống hạng* dưới người *thường là những văn nghệ sĩ, những nhà trí thức, những nhà tư tưởng... thành phần élite của xã hội. Và đó là bi kịch thời hiện đại, của những xã hội chủ trương tiêu diệt những thành phần thực sự* ưu tú *của đất nước bằng tính* ưu việt *của Goulag.*

Không thể giới thiệu 900 trang sách của Bùi Ngọc Tấn trong vài trang giấy. Bởi đó là đúc kết của một đời người, của nhiều đời người trong một. Đây không phải chỉ là chuyện tù ngục, lưu đầy. Đây là những mảnh đời bị xé nát, trù ếm, dẫm đạp của người tù và của cả những người không-bị-tù, tức là những người có tương quan bạn hữu, máu mủ, thân thiết nhất với người tù.

Bùi Thế Dũng
(Costa Mesa, CA)

Một Ngàn Năm sắp đến

Tôi đặc biệt thích bài *"Tiếng Vỗ Của Một Bàn Tay"* của chị Phan Thị Đỗ Quyên và bài *"Vấn Đề Trọng Đại Của Nghìn Năm Tới"* Của giáo sư Trần Ngọc Ninh trong số báo 132 vừa qua. Giáo Sư Ninh đã giới thiệu với độc giả những cuộc cách mạng lớn trong tiến trình thành người, từ việc bỏ cây xuống đất, việc biết dùng lửa nấu ăn, cho đến những tiến triển văn minh khác như trồng trọt, chăn nuôi, nói, viết, xây dựng cơ cấu làng xã. Đây là những phát triển tích lũy một cách tự nhiên nhưng bắt buộc phải xẩy ra do nhu cầu sinh tồn và cuộc sống càng ngày càng phức tạp của loài homo sapiens trong những môi trường đặc sắc và khác nhau của địa cầu. Nói chung là sự tiến hoá của con người.

Qua bài viết, tôi nhận thấy được kiến thức quảng bác của Giáo sư. Trong phần mở đầu, GS đã kêu gọi bạn đọc đóng góp ý kiến về những vấn đề trọng đại của nghìn năm tới, một điều ông gọi là "ý thức chung." Nghìn năm là một thời gian rất dài, có thể nói nằm ngoài khả năng dự đoán của con người hiện đại. Trong quá khứ, khám phá, và do đó, sự tiến bộ, của con người có tính cách tiệm tiến, nhưng có thể trong tương lai, những khám phá phát minh kỹ thuật sẽ bùng nổ như trong hai thập niên vừa qua. Tôi không hình dung được sự bùng nổ về tri thức, kỹ thuật ngay trong thế kỷ 21 sẽ như thế nào, đừng nói gì thế kỷ... 30 (một nghìn năm nữa)! Và cuộc cách mạng thông tin học sẽ đưa chúng ta về đâu?

Trong cuốn *The 500 year delta, What happens after what comes next*, tác giả Jim Taylor đã cho độc giả nhiều thích thú khi ông tiên đoán những gì sẽ xẩy ra trong 500 ngày sắp đến, sau đó là những tiên đoán cho 500 tuần lễ tương lai, kế tiếp là những biến cố có thể xẩy ra trong 500 tháng sắp đến (tương đương với khoảng thời gian 40 năm) và cuối cùng là những tiên tri cho 500 năm sắp đến. Sau đây là một vài suy nghĩ của Jim Taylor về năm thế kỷ tương lai:

- Sẽ không còn hệ thống tiền tệ trên thế giới.
- Kẻ thù khủng khiếp nhất của nhân loại đã là, và vẫn sẽ là bệnh tật.
- Khoa học có khả năng chuyên chở con người bằng cách chuyển con người thành làn sóng điện (teleportation).
- Muốn có con, phải đóng thuế.
- Tuổi trung bình là 75 cái xuân xanh cho cặp vợ chồng lấy nhau lần đầu!
- Thay vì xử tử những tù mang án tử hình, khoa học sẽ làm già và bất lực hoá những tội nhân bằng biện pháp y khoa.
- Sẽ có một "Đấng Cứu Thế" vĩ đại như Đức Phật hay Chúa Jesus ra đời, và vấn nạn lớn nhất được nhân vật này trả lời sẽ là "tôi sống thế nào?" thay vì "tôi là ai, và tôi từ đâu đến?"
- Tuổi thọ trung bình con người sẽ là 800 năm, ngang ông Bành Tổ, vì y khoa tân tiến.
- Một thứ con người vẫn không thể thiếu trong cuộc sống, đó là: niềm hy vọng.
-Những khoa học gia đương thời như Nicolai Kardashei, Freeman Dyson, Michio Kaku, E. O Wilson, etc... đều có những dự phóng, suy đoán rất sâu sắc và trọng đại về tương lai. Theo suy nghĩ của tôi, có nhiều nguy cơ hơn hứa hẹn. Liệu khoa học sẽ giải quyết nổi nạn nhân mãn khổng lồ, sự hủy phá môi sinh, sự tiêu tán đi những nguồn năng lượng, và sự bành trướng của tật bệnh? Dĩ nhiên, những vấn đề này là những ám ảnh lớn và thường trực cho loài người. Đặt câu hỏi, viết về nó như GS Trần Ngọc Ninh đang làm là một cách đóng góp có ý nghĩa cho tờ *Thế Kỷ 21*, vì mang đến một cái nhìn khác thường, đồng thời đặt ra vấn đề cho người đọc suy nghĩ. Những suy tư về tương lai vốn thường không được đặt ra trong cuộc sống bận rộn hàng ngày sẽ làm đời sống tinh thần chúng ta phong phú và tích cực hơn. Tôi hy vọng sẽ đọc được thêm những bài kế tiếp của Giáo sư.

Nguyễn Hùng Vũ
(Chino Hills, CA)

Tránh tinh thần duy dân tộc thuần cảm tính

Sau khi đọc bài Đất Việt Ba Thiên Niên Kỷ Trước của tác giả Nguyễn Quang Trọng (bắt đầu trên *Thế Kỷ 21* số Xuân Canh Thìn), chúng tôi

xin được gửi lời thán phục ông. Bài viết rất sáng sủa, gọn gàng mà đầy đủ, cho thấy sự dày công tích lũy và khả năng tổng hợp và trình bày của tác giả. Và hơn nữa một tinh thần khoa học cao, tuy tự hào dân tộc như không đi đến quá khích. Chúng tôi là lớp trẻ đã trưởng thành và được đào tạo ở hải ngoại cho nên có phần "nhạy cảm" đối với những quan điểm quá thuần cảm tính và duy dân tộc triệt để. Chúng tôi nghĩ rằng chúng ta cần phải chống lại tinh thần "duy Hán" của Trung Quốc bằng ánh sáng của lý trí và khoa học chứ không nên bắt chước sự mê tối của họ.

Để góp thêm vài ý cho bài nói trên: Chủ nhân của các nền văn minh liên tục Đông Nam Á tiền Hán (bao gồm cả miền Hoa Nam hiện đại) vốn thuộc các chủng tộc Australoide và Négroide (Nam phương và Da đen Thái Bình Dương, giống như người thổ dân Aborigène châu Úc ngày nay) rồi Malayo-Polynésien (Mã Lai đa đảo), rồi Indonésien. Hai giống sau là Nam phương có da vàng (Mongoloide). Đây là phân biệt theo sọ.

Còn nguồn gốc người Kinh (VN ở đồng bằng) thì giả thuyết thuyết phục nhất là sự pha trộn giữa các người cũ ấy với người Hán (Mongoloide phương Bắc) trước sau công nguyên một vài thế kỷ. Theo giáo sư Trần Quốc Vượng (*Theo Dòng Lịch Sử*, nxb Văn Hóa Thông Tin - Hà Nội 1996) thì bản thân người Việt là sự trộn giống giữa người Mường, người Tày-Thái, người Nam Đảo và sau này thêm người Hoa. Ở đây sự phân biệt dựa theo gốc ngôn ngữ. Dĩ nhiên người Việt ở đây phải hiểu là con dân của nước Đại Việt xưa, chưa đi đồng hóa người Chàm, người Miên.

Nguyễn Đại Bằng
(Paris, France)

Một độc giả đi Việt Nam về gửi tặng Tòa soạn bức hình này, chụp cơ sở của báo **Tuổi Trẻ** ở đường Nguyễn Thị Minh Khai, Sài Gòn, hồi tháng Ba vừa rồi, và hỏi: Có phải báo **Thế Kỷ 21** đang "liên doanh" với tờ **Tuổi Trẻ** trong nước không?

Chúng tôi lục lại số Thế Kỷ 21 số 125 (tháng Chín 1999), mục Bạn Đọc Viết, có mấy dòng của bạn Chi Bui, như thế này:

Ở Sài Gòn, tờ báo **Tuổi Trẻ** có một cơ sở (building) rất lớn, chắc tới 10 tầng là ít. Trên tầng cao nhất có bảng đèn Neon rất lớn đề là **TUỔI TRẺ**. Ngay bên dưới, có thêm bảng đèn Neon đề **THẾ KỶ 21.**

Thì nay bức ảnh này là một "minh họa" cho thông tin đó. Cách trình bày trong hình có lẽ để chỉ việc báo **Tuổi Trẻ** đang đi vào thế kỷ 21, chứ làm gì có liên doanh. Xin trích thêm một câu của bạn Chi Bui: Tôi thấy đó là một trùng hợp ngộ ngộ, và ước mong một ngày trong nước được tự do báo chí, quý vị đem tờ Thế Kỷ 21 về Sài Gòn "quậy" cho vui!

Sự trống trải quá dài

Tôi là một trong những người gọi điện thoại về Tòa soạn để hỏi về số báo tháng Ba 2000, và Tòa soạn đã cho biết tôi không phải là người duy nhất làm việc này. Sau số Xuân, qua tháng Ba chờ mãi không có báo, một tuần, rồi hai tuần trôi qua vẫn vắng bặt tăm hơi, tôi phải gọi về "hỏi thăm tự sự." Lúc bấy giờ mới vở lẽ tháng Ba không có báo, vì đã làm chung với số báo Xuân. Không có báo đọc đã đành rồi, nhưng tôi còn nghĩ xa xôi, chẳng biết có việc bất thường gì xảy ra cho tờ báo mà tôi đã đọc cả chục năm nay không.

Số Xuân là số đôi cho hai tháng, đơn giản chỉ có thế mà quả thực ít người để ý khi cầm tờ báo đọc. Nhưng khoảng trống hai tháng là quá nhiều, tôi đề nghị Tòa soạn xem lại cách làm này. Báo mỗi tháng một số thì đã là lâu rồi. Nay lại chơi kiểu số đôi hai tháng thì... kẹt cho người đọc quá! Tôi nghĩ số Xuân chỉ cần dày hơn thường lệ chút đỉnh thôi, hoặc dày bình thường cũng được (để quý vị không bị "lỗ vốn"), và nên tiếp tục ra số báo tháng kế tiếp tháng Tết. Đọc một tờ báo quen mỗi đầu tháng cũng giống như thói quen tập thể dục buổi sáng

vậy. Thiếu một cái là nghe bứt rứt khó chịu. Khi tờ lịch tháng được lật qua thì tự nhiên bắt đầu ngóng. Đôi khi cũng chẳng có thì giờ đọc hết tờ báo đâu, nhưng nó từ lâu năm giống như người bạn thiết, có thì là bình thường chẳng lưu ý, vắng thì cảm thấy ngay sự bất thường.

Xin nghe tôi, đổi cách làm đi, mỗi năm đủ mười hai cuốn!

Lưu Văn Tánh *(Dallas TX)*

Xin lĩnh ý của ông, một ý kiến hoàn toàn hợp lý. Lâu nay chúng tôi phải đứng trước một chọn lựa, là nếu làm một tờ báo Xuân phong phú (ở đây nói về số trang) thì đó phải là số đôi, cho hai tháng (nếu không muốn... bị lỗ, như ông nói); hoặc chỉ là số báo khiêm nhượng với số lượng bài vở như các tháng khác, thì sẽ thiếu hẳn "tầm cỡ" của một số báo mừng xuân, nhưng tháng kế đó có thể ra số tiếp tục.

Một lý do nữa để làm số đôi, là Tòa soạn muốn nhân cơ hội đó nghỉ xả hơi một chút. Trong xã hội này, ai đi làm cũng có vacation, thì nhà báo cũng muốn bắt chước. Tháng nghỉ sau Tết chính là vacation của Tòa soạn vậy. Mỗi năm đủ 12 cuốn thì dĩ nhiên phải làm quanh năm. Chỉ có cách làm số đôi, hai hồi nhập một thì mới lòi ra cái kỳ nghỉ được.

Tuy nhiên chúng tôi cũng thấy báo hàng tháng mà thiếu một số là tạo ra một khoảng trống quá lớn. Tháng Ba vừa qua, liên tiếp nhận được các "khiếu nại" của độc giả vì không thấy báo gửi đến (ngay cả một nhà sách bên Úc cũng không để ý rằng số xuân là số đôi), chúng tôi đã nghĩ đến việc nên ra đủ một năm 12 số. Có lẽ nhân đây chúng tôi nên xin ý kiến của độc giả: có nên làm số Xuân thành số đôi để nghỉ một tháng hay không?

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Tôn Thất Thiện, Nguyễn Minh Cần, Nguyễn Văn Tuấn, Ninh Hạ Nguyễn Đức Tâm, Trần Gia Phụng, Nguyễn Tiến Cảnh, Lưu Văn Vịnh, Lê Kim Lợi, Trần Huy Sao, Đỗ Xuân Trúc, Đào Đức Chương, Lý Trường Thạch, Thu Tứ, Chu Tất Tiến, Chu Vương Miện, Hàn Trúc, Dư Bao Đồng, Khánh Hoàng, Nguyễn Văn Cường, Xuân Quang, Phạm Tử Thiên.

Về việc báo không tới tay độc giả

Thân gửi quý độc giả,

Số báo 132 tháng Tư 2000 đã được ban phát hành gửi đi vào cuối tháng Ba, tuy nhiên sau hai tuần, nhiều độc giả mua báo dài hạn từ các địa phương khác nhau trong nước Mỹ đã gọi điện thoại hoặc gửi e-mail cho Tòa soạn thông báo không nhận được báo. Đây là một việc chưa từng xảy ra. Trong khi chờ đợi kết quả tìm hiểu, Tòa soạn đã cấp thời gửi ngay số báo thiếu đến quý vị không nhận được báo. Chúng tôi gửi lời xin lỗi đến quý vị độc giả về sự việc ngoài ý muốn này đã làm phiền quý vị.

Độc giả gia hạn và độc giả mới

Tran Quy Trung (San Diego CA), Loi & Nguyet Vuong (Winter Haven FL), Cao Hoang (Seatle WA),Christiane Pisselli (SPAIN), Lib: Gleroy Public Lib.(AUSTRALIA), Tony Truong (Santa Rosa CA), Lib:Oslo Kretsfengsel (NORWAY), Ven.Thich Tam Chau (CANADA), Do Van Nhan (Nashua NH), Nguyen Huu Phuoc (Manville NJ), Pham Thi Hao (Arlington VA), Nguyen Thi Ngoc Chi (Tustin CA), Duong Kim Phuong (CANADA), Le Huu Phung (N.Quinny MA), Ngo Thanh Tung (Arlington VA), Lien G, Doan (Fullerton CA), Tran Thi Than (AUSTRALIA),Diep Luu (Centerville OH), Uyen Jackson (Diamond Bar CA), Lien Doan (Seal Beach CA), Hoang Khanh (Gaden Grove CA), Vu Van Thanh (CANADA), Nguyen Van Huan (CANADA), Nguyen Khac Tien Tung (CANADA),Bui Van Vinh (Anaheim CA), Bui Ha (Mclean VA), Nguyen Van Hy (Chicago IL), Hieu De (Holland MI), Ho Lan Anh (Fullerton CA),

Độc giả thay đổi địa chỉ

Chau Hoang (Orlando FL), Tran Thanh Hai (San Jose CA), Nguyen Tan Hung (Naperville IL), Uyen Jackson (Diamond Bar CA), Nguyen Lac (Annandale VA)

Yên Bái: Khai thác viên Rubi nặng 2,400 gam

Công ty đá quý và vàng Yên Bái (thuộc Tổng công ty đá quý và vàng Việt Nam) vừa khai thác được viên Rubi sao nặng hơn 2,400 gam tại mỏ Tân Hương, một mỏ nằm giáp hồ thủy điện Thác Bà huyện Yên Bình, cách thành phố Hà Nội khoảng 190km về phía Bắc.

Viên Rubi có trọng lượng tổng cộng 2,454 gam, hiện nay đã tách ra thành hai mảnh to và một mảnh nhỏ. Mảnh lớn nhất của viên Rubi nặng 1,960 gam có hình hơi giống quả xoài, một góc phía trên còn bọc xỉ màu ngà đục. Mảnh nhỏ hơn nặng 455 gam. Hai mảnh lớn đều có màu hồng nhạt (vì còn lớp màng Spineel phủ lên) chỉ khi chiếu đèn vào mới sáng lên màu hồng rực và những chùm sao lấp lánh muôn vàn những tia sáng rất mảnh. Mảnh nhỏ nặng 34 gam, giống hình quả nhót, trông nuột nà hơn và có màu hồng đậm, khi chiếu đèn có màu đỏ rực, trong suốt. Một phần của mảnh nhỏ thứ ba đã được cắt ra chế tác thành viên hồng ngọc hoàn chỉnh nặng 23.8 cara (4.70 gam) được Hội đồng thẩm định định giá 1,700 đô la.

Đây là lần thứ hai, Công ty đá quý và vàng Yên Bái khai thác được viên Rubi vào loại lớn nhất nhì thế giới. Cách đây ba năm, ngày 26-4-1997, cũng tại mỏ Tân Hương, một viên Rubi nguyên khối nặng 2,160 gam đã được khai thác. Chưa kể một mảnh nhỏ của viên này đã tách ra theo vết nứt tự nhiên, sau chế tác thành viên hồng ngọc hoàn hảo, nặng 290 cara (58 gam). Tại hội chợ đá quý ở Miến Điện tháng 10-97, viên Rubi này đã được bán với giá 290,000 đô la, Còn viên Rubi mới khai thác, đến nay chưa định giá được.

Đại hội Nhà văn khai mạc ở Hà Nội

Đại hội Nhà văn Việt Nam lần thứ sáu đã được khai mạc ngày hôm 17-4-2000 ở Hà Nội, trong đó nhiều lãnh tụ hàng đầu của Đảng cũng hiện diện.

Theo tin của tờ Nhân Dân, 422 nhà văn đã tham dự và là "đại biểu" cho 696 nhà văn trong Hội Nhà Văn tại Việt Nam. Người ta không tin là những người như Dương Thu Hương, Hà Sĩ Phu, Tiêu Dao Bảo Cự, Hữu Loan v.v.. lại được mời.

Trong số những người cầm đầu Đảng và nhà nước CSVN hiện diện, người ta thấy có Lê Khả Phiêu, Phạm Thế Duyệt, Lê xuân Tùng, Nguyễn Thị Bình, Phạm Gia Khiêm. Người ta thấy có cả Đỗ Mười và cố vấn và Tố Hữu, nhà thơ già về hưu nổi tiếng với những bài thơ làm theo đơn đặt hàng tâng bốc chế độ, lãnh tụ.

Hữu Thỉnh, Phó tổng thư Ký của Hội nhà văn ngoài những lời nói dua nịnh bình thường phải có đối với chế độ, dịp này lên tiếng đưa ra những nhận định và chiều hướng sáng tác, đá nhẹ những người làm thơ trẻ tuổi là "phẩm chất công dân yếu, là tâm trạng, hoặc sa đà vào các điều vụn vặt."

Đặc biệt, Hữu Thỉnh đã chỉ trích những người làm công tác lý luận phê bình văn học là "còn tỏ ra lạc hậu, và phiến diện, nặng về phương tây... thậm chí quên hẳn những thành tựu lý luận của Liên Xô trước đây. Phê bình còn chạy theo một số vụ việc, thiếu liên tục, năng lực phê phán cái sai, cái dở sắc sảo hơn việc phát hiện ra những nhân tố mới, giá trị mới...."

Đại hội Nhà Văn Việt Nam sợ bùng nổ vì "Chuyện Kể Năm 2000"

Chưa bao giờ một cuốn sách bị tịch thâu lại ám ảnh cuộc họp của các nhà văn như cuốn "Chuyện Kể Năm 2000" của Bùi Ngọc Tấn đang đe dọa gây tranh cãi tại Đại hội Hội Nhà Văn Việt Nam, khai mạc ngày 17 tháng Tư ở Hà Nội.

Vừa bước chân vào phòng họp, nhà văn Bùi Ngọc Tấn đã được nhiều bạn bè đến chào đón và bắt tay nồng nhiệt. Thái độ can đảm của ông khi bước chân tới hội nghị này giống như vào hang cọp đã truyền sang các nhà văn khác khiến họ bất chấp các lời đe dọa của Công An, tới vây quanh ông để bày tỏ lòng ngưỡng mộ. Cuốn tiểu thuyết *"Chuyện Kể Năm 2000"* của Bùi Ngọc Tấn được Nhà Xuất Bản Thanh Niên in 1,500 cuốn tại Sài Gòn vào tháng Hai năm 2000, và bị Bộ Thông Tin Văn Hóa ra lệnh tịch thu để tiêu hủy ngay vì nội dung phô bày chính sách độc tài tàn bạo của đảng Cộng Sản không những đối

với văn nghệ mà còn trùm lên tất cả đời sống ở trong nhà tù cải tạo và ngoài xã hội từ thập niên 1960-70.

Nhiều nhà văn Việt Nam tin rằng tiếng nói phản kháng của họ trong một Đại hội của Hội Nhà văn có thể gây tiếng vang đánh thức người dân ngoài phố. Tuy nhiên các nhà văn đảng viên Cộng sản đã được họp bí mật trong ngày Chủ nhật 16-4 để phân chia công tác đối phó với các ý kiến phản đối Đảng, nếu cần thì đàn áp mạnh tay.

Đảng Cộng Sản không muốn Đại hội này đổ vỡ vì họ đang tưng bừng làm lễ kỷ niệm ngày chiếm miền Nam, 30-4-1975.

Tìm được nhiều hiện vật cổ dưới Đền Hùng

Viện Khảo cổ học Việt Nam và Ban Quản lý Đền Hùng đã xúc tiến khai quật một số địa điểm chung quanh khu vực đền Thượng, đền Trung và đền Hạ nhằm tìm kiếm dấu tích kiến trúc sớm nhất ở Đền Hùng. Trên diện tích 49m2, đã phát giác được nhiều di vật: gạch ngói, tường tháp, phù điêu và bát đĩa thuộc nhiều thời đại.

Tại đền Thượng, tìm thấy các phế tích tòa sen, máng tháp hình ống và tại đền Hạ, đền Trung, có nhiều mảnh ngói tháp, ngói mũi hài, đĩa tráng men và các mảnh tường trang trí hoa chanh bốn cánh, các phù điêu trên nóc mái, tượng rồng thân tròn uốn khúc không có vảy.

Đợt khai quật tiếp ở phía sau chùa Thiên Quang, tìm được một số chân cột trụ và nền móng làm bằng đá ong.

Sau đó, lại phát giác các mảnh bát, đĩa có niên đại từ thế kỷ 14-15 đến 17; một lớp dày gạch ngói bị đổ nát còn xếp thành từng lớp của kiến trúc cũ, phía dưới là một kết cấu kiến trúc được xây dựng vào thời Nguyễn.

Thực phẩm tại VN vẫn được ướp bằng hóa chất độc

HÀ NỘI.- Cho dù cơ quan y tế của nhà nước có làm các cuộc thanh tra, tình trạng ướp các loại hóa chất độc hại vào các loại thực phẩm vẫn tồn tại tại Việt Nam, theo tin của tờ Thanh Niên trong ngày 19-4-2000.

Tờ Thanh Niên kể câu chuyện của gia đình bà Phạm thị Ng. cư ngụ tại làng Thịnh Quang (Đống Đa, Hà Nội) sau bữa cơm chiều với món cá biển đông lạnh đã phải đi cấp cứu tại bệnh viện Bạch Mai. Cuộc xét nghiệm cho biết món cá mà gia đình nhà bà ăn được "ướp bằng phân đạm" hóa học.

Gần đây, cơ quan y tế địa phương báo động tình trạng ướp cá bằng *phân đạm* cũng như thịt quay được tẩm *véc ni* cho bắt mắt. Hồi đầu năm, cả nước đã rúng động vì bánh phở cũng như nhiều thức ăn sản xuất từ bột gạo, bột mì đã được trộn thêm phóc-môn để giữ cho được lâu và khi ăn vừa dai vừa dòn.

Cơ quan y tế CSVN cho biết những tháng gần đây khi thanh tra 24,618 cơ sở chế biến thực phẩm, đã có 1,900 tiệm đã bị cảnh cáo và phạt tiền, 46 tiệm bị phạt tạm ngưng sản xuất và hai tiệm bị buộc phải đóng cửa. Cơ quan y tế cũng đã bắt đổ bỏ rượu bia (Yên Bái), mứt, kẹo (Thanh Hóa). Nhiều nơi, các tiệm hay sạp bán hàng rất mất vệ sinh. Ngoài ra tờ báo Thanh Niên dựa vào nguồn tin y tế nói rằng các cơ sở chăn nuôi đã cho gà vịt, gia súc ăn thêm các loại trụ sinh, các chất kích thích cho mau lớn, không tốt cho người tiêu thụ.

CSVN đẩy Thanh Niên Xung Phong làm đường Hồ Chí Minh

Thiếu tiền và không xin được tiền viện trợ hay vay được tiền từ các các tổ chức tài trợ quốc tế, nhà cầm quyền Hà Nội sắp đẩy hàng ngàn thanh niên nam nữ thuộc các tổ chức "Thanh Niên Xung Phong" để làm đường xuyên Việt tây Trường Sơn được lấy tên là trục lộ Hồ Chí Minh, hầu tiết kiệm ngân khoản.

Trước đây, Hà Nội có ý định bắt những người trong hạn tuổi "nghĩa vụ lao động" phải đi làm hay đóng tiền thế thân, nhưng đã bị dư luận trong và ngoài nước chỉ trích dữ dội nên đã phải bỏ.

Theo tin của tờ SGGP trong ngày 19-4, 4 tổng đội Thanh Niên Xung Phong (TNXP) được giao cho nhiệm vụ làm đoạn đường từ thị trấn huyện Hiên đến Thanh Mỹ thuộc tỉnh Quảng Nam. Đoạn đường này dài 51 cây số được coi như khúc đường hiểm trở và khó khăn nhất trong toàn bộ tuyến đường dài hơn một ngàn cây số.

Báo SGGP nói 1,000 TNXP thuộc thành phố Sài Gòn sẽ làm lễ xuất quân ngày 24-4 tới đây. TNXP là những người trẻ tuổi trong hạn tuổi phải đi lính nếu tình nguyện vào tổ chức này sẽ được hoãn dịch, được nuôi cơm ăn với giá biểu tượng trưng bằng ngân khoản thâu từ tiền nghĩa vụ lao động của người dân. Thông thường các gia đình của những người trẻ tuổi trong tổ chức TNXP phải trợ cấp tiền bạc giúp con em mình.

Ngày 5 tháng Tư vừa qua, Phan Văn Khải đã làm lễ

khởi công xúc tiến việc xây cất con đường HCM, biến con đường chiến lược để xâm lăng VNCH thành trục lộ xuyên Việt. Vì con đường đi qua các vùng rừng núi hoang vu chỉ có một ít sắc dân thiểu số cư ngụ, các chuyên viên quốc tế nói rằng con đường này ít có giá trị kinh tế nên CSVN đã không vay được tiền.

Con đường HCM đã bị B-52 và các loại oanh tạc cơ Hoa Kỳ bỏ bom dữ dội trong thời gian chiến tranh Việt Nam nên còn rất nhiều bom đạn nằm trong lòng đất. Có bốn đơn vị quân đội CSVN được giao trách nhiệm dò tìm và gỡ những quả bom đạn còn sót lại.

Thụy Sĩ dạy CSVN cách chống tham nhũng

Một cuộc hội thảo được đặt tên là "Hội thảo khoa học về chống tham nhũng" đã được tổ chức ở Hà Nội ngày thứ ba 18-4 vừa qua để các quan chức của đảng học cách chống tham nhũng từ các chuyên viên Thụy Sĩ.

Tờ Nhân Dân, cơ quan tuyên truyền chính thức của Đảng loan tin trên và nói rằng các chuyên gia kinh nghiệm của Thụy Sĩ đã trình bày với các chức việc đảng viên CSVN "những phát triển gần đây và kinh nghiệm, các biện pháp chống tham nhũng của các nước, các tổ chức quốc tế."

Tờ báo nói các chuyên viên Thụy Sĩ thông báo những sáng kiến đã được đưa ra để các nước xem xét tiến đến hòa nhập các chính sách chống tham nhũng trong khu vực hoặc quốc tế, cũng như việc kiểm soát các biện pháp của quốc tế thông qua biện pháp trừng phạt hành chính, kinh tế, hình sự đối với hành vi tham nhũng.

Báo Nhân Dân nói rằng dựa trên những kinh nghiệm này cũng như những tình huống nghiên cứu thực tiễn của Thụy Sĩ và của quốc tế, các chuyên viên Thụy Sĩ đã thảo luận với các chức việc CSVN các phương pháp chuyên môn, luật pháp và các biện pháp phòng ngừa, xử phạt trong công việc chống tham nhũng.

Hạ tuần tháng ba vừa qua, trong phúc trình mới nhất về nạn tham nhũng, cơ quan tham vấn về những rủi ro chính trị và kinh tế PERC (trụ sở đặt tại Singapore) đã xếp Việt Nam vào hàng thứ ba trong các nước Á Châu có nạn tham nhũng tệ hại nhất. Chỉ có hai nước Indonesia và Ấn Độ có nạn tham nhũng nhiều hơn Việt Nam chút ít.

Dựa trên bảng nặng nhẹ từ 0 đến 10, Nam Dương đứng đầu bảng ở mức 9.88. Chiếm hạng nhì là Ấn Độ ở mức 9.50, còn Việt Nam ở mức 9.20 bên trên cả Thái Lan, Đài Loan, Nam Hàn rất nhiều.

Giới đầu tư ngoại quốc bỏ chạy. Hà Nội lo sửa luật để gỡ bí

Tổng số vốn đầu tư ngoại quốc trực tiếp vào Việt Nam ngày một sụt giảm thảm hại, nhà cầm quyền Hà Nội đang lo soạn thảo một luật đầu tư nước ngoài mới để đem biểu quyết vào kỳ họp của quốc hội CSVN diễn ra ngày 5-5-2000 sắp tới.

Gặp nhiều bất lợi khi bỏ vốn đầu tư tại Việt Nam, phần lớn các nhà đầu tư ngoại quốc đã bỏ chạy sang các nước khác trong khu vực. Nhiều đại công ty của Nhật, Mỹ, Anh và các quốc gia khác đã ra đi sau một thời gian dò dẫm. Điều này được nhìn thấy rõ rệt qua các con số thống kê mới được Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư CSVN công bố hồi đầu tuần.

Đãi được nghe khuyến cáo từ nhiều phía nhưng CSVN vẫn viện cớ này nọ để trì hoãn các cuộc cải cách cần thiết và mạnh bạo, cuối cùng giới đầu tư ngoại quốc đã bỏ chạy. Các tin tức loan tải trong năm ngoái cho thấy hầu hết các công ty ngoại quốc tại Việt Nam đều lỗ vốn. Chi phí đầu tư cao, thuế nặng, nạn tham nhũng cửa quyền, luật lệ tròng tréo rắc rối... đủ mọi thứ để làm nản lòng.

Mỗi một đợt đưa ra các điều luật hay nghị định nói rằng cải cách, ngay báo chí trong nước cũng phải kêu lên đó là những văn bản chắp vá và có nhiều lỗ hổng.

Trong những ngày qua, các dân biểu đơn vị Sài Gòn đã tổ chức thảo luận với nhiều giới chức khác nhau trong các ngành "để lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo sửa đổi Luật Đầu Tư nước ngoài trình quốc hội." Trong đó, nhà cầm quyền Hà Nội phải nhượng bộ hầu hy vọng giới đầu tư ngoại quốc nghĩ lại bằng cách "đa dạng hóa các hình thức đầu tư, giảm nhẹ thủ tục, giảm thuế chuyển lợi tức ra nước ngoài..." bên cạnh những điều khoản giải quyết các tranh chấp luật lệ, bất đồng ý kiến tại một quốc gia thứ ba.

Biểu tình trước hội trường Ba Đình

Chừng 30 người, gồm nông dân, nhà sư và người tàn tật, hôm Thứ Ba 19 tháng Tư đã lại kéo đến biểu tình phản đối đòi dân chủ trước cửa hội trường Ba Đình, cơ sở trung ương của đảng CSVN, để tiếp tục phản đối sang ngày thứ nhì.

Ngày hôm trước cũng đã

có biểu tình tại đây khi 170 ủy viên trung ương đảng CSVN đang tham dự phiên họp kéo dài 10 ngày ở công trường Ba Đình.

Những người này từ tỉnh Đồng Tháp đã dương cao các biểu ngữ và hô các khẩu hiệu đả đảo thành phần tham nhũng tại địa phương. Hôm trước họ đã đưa biểu ngữ tố cáo không có dân chủ tại tỉnh Đồng Tháp.

Công an đã cô lập đám biểu tình này và không cho ai đến gần nói chuyện với họ. Đám biểu tình sau đó đã kéo khỏi khu vực trước cửa hội trường và ngồi xuống vệ đường gần đó.

Theo ông Trần Quốc Vượng, một sử gia và giáo sư dậy tại đại học Hà Nội, thì các viên chức chính quyền địa phương tại các tỉnh xa xôi ở Việt Nam ngày càng có thái độ hống hách như "các quan lại thời phong kiến."

Giáo sư Vượng nói rằng chính quyền trung ương CSVN vẫn chưa đủ mạnh và không biết hoặc không có khả năng giải quyết tình trạng quan liêu hống hách của chính quyền địa phương tại một số nơi xa xôi.

Các nhà ngoại giao tại Hà Nội cho biết thành phần lãnh đạo CSVN ngày càng nhận rõ ra tình trạng này và đã có các biện pháp nhanh chóng để giải quyết trước khi tình hình trở nên suy đồi hơn, đe dọa đến sự lãnh đạo của đảng đối với dân chúng trong nước. Đảng CSVN đã rầm rộ công bố chiến dịch "kiểm thảo, tự kiểm thảo" kéo dài hai năm trong hàng ngũ đảng viên để sửa sai và cũng để xoa dịu sự căm phẫn của quần chúng.

Tuy nhiên, các chỉ dấu mới nhất cho thấy chiến dịch này chẳng đi đến đâu và chỉ được thi hành cho có lệ — một điều được chính các tờ báo nhà nước đề cập đến.

Sợ bị phá, CSVN dời diễn hành kỷ niệm 30/4 vào sân đình Độc Lập

Nhà cầm quyền CSVN, lấy lý do không đảm bảo được an ninh và vì chi phí cao, hôm Thứ Hai 17 tháng Tư đã thông báo rằng cuộc diễn hành họ dự định tổ chức để kỷ niệm ngày 30 tháng Tư sẽ phải dời vào trong sân đình Độc Lập (nay gọi là đình Thống Nhất).

Hồi tháng qua, chính phủ Mỹ đã khuyến cáo các kiều dân Mỹ phải cẩn thận trong thời gian trước và trong ngày 30 tháng Tư vì có thể sẽ có các cuộc tấn công nhắm vào người ngoại quốc. Tòa đại sứ Nhật ở Hà Nội cũng đã khuyến cáo kiều dân của họ phải cẩn thận.

Viên chức nhà nước CSVN tại Sài Gòn cũng cho hay rằng chỉ có những người được mời mới vào bên trong sân đình Độc Lập còn những người khác thì phải đứng ngoài nhìn vào.

Viên chức trên giải thích rằng lễ kỷ niệm 25 năm của thành phố nhân dịp 30 tháng Tư sẽ nhỏ hơn so với các năm trước nhưng "sẽ có ý nghĩa hơn." Ngoài lý do an ninh, như sợ thành phần trẻ sẽ gây bạo loạn (như sau những trận đấu túc cầu thời gian gần đây), còn có lý do chính quyền lo ngại tổ chức diễn hành rầm rộ mà dân chúng không đến tham dự thì sẽ mất mặt nhà nước nên cứ kéo vào một góc sân diễn hành là đảm bảo mọi mặt.

CSVN bị tố đàn áp đạo Tin Lành

Bản tường trình của một tổ chức tôn giáo ngoại quốc mới được công bố cho hay tình trạng của tín đồ Tin Lành tại Việt Nam hiện vẫn còn rất khó khăn vì thường xuyên bị theo dõi, bắt bớ, đánh đập nếu không chịu bỏ đạo.

Theo bản tường trình của tổ chức World Evangelical Fellowship (WEF) thì việc đàn áp các tín đồ Tin Lành gốc người thiểu số tại Việt Nam đặc biệt trầm trọng. WEF, với trụ sở đặt tại Singapore, đã bắt đầu lưu tâm đến tình hình tín ngưỡng tại Việt Nam trong những năm gần đây và các tin tức do họ đưa ra thường được coi là xác thực. Theo bản tường trình của WEF thì có khoảng 800,000 người theo đạo Tin Lành trong tổng số 79 triệu dân Việt Nam với 3/4 là người thuộc các sắc dân thiểu số. WEF cho hay việc chính quyền CSVN cấm đoán sự hoạt động của các tôn giáo đã bắt nguồn từ việc lo sợ ảnh hưởng của các nhà thờ và vai trò của họ trong sự xụp đổ của các chế độ cộng sản tại Đông Âu thời gian qua.

Bản báo cáo cho biết dân thiểu số người Hmong ở miền Bắc Việt Nam là những người đang bị đàn áp mạnh nhất. Tại nhiều nơi, nhà cầm quyền địa phương đã bắt những người theo đạo phải uống máu thú vật bị tế thần để buộc họ trở lại với lối sống của họ khi trước.

Tại miền Trung Việt Nam, những người theo đạo Tin Lành đã không được hưởng bất cứ sự trợ giúp nào của nhà nước sau hai trận lũ lụt khủng khiếp hồi cuối năm qua. Tín đồ Tin Lành lại còn làm cho CSVN giận dữ hơn khi không chịu gia nhập "Mặt Trận Tổ Quốc," một tổ chức của chính quyền CSVN nhằm kiểm soát mọi hoạt động của dân chúng.●

NHÂN NGÀY 30 THÁNG TƯ

NGUYÊN ỦY CUỘC CHIẾN TRANH VIỆT NAM

NGÔ NHÂN DỤNG

Ngày 30 Tháng Tư năm 1975 kết thúc một cuộc chiến tranh. Sau này con cháu chúng ta sẽ hỏi rằng tại sao người Việt Nam thời đó lại giết nhau như vậy? Cũng như bây giờ chúng ta còn hỏi vì đâu có cuộc chiến tranh Trịnh Nguyễn tương tàn.

Có chiến tranh Nam Bắc vì nước ta bị chia đôi, ai cũng biết như thế. Nhưng ai đã chia đôi nước Việt Nam vào năm 1954? Vì các cường quốc trên thế giới thỏa thuận với nhau chia đôi nước Việt Nam. Tìm đến nguyên ủy thì biết rằng các cường quốc đã chia đôi các nước, trong đó có cả Triều Tiên và nước Đức, là vì thế giới đã chia làm hai khối tư bản và cộng sản. Ngày 9 tháng Hai năm 1946 Thống chế Stalin đã nói một câu làm chính quyền và báo chí ở Mỹ sửng sốt, ông nói rằng hai hệ thống tư bản và cộng sản không thể nào sống chung được, ông cho biết cuộc chiến tranh sắp tới là giữa hai khối tư bản và cộng sản. Báo *Time* trong tuần đó nhận xét rằng đây là một lời tuyên chiến.

Thế giới chia làm hai. Khi Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản giành được chính quyền ở Việt Nam thì thành tích hoạt động của ông trong Đệ tam Quốc tế đã được tình báo các nước biết cả rồi, không thể che được. Thực dân Pháp đã lợi dụng được điều đó để biến cuộc chiến tranh thuộc địa của họ thành cuộc chiến giữa hai ý thức hệ.

Năm 1954 nước ta bị chia đôi, Việt Nam chẳng may đứng vào giữa lằn ranh chia đôi thế giới. Nhưng nếu những người lãnh đạo nước Việt Nam cứ đứng yên không gây ra chiến tranh thì chắc nước ta cũng không bị chết mấy triệu người trong thời gian sau đó. Tháng Năm năm 1959 Trung ương Đảng Cộng Sản ra nghị quyết chiếu cố miền Nam thì những người dân miền Nam chưa ai bị đế quốc Mỹ nào đến bóc lột cả, Coca Cola hay thuốc lá Mỹ ở Sài Gòn thời đó còn ít hơn bây giờ. Chẳng có mấy công nhân đi làm cho hãng Mỹ hay Hàn Quốc để "bị bóc lột" như ngày nay. Cũng chẳng thấy các công ty Mỹ nào được mời mọc sang liên doanh như ngày nay. Nhưng Đảng vẫn đưa đoàn quân 559 vào Nam để chống đế quốc Mỹ, vì chống Mỹ là một mặt trận toàn thế giới.

Nhân ngày kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng, ông Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu nhắc lại chủ trương cơ bản chống Chủ nghĩa Đế quốc. Ông khoe: "...Đảng lãnh đạo nhân dân ta tiến hành hai cuộc kháng chiến chống đế quốc ròng rã 30 năm, đánh thắng các kẻ thù xâm lược và làm nhiệm vụ quốc tế cao cả..." Sách lược của Lênin là muốn tiêu diệt giai cấp tư bản thì phải đánh vào khâu yếu nhất của nó là ở các thuộc địa. Năm 1920 Hồ Chí Minh đã học được điều đó ở Pháp. Ông Lê Khả Phiêu ca tụng Hồ Chí Minh, nói: "Luận cương dân tộc và thuộc địa của Lênin như mặt trời chân lý đã đến với Người ... Người chỉ ra: cách mạng ở các nước thuộc địa có thể giành thắng lợi trước cách mạng ở chính quốc và tạo điều kiện cho cách mạng ở chính quốc phát triển." Câu này nhắc lại cho mọi người khỏi quên, rằng Hồ Chí Minh muốn giúp giai cấp vô sản ở Âu

châu và thế giới làm cách mạng bằng cách "tạo điều kiện" từ nước Việt Nam, với xương máu của người Việt Nam cả hai miền Nam Bắc.

Nhưng điều đáng lo cho tương lai dân tộc là ông Lê Khả Phiêu vẫn còn nhấn mạnh rằng đến bây giờ "Mục đích của Chủ nghĩa Đế quốc vẫn nguyên như cũ." Nó vẫn tiếp tục đe dọa xóa bỏ các nước theo Chủ nghĩa Xã hội. Ông nêu ra những tội lỗi của kinh tế tư bản, như "..chủ nghĩa đế quốc thúc đẩy tự do hóa thương mại, dịch vụ, đầu tư toàn cầu, nước giầu càng giầu thêm, khoảng cách giữa nước giầu và nước nghèo, người giầu và người nghèo càng xa hơn." Những ý tưởng đó là nền tảng lý luận của chủ trương "chống Mỹ cứu nước." Đó là lý luận cơ bản khiến Đảng Cộng Sản Việt Nam thấy phải "chống Mỹ cứu nước," vì Mỹ là đầu tầu của cả khối tư bản. Bây giờ chúng ta phê phán lý thuyết Lênin để hiểu tại sao lý do để phát động cuộc chiến tranh chống đế quốc đó đã là sai lầm, nhưng cũng để biết phải từ bỏ lý thuyết đó thì mới đưa dân tộc hướng về tương lai được.

Chế độ tư bản làm các nước nghèo càng nghèo hơn?

Lênin lý luận rằng các nước tư bản phải đi chiếm thuộc địa để duy trì và tăng cường tình trạng bóc lột lao động ở trong xứ họ, trì hoãn ngày giai cấp tư bản bị giai cấp lao động lật đổ. Vậy có phải kinh tế tư bản chỉ phát triển được nhờ đi bóc lột các nước thuộc địa, với hậu quả làm cho dân thuộc địa nghèo hơn hay không?

Nay hãy nhìn vào những các nước kinh tế tư bản như Thụy Điển, Thụy Sĩ, và sau này có Canada sau năm 1867, Nhật Bản và Tây Đức sau Đại chiến Thứ hai, và các con rồng Á châu v.v.. Các nước tư bản cũ mới đó không có hoặc không hề khai thác thuộc địa nào cả, nhưng công nghiệp vẫn hưng thịnh, hệ thống tài chánh, sản xuất, phân phối theo lối tư bản vẫn phát triển, tiến lên hàng giầu có nhất thế giới. Vậy thì không cần phải chiếm lĩnh thuộc địa những nền kinh tế tư bản vẫn có thể phát triển mạnh mẽ.

Ngược lại, nếu nhìn mấy nước nghèo nhất thế giới hiện nay, như Nepal, Liberia, Afghanistan. Những nước này chưa bao giờ bị chiếm làm thuộc địa. Một trong những nước nghèo nhất ở Bắc Phi là Ethiopia, vương quốc đó, sau trở thành một nước theo Chủ nghĩa Xã hội, luôn luôn là một nước độc lập trừ sáu năm bị Ý chiếm đóng trước Đại chiến Thứ hai vì lý do chiến lược.

Ngược lại với mấy nước vừa kể, những cựu thuộc địa như Singapore, Mã Lai, Đài Loan và Nam Hàn (hai thuộc địa của Nhật) ngày nay đều là những nước tư bản phát triển mà họ không phải đi chiếm thuộc địa nào hết. So với Trung Quốc sau năm 1949 thì phải nói lý do lớn nhất khiến Hồng Kông tiến xa hơn về kinh tế chỉ vì ở đó có một guồng máy cai trị của thực dân, mà nó lại giúp cho kinh tế hữu hiệu hơn ở trong lục địa.

Những thí dụ kể trên cho thấy kinh tế tư bản có thể phát triển không cần đến thuộc địa, việc chiếm thuộc địa xảy ra vì trên thế giới vẫn có nước mạnh đi chiếm nước yếu dù nước mạnh theo bất cứ thể chế chính trị kinh tế nào. Trong khi chính các thuộc địa có thể phát triển nhờ liên hệ với kinh tế tư bản.

Người Hán đã chiếm miền Hoa Nam, có lúc chiếm cả Việt Nam cho đến thế kỷ thứ mười, người Việt Nam có lúc chiếm đóng Cam Bốt vào thế kỷ 19, tất cả đều có mục đích khai thác kinh tế; trong những thời kỳ đó chưa hề có kinh tế tư bản. Chuyện đó xẩy ra khắp thế giới và có từ lâu rồi. Các nước nghèo không phải vì bị chiếm làm thuộc địa mà nghèo, phải nói ngược lại, vì họ nghèo nên yếu, mới bị chiếm làm thuộc địa. Nhiều nước không thuộc địa mà vẫn cứ nghèo mãi. Ngược lại, các nước giầu không phải nhờ chiếm thuộc địa mới giầu, ngược lại, vì nhiều nước giầu có nên họ mới mạnh, mạnh rồi mới đi chiếm được thuộc địa. Mà cũng có nhiều nước giầu không hề đi chiếm thuộc địa vẫn giầu. Liên hệ nhân quả mà Lênin đưa ra không có chứng cớ nào, có khi phải đảo ngược mới đúng.

Luận điểm chính trong lý thuyết Lênin về Chủ nghĩa Đế quốc đã bị sự thật chứng tỏ là sai. Mà chiến tranh Việt Nam là một hậu quả của việc áp dụng lý thuyết đó ở nước ta.

Vì đâu có nước giàu, nước nghèo

Ai cũng biết thế giới này có nước nghèo, nước giàu. Và các nước nghèo phải chạy đuổi theo cho kịp các nước giàu một cách rất khó khăn. Hễ mình cố chạy thêm được ba bước thì các nước giàu có thể chạy bốn, năm bước trước mình rồi, khoảng cách lại xa thêm.

Nhưng nhận xét trên nếu đúng cũng không xác định một tương quan nhân quả. Không thể nói vì các nước tư bản họ giàu mà các nước

nghèo phải nghèo; hoặc vì thế mà khoảng cách giàu nghèo phải xa hơn. Thứ hai, ngay cả khi khoảng cách có xa hơn thì những người nghèo cũng như các nước nghèo vẫn khá giả hơn trước.

Rất dễ thuyết phục một nông dân rằng anh ta nghèo là vì thằng hàng xóm nó giàu. Anh tin, vì nó giản dị, dễ hiểu và hợp với tình tự của mình. Khi mình đói mà nhìn thấy người bên cạnh ăn nhiều, dễ tức giận nghĩ rằng chính vì họ giàu nên mình mới nghèo. Ý nghĩ đó dựa trên giả thiết đơn sơ là "nồi cơm chung" của xã hội chỉ có bấy nhiêu, có người ăn nhiều quá thì tất nhiên người khác phải đói. Trong toán học gọi đó là mô hình "zero sum game," trò chơi tổng số là zero. Vì anh ăn một đồng nên tôi thua một đồng, ăn bù thua, cộng một với trừ một thành số không. Karl Marx đã suy luận lối như vậy khi đưa ra lý thuyết về "sự cùng khổ tuyệt đối" của giai cấp lao động.

Người dân các nước nghèo phần lớn sống bằng nông nghiệp. Họ thấy đất đai có giới hạn, một số người có nhiều ruộng, nhiều lúa thì tất nhiên kẻ khác ít gạo ăn, như trong trò chơi ăn bù thua. Nhưng mô hình này không còn đúng khi loài người bước và thời kỳ kinh tế công nghiệp, nhất là trong thời kỳ kinh tế tin học bây giờ, khi trí não quan trọng hơn tài nguyên thiên nhiên. Kinh tế công nghiệp giống một cuộc chơi "tổng số là số dương" (positive sum game). Các bên tham dự cuộc chơi đều có thể thắng, nếu đừng ngu quá. Mà chúng ta không thể giả thiết rằng một dân tộc hay một lớp người nào đó là ngu và ngu mãi mãi! Tham dự vào cuộc chơi kinh tế toàn cầu trong đó có các nước tư bản đi trước mình hàng thế kỷ, chậm chân như Đài Loan thì cũng trước 30 năm, thì phải chấp nhận mình cần chạy nhanh lên. Đừng có chưa chạy đã than tại sao nó chạy trước mà lại chạy nhanh hơn mình nhiều quá.

Hệ thống kinh tế tự do khiến các nước tư bản chạy mỗi ngày một nhanh hơn, không thể san bằng khoảng cách sớm được. Trong thế kỷ 19, lợi tức tính từng người ở Anh và Mỹ mỗi năm tăng từ 1% đến 1.5%. Sang thế kỷ 20, trong lúc dân số ngày càng đông hơn thì sức sản xuất lại chạy nhanh hơn nữa khiến lợi tức theo đầu người tăng gần 2% một năm. (Với nhịp tăng trưởng đó, trong 100 năm lợi tức mỗi người tăng gấp bảy lần.) Từ 1870 đến 1913 lợi tức bình quân ở Mỹ tăng gấp đôi, từ 1913 đến 1995 lại tăng gấp năm, nghĩa là tổng cộng đã tăng gấp mười lần. Chạy sau thì bao giờ đuổi kịp?

Hãy nhìn các nước tư bản nhỏ ở Á Đông như Đại Hàn, Đài Loan, hoặc một nước cộng sản tự cải cách theo kinh tế thị trường từ năm 1979, như Trung Quốc. Những năm đầu tiên khi bắt đầu thay đổi, tỷ lệ tăng trưởng của các nước này cao dần dần, Tổng Sản Lượng Quốc Nội (GDP) tăng thêm 6%, rồi lên 8%, có lúc lúc tăng lên 12, 14%. Trong khi đó ở các nước đã giàu sẵn như Đức, Mỹ, tỷ lệ gia tăng chỉ khoảng 2%, lên đến 4% là đã ngạc nhiên và lo lạm phát rồi. Cũng giống như các em bé thì lớn lên nhanh, người trưởng thành lên cân chậm chạp, thấy lên cân lại lo lắng!

Nhưng nếu kinh tế một xứ nghèo tiếp tục tăng với tốc độ cao hơn thì lợi tức đầu người ở Đài Loan có ngày sẽ bằng ở Mỹ. Không cần giỏi toán lắm cũng thấy rằng nếu một người chạy sau người khác nhưng mỗi bước cứ nhanh thêm 6%, còn người kia chỉ tăng thêm 3%, người chạy sau sẽ có ngày đuổi kịp người đi trước. Vấn đề chính là có chịu chạy và cố chạy nhanh hơn không? Nói cách khác, có lựa chọn chính sách kinh tế đúng, giúp kinh tế tăng trưởng hay không. Không nước nào giống như nước Việt Nam. Sau khi cởi trói kinh tế thì mức tăng trưởng vọt lên 8% một năm, sau mấy năm cứ giảm dần, những năm 1998, 99 chỉ còn 4%. Năm ngoái kinh tế Đại Hàn tăng hơn 10%, cao như thời 1960-70. Tất cả tùy vào cơ cấu nền kinh tế.

Nếu không chấp nhận mở cửa và hội nhập thì phải tự hỏi rằng khi mình bác bỏ hệ thống kinh tế gọi là "kinh tế tư bản," thì có giải pháp nào khác để một nước nghèo có thể phát triển, thu ngắn khoảng cách giàu nghèo hay không? Chỉ lớn tiếng chỉ trích kinh tế tự do, rồi than chênh lệch giàu nghèo, mà không nêu được một giải pháp nào khác thay thế, đó là tự dối mình, dối người.

Kinh tế tư bản tới các nước nghèo

Bây giờ chúng ta nhìn lại lịch sử những nước thuộc thế giới thứ ba trong các thập niên 1960, 70 là thời gian có chiến tranh Việt Nam. Trước hết hãy coi trường hợp những nước nghèo không cộng sản nhưng chủ trương chống khối tư bản, sau đó sẽ kể đến những nước du nhập hệ thống kinh tế tư bản vào nước họ.

Chính sách chủ yếu của những nước như Ấn Độ, Miến Điện (Myanmar) ở Á châu, Ai

cập ở miền Trung Đông, và nhiều nước ở Châu Mỹ La tinh là muốn phát triển bằng kế hoạch, do bộ máy hành chánh điều khiển chứ không để cho thị trường nẩy nở tự do. Họ chủ trương công nghiệp hóa nền kinh tế mà không cần các nước tư bản giúp đỡ về kỹ thuật. Họ lập hàng rào thuế quan ngăn chặn hàng nhập cảng từ các nước tư bản. Họ không nhận vốn đầu tư từ các nước tư bản đem vào.

Những chính sách đó đã thất bại. Hệ thống kinh tế đó vừa kém hiệu năng, vừa tạo cơ hội cho tham nhũng và bất công xã hội. Chủ trương đó bảo vệ những xí nghiệp yếu kém, không bị hàng ngoại quốc cạnh tranh nên không thấy nhu cầu cải thiện.

Ở những nước đó, xã hội bị chi phối bởi một liên minh giữa giai cấp trung lưu thành thị với các địa chủ, họ kiểm soát nhà nước để bảo vệ quyền lợi. Tiêu biểu nhất là việc sử dụng ngân sách giáo dục. Đối với kinh tế một nước nghèo thì một đồng bạc đầu tư cho bậc tiểu học, cho nông thôn mang lại lợi ích cao gấp chục lần đầu tư vào đại học và cho thành phố. Ở các nước như Brazil phần lớn ngân sách giáo dục, 60%, 70% dành cho dân thành thị, cho các đại học, để cho con cháu giới trung lưu được hưởng, còn bậc tiểu học bị bỏ rơi. Con cái nông dân nhận được 10% đến 20% ngân sách giáo dục cả nước. Hiện tượng này cũng đang xảy ra ở Việt Nam, theo các nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới. Việt Nam hiện nay khác Brazil thời 1970-80 ở chỗ không có liên minh hai giai cấp địa chủ và trung lưu thành thị, mà chỉ có một đảng Cộng Sản kiểm soát nhà nước.

Nhà nước can thiệp vào kinh tế ở đâu cũng là đầu mối của nạn tham nhũng. Càng can thiệp thì càng cần nhiều luật lệ, nhiều bàn giấy và nhiều thứ giấy phép để moi tiền, xã hội chủ nghĩa hay tư bản quả đều vậy. Khi guồng máy kinh tế kém hiệu năng không phát triển được, con cháu lớp trung lưu thành thị ra trường không có việc làm, nhà nước lại mở thêm bàn giấy để tạo công việc cho đám trí thức thất nghiệp này. Hậu quả là tài nguyên chung của quốc gia, từ trí óc con người đến tiền bạc, được đưa vào những chỗ không sản xuất, mà chỉ lập hàng rào cản trở những người thực sự sản xuất. Kinh tế không phát triển mà còn đi xuống. Ở Việt Nam đang hô hào xóa bớt những "giấy phép con" vì biết cái tai hại của guồng máy nhà nước cản trở kinh tế. Nhưng từ 50 năm nay thì chủ trương của đảng Cộng Sản vẫn là dùng guồng máy nhà nước để làm kinh tế, không có chỗ cho sáng kiến của tư nhân.

Thất bại kinh tế của những nước nghèo và chống tư bản là do họ tự gây ra. Những nước cựu thuộc địa cũng vậy. Nếu họ nghèo khổ vì đế quốc bóc lột đúng như lời tuyên truyền của Đệ Tam Quốc tế, thì sau khi độc lập họ phải giầu mạnh hơn. Nhưng trái lại, nhiều nước độc lập rồi còn tụt hậu, và những khó khăn kinh tế lớn nhất không xẩy ra lúc mới độc lập, mà mười lăm, hai mươi năm sau đó mới xẩy ra. Các nước độc lập trong thập niên 1950 thì từ những năm 1970-80 thấy kinh tế tăng trưởng chậm hẳn so với các nước tư bản. Sự thất bại của họ là do chính sách sai lầm của giai cấp lãnh đạo bản xứ, đổ tội cho đế quốc, tư bản là trốn trách nhiệm.

Về Chủ nghĩa Thực dân mới

Khẩu hiệu "Chống Mỹ cứu nước" của Đảng Cộng Sản dựa trên lý thuyết thực dân mới. Lý thuyết đó nói thực dân mới không cần chiếm các nước nghèo mà chỉ cần dùng thị trường tự do mà khai thác thế yếu của các nước đó để bóc lột. Tư bản thế giới sẽ mua rẻ tài nguyên của các nước nghèo, rồi bán hàng đã chế hóa theo giá tương đối đắt hơn, vẫn bóc lột tinh vi. Năm 1976 ông Phạm Văn Đồng còn dọa các nước Á châu rằng nếu họ chưa theo Chủ nghĩa Xã hội thì chưa thể coi là độc lập. Vì sao? Vì chưa cộng sản hóa thì còn bị thực dân mới bóc lột. Hậu quả của câu nói đó là các nước Đông Nam Á nhìn Việt Nam như mối đe dọa lớn nhất đối với họ.

Nhưng có phải các nước nghèo dại dột giao thương với các nước tư bản thì chỉ có một con đường là chịu bóc lột hay không? Chưa nói đến các nước ở Á Đông đã thành rồng thành cọp, một cuộc nghiên cứu in năm 1992 của T. Killik ở Anh quốc về các nước Phi châu sau khi độc lập cho thấy lý luận đó đã sai sự thật. Kinh tế một nước suy yếu phần lớn vì họ phao phí tài nguyên, với các chính sách sai lầm, nhất là nạn tập trung quyền hành và lợi lộc vào trong tay giai cấp lãnh đạo.

Trong những thập niên 1960-70, các nước ở Phi châu thành công là Côte d'Ivoire hay Kenya đã gia tăng số tiền thu nhờ xuất cảng vì biết tôn trọng thị trường. Trong lúc đó chính phủ các nước Tanzania, Ghana thi hành những chính sách can thiệp vào kinh tế làm cho số sản xuất và xuất cảng đều giảm.

Thí dụ ở Ghana, một nông phẩm xuất khẩu chính là ca cao. Sau khi độc lập, chính phủ Ghana đặt ra một cơ quan độc quyền thu mua ca cao để xuất cảng, giống như các xí nghiệp quốc doanh thu mua lúa ở Việt Nam. Hậu quả là số thu nhập những nhà trồng ca cao ngày càng giảm, họ không được khích lệ để sản xuất nữa. Năm 1966 người trồng ca cao ở Ghana được trả 57% giá bán ra trên thị trường quốc tế, đến năm 1970 họ chỉ còn nhận được 36%, năm 1974 thành 27% và năm 1979 còn 15%. Ở Tanzania xuất cảng cà phê thì thập niên 1970 chính phủ thâu thuế đến 44%. Các chính sách đó làm nản lòng những người sản xuất. Chính phủ hai nước này lại cố giữ giá đồng tiền bản xứ quá cao, giúp cho giới nhà giầu mua được hàng nhập cảng rẻ hơn, nhưng làm cho hàng xuất cảng đắt hơn trên thị trường quốc tế, càng khó bán. Ngược lại, ở Côte d'Ivoire theo chính sách tôn trọng thị trường thì trong thập niên 1970 các nhà sản xuất ca cao gia tăng sản xuất vì giá ca cao họ bán tăng thêm 13% (sau khi trừ ảnh hưởng của lạm phát). Nhờ thu nhập cao hơn, các nhà sản xuất tái đầu tư cải thiện hiệu năng nghề nghiệp. Vậy ai bóc lột ai? Không phải các nước tư bản mà chính "nhà nước trong tay giai cấp thống trị" đã bóc lột dân họ nhiều hơn cả.

Bây giờ chúng ta đều biết câu chuyện của những "con rồng Á châu," không cần phải nhắc lại. Trong lúc Cộng Sản Việt Nam theo đuổi lý thuyết của Lênin chống đế quốc, đưa quân vào "giải phóng miền Nam" thì các nước Đài Loan, Đại Hàn không chống đế quốc mà còn theo tư bản, tiếp thu những kỹ thuật và phương pháp quản lý, họ mở cửa nhận vốn đầu tư, giao thương với các nước Tây phương. Họ đã bị đế quốc tư bản bóc lột ra sao không biết, chỉ biết rằng dân họ đã giầu có hơn. Và nhất là người ta sống tự do, sung sướng hơn. Họ còn biết lợi dụng ưu thế của những nước tư bản đi sau để chạy nhanh hơn các nước đi trước.

Kể từ khi bắt đầu kỹ nghệ hóa năm 1780, nước Anh cần 60 năm mới tăng lợi tức theo đầu người gấp đôi. Hoa Kỳ đi sau Anh khoảng 60 năm, cần 50 năm mới đạt được thành tích đó. Nhật Bản đi sau Anh một thế kỷ, dùng 34 năm; Brazil bắt đầu từ 1961, sau 18 năm tăng lợi tức bình quân gấp hai lần. Nam Hàn tăng gấp đôi lợi tức theo đầu người chỉ sau 11 năm, kể từ năm 1966.

Lúc đó đảng Cộng Sản Việt Nam đang phá hủy những cơ sở hạ tầng kinh tế ở miền Nam (hứa hẹn sẽ xây dựng lại gấp mười, gấp trăm lần sau khi chiến thắng.)

Bây giờ cả thế giới đang thực hiện kinh tế tư bản dưới kiểu mẫu này hay mô hình khác, ai khôn ngoan thì giầu mạnh, ai ngu dốt thì cứ đóng cửa bóc lột lẫn nhau.

Biện hộ cho chiến tranh là còn kéo dài chiến tranh

Nhưng tại sao ông Lê Khả Phiêu lại nhắm mắt trước các sự thật đó? Bởi vì ông cần phải biện minh cho cuộc chiến tranh mà đảng Cộng Sản đã gây ra từ năm 1959, chấm dứt ngày 30 Tháng Tư năm 1975. Năm nay Đảng Cộng Sản tổ chức rầm rộ kỷ niệm ngày 30 Tháng Tư, ông Võ Nguyên Giáp mới nhắc lại đó là một chiến thắng trong chống Chủ nghĩa Đế quốc. Chủ trương "chống Mỹ cứu nước" và "giải phóng miền Nam" dựa trên cơ bản lý thuyết Lênin. Nếu ông Lê Khả Phiêu không ca tụng Lênin nữa thì cuộc giác ngộ "ánh sáng Chủ nghĩa Marx Lênin" của Hồ Chí Minh hiện nguyên hình là một sai lầm tai hại nhất trong lịch sử dân tộc. Những sai lầm của các chúa Trịnh, Nguyễn, của Lê Chiêu Thống cũng không tai hại lâu dài và thâm sâu như vậy! Thời 1920, và ngay cả thời 1945 Hồ Chí Minh không biết những điều mà bây giờ chúng ta đã chứng nghiệm trước mắt. Con người thông minh, thủ đoạn đến mấy cũng có thể mắc những lầm lẫn cơ bản rất lớn. Chẳng may mà họ lại đóng vai lãnh đạo thì cả một dân tộc chịu hậu quả.

Nhiều người cộng sản vẫn còn nói đến công "giải phóng dân tộc" sau khi họ đưa nước ta xuống hàng nước nghèo nhất thế giới. Có dân tộc nào muốn được giải phóng như vậy hay không? Những đảng viên cộng sản ở trong nước cũng đang tự hỏi có đáng hy sinh ba bốn triệu người Việt Nam để đạt tới kết quả đó hay không!

Hai phần ba dân nước ta bây giờ không có mặt trong cuộc chiến tranh kết thúc năm 1975. Đối với những người dưới 30 tuổi thì câu hỏi chính là làm cách nào để phát triển kinh tế. Nhắm mắt lại, tiếp tục hô hào chống chủ nghĩa đế quốc và cố duy trì kinh tế quốc doanh là có tội với các thế hệ tương lai. Là bắt con cháu phải tiếp tục tham dự một cuộc chiến tranh đã quá dài và hoàn toàn vô ích, vì nguyên nhân chính yếu gây ra cuộc chiến đã sai lầm từ căn bản.●

NHÂN 30-4, NGHĨ VỀ DÂN CHỦ HÓA ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN MINH CẦN

Những người lãnh đạo cộng sản ở Hà Nội đang làm rùm beng nhân kỷ niệm 25 năm ngày 30/4. Bộ máy tuyên truyền của họ dốc toàn lực cố làm cho dân chúng Việt Nam nghĩ rằng: 30/4 là thắng lợi vĩ đại của dân tộc trong cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Thế nhưng, trải qua bao đau khổ trong chiến tranh cũng như kiểm nghiệm trong cuộc sống thực tế 25 năm dưới chế độ Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, người dân lại cảm nhận về ngày 30/4 khác xa quan điểm của kẻ cầm quyền.

Nhiều người Việt Nam nhận thức rằng cuộc chiến tranh vừa qua thực chất là cuộc chém giết nhau giữa những người anh em cùng một Mẹ Việt Nam trong cùng một nước chỉ vì ý thức hệ của các lực lượng quốc tế đối địch nhau - cộng sản và tư bản, độc tài và dân chủ. Người thắng trong cuộc chiến tranh đó thật ra chỉ là một nhóm nhỏ đang nắm toàn bộ quyền hành, thống trị nhân dân và hưởng nhiều quyền lợi nhất. Còn kẻ thua, chịu thiệt thòi hơn cả, chung quy lại chính là dân tộc Việt Nam, tức là người dân cả hai miền Bắc - Nam, ở cả hai phía, hai chế độ khác nhau trước đây. Nhiều triệu người đã ngã xuống trong chiến tranh ở cả hai chiến tuyến và chục triệu người khác mang thương tật suốt đời. Cái tổn thất lớn lao này phải là người trong cuộc, người chịu tang tóc, đau thương, mới cảm nhận hết toàn bộ tính chất khủng khiếp của nó. Thêm vào đó, hàng chục triệu gia đình ở cả hai miền tan nát trong lửa đạn. Để cuối cùng trong suốt 25 năm qua và cho đến bây giờ, đại đa số dân chúng Việt Nam, nhất là ở vùng nông thôn với 80% dân số, phải chịu cảnh thiếu thốn, nghèo đói, không có tự do dân chủ, bị bọn cường hào ác bá mới tha hồ áp bức, bóc lột, còn đất nước Việt Nam - rừng vàng biển bạc, trước đây nào có kém thua gì các nước cùng khu vực, như Thái Lan, Nam Hàn, v.v... - ngày nay đang bị liệt vào hàng những nước nghèo khổ nhất thế giới với thu nhập bình quân đầu người khoảng 300 đô la!

Còn nói về sự "giải phóng" miền Nam ư? Chắc chắn là đối với mấy chục vạn sĩ quan, binh lính, viên chức từng phục vụ dưới chế độ Việt Nam Cộng hòa, sau 30/4 bị giam cầm, đày đọa nhiều năm trong tù ngục, chữ "giải phóng" đó đồng nghĩa với "tước mất tự do." Điều đó thì dễ hiểu. Còn gia đình họ bị kỳ thị, bị o ép đủ đường, cố nhiên, không thể nào chấp nhận sự "giải phóng" được. Giới trí thức ở miền Nam phải chịu "cải tạo tư tưởng," không được tự do sáng tạo, xót xa thấy bao nhiêu sách báo và công trình nghiên cứu bị thiêu đốt trong ngọn lửa hận thù, bao nhiêu di tích văn hóa của cha ông bị tàn lụi bởi một đường lối tư tưởng - văn hóa mất gốc lấy chủ nghĩa Marx-Lenin ngoại lai làm căn bản, thấy đạo đức của "con người xã hội chủ nghĩa" bị suy đồi khủng khiếp, chắc khó mà chấp nhận sự "giải phóng" đó. Giới kinh doanh lớn nhỏ ở miền Nam buộc phải chịu bao cuộc "cải tạo xã hội chủ nghĩa" ác liệt, bị tước đoạt tài sản, mất quyền tự do kinh doanh hàng chục năm trời, đau lòng thấy cả một nền kinh tế vốn đang phồn vinh bị tàn phá, chắc không chấp nhận sự "giải phóng" đó. Ngay cả nông dân, ngư dân, diêm dân lao động miền Nam bị lùa vào các tổ chức "hợp tác xã," "tập đoàn," hàng chục năm trời không được tự do làm ăn, cũng khó mà chấp nhận sự "giải phóng" đó. Tín đồ các tôn giáo ở miền Nam, không còn được tự do hành đạo như trước, việc thờ phượng, tu tập bị ngăn cản, các giáo hội của họ bị xóa bỏ, cũng khó mà chấp nhận sự "giải phóng" đó. Hàng triệu người cả ở miền Nam lẫn miền Bắc liều chết bỏ nước đi tìm tự do cũng chỉ vì

muốn thoát khỏi sự "giải phóng" đó. Mà ngay cả những người "đã làm nên chiến thắng," những cựu chiến binh, cán bộ về hưu, trí thức, công nhân, nông dân cả ở miền Bắc lẫn miền Nam đã góp công của, xương máu cho "chiến thắng," thì than ôi, số đông cũng không cảm nhận được sự "giải phóng" đó. Người ta hoài nghi cái "thắng lợi" đó, khi thấy bản thân mình 25 năm trời vẫn sống khổ sở, lại bị mất tự do, không được hưởng mọi quyền dân chủ, quyền con người như đã từng được Đảng hứa hẹn. Không ít người cảm thấy chính mình đã bị đánh lừa, bị phản bội bởi "những thằng thẻ đỏ tim đen" (chữ của nhà thơ Bùi Minh Quốc) đang chễm chệ ngồi trên đầu trên cổ họ. Đấy, thái độ của người dân đối với ngày 30/4 đa dạng như vậy.

Vì thế có người đề nghị: lịch sử thì không thể làm lại, dù sao ngày 30/4 cũng đã xảy ra, nên tốt hơn hãy coi đó là ngày kết thúc chiến tranh để mà kỷ niệm vậy. Mới nghe tưởng có lý, nhưng thật ra thì không ổn! Vì giới cầm quyền từ sau 30/4 có chịu kết thúc chiến tranh đâu? Một phần tư thế kỷ qua, thế mà cuộc chiến tranh chống một bộ phận của nhân dân vẫn không ngừng diễn ra! Chưa phải dùng đến tàu bay, xe tăng, đại bác, nhưng súng đạn, bộ đội, công an, mật vụ thì vẫn ngày đêm thường xuyên được huy động và dùng đến để theo dõi, đàn áp, bắt bớ, khủng bố, giam cầm, hành hạ bất cứ những ai bất đồng chính kiến với kẻ cầm quyền, kể cả đối với những người có công đưa họ tới thắng lợi, tới quyền lực. Mà phần đông những người đó là những nhà dân chủ, chỉ có một ý nguyện duy nhất - dân chủ hóa đất nước để người dân được hưởng mọi quyền tự do, quyền công dân và quyền con người. Không thể phủ nhận sự thật đáng buồn là 25 năm qua, đó đây súng vẫn nổ, đầu vẫn rơi, máu vẫn đổ, và nhiều người chỉ vì đề đạt nguyện vọng dân chủ, đòi tự do tín ngưỡng, đòi ra báo, lập hội, đòi nhân quyền, đòi thực thi Hiến pháp mà bị tù tội, giam cầm, quản chế...

Đứng trên tinh thần dân chủ để nhận định thì có thể coi ngày 30/4 đánh dấu sự cáo chung những mầm mống dân chủ mong manh đã từng có trên một phần đất nước ta và sự thiết lập chế độ độc tài đảng trị trong phạm vi toàn quốc. Vì thế kỷ niệm 30/4 là dịp để mọi người nghĩ đến việc dân chủ hóa đất nước. Hiện nay, đó là vấn đề bức xúc nhất đối với toàn dân ta.

Phải nói rằng hồi những năm 30 - 40, khi thanh niên Việt Nam dấn thân vào cuộc tranh đấu cứu nước, giải phóng dân tộc, dù đứng ở trận tuyến nào - cộng sản hay không cộng sản - thì nhiệt huyết của họ đều được nung nấu bởi lòng yêu nước thương dân và khát vọng tự do dân chủ. Lòng yêu nước thương dân vốn là truyền thống lâu đời của dân tộc, còn khát vọng tự do dân chủ được dấy lên chủ yếu nhờ ảnh hưởngỳ nền văn hóa Âu Tây và tinh thần Cách mạng Pháp 1789. Những ai đã từng sống trong thời kỳ này đều thấy rõ như thế. Đối với lòng yêu nước thì trong một giai đoạn nào đấy, những người lãnh đạo cộng sản còn có thể chấp nhận được. Vì nó phù hợp với sách lược chung của họ là lợi dụng lá cờ yêu nước để tập hợp lực lượng dân tộc hùng mạnh mà giành chính quyền vào tay họ. Còn khát vọng tự do dân chủ thì những người lãnh đạo cộng sản không bao giờ chấp nhận khi họ đã giành được chính quyền rồi, vì nó trái với giáo điều cộng sản về chuyên chính vô sản, về độc quyền thống trị của đảng cộng sản, vì nó chống lại chế độ cực quyền đảng trị. Chính đây là tấn bi kịch lớn lao của những người dân chủ - không cộng sản cũng như cộng sản. Đối với những người đảng viên cộng sản có tinh thần dân chủ thì bi kịch đó càng đau đớn hơn, vì giờ đây để thực hiện khát vọng dân chủ họ buộc lòng phải đi ngược với ý muốn ban lãnh đạo đảng của họ.

Những người dân chủ đã từng sống trong chế độ cũ mà giờ đây dám biểu lộ khát vọng dân chủ và đòi hỏi tự do thì họ luôn luôn là đối tượng để lưỡi gươm chuyên chính của kẻ cầm quyền chém xuống đầu họ không thương tiếc. Mà ngay cả với những người trong hàng ngũ cộng sản hoặc người ngoài đảng phục vụ dưới lá cờ cộng sản mà dám có khát vọng tự do dân chủ thì lưỡi gươm chuyên chính đó cũng chẳng hề tha! Nhẹ nhất là người ta "đấu đá" tơi bời, bôi nhọ đủ điều, đuổi ra khỏi "biên chế," chụp cho những cái mũ "phản động," "phản cách mạng," chấm dứt "sinh mạng chính trị"; nặng hơn - theo dõi, cô lập, cắt đứt nguồn sống, không cho sáng tác hoặc có sáng tác cũng không cho xuất bản, bắt làm một tù nhân "dự khuyết" suốt đời; nặng hơn nữa - cho vào tù rục xác, có xét xử hoặc không xét xử, quản chế, hành hạ, đày đọa đủ cách, còn vợ con thì kỳ thị, bao vây, triệt mọi đường sinh sống, cốt để bẻ bẹp đến cùng ý chí cũng như khát vọng tự do dân chủ của những người dám có chính kiến bất đồng.

Cuốn sách vừa mới ra đã bị cấm, cuốn *Chuyện Kể Năm 2000* của nhà văn Bùi Ngọc Tấn, một trong những nạn nhân của cái gọi là "vụ án Xét lại - chống Đảng," đã từng bị đày đọa 5 năm trong ngục tù và bị đày xéo hàng chục năm sau khi ra tù, đã kể lại số phận bi thảm của nhiều người trí thức có tư tưởng tự do trong cái chế độ "xã hội chủ nghĩa" đạo đức giả Việt Nam, cũng đáng làm cho mỗi người suy ngẫm nhân ngày 30/4 này.

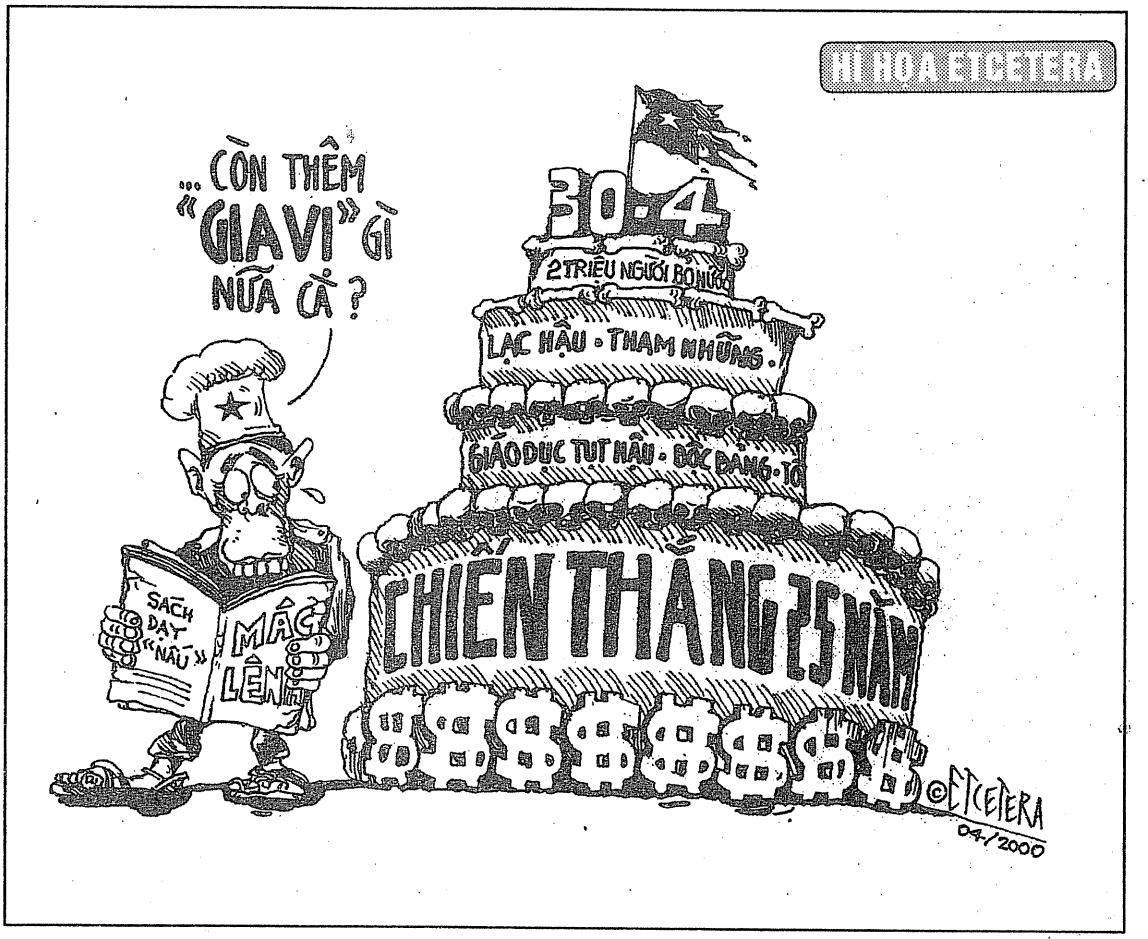

*

Sau 30/4/1975, Việt Nam có rất nhiều điều kiện thuận lợi cả về vật chất lẫn tinh thần để xây dựng đất nước giàu mạnh đem lại hạnh phúc cho toàn dân trong cả nước, NẾU... Cái chữ NẾU này cực kỳ quan trọng! Nếu ban lãnh đạo cộng sản không quá say sưa vì thắng lợi, không quá kiêu ngạo và tham lam mà có lòng thương nước thương dân hơn. Nếu họ không quá mê muội nhắm mắt tuân theo những giáo điều của chủ nghĩa Marx-Lenin.

Chiếm được cả một miền Nam giàu có, họ liền mù quáng áp dụng giáo điều của chủ nghĩa Marx-Lenin chuyển ngay sang làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chưa đầy bốn tháng sau ngày 30/4, hội nghị TƯ lần thứ 24 của ĐCSVN họp hồi tháng 8.1975, đã quyết định *"đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội"* (xem *"Lịch sử ĐCSVN,"* nxb Sự thật, 1985, tr. 239). Sau đó, nghị quyết "lịch sử" của đại hội 4 Đảng cộng sản Việt Nam họp hồi tháng 12.1976 cũng đã khẳng định đường lối đó, đồng thời nhấn mạnh: *"để đưa cách mạng xã hội chủ nghĩa đến toàn thắng, điều kiện quyết định trước tiên là phải thiết lập và không ngừng tăng cường chuyên chính vô sản"* (xem *"Nghị quyết Đại hội lần thứ 4 của ĐCSVN,"* nxb Sự thật, 1977, tr. 18). Những người lãnh đạo Việt Nam đã áp dụng nguyên xi mô hình xã hội "trại lính" mà Lenin, Stalin và Mao Trạch Đông đã dựng lên ở Liên Xô, Trung Quốc vào Việt Nam, do đó gây ra muôn vàn tai họa cho dân tộc và đẩy đất nước vào tình trạng bế tắc, bần cùng, thảm hại chưa từng thấy. Nhớ lại cuộc sống người dân hồi

những năm 80 và đầu những năm 90 chắc nhiều người còn sởn tóc gáy.

Để "xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước," nhóm lãnh đạo cộng sản đã vội vã thống nhất cả hai miền, bắt miền Nam phải theo mô hình "trại lính" của miền Bắc, hoàn toàn không đếm xỉa đến những nét đặc thù và lợi thế của miền Nam. Thêm vào đó, do đầu óc sùng bái đấu tranh giai cấp, sùng bái bạo lực và chuyên chế độc tài, họ đã mất hết truyền thống bao dung, độ lượng, đoàn kết, đùm bọc lẫn nhau mà dân tộc ta đã hun đúc được qua mấy ngàn năm lịch sử, nên họ đã làm biết bao hành động bạo ngược đối với sĩ quan, binh lính, viên chức đã phục vụ dưới chế độ cũ và gia đình họ, đối với trí thức, giới kinh doanh và các nhà tu hành lãnh đạo các tôn giáo, do đó làm tăng thêm hận thù và bất mãn trong xã hội. Chỉ riêng việc bắt hàng mấy trăm ngàn người đã phục vụ dưới chế độ cũ nhốt vào các trại tù khủng khiếp trong nhiều năm làm hàng ngàn người chết thảm đã để lại một vết thương nhức nhối sâu đậm trong tâm khảm dân tộc.

Thế nhưng, bất chấp khủng bố, một số trí thức dân chủ vốn sống dưới chế độ cũ đã dũng cảm lên tiếng phản kháng, họ thẳng thắn đề nghị nhà cầm quyền thực hiện quyền tự do bầu cử, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng... Đó là những Nguyễn Đan Quế với *Cao trào Nhân bản,* những Đoàn Viết Hoạt với *Diễn đàn Tự do,* những Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ với *Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất,* những Nguyễn Đình Huy với *Phong trào Thống nhất Dân tộc và Xây dựng Dân chủ.* Nhà cầm quyền đã thẳng tay đàn áp họ.

Sự phản kháng cũng bùng lên ngay trong hàng ngũ những người cộng sản có lương tâm cũng như những trí thức dân chủ đã từng chiến đấu dưới lá cờ cộng sản - những người có lòng yêu nước nồng nàng và khát vọng tự do dân chủ mãnh liệt. Đó là tiếng nói dũng mãnh của những nhà cách mạng lão thành Hoàng Minh Chính, Nguyễn Văn Trấn, Lê Giản, La Văn Lâm, v.v... của những nhà trí thức Nguyễn Khắc Viện, Phan Đình Diệu, Lữ Phương, Linh mục Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, v.v...

"Câu lạc bộ những người kháng chiến cũ" đứng đầu bởi nhà cách mạng lão thành Nguyễn Hộ, trên 50 năm tuổi đảng, thu hút đông đảo trí thức, cán bộ, đảng viên, sĩ quan các cấp, cựu chiến binh, đã tích cực vận động cho con đường dân chủ hóa đất nước. Đây là một hiện tượng chưa từng thấy dưới chế độ "xã hội chủ nghĩa": lần đầu tiên xuất hiện một tổ chức có tính chất dân chủ rõ rệt. Vì thế ban lãnh đạo cộng sản ngay lập tức tìm mọi cách đánh phá, thậm chí họ đã muối mặt bắt giam những người đứng đầu, như Nguyễn Hộ, Tạ Bá Tòng, Hồ Hiếu, Đỗ Trung Hiếu, v.v...

Các văn nghệ sĩ, các nhà báo, trí thức dân chủ trong nước đã nhân cơ hội đảng cầm quyền tuyên bố "cởi trói" (1987) để cố thoát khỏi sự kềm kẹp của đảng và dấy lên một cao trào sáng tác mạnh mẽ mang nhiều tính hiện thực phê phán, chĩa mũi nhọn vào giai cấp bóc lột mới - bọn cầm quyền, bọn cường hào mới - để bênh vực dân chúng lao động bị áp bức, nhất là nông dân. Thời gian này đã ghi dấu nhiều tên tuổi trong giới văn nghệ sĩ, nhà báo, như Nguyên Ngọc, Dương Thu Hương, Phùng Gia Lộc, Nguyễn Huy Thiệp, Lưu Quang Vũ, Nguyễn Duy và rất nhiều người khác. Đảng cầm quyền hoảng sợ, vội vã "trói" các văn nghệ sĩ, các nhà báo lại, đóng cửa các tạp chí cấp tiến, như *Langbian, Sông Hương...,* cách chức một loạt tổng biên tập các báo, thậm chí trắng trợn bắt giam nhà văn Dương Thu Hương gây ra sự phản đối rầm rộ trên thế giới.

Bùi Minh Quốc, Tiêu Dao Bảo Cự cùng nhiều nhà văn đã tổ chức một chuyến đi để cổ xúy cho tinh thần tự do sáng tác. Họ bị trấn áp tức thì. Nhà văn Phùng Quán, nhà thơ Hữu Loan, hai nạn nhân đã từng bị "đánh" nặng nề trong vụ Nhân Văn - Giai Phẩm hồi những năm 50 - 60, cũng hăng hái lao vào cuộc đấu tranh. Nhà khoa học Hà Sỹ Phu (Nguyễn Xuân Tụ) đã công bố những luận văn phê phán chủ nghĩa Marx. Đây là lần đầu tiên dưới chế độ "xã hội chủ nghĩa" Việt Nam đã có người dám đụng đến gốc rễ chủ nghĩa Marx. Nhà cách mạng lão thành Nguyễn Trấn cho ra cuốn *"Viết Cho Mẹ Và Quốc Hội"* với đòi hỏi tự do ngôn luận, tự do báo chí "như dưới thời Pháp thuộc." Tờ báo chui *"Người Sài Gòn"* hơn một năm trời vạch trần sự thối nát của giới cầm quyền. Đảng cầm quyền hốt hoảng lại ra tay đàn áp. Họ đã bịa ra những điều buộc tội vớ vẩn để bày trò xử án Hòa thượng Thích Quảng Độ (người đã dám viết thư cho Tổng bí thư Đỗ Mười công khai phê phán những sai lầm của ĐCSVN) cùng nhiều tăng sĩ Phật tử, xử án các nhà dân chủ Hoàng Minh Chính, Đỗ Trung Hiếu, Nguyễn Đình Huy, Lê Hồng Hà,

Hà Sỹ Phu, Nguyễn Kiến Giang, dùng Nghị định 31/CP để quản chế những người bất đồng chính kiến. Nhưng họ không thể dập tắt nổi cuộc đấu tranh cho tự do dân chủ và nhân quyền.

Từ giữa thập niên 90, trung tướng Trần Độ đã liên tiếp công bố những bài luận văn và kiến nghị có lý có tình, kêu gọi đảng "đổi mới" về chính trị nhằm dân chủ hóa đất nước, đồng thời đẩy mạnh "đổi mới" kinh tế sâu hơn. Ông bị đàn áp dữ dội, bị khai trừ khỏi đảng, bị bao vây, theo dõi ngặt nghèo. Nhà cách mạng lão thành Hoàng Hữu Nhân cũng đã đứng lên bênh vực các chiến sĩ dân chủ bị đàn áp. Một số đảng viên đã chất vấn Tổng bí thư Đỗ Mười về việc ông này đã nhận "phong bao" hàng triệu đô la của giới kinh doanh Nam Hàn. Rồi 11 cụ lão thành cách mạng đã viết Huyết tâm thư tố cáo Phạm Thế Duyệt, ủy viên thường trực Bộ chính trị và Đinh Hạnh, thường vụ thành ủy Hà Nội, về tội tham nhũng, còn kiến trúc sư Nguyễn Hoàng Phương thì phanh phui vụ "Thủy cung Thăng Long," vạch mặt phó Thủ tướng Ngô Xuân Lộc, phó chủ tịch Đinh Hạnh và lũ quan tham lại nhũng trong Đảng. Họ đã bị kẻ cầm quyền dày vò, hành hạ tàn tệ chỉ vì lòng cương trực. Dù bị khủng bố ác liệt cả một loạt nhà trí thức dân chủ vẫn tiếp tục lên tiếng mạnh mẽ đòi tự do và nhân quyền, đó là bác sĩ Nguyễn Đan Quế, tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang, Linh mục Chân Tín, giáo sư Nguyễn Ngọc Lan, nhà văn Hoàng Tiến, nhà sử học Phạm Quế Dương, nhà báo Vũ Huy Cương, Trần Dũng Tiến, cựu chiến binh Trần Bá, v.v... Các tu sĩ, tăng ni, linh mục, mục sư, các tín đồ Phật giáo, Công giáo, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Tin Lành... vẫn không ngừng đấu tranh đòi tự do tín ngưỡng, tự do hành đạo, đòi trả lại những cơ sở thờ phượng và văn hóa - giáo dục đã bị chính quyền tước đoạt.

Đặc biệt gây chấn động mạnh mẽ là cuộc nổi dậy của nông dân Thái Bình, bùng nổ hồi mùa hè năm 1997 và kéo dài suốt một năm. Được sự hướng dẫn khôn khéo của nhiều cựu chiến binh, cán bộ về hưu, bà con nông dân Thái Bình đã vùng lên một cách hòa bình đòi quyền sống, đòi chống những cán bộ đương quyền bóc lột, hà lạm và áp bức họ. Cuộc nổi dậy ở Thái Bình làm rung động cả hệ thống quyền lực của Đảng trong tỉnh. Dư âm cuộc nổi dậy đó còn âm ỉ mãi không phải chỉ trong tỉnh Thái Bình mà nhiều nơi khác nữa. Nhóm cầm quyền ở trung ương đã phải dùng mọi cách vừa ve vãn, lừa mị, vừa đàn áp thâm độc để tạm thời dẹp yên cuộc nổi dậy. Nhưng họ không thể triệt tiêu được những nguyên nhân sâu xa của nó - đó là sự áp bức, bóc lột, hà lạm, tham nhũng của giai cấp cầm quyền và chế độ độc tài, độc đoán, chuyên chế đang tồn tại. Cho nên không phải đã hết nguy cơ những cuộc nổi dậy mới ở Thái Bình và nhiều nơi khác.

Hiện nay, dù cuộc đấu tranh còn muôn vàn khó khăn do kẻ thù của tự do gây ra, nhưng những người dân chủ vẫn tin tưởng mạnh mẽ ở triển vọng tốt đẹp của cuộc cuộc vận động dân chủ hóa đất nước. Vì xu thế chung trên thế giới của thời đại hiện nay là toàn cầu hóa, tự do hóa và dân chủ hóa. Khó có một chế độ độc tài nào có thể cưỡng lại mãi cái xu thế đó được. Dù muốn hay không Việt Nam cũng phải hội nhập vào sinh hoạt chung của thế giới, và những người cầm quyền phải tự ràng buộc mình vào "luật chơi" chung. Đây là những điều kiện khách quan bên ngoài tạo nên áp lực rất mạnh bắt nhóm cầm quyền phải bấm bụng dần dần chấp nhận dân chủ hóa đất nước. Còn điều kiện chủ quan bên trong thì cuộc đấu tranh của Dân chủ chống Độc tài, của quần chúng lao động bị áp bức chống giai cấp cầm quyền, bọn cường hào ác bá mới bóc lột và tham nhũng, dù bị bao phen khủng bố nhưng vẫn không ngừng mở rộng và ngày càng có sức ép mạnh bắt kẻ cầm quyền phải lùi bước, tạo điều kiện chuyển hóa một cách hòa bình đất nước Việt Nam từ chế độ độc tài sang chế độ dân chủ.

Các nhà dân chủ Việt Nam quyết tâm đưa cuộc vận động dân chủ hóa đất nước đi theo con đường "tiến hóa" tự nhiên, xuôi chiều theo dòng chảy êm đềm của một con sông. Nhưng điều này không phải chỉ tùy thuộc ở ý nguyện của các nhà dân chủ, mà còn tùy thuộc ở thái độ của kẻ cầm quyền nữa. Nếu giai cấp cầm quyền biết thuận theo đòi hỏi dân chủ hóa của dân chúng (ý Dân), thuận theo xu thế chung, quy luật chung của thời đại (ý Trời) thì con đường "tiến hóa" sẽ đưa đất nước đến Dân chủ Tự do một cách êm ả, hợp lòng mong mỏi của toàn dân Việt Nam. Còn nếu vì quyền lợi ích kỷ mà họ ngoan cố chống lại ý Dân, ý Trời, cản lại dòng chảy bình thường của Lịch sử thì... tức nước vỡ bờ, họ sẽ không tránh khỏi bị dòng nước lũ nhận chìm và cuốn phăng ra biển cả.

10.04.2000

SOBER THOUGHTS ON APRIL 30

THE SOUTH VIETNAM LIBERATION FRONT AND HANOI MYTH AND REALITY

TÔN THẤT THIỆN

For the meeting organised by the Vietnamese Canadian Federation Ottawa, April 29, 2000

Dinstinguished Guests,
Ladies and gentlemen,
Dear Friends,

For 25 years now, every year, on April 30, the Vietnamese living in exile throughout the world have gathered together to remember a day which has been called differently by different people. Some call it "Day of National Humiliation," others call it "Day of National Resentment," or "Day of Loss of the Country." For all Vietnamese, April 30 is indeed a day of remembrance, an occasion for remembering what had happened to them and to their families. For some, however, it is not so much a an occasion to vent anger, resentment, or regret, though, inevitably, in some degree, they share these feelings with their compatriots, but it is rather an occasion to try to find real answers to some nagging big questions, among which one stands out: why are we here, in Canada, or the United States, or France, or Australia or wherever?

Asking the above question is asking: why have the communists won, and why have we lost and had to go into exile?

For full answers to the above question, we have to delve into the history of Vietnam, and go back at least one hundred years. And then, we shall have to examine all kinds of factors, internal and external, military, political, cultural, psychological, to mention just a few. We shall not have time for that in this brief meeting. What I propose to do is to focus on what I consider to be one of the most decisive factors: the extraordinary ease with which, over the years, and still today, people have been led, or rather misled, to believe in a number of myths about Vietnam. These people come from both inside and outside Vietnam; they include not only people with little education and little information, but also and especially those considered the best informed and the most alert of society: the intellectuals, the journalists, and the academics.

One of the myths, and the most decisive one, was: the National Liberation Front of South Vietnam (NLFSVN, or NLF, for short) was a distinct and regional organisation of South Vietnamese patriots fighting foreign invaders for an independent, democratic, and neutral South Vietnam. As all myths spread by the Vietnamese communist propagandists and their supporters, this myth is a lie. But it was believed by a very large number of people both inside and outside Vietnam. This was a major cause, and I would even say, the major cause, of the victory of the communists in 1975.

When I say that the myths spread by the Vietnamese communist propagandists and their supporters were lies, I do not express a subjective view, but I base this view on the statements made by the Vietnamese communists themselves in many documents published since the war ended in 1975. Having won the war they felt no more need for restraints and took pride in revealing how they had cleverly fooled people into believing what they said and thus helping them win the war. They considered this an indication of their "highest intelligence."

"Strategic lies" admitted by the CPV

When the population of South Viet Nam woke up to reality - the reality of occupation by the North Vietnamese forces - it was too late. The foreign supporters of the communists, especially among the Western press and academia, also woke up, and had no choice but to wake up, when they were told bluntly by Vietnamese communsit propagandists that what they had been told were just "war stratagems."

I will cite a typical example, the most glaring one. In December 1978, on French television, to a question on the "vanishing" of the NLF after their victory, Nguyễn Khắc Viện, the Paris-based chief propagandist of Hanoi abroad, who for years had told foreign correspondents that the NLF was a purely South Vietnamese organisation and not a creation of Hanoi, answered without the slighest embarrassment that the Provisional Revoltionary Government (or PRG, official name of the NLF after 1969) "was always simply a group emanating from the DRV (Democratic Republic of Vietnam, official name of the Hanoi government). If we the DRV had pretended otherwise for such a long period, it was only because during the war we were not obliged to unveil our cards," and that "in its struggle, the Vietnamese revolution was entitled to strategic lies." (1)

The question was asked by Jean Lacouture, correspondent of the prestigious Le Monde, the journalist who for years was considered an authority on Vietnanese affairs, who had used his prestige to spread the myth that Ho Chi Minh was just a nationalist fighting only for the independence Vietnam, and the NLF was a distinct organisation of the South Vietnamese people fighting for freedom.

Thereafter, and especially after the great exodus of the boat people in 1978, Lacouture, now called "a colonialist" and denied a visa for Vietnam, wrote very harsh criticisms of the communist regime. Others also joined in, for example Jean Daniel of the magazine *Nouvel Observateur*, which also had been a strong backer of Hanoi. They used such terms as "désillusion" (disillusion), (2) "intoxication" (drugging) (3). Even the respectable and cool *The Economist* of London denounced Hanoi's "lies" (4). But it was all too late by then. South Vietnam had already fallen under firm communist control; boatload after boatload of Southern Vietnamese had to brave the dangers of the sea and flee to avoid living under communist rule, and over one million of them were to seek asylum in the foreign countries which, like Canada, were generous enough to accept them.

However, the dropping of all pretences by the victorious communists had one positive result: the history of the 1954-1975 period, and of the 1945-1954 period also, was considerably clarified. Those engaged in the work of dismythication and exposition of the communist lies can do their work in peace today without fear of being accused by the anti-war people of being "reactionaries," "agents of imperialism," "running dogs of capitalism" etc... because since 1975 more and more former NLF people and even disillusioned members of the Vietnamese Communist Party (VCP) have publicly denounced in their speeches and writings the deception they had suffered at the hand of Hanoi.

What is very noteworthy is that the VCP leaders and the VCP propaganda organs have published numerous documents and books in which they themselves candidly revealed the truth by taking pride in explaining that the lies they had spread were the expression of the "supreme intelligence of the Party." I refer you particularly to the official history of the Party (*50 Years of Activities of the Communist Party of Vietnam*) (5), with its companion booklet *Phấn đấu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu đẹp (Struggling to build a rich and beautiful socialist Vietnam)* (6), and *Thư vào Nam (Letters to Comrades in the South)* (7). The author of the last two is Lê Duẫn. These three books are most instructive, because in them, the leaders of the CPV candidly stated their real objectives, and explained retrospectively in detail how they had planned and carried the war in the South from Hanoi, in particular how they had used various tricks to fool everyone to achieve their objectives. I shall give concrete examples later.

From the writings of the disillusioned ex-NLF and PRG members, the best one, because it is the most revealing and most authoritative, is Trương Như Tảng's *A Vietcong Memoir* (8). Tảng was a southerner, from a rich

family, and a graduate of the French Institute of Political Science. He joined the NLF-PRG and rose to the position of Minister of Justice. He was the most high-ranking member of the NLF-PRG to have defected and joined the boat people. He now lives in exile in France. The sub-title of his book is: *An Inside Account of the Vietnam War and its Aftermath.* But it should really be: *An NLF Insider's Account of How its Southern Members Were Fooled and Used by Hanoi during the War and Dumped Thereafter.*

There are many other such books, unfortunately they are in Vietnamese. I will mention only one which has caused great stir among the Vietnamese community: *Viết Cho Mẹ và Quốc Hội (Written for Mother and the National Assembly)* (9) by Nguyễn Văn Trấn. Also a southerner and from a rich family, Trấn dropped his studies and joined the CPV in his teens, rose to important positions in the Party, knew practically all its leaders, was very conversant with its internal affairs, and could therefore write with great authority about what happened inside this party. I hope this book will be translated into English some day, so that you could find out more truths about the Vietnam war.

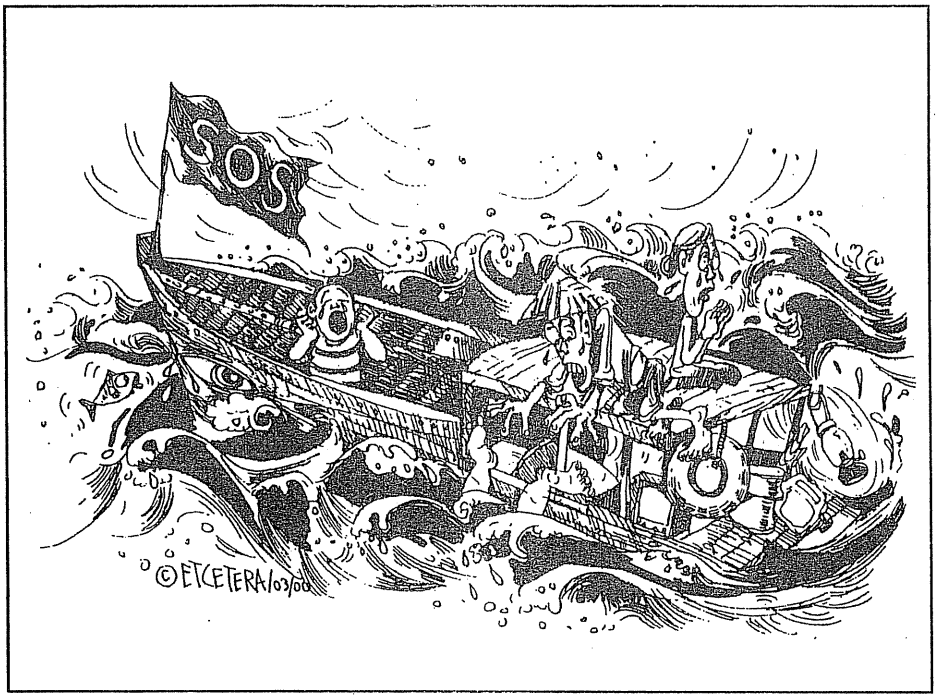

In politics perception is reality

One of the slogans one frequently heard during the Vietnam war - American phase: 1954-1975 - was that the main objective in this war was "winning the hearts and minds of the people." This is a way of saying that the psychological aspect was the most important one in this war. And psychologists, political scientists, sociologists would tell us that most people usually act on the basis not of the actual truth, but of what they perceive to be the truth. Thus, in conflicts involving masses and crowds, usually perception is reality. This is particularly true in political struggle, i.e., in war, since all wars involve both military and political objectives, and in real terms, the political objectives are the more important of the two. Here, perception is reality. And since myth is a perception, in a war the side which is successful in creating myths and having them believed by the masses will end up as the victor.

The communists had a full grasp of the decisive importance of the psychological factor, and the need to create and spread myths about themselves and about their ennemies. In this they were highly successful, thanks to the credulity of many Vietnamese, and to the ignorance, naivety, self-delusion, self-flagellation (masochism), cynicism and deception of many foreign, especially western, intellectuals, journalists and academics.

The distortions about Vietnam by these people have been refuted by the hard facts since 1975; they have also been increasingly exposed in books by other journalists and academics in recent years. The latest of these

has just reached the Canadian bookstores. It is *Shadows and Wind, A View of Modern Vietnam* by Robert Templer (10). I recommend that you read it, just to realise how western opinion has been misled by its journalists and academics, who have readily allowed themselves to be used by the leaders of the VCP and their propaganda organs.

What the leadership of the VCP sought was to anchor in the minds of people inside and outside Vietnam the perception that the war in South Vietnam was a civil war, waged by the population of South Vietnam against an oppressive regime maintained in power by the United States, and what the people of South Vietnam wanted was an independent government pursuing national solidarity and democracy internally, and neutrality externally. Also, North Vietnam supported this fight, but had no direct part in it, in particular it had no troops south the 17th parallel (the line dividing the country as part of the Geneva Agreement of July 1954).

The consequence of the widespread acceptance of the above myth are that sooner or later the government of South Vietnam would be doomed, and this, for two reasons: 1/ the fight of the NLF-PRG was perceived as a legitimate one; in Vietnamese parlance, the "chính nghĩa" - just cause, legitimacy - appeared to be on the side of the rebels; and 2/ the war being perceived as a civil war, American intervention was unjustified, and America should get out.

In a culture which places a paramount value on legitimacy, possession of such legitimacy is vital in any conflict. So, the government of South Vietnam, perceived as lacking legitimacy, was psychologically and politically at a great disadvantage: it could not rally the people behind it. On the other hand, American aid to this government, perceived as intervention in a civil war, would not receive the unwavering support of public opinion, in particular of American opinion, and without this support, American aid to the government of South Vietnam could not be maintained.

Yet, it is obvious that without American support the government of South Vietnam would not have the political, diplomatic, military and financial means to survive an onslaught of the Vietnamese communist forces backed to hilt by Communist China, the Soviet Union and the communist bloc. We know now that, already in 1963, President Kennedy was contemplating withdrawal from Vietnam, and in September of that year, in a famous interview with Walter Cronkite of CBS, he stated that the Vietnam war was a civil war (11). Then American intervention under President Johnson was increasingly opposed by American opinion. This opposition worsened, took the form of violent demonstrations, and forced the presidential candidates in 1968 to make disengagement from Vietnam a major point of their electoral platforms. And the quit Vietnam movement took a dramatic turn in April 1975. At the height of the communist general offensive, the US Congress voted to cut off aid to Vietnam, and on April 23, when the communist divisions were poised to give the final assault on Saigon, Mr Gerald Ford, president of the United States, pronounced the words which will ring for ever in the ears of the non-communist Vietnamese: "Today, we turn the page on Vietnam." This put non-communist South Vietnam in the situation of having to fight, alone, against a coalition of communist North Vietnam, Communist China, the Soviet Union and the Communist bloc. Naturally, that was too much for a little country of 27 million people. We can compare this situation to a hypothetical one in which President Roosevelt would declare on the eve of Hitler's impending invasion of Britain that "Britain is on its own"!

The facts as told by Hanoi (1954-1959)

I shall now give you the major facts concerning the myth spread by the Vietnamese communists, and relayed and amplified by their foreign supporters. What I am going to tell you is contrary to what you have usually seen and heard over the years on television, or read in 90 % of the books and writings on the shelves of the public and university libraries. In anti-war terms, it is "politically incorrect." Therefore, I must stress that these data are taken from the official publications of the CPV, in particular the official history of the CPV: *50 Years of Activities of the Communist Party of Vietnam* and the two books by Lê Duẫn: *Letters to the [Comrades] in the South* and *Struggling to build a rich and beautiful socialist Vietnam.* Lê Duẫn was General Secretary of the Party from 1960 to his death

in 1986. In that commanding position, he was the principal architect of the Party's policies regarding the South and the superviser of their implementation during whole period of the Vietnam war. The letters mentioned are particularly revealing. They were letters sent by him to the Southern Command between February 7, 1962 and 30 April 1975, and kept secret until 1986. They contained the explanations of strategy and tactics adopted by the CPV leadership for the war in the South, and Lê Duẩn's instructions to the high cadres there on how to conduct the war. For the post-1975 period, I shall refer mainly to Trương Như Tảng's *A Vietcong Memoir.* Tảng was one of the founding and leading members of the NLF, a minister of the PRG, and was thus in a position to know what was going on inside the highest echelons of the Party, and to speak with full authority.

Now, what do these publications tell us?

The first truth made clear by these publications is that it was Hanoi which really started the war in South Vietnam and was responsible for American devastating intervention. Only less than three months after the signing of the Geneva Agremeent (20 July 1954) the VCP leadership in Hanoi already prepared for war in the South. The Party's history writes:

"The Party left in the South many cadres to engage in secret work. *In October 1954* [emphasis mine] the Southern Committee of the Party was set up to lead the revolutionary movement there.

"In *June 1956* [emphasis mine] ... the Political Bureau [sitting in Hanoi] stressed that it was necessary to strengthen our armed and semi-armed forces, set up resistance bases and secure a strong popular support ... to maintain and develop our armed forces.

"In *August 1956* [emphasis mine]. Comrade Lê Duẩn ... in charge of the Southern Party Committee wrote a book *Revolutionary Road in South Vietnam,* pointing out that the liberation of the South was a revolutionary road." (12)

One of the principal myths about the Vietnam war was that the population of the South was obliged to rise up against the government of Mr Ngô Đình Diệm because in May 1959 he had the National Assembly of South Vietnam pass a law, the famous Law 10/59 to repress the people brutally. This myth was spread by a well known American professor and author, considered a great authority on Vietnam, Bernard Fall, whose name you have probably come accross in your readings. Fall says that Hanoi's intervention was "very much open to question." (13) But what does the Party's history say?

"In *January* 1959 [here I stress *January*], the Party Central Committee [sitting in Hanoi] held its 15th (enlarged) plenum to outline its policy in the South ... It pointed out that ... The immediate task was to overthrow the Ngô Đình Diệm ruling clique." (14) There followed a campaign of terrorism, scores of South Vietnamese officials were murdered, and the law, passed five months after the January decision of Hanoi to raise the level of "revolutionary violence," was a reaction of the South Vietnamese government to this intensified terrorism, and a measure to prevent further terrorism. Indeed, the history of the Party says: "In the light of this plenum, at the end of 1959 and the beginning of 1960 our people in the South rose up in concerted action." (15)

The History reveals that in January 1961, at a meeting to assess the situation in South Vietnam,

"The Political Bureau decided to entrust the Army Party Committee and the Reunification Committee with the task of helping the Central Committee guide *military* [my emphasis] work in the South. It also decided to strengthen the Central Office for South Vietnam and Party committee, *send more cadres and supplies (material, military, financial means)* [my emphasis] and expand communications to the South..." (16) That was almost a year before Kennedy decided to send troops to Vietnam.

I should mention in this connection that like with Nguyễn Khắc Viện in the case of the NLF, the European public also got a TV shock from no lesser a person that the famous General Võ Nguyên Giáp himself, the chief of the armed forces of North Vietnam.

On February 16, 1983, on the French TV channel TF1, General Giáp calmly explained to his audience that the Ho Chi Minh trail was opened by a decision of the CPV leadership in 1959 to carry cadres, troops, and war material to South Vietnam through Laos and Cambodia, down the "Ho Chi Minh trail."

Here, I should point out that the "Ho Chi Minh trail" was far from being a "trail": it was called by American Embassy officials in Saigon "the Harriman Memorial Highway," after Mr Harriman, who negotiated the Laos 1962 Accord. But even this appellation is not appropriate because, as shown by the map on page 7b, published by an official organ of the Hanoi government in 1985, it was not just *one trail, but a vast network of highways* permitting the transportation of large numbers of North Vietnamese troops and war supplies and material to the South, as the statistics on the map indicate. This explains why it was impossible for South Vietnam to defend itself against North Vietnam as it very long common border with North Vietnam - all jungles — through both Laos and Cambodia.

Michel Tatu, a well known correspondent of *Le Monde* pointed out on this occasion that General Giap's admission shows that the preparation for war and the blatant use of Laotian and Cambodian territory by North Vietnam occured "well before President Kennedy decided to dispatch American troops to Vietnam" in late 1961, and that "for 15 years ... we have thus been intoxicated [drugged]." (17) Now, said Tatu, it is too late to do anything about it, but one could at least "draw the appropriate lesson." He did not say what lesson. But obviously, the lesson is not to trust any more in what the CPV leaders say. But these leaders did not care any more about being caught lying; they even blandly admitted these lies in the Party's official history.

So much for who started the war in South Vietnam, and was responsibble for American devastating armed intervention.

The facts as told by Hanoi (1960-1975)

As I stressed earlier, the widespread myth that the war in South Vietnam was a war waged by patriotic southern Vietnamese for legitimate south Vietnamese ends was one of the two major causes of the fall of South Vietnam to communism. This myth is now dispelled by the publications mentioned. These publications tell us clearly that the NLF was a creation of Hanoi which used it as a front (i.e. a screen) for conducting its war in South Vietnam. This is the second truth revealed by the Party's publications.

The history of the Party records that "on 20 December, 1960 the representatives of all social classes, political parties, religious sects, ethnic minorities and strata of the people in South Viet met ... and set up the National Front for the Liberation of South Vietnam." The meeting approved a 10-point working programme whose fundamental point was to overthrow the Ngô Đình Diệm administration "in order to turn South Vietnam into an independent, democratic, peaceful, and neutral country ..." (18) As we shall see later, the NLF will become the Provisional Revolutionary Government in 1969, with a similar program.

We know now that, except for the destruction of the South Vietnam government, none of the above 10-point program was implementated after the communist vitctory in 1975. But one point should be given special attention here: it relates to neutrality. This was an aim which gained the NLF considerable sympathy and support at home and abroad. But, as the official history of the Party and Lê Duẫn explained after 1975, it was just a tactical ruse!!

The History explains:

"The Party's policy of neutrality for South Vietnam was a flexible tactic aimed at rallying all patriotic forces and people against the US-Diemists and isolating the US aggressors and their henchmen to the utmost... It was a transitional step to liberate the South, reunify the country and lead the whole country to socialism." (19)

The official history does not mention foreign countries, but Lê Duẫn gave a fuller explanation to his comrades at the 25th meeting of the Central Committee in 1976: "With regard to our neighbouring Southeast Asian countries, we explain to our friends that ... we do not advocate "the export of revolution," "export socialism" to other countries. That is why we have been able to win over to our side the neutral forces ..." (20) This was a deliberate lie, as the Southeast Asian countries were to find out after 1975, when Hanoi threatened to support revolution in those countries, and then brazenly invaded and occupied Cambodia.

Meantime, to cope with American intervention, which began in 1965, in early 1966 Hanoi set up another front organisation: "The Alliance of National Democratic and Peace Forces." As Trương Như Tảng explains,

the NLF had relied more and more heavily on the North, and become too identified with Hanoi, so:

"It was now past time for a strong effort to reestablish the image of the South's revolution as a broad-based movement that includes Southern nationalists of every stripe... the blue half of the NLF flag had become too red. What was required was an organisation structured along government lines, made up of the strongest nationalist figures in the South who had not joined the Front (and who consequently were not tainted, in the popular mind, by Communist sympathies), an organisation that could maintain an aura of autonomy and independence." (21)

In June 1969, after the start of negotiations with the Americans, yet another "front" organisation was set up: the Provisional Revolutionary Government (PRG). Trương Như Tảng, who was made a Minister of Justice in that government, explains:

"Our goal was to influence public opinion: domestically, where a noncommunist government would give us added credibility with the South Vietnamese populace; internationally, where we would be able to compete with Saigon for formal recognition (and the potential support that would come with it); and in the United States, where we would enhance our claim of representing the Southern people, giving the peace movement additional ammunition... From here on in we would be able to wage full-scale diplomatic warfare." (22)

The very lengthy program of the PRG included the following noteworthy points:

"5. Realize broad democratic freedoms... Prohibit every terrorist and revenging act and any discriminatory treatment of those who have collaborated with this side or the other side, living at home and abroad... Respect of faith and freedom of worship..."

"6... Encourage bourgeois industrialists and businessmen to contribute to developing industry, small industries, and handicrafts... Guarantee the right to ownership of production means and other property of citizens according to state law...

"11. ...The unification of the country will be achieved step by step through peaceful methods and on the basis of discussions and agreement between the two zones, without coercion by either side"... Implement a peaceful, neutral foreign policy." (23)

All the above will disperse like smoke in the wind right after the communist victory on April 30, 197, as Tảng and most of his southern compatriots were to dsicover.

April 30 and after

During his years in Moscow, Ho Chi Minh had learned to master the technique of fronts, and he had taught his disciples well. They knew that fronts should be created for the specific purpose of providing communists with screens from behind which they could direct their attacks at their ennemies with little risk to themselves. Once the aim has been achieved, not only the fronts are no longer needed, but they become cumbersome, and should be resolutely discarded. This is what happened to the various fronts set up by Hanoi in South Vietnam: NLF, Alliance of Democratic Forces, GPR. Only two weeks after the North Vietnamese troops seized Saigon, the NLF/GPR was terminated cynically, abruptly and brutally. And within a year, the whole "South Vietnam Liberation" apparatus was liquidated as well.

In 1967, Bernard Fall, already mentioned earlier, told his truth-hungry readers that "nothing justifies the ... claim to the effect that without Hanoi's full support, the N.L.F. would disappear into thin air like a desert mirage." (24) But, as post-1975 events have now undisputably established, Fall was a long way off the mark. He is now formally contradicted by an NLF insider and VIP, Trương Như Tảng, who tells the following enlightening story.

On May 15, 1975, two weeks after the occupation of Saigon, a big victory parade was held, with CPV leaders from Hanoi and NLF/PRG attending. Tang writes:

"After a long time, the military units came into sight, troops from every North Vietnamese Army outfit, all of them wearing distinctive new olive-colored pith helmets...

"At last, when our patience had almost broken, the Vietcong units finally appaeared. They came marching down the street, several straggling companies, looking unkempt and ragtag after the display that preceded them. Above their heads flew a red flag with a single yellow star - the flag of the Democratic

Republic of Vietnam.

Seeing this, I experienced a physical shock. Turning to Văn Tiến Dũng [the commander of the communist forces which attacked Saigon] who was then standing next to me, I asked quietly, "Where are our divisions one, three, five, seven and nine?"

Dũng stared at me a moment, then replied with equal deliberateness: "The army has already been unified." As he pronounced these words, the corners of his mouth curled up in a slight smile.

"Since when," I demanded. "There's been no decision about anything like that."

Without answering, Dũng slowly turned his eyes back to the street, unable to suppress his sardonic expression... A feeling of distate for this whole affair began to come over me - not to mention premonitions I did not want to entertain.

In the days that followed, I became aware that our police and security were being handled by various DRV departments." (25)

In the following pages Tảng gave vent to his disenchantment and bitterness, using such emotion-charged terms as "physical shock," "devastating disillusionment," "involved in the discovering of a farce," "well and truly sold," "despair worse than the shock of discovering duplicity." He terminates his memoirs with this sober and eloquent thought: "... the national democratic revolution became a casualty... In the process, the lives that so many gave to create a new nation are now no more than ashes cast aside. That betrayal of faith will burden the souls of Vietnam's revolutionary leaders..." (26)

Here Tảng is wrong. The leaders of the CPV felt no burden at all, but proceeded with the accelerated unification of Vietnam and "socialist transformation" of South Vietnam. By the end of 1976 the unification process was completed.

In the summer of 1975, the 24th plenum met at Dalat and, disregarding all the pledges made in previous years, decided to accelerate the unification and socialisation of the country. On November 15 they held a Political Conference on Reunification of the country. On 25 April 1976 they organised nation-wide elections for a single national assembly. At the end of June, the new Assembly, meeting in Hanoi, decided to rename the country *Socialist Republic of Vietnam*, make Hanoi the capital of the whole country, and change Saigon's name to *Ho Chi Minh City*. At its fourth National Congress in December, the Party decided to drop the name of *Vietnam Workers' Party* and call itself the *Communist Party of Vietnam*. Thus ended the South Vietnamese Liberation Front, Alliance of National Democratic and Peace Forces, and Provisional Revolutionary Government, indeed all dreams of a distinct, free and non-communist South Vietnam.

Tảng bitterly noted that "as the weeks slid by, it was impossible to shut our eyes to the emerging arrogance and disdain of our Party staff cadres - almost as if they believed that they were the conquerors and we the vainquished." (27)

Recalling that at the Third Party Congress in 1960, Tôn Đức Thắng [who later replaced Hồ Chí Minh as President of the DRV], had stated that the CPV's position was that "Owing to the differences in the situation of the two zones of the country, the South must work out a program that... is suitable to its situation," Tảng remarked that

"These sentiments were of course reemphasized for Western consumption. 'How could we have the stupid, criminal idea of annexing the South?' said [Prime Minister of the DRV] Phạm Văn Đồng to various foreign visitors. "We have no wish to impose communism on the South," said [chief Hanoi negotiator] Lê Đức Thọ to the international press in Paris. But both the solemn internal line and the somewhat less solemn public assurances had been discarded like trash within a month of victory. By then it was clear that there was no further need for subterfuge - either toward the Western media or anti-war movements, or toward the Southern revolution itself.

"With North Vietnam's People's Army firmly in charge, there was in fact no further need for any of the techniques of seduction or covert control that circumstances had previously called for." (28) Indeed! And the myths put out by the CPV, swallowed so readily by credulous southern intellectuals and romantic idealists, and spread all over the world by themselves and by well meaning or dishonest western intellectuals, journalists and academics have turned out to be only big lies which would result in the ruin of millions of

lives.

After pointing out the myth Tảng neatly sums up the reality about North-South, CPV-NLF/PRG relations as follows:

"It was a time of unalloyed cyniscism on the part of the Workers' Party [CPV's official name before 1975] and stunned revulsion for those of us who had been their brothers-in-arms for so long... Now, with total power in their hands, they began to show their cards in the most brutal fashion. They made it further understood that the Vietnam of the future would be a single monolithic bloc, collectivist, totalitarian, in which the traditions and culture of the South would be ground and molded by the political machine of the conquerors. These, meanwhile proceeded to install themselves with no further regard for the niceties of appearance.

"The PRG and the National Liberation Front, whose programs had embodied the desire of so many South Vietnamese to achieve a political solution to their troubles and reconciliation among a people devastated by three decades of civil war - this movement the Northern Party had considered all along as simply the last link up it needed to achieve its own imperialistic revolution. After the 1975 victory, the Front and the PRG not only had no further role to play: they became a positive obstacle to the rapid consolidation of power." (29) Tảng also recalled that during a visit to Hanoi in July 1976 to attend the inauguration of the new National Assembly, he was told blandly by Trởởng Chinh [former General Secretary of the CPV] that "The strategic mission of our revolution in this new phase is to accelerate the unification of the country and lead the nation to a rapid, powerful advance toward socialism; the Front and the PRG not only had no further role to play, but become obstacle (30).

In the final analysis, however, the hard and painful truth about it all is that the fault lies really not with the communists who, by conviction and training, are heartless cynics and inveterate liars, but with those like Trương Như Tảng and other romantic dreamers who have thrown intelligence, education and common sense overboard and enthusiastically swallowed communist propaganda. They served as willing tools of the Hanoi communists to inflict misery on their southern compatriots. They did not suspect that, eventually, they themselves and their families also would become the victims of their own folly: Trương Như Tảng was one of those responsible for the boat people exodus, but he himself will have to join the boat people in order to continue to live as a free man.

There is a sober lesson to be drawn from April 30, and that is: never throw away the most valuable gift that man is blessed with: intelligence and common sense.

Ottawa
April 2000

References

1. Nouuvel Observateur , 18 December 1978
2. - ibid , 18 February 1978
3. Le Monde, 18 February 1983
4. The Economist, 26 February 1978
5. Hanoi, Foreign Language Publishing House, 1980.
6. Hanoi, Nhà xuất bản Sự thật, 1976
7. Hanoi, Nhà xuất bản Sự thật, 1986
8. San Diego, New York, London,Harcourt, Brace, Jovanovich, Publishers, 1985
9. Houston, TX., Văn Nghệ Publishing House, 1995
10. Toronto, Penguin Books, 1999
11. On this, see Francis X.Winters, *The Year of the Hare: America in Vietnam, January 25, 1963 - February 15, 1964,* Athens and London, The University of Georgia Press, 1997.
12. 50 Years...., p.140
13. Bernard B.Fall, *Last Reflections on a War,* New York, Doubleday, 1967, p.184
14. - ibid , p.143
15. - ibid , p.144
16. - ibid , p.161
17. Le Monde, 16 February, 1983
18. 50 Years.... ,p.146
19. - ibid , p.162
20. *Struggling to build.....,* p.17
21. *A Vietcong Memoir,* p.131
22. - ibid , p.147
23. - ibid , Appendix, p.336 and ff.
24. *Last Reflections on a War*, op. cit., p.187
25. *A Vietcong Memoir,* pp.265-265
26. - ibid , p.310
27. - ibid , p.266
28. - ibid , p.284
29. - ibid , p.268
30. - ibid , p.269

LỘT TRẦN HUYỀN THOẠI HỒ CHÍ MINH

TRẦN GIA PHỤNG

1. Huyền thoại về người cha

Theo sách *Chủ tịch Hồ Chí Minh, tiểu sử và sự nghiệp,* của nhà xuất bản Sự thật (Hà Nội), Hồ Chí Minh *"sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước, nguồn gốc nông dân. Cụ thân sinh ra Người* [họ Hồ] *là Nguyễn Sinh Huy, tức Nguyễn Sinh Sắc (1863-1929)... đỗ phó bảng và sống thanh bạch bằng nghề dạy học. Đối với các con, cụ giáo dục ý thức lao động và cho học tập để hiểu 'đạo lý làm người.' Sau khi đỗ phó bảng, bị bọn thống trị thúc ép nhiều lần, cụ ra làm quan, nhưng thường tỏ thái độ tiêu cực, không hợp tác với chúng. Cụ thường nói: 'Quan trường thị nô lệ trung chi nô lệ, hựu nô lệ,' nghĩa là 'Quan trường là nô lệ trong những người nô lệ, lại càng nô lệ hơn.' Vốn có tinh thần yêu nước, khảng khái, cụ thường chống đối bọn quan trên và bọn thực dân Pháp, cho nên sau một thời gian rất ngắn, cụ bị chúng cách chức. Cụ vào Nam bộ làm nghề thầy thuốc, sống cuộc đời thanh bạch, cho đến lúc từ trần."* (1)

Ông Nguyễn Sinh Sắc quả thật đã đỗ phó bảng năm 1901 (tân sửu) cùng một lần với Nguyễn Đình Hiến, Phan Chu Trinh. (2) Tuy nhiên, Nguyễn Sinh Sắc không hề bị *"bọn thống trị thúc ép nhiều lần"* sau khi đỗ phó bảng mới chịu ra làm quan. Năm 1894, Nguyễn Sinh Sắc đỗ cử nhân tại trường thi Nghệ An. Năm sau (1895), ông Sắc vào Huế thi hội bị hỏng, đã xin đi làm hành tẩu bộ Hộ. Ba năm sau, ông hỏng kỳ thi hội một lần nữa vào năm 1898. (3) Trước khi dự kỳ thi hội năm 1901, ông Sắc còn tham dự hội đồng khảo thí kỳ thi hương tại Bình Định năm 1897 và Thanh Hóa năm 1900. (4) Sau khi đỗ phó bảng trong kỳ thi hội và thi đình năm 1901, ông làm thừa biện bộ Lễ từ 1902 đến 1909, rồi đi tri huyện Bình Khê (Bình Định) tháng Năm năm đó. Từ thừa biện đi tri huyện là thăng chức chứ không phải xuống chức. (5)

Nguyễn Sinh Sắc bị sa thải chứ không phải bị cách chức. (6) Lý do sa thải cũng không phải vì *"vốn có tinh thần yêu nước, khảng khái, cụ thường chống đối bọn quan trên và bọn thực dân Pháp."* Ông bị sa thải vì đã hành xử tàn bạo với dân chúng. Trong một cơn say rượu, Nguyễn Sinh Sắc đã dùng roi mây trừng phạt và đánh chết một người tù vào tháng 1-1910. Gia đình người nầy kiện lên cấp trên. Dù tri huyện Nguyễn Sinh Sắc đã chối cãi rằng không phải vì trận đòn của ông mà người kia chết, ông vẫn bị triều đình ra sắc chỉ ngày 17-9-1910 phạt đánh 100 trượng. Hình phạt nầy được chuyển đổi qua hạ bốn cấp quan lại và sa thải. (7) Lý do chuyển đổi hình phạt để Nguyễn Sinh Sắc khỏi bị đánh đòn có lẽ nhắm giữ thể diện của một quan chức triều đình, và nhất là vị nầy lại là người có học vị cao. Ông Sắc nghiện rượu từ khi còn ở Huế. Chị của Hồ Chí Minh bà Nguyễn Thị Thanh (1884-1954), vào Huế thăm cha năm 1906. *"Bà không thể chịu đựng lâu ngày thái độ cộc cằn thô lỗ của cha bà, nay đã mắc phải tật nghiện rượu và thường hay đánh đập bà."* (8) Do đó, năm sau bà bỏ Huế ra Nghệ An trở lại, mà không sống với cha.

Phải chăng vì bị đuổi ra khỏi ngành quan lại nên Nguyễn Sinh Sắc mới bất mãn và thốt lên câu: "Quan trường thị nô lệ trung chi nô lệ, hựu nô lệ " (Quan trường là nô lệ trong những người nô lệ, lại càng nô lệ hơn).

Ngày 26-2-1911, Nguyễn Sinh Sắc xuống tàu từ Đà Nẵng vào Sài Gòn. Ông ở lại Sài Gòn một thời gian, dạy chữ Nho cho nhà báo Diệp Văn Kỳ, (9) rồi đi Lộc Ninh làm giám thị đồn điền. Từ đó, ông không bao giờ trở ra Nghệ An. Ông sống lang thang ở miền Nam bằng nghề đông y, và nghề viết liễn đối cho dân chúng. Gần cuối đời, ông đến định cư tại làng Hội Hòa An, Sa Đec, và từ trần ngày 29-11-1929. (10)

Khi Nguyễn Sinh Sắc bị bãi chức và sống lang thang nghèo khổ ở miền Nam, con ông ta là Nguyễn Tất Thành, tức Hồ Chí Minh, ra nước ngoài năm 1911, đã viết thư từ New York ngày 15-12-1912 cho viên khâm sứ Pháp tại Huế tha thiết *"... cầu mong Ngài* [chỉ khâm sứ Pháp] *vui lòng cho cha tôi* [cha của Thành tức ông Sắc] *được nhận một công việc như thừa biện ở các bộ, hoặc huấn đạo, hay giáo thụ để cha tôi sinh sống dưới sự quan tâm cao quý của Ngài..."* (11)

Vậy huyền thoại về người cha của Hồ Chí Minh là một người yêu nước, chống đối chính quyền Pháp nên bị cách chức, là chuyện hoàn toàn bịa đặt do Ban Nghiên cứu Lịch sử trung ương đảng Cộng Sản Việt Nam đưa ra nhằm là tăng giá trị cho lãnh tụ của họ.

Nguyễn Sinh Sắc mà thôi. Ông Trần Quốc Vượng viết: *"Nguyễn Ái Quốc sau cùng đã lấy lại họ Hồ vì cụ biết ông nội đích thực của mình là cụ Hồ Sĩ Tạo, chứ không phải là cụ Nguyễn Sinh Nhậm."* (12)

2. Huyền thoại ra đi tìm đường cứu nước

Tài liệu của đảng Cộng Sản Việt Nam đều viết rằng ngày 5-6-1911, thanh niên Nguyễn Tất Thành đã xuống tàu *Amiral Latouche-Tréville* để ra đi tìm đường cứu nước. Sau đây là lời trong sách *Lịch sử Việt Nam* của nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội:

"Sự thất bại của các phong trào Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục của cuộc vận động Duy Tân và phong trào chống thuế ở các tỉnh Trung Kỳ mà Người [Hồ Chí Minh] *từng tham gia khi*

Tưởng cũng nên thêm ở đây một phát hiện của ông Trần Quốc Vượng, sử gia Hà Nội hiện nay. Trong sách *Trong Cõi* của Trần Quốc Vượng, có bài "Lời truyền miệng dân gian về nỗi bất hạnh của một số nhà trí thức Nho gia (kinh nghiệm điền dã)". Phần cuối của bài này cho biết rằng ông Nguyễn Sinh Sắc, phụ thân của Hồ Chí Minh, không phải là con của ông Nguyễn Sinh Nhậm. Trước khi đám cưới, bà vợ của ông Nguyễn Sinh Nhậm đã có mang với cử nhân Hồ Sĩ Tạo, cho nên ông Nguyễn Sinh Nhậm chỉ là người cha trên giấy tờ của ông

đang học ở trường Quốc Học Huế, đã thôi thúc Người [HCM] *hướng về các nước Tây Âu, mong muốn được đến "tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những Tự do, Bình đẳng, Bác ái". Sau khi rời Huế vào Phan Thiết ... ...Được ít lâu, lấy tên là Văn Ba, Người* [HCM] *xin làm phụ bếp trên chiếc tàu thủy Đô đốc La Tusơ Tơrêvin (La Touche Tréville), thuộc hãng vận tải hợp nhất của Pháp, để đi ra nước ngoài 'xem nước Pháp và các nước khác làm như thế nào rồi sẽ trở về giúp đồng bào'..." (13)*

Sách *Chủ Tịch Hồ Chí Minh, tiểu sử và sự*

nghiệp của nhà xuất bản Sự Thật giải thích sự ra đi của Hồ Chí Minh cũng gần giống như thế: *"... Ít lâu sau, Hồ Chủ tịch vào Sài Gòn. Nam Kỳ dưới chế độ thuộc địa cũng chẳng khác gì Trung Kỳ dưới chế độ bảo hộ và Bắc Kỳ dưới chế độ nửa thuộc địa, nửa bảo hộ. Ở đâu nhân dân cũng bị áp bức, bóc lột, đồng bào cũng bị đọa đày, khổ nhục. Điều đó càng thôi thúc Hồ Chủ tịch đi sang các nước Âu tây để xem nhân dân các nước ấy làm như thế nào mà trở nên độc lập, hùng cường, rồi sẽ trở về 'giúp đỡ đồng bào' đánh đuổi thực dân Pháp. Ý định ấy của Người* [HCM] *đã dẫn Người từng bước đi tới tìm một phương hướng mới cho sự nghiệp cứu nước của nhân dân ta." (14)*

Trong sách *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch,* cũng do nhà xuất bản Sự Thật ấn hành, trả lời phỏng vấn tác giả Trần Dân Tiên, Hồ Chí Minh nói về lý do ra đi như sau: *"...Tôi muốn đi ra nước ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta..."* (15)

Trần Dân Tiên chính lại là Hồ Chí Minh. Ông dùng một tên khác viết sách tự ca tụng mình. Tại Việt Nam cũng như trên thế giới, đã có nhiều người viết sách về hoạt động của mình, đôi khi để tự khen mình, hoặc để biện hộ cho những việc làm của mình, nhưng họ đề tên thật, chịu trách nhiệm về những điều họ viết. Hồ Chí Minh dùng một tên khác tự ca tụng mình là một sáng kiến kỳ lạ chưa một người tự trọng nào dám nghĩ đến.

Như thế, qua các sách của nhà cầm quyền cộng sản và qua chính những lời viết của Hồ Chí Minh, ông ta đi ra nước ngoài nhằm mục đích tìm đường cứu nước, nhưng trong thời gian gần đây, nhiều tác giả đã tìm được những chứng liệu cụ thể cho thấy rằng Hồ Chí Minh ra đi không phải để tìm đường cứu nước, mà chỉ vì lý do kinh tế gia đình.

Trong bài "Từ mộng làm quan đến đường cách mạng Hồ Chí Minh và Trường Thuộc Địa," hai tác giả Nguyễn Thế Anh và Vũ Ngự Chiêu đã phổ biến ảnh sao (photocopy) hai lá thư của Nguyễn Tất Thành đề ngày 15-9-1911 gởi cho tổng thống Pháp và bộ trưởng bộ Thuộc Địa Pháp, xin hai ông ban ân huệ cho Thành được đặc cách vào học Trường Thuộc Địa Paris, nơi đào tạo quan lại cho các thuộc địa Pháp trong đó có Đông Dương. Nội dung chính của hai lá thư hoàn toàn giống nhau. Đó là: *"Tôi xin trân trọng thỉnh nguyện lòng hảo tâm của ông ban cho tôi đặc ân được nhận vào học nội trú Trường Thuộc Địa. Tôi hiện đang làm công trong công ty Chargeurs Réunis để sinh sống (trên tàu Amiral Latouche-Tréville). Tôi hoàn toàn không có chút tài sản nào, nhưng rất khao khát học hỏi. Tôi ước mong trở nên hữu ích cho nước Pháp đối với đồng bào tôi, đồng thời làm thế nào cho họ được ích lợi của nền học vấn..."* (16)

Hai lá đơn trên đều bị bác, Nguyễn Tất Thành tiếp tục hành nghề trên các tàu biển. Ngày 15-12-1912, từ New York, Hoa Kỳ, Nguyễn Tất Thành gởi đến viên khâm sứ Pháp tại Huế một lá thư rất thống thiết xin một đặc ân là ban cho cha là Nguyễn Sinh Sắc, một chức việc nhỏ như giáo thụ hay huấn đạo, để ông nầy có điều kiện sinh sống.

Hai lá đơn trên cùng với lá thư gởi năn nỉ viên khâm sứ Pháp tại Huế cho thấy lúc mới ra đi, Nguyễn Tất Thành chỉ nhắm mục đích sinh nhai. Vì sinh kế gia đình, lúc đó Nguyễn Tất Thành sẵn sàng thỏa hiệp với người Pháp để kiếm một chức quan cho cá nhân ông (bằng cách xin vào học Trường Thuộc Địa), hoặc cho phụ thân ông.

Điều nầy là chuyện bình thường của đời sống con người. Lớn lên, ai ai cũng phải kiếm cách mưu sinh để tự nuôi sống mình và nuôi sống gia đình. Hơn nữa, điều nầy còn có nghĩa là Nguyễn Tất Thành không phải ra đi tìm đường cứu nước. **Việc ra đi tìm đường cứu nước chỉ là sản phẩm tưởng tượng sau nầy của Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản, nhằm làm đẹp cho việc ra đi của họ Hồ để lôi cuốn quần chúng trên đường hoạt động chính trị.**

3. Huyền thoại cuộc sống độc thân giản dị

Hồ Chí Minh cũng như ban Nghiên cứu Lịch sử đảng trung ương luôn luôn đề cao rằng ông ta suốt đời sống độc thân, không lập gia đình, để có thể toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Sự thật, dù Hồ Chí Minh đi đâu, ở nơi nào, cũng đều có bóng dáng của người đàn bà trong suốt cuộc đời hoạt động của ông.

Theo giáo sư Nguyễn Thế Anh, khi hành nghề nhiếp ảnh ở Paris, Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) đã gởi thư tỏ tình với cô Bourdon ngày 10-5-1923. Sau vài cuộc gặp gỡ và thư từ qua lại, cô Bourdon viết thư ngày 11-6-1923 cự tuyệt mối tình của Nguyễn Ái Quốc. Giáo sư Nguyễn Thế Anh còn trưng dẫn nhiều tài liệu cho thấy khi qua Moscow, nhà cầm quyền Liên Xô đã cung cấp cho Nguyễn Ái Quốc một

"người vợ" (17).

Đến Quảng Châu (Trung Hoa), Nguyễn Ái Quốc, lúc đó lấy tên là Lý Thụy kết hôn với một người phụ nữ Trung Hoa là Tăng Tuyết Minh năm 1926. Bà nầy bị thất lạc sau cuộc chiến Quốc Cộng ở Trung Hoa năm 1927 (18). Theo một tài liệu khác, thì trong thời gian nầy, Lý Thụy còn sống với một phụ nữ Trung Hoa thứ nhì là Lý Huệ Khanh, em của Lý Huệ Quần. Lý Huệ Quần là vợ của Lâm Đức Thụ, một đồng chí của Lý Thụy. Tài liệu nầy giải thích rằng Nguyễn Ái Quốc đổi tên thành Lý Thụy là theo họ của Lý Huệ Khanh cho dễ hoạt động (19). Khi cảnh sát Hồng Kông bắt Lý Thụy ngày 6-6-1931 tại thị trấn Cửu Long, gần Hồng Kông, ông đang sống với một phụ nữ Trung Hoa tên là Li Sam. Khi Lý Thụy đến Vân Nam, tướng Long Vân (Lung Yun) đã tìm cho ông một nhân tình người Tàu (20).

Từ năm 1930, ở Hồng Kông, Lý Thụy dạy chính trị cho Nguyễn Thị Minh Khai tại trụ sở chi nhánh Bộ Đông phương của Quốc tế cộng sản. Sau một thời gian, hai người trở thành vợ chồng, và khi qua Liên Xô tham dự đại hội cộng sản quốc tế ngày 25-7-1935, hai người công khai sống chung (21). Năm 1944, Hồ Chí Minh về hoạt động tại vùng Pắc Bó, Cao Bằng. Ở đây, theo sử gia và nhà hoạt động chính trị Trần Trọng Kim, ông Hồ sống chung với bà Đỗ Thị Lạc, bí danh "chị Thuần," và sinh hạ một người con gái (22).

Sau cuộc sống chung tạm bợ với Đỗ Thị Lạc, Hồ Chí Minh bị cuốn hút vào những biến chuyển lịch sử cho đến năm 1954, ông Hồ về Hà Nội. Theo tài liệu của Vũ Thư Hiên và Nguyễn Minh Cần, bộ chính trị đảng Cộng sản Hà Nội đã đưa một cô gái thuộc sắc tộc Nùng ở Cao Bằng là Nông Thị Xuân về phục vụ Hồ Chí Minh năm 1955. Lúc đó, bà Xuân 22 tuổi và ông Hồ khoảng 65 tuổi. Năm sau, bà Xuân sinh hạ một người con trai được đặt tên là Nguyễn Tất Trung. Sau một thời gian chung sống, Hồ Chí Minh sa thải bà Xuân. Viên bộ trưởng công an Hà Nội là Trần Quốc Hoàn đã hiếp dâm bà Xuân, rồi cho người thủ tiêu một cách tàn bạo (23).

Trong thời gian nầy, đảng Cộng Sản còn có ý định đưa cô Nguyễn Thị Phương Mai, tỉnh uỷ viên tỉnh Thanh Hóa, về Hà Nội để làm vợ Hồ Chí Minh. Cô Phương Mai đòi công khai hóa cuộc hôn nhân giữa hai người, thì bị từ chối, nên cô rút lui (24). Năm 1959, Đào Chú, uỷ viên thường vụ bộ chính trị đảng Cộng Sản, Phó thủ tướng chính phủ Trung Quốc sang Việt Nam nghỉ dưỡng. Một bộ trưởng trong chính phủ Hà Nội đã nói riêng với Đào Chú rằng Hồ Chí Minh muốn tái hôn với một người vợ Quảng Đông. Đào Chú rất hoan hỷ giúp đỡ, nhưng thủ tướng Trung Quốc là Chu Ân Lai đã thận trọng yêu cầu phía Việt Nam xem xét vấn đề cẩn thận. Hội nghị do Lê Duẩn triệu tập đã đi đến quyết định là phải bảo vệ hình tượng Hồ Chí Minh, nên việc ông Hồ muốn tái hôn với một phụ nữ Quảng Châu đã không thành. (25) Hồ Chí Minh cho Đào Chú biết ông muốn tái hôn, có nghĩa là ông Hồ tự thú nhận đã kết hôn một lần nào đó rồi.

Như thế huyền thoại thứ ba về Hồ Chí Minh, hy sinh cuộc sống cá nhân, sống độc thân để toàn tâm toàn ý lo việc nước, là một câu chuyện bí mật giấu đầu lòi đuôi. Hồ Chí Minh có vợ là một chuyện bình thường, nhưng bản thân Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản trước sau luôn luôn che đậy việc nầy để lừa bịp nhân dân Việt Nam và dư luận thế giới. Kết hôn, lập gia đình là điều chẳng có gì xấu xa, nhưng xử sự tàn bạo với những người đã từng sống với mình, che đậy việc kết hôn, lừa bịp trắng trợn mọi người là điều mà không một nền luân lý nào chấp nhận.

Sau khi Hồ Chí Minh từ trần, trong lời kêu gọi đưa ra ngày 3-9-1969, đảng Lao Động Việt Nam (tức đảng CSVN) đã viết: *"...Cuộc đời của Người là một tấm gương chói lọi của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, của tinh thần đoàn kết, của đạo đức giản dị, khiêm tốn, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư..."* (26) Hãy nhìn vào cách sống của Hồ Chí Minh để biết ông có phải là người "giản dị, khiêm tốn" hay không?

(Còn tiếp)

Chú thích

1. Ban Nghiên cứu Lịch sử đảng trung ương (BNCLSĐ), *Chủ tịch Hồ Chí Minh, tiểu sử và sự nghiệp,* in lần thứ tư (có xem lại và bổ sung), Nxb. Sự Thật, Hà Nội 1975, tt. 11-12. Chữ "Người" với N (hoa) là của nguyên bản.

2. Cao Xuân Dục, *Quốc triều đăng khoa lục,* bản dịch của Lê Mạnh Liêu, Bộ Quốc Gia Giáo Dục, Sài Gòn, 1962, tt. 234-240.

3. Trần Quốc Vượng, *Trong cõi,* Nxb. Trăm Hoa, California, 1993, tr. 257

4. Daniel Hémery, *Ho Chi Minh, de l'Indochine au Vietnam* [Hồ Chí Minh, từ Đông Dương đến Việt Nam] , Nxb. Gallimard, Paris, 1990. tt. 131-132.

5. Bình Khê nằm về phía tây huyện Tuy Phước.

(Bình Khê là quê của bà Bùi Thị Xuân, thi sĩ Quách Tấn). Thừa biện là một chức quan nhỏ ở một bộ, thừa hành một nhiệm vụ nào đó do cấp trên giao phó trong một thời gian. (Trần Thanh Tâm, *Tìm hiểu quan chức nhà Nguyễn,* Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1996, tr. 229). Phan Chu Trinh đỗ phó bảng xong làm thừa biện bộ Lễ. Hoàng Diệu đỗ phó bảng xong làm hàn lâm viện kiểm thảo cũng là một chức quan nhỏ, lo việc biên duyệt sách vở cho Hàn lâm viện, rồi mới được bổ tri huyện Tuy Phước, Bình Định.

6. Cách chức là không được giữ chức vụ cũ, hạ thấp chức vụ và công việc, nhưng vẫn còn được làm quan. Ở đây, ông Nguyễn Sinh Sắc chẳng những bị hạ chức mà còn bị đuổi không cho làm quan nữa, tức sa thải ra khỏi ngành quan lại.

7. Daniel Hémery, *sđd.* tr. 133. Theo Thành Tín, tức Bùi Tín, nạn nhân của Nguyễn Sinh Sắc là một nông dân tên Tạ Đức Quang. (Thành Tín, *Mặt thật,* Hồi ký chính trị của Bùi Tín, Nxb. Saigon Press, California, 1993, tr. 95.)

8. Daniel Hémery, *sđd.* tr. 133. Thành Tín, trong *sđd.* tr. 95 viết: "*Ông Nguyễn Sinh Huy vốn nghiện rượu rất nặng khi còn ở Huế, bà Thanh kể rằng hồi ấy cứ lên cơn thèm rượu và say rượu là bà bị ông bố đánh bằng tay và bằng roi rất tàn nhẫn.*"

9. Diệp Văn Kỳ (1895-1945): Ông là con của Diệp Văn Cương và Công Nữ Thiện Niệm. Bà nầy là em vua Dục Đức (1883) và cô của vua Thành Thái (trị vì 1889-1907). Ông giỏi Nho học, Tây học, đã du học Pháp, đỗ cử nhân luật. Khi về Sài Gòn, ông sang tờ *Đông Pháp Thời Báo*, rồi xuất bản tờ *Thần Chung*. Tờ nầy bị đình bản năm 1932. Ông mất tại Trảng Bàng năm 1945.

10. Daniel Hémery, *sđd.* tr. 134. Theo các tài liệu cộng sản Việt Nam, ông Sắc từ trần và chôn ở Cao Lãnh. Theo tổ chức hành chánh hiện nay ở Việt Nam, Cao Lãnh và Sa Đéc là hai thị xã nằm gần nhau trong tỉnh Đồng Tháp. Nghề viết liễn đối: ngày trước, khi trong nhà có việc vui hay buồn như đám cưới, đám ma..., người ta thường tặng những câu liễn đối bằng chữ Nho, mang nội dung chúc mừng hay chia buồn chủ nhà. Muốn viết hay, người viết phải có trình độ Nho học cao.

11. Thành Tín [tức Bùi Tín], *Mặt thật, sđd.* tr. 95-96. Lê Văn Tiến, nguyệt san *Thế Kỷ 21,* Garden Grove, California, số 116, tháng 12-1998 tt. 52-53. Thư ngày 15-12-1912 của Paul Tất Thành viết bằng chữ Pháp từ New York.

12. Trần Quốc Vượng, *sđd.* tr. 258. Trần Quốc Vượng còn thêm rằng chính ông Hồ Sĩ Tạo đã vận động cho Nguyễn Sinh Sắc vào học trường Quốc tử giám ở kinh đô Huế. (*sđd.* tr. 256)

13. Nguyễn Khánh Toàn chủ biên, và một số tác giả, *Lịch sử Việt Nam,* tập 2, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1985, tr. 145. Sách nầy viết sai chữ "La Touche Tréville." Đúng ra là "Latouche-Tréville." Chữ "Người" với chữ N (hoa) trong nguyên bản. Chúng tôi giữ nguyên cách viết trong bộ Lịch sử Việt Nam.

14. BNCLSĐ, *sđd.* tr. 15.

15. Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch,* Nxb. Sự Thật, Hà Nội 1976, tr. 13.

16. Đăng trên nguyệt san *Đường Mới* số 1, Paris, 1983, từ trang 8 đến trang 25.

17. Nguyễn Thế Anh, "Hành trình chính trị của Hồ Chí Minh," đăng trong *Hồ Chí Minh, sự thật về thân thế và sự nghiệp,* một nhóm tác giả, Nxb. Nam Á, Paris, 1990, tr. 25.

18. Daniel Hémery, *sđd.* tt. 63, 145.

19. Lữ Giang, *Những bí ẩn lịch sử đàng sau cuộc chiến Việt Nam,* quyển I, tái bản lần thứ nhất, có hiệu đính và bổ túc, California, 1999, tr. 109.

20. Nguyễn Thế Anh, *bài và sách đã dẫn,* tt. 25-26. Stanley Karnow, *Vietnam A History,* Nxb. Viking, New York, in lần thứ nhì, 9-1983, tr. 126. Karnow còn viết thêm: *"A Communist official in Hanoi in 1981 told me that Ho had loved a Chinese woman, a doctor, who died before they could marry."* (Một viên chức cộng sản ở Hà Nội vào năm 1981 đã nói với tôi rằng Hồ đã yêu một phụ nữ Trung Hoa, một bác sĩ; bà nầy từ trần trước khi họ định cưới nhau.)

21. Thành Tín, *Về ba ông thánh,* California, 1995, tr. 136. Chú ý: Nguyễn Thị Minh Khai là chị ruột của Nguyễn Thị Quang Thái. Bà Thái là vợ đầu của Võ Nguyên Giáp.

22. Trần Trọng Kim, *Một cơn gió bụi,* Sài Gòn, 1969, tr. 75. Sau đây là nguyên văn của Trần Trọng Kim trong đoạn nầy: *"Về khoảng cuối năm 1944, Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội lại dời về tỉnh Quảng Tây, và cho ông Hồ Chí Minh về Bách Sắc để trù liệu kế hoạch nhập Việt. Sau đó, Hội cho ông Minh cùng 22 đảng viên, phần nhiều là người đảng Phục Quốc, về nước để khởi sự hành động. Trong số 22 người ấy có một nữ đảng viên tên là Đỗ Thị Lạc là người sau có đứa con gái với Hồ Chí Minh. Về sau, thấy người ta nói khi đến địa hạt Bắc Giang, có ba đảng viên trong 22 người ấy bị giết vì không chịu theo cộng sản."*

23. Vũ Thư Hiên, *Đêm giữa ban ngày* (hồi ký chính trị của một người không làm chính trị), Nxb. Văn Nghệ, California, 1997, tt. 605-609. Nguyễn Minh Cần, "Thêm vài mẩu chuyện về cuộc đời của Hồ Chí Minh," nguyệt san *Thế Kỷ 21,* Garden Grove, số 96, tháng 4-1997, tt. 33-40.

24. Nguyễn Minh Cần, *bđd.*, tt. 36-37.

25. *Văn trích tuần báo,* số tháng 1-1991. Bài báo nhan đề: "Hồ Chí Minh tằng tưởng tái hôn." Nguyệt san *Phụng Sự,* Glendale, Phoenix, Arizona, bộ mới, số 10, ngày 15-10-1996, chụp hình và dịch bài báo sang tiếng Việt.

26. BNCLSĐ, *sđd.* tr. 160. Chữ "Người" viết hoa theo nguyên bản.

VẤN ĐỀ TRỌNG ĐẠI NHẤT CỦA NGHÌN NĂM TỚI

NGUY CƠ VÀ HỨA HẸN

TRẦN NGỌC NINH

Sơ lược: Trong phần đầu của bài này (là một chương trong cuốn sách sẽ xuất bản trong năm), tác giả nhìn trở lại lịch sử tiến hóa đã đưa con người đến ngày nay. Bốn cuộc cách mệnh đã tạo ra bốn sự đổi đời:

Cuộc *cách mệnh thứ nhất* là khi con người bỏ đời sống trên cây xuống đi trên mặt đất. Hai kĩ-thuật lớn được đặt ra là 1/ sự tạo ra những dụng cụ bằng đá đập, 2/ sự thu dùng lửa. Người ta kiếm ăn bằng sự nhặt-vặt *(cueillette/gathering)* và sự săn bắt *(chasse/hunting)*. Cuối thời gọi là *"đá cũ"* này, nghệ thuật đã nẩy nở ra.

Cuộc *cách mệnh thứ hai* là *nông nghiệp*, với hai hình thức: chăn-nuôi và trồng-trọt. Kĩ-thuật lửa tiến sang sự nung đất, nhờ đó có sự nấu-nướng, và dần dần sang sự luyện kim. Cách thực-hiện vật-chất dẫn đến ba biến đổi trong đời sống: 1/ sự định cư, và những tổ-chức định-cư, từ bầy người *(band)* đến bộ *(tribe)*, rồi đến xã hội *(society)* [điểm này sẽ được xét lại sau]; 2/ óc liên-hệ giữa các vật và các sự, 3/ ý thức về sự biến đổi *(change)*. Do đó tâm-lí con người khác đi dần từ sự can đảm, hung-dữ, thành kiên-nhẫn, hiền-lành, với ba ý thức mới: đất-nước, sức mạnh vô-hình, liên-hệ bắt-buộc. Ba ý thức này là mầm mống của tình yêu quê-hương đất nước, tôn giáo và khoa học. Vì loài người lúc này đã rải rộng đời sống ra gần khắp mặt địa-cầu và vì với nông-nghiệp, sự phát-triển có nơi nhanh, có nơi chậm, nên có những nếp sống khác nhau trong những vùng địa-lí khác nhau. Do đó khởi sinh ra *lịch sử* giữa loài người. Nông-nghiệp làm cho sự dị-biệt giữa *ta* và *kẻ kia* càng ngày càng sâu-rộng *(văn-hóa)*. Thêm vào đó, sự *có* của luật tự nhiên biến thành sự *sở hữu* của luật nhân tạo.

Trong phần tiếp theo, tác-giả phát triển điểm thứ hai này trước khi lướt qua lịch sử đau thương của thời nông-nghiệp.

CUỘC CÁCH MỆNH THỨ HAI: TRỒNG-CHĂN, NUNG-NẤU TỪ SỰ CÓ ĐẾN SỰ SỞ HỮU

Kẻ ăn không hết người lần không ra.
(Tục Ngữ Việt Nam)
- Du palais d'un jeune lapin,
Dame belette un beau matin
S'empara: c'est une rusée.
Le maitre étant absent, ce lui fut chose aisée
La Fontaine: FABLES
(Le chat, la belette et le petit lapin)
Thâm cung của chú hoàng tử thỏ,
Một tinh sương bị chị chồn kia
Đến đóng đô, tinh khôn chị ả,
Vắng chủ nhà, chả mấy gì khó
La Fontaine: *Ngụ Ngôn*
(Con mèo, con chồn và con thỏ nhỏ)

(Tiếp theo)

Nông-nghiệp không tạo ra sự **có**. Nhưng nông-nghiệp đặt sự có thành một định-chế *(institution)* mở rộng sự có sang những lãnh vực chưa từng có trong các sinh-vật. Trong xã-hội nông-nghiệp, sự có *(avoir)* thành sự SỞ-HỮU *(possession: Propriété, property)*.

Lịch-sử lẻn đến từ đây giữa loài người.

Hành-động đầu tiên làm biến chất sự có là sự chiếm đất để cư ngụ đời đời và để trồng trọt, nghĩa là để sản xuất lâu dài.

Hành-động thứ hai, đem hẳn sự có thành sự sở-hữu, là sự tích-lũy của-cải.

Với sự tổ-chức để bảo vệ đất-đai và của-cải, sự sở-hữu thành một định chế xã-hội trên hai mặt biện-chứng, vừa bổ túc vừa chống đối nhau: mặt cá nhân mở rộng thành gia-đình, và mặt cộng đồng biến hóa thành xã-hội.

Sự chiếm-hữu đất-đai

* Tất cả các sinh-vật đều cần có một không-gian để nuôi sự sống. Trong sự tiến-hóa của mỗi loài, sự chọn-lọc tự-nhiên đã làm cho mỗi loài, đầu là rong-rêu, cây cỏ hay cua cá, chim-chóc và muông-thú, có một thủy-thổ thích hợp nhất với sinh-lí và nếp-sống của loài. Loài cọp ở trong rừng rậm nhiệt-đới Asia, loại sư tử ở rìa các sa-mạc africa, chim hải âu thường ở bờ biển gần các bến tầu, ếch nhái tụ tập ở bờ ao, bờ sông và các vũng nước ngọt tù hãm có rong, có bèo, có cỏ, có bụi rậm, vân vân... Tại những đất đai rất cằn-cỗi cũng có những loài cỏ riêng hay cây xương rồng sống, đôi khi một mình loài ấy trong cả một cõi. Những khí hậu cực đoan như băng-địa gần nam bắc cực cũng có gấu trắng, hải cẩu, hươu tuần (reindeer/renne/*Rangifer tarandus)*, chim penguin *(Pelecanus, Pygoscelis, Sphenicidae)* v.v...

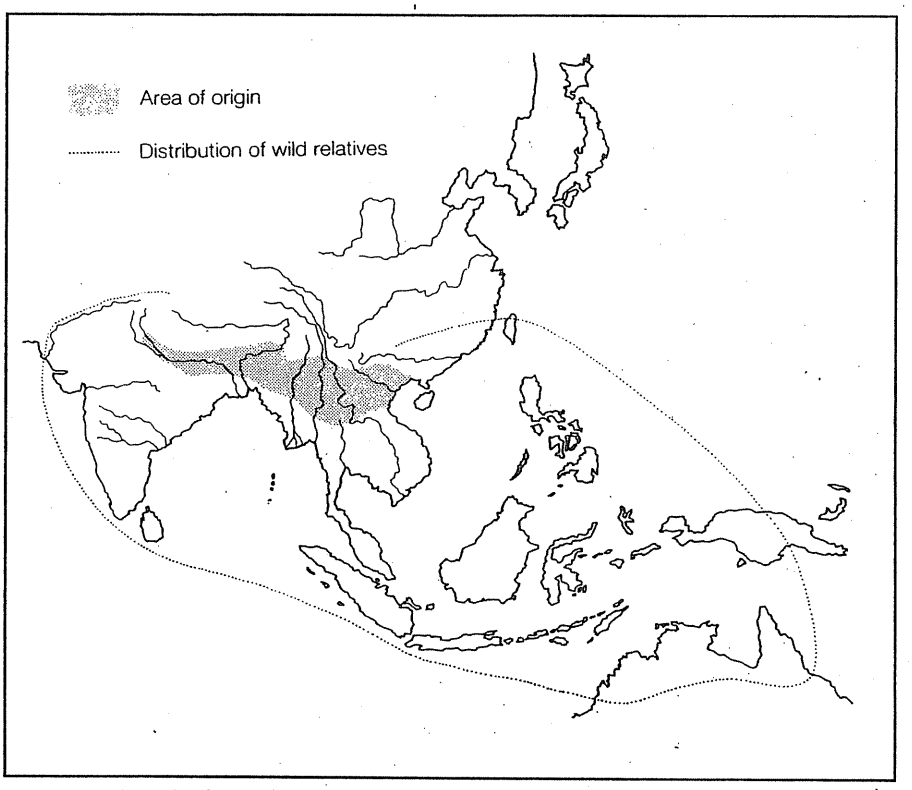

Khu vực nguồn gốc của lúa gạo (văn minh Hòa Bình) và chăn nuôi trâu bò.

Tuy nhiên, tất cả các loài đều bị hạn chế trong không-gian của sự sống, vì tuy cũng có sự thích nghi vào môi-trường, nhưng không thể vượt qua được những biên giới sinh-học đặc-loại đã được định trong lâu-dài bởi sự tiến-hóa và in trên cái đồ-bản di-truyền của gen-hệ.

* Chỉ có loài người, mặc dầu, hay theo ý riêng, *nhờ có* một cơ-thể trần-trụi, mỏng manh, kém chuyên-biệt, là đã có thể mở rộng không-gian sống ra khắp mặt đất.

Sự khuếch-tản và có thể nói là sự chinh-phục không gian, khắc-phục khí hậu, đã được thực hiện trong không đầy bốn triệu năm, với một sự gia tốc tích-cực trong khoảng chỉ mới 15,000 năm, sau khi tiến vào nông nghiệp.

Sự thích-nghi sinh-học vào môi trường đã góp một phần không nhỏ vào thành-quả vượt bực ấy. Vì nếu không có sự thích-nghi, gồm có sự hòa-hợp và sự chống chọi, chịu-đựng, thì chắc loài người đã hoàn toàn bị tiêu diệt trong những điều-kiện sống của cuối địa kì Ba và thời Pleistocen của địa kì Bốn khi nhiều mảnh lục-địa còn đang trôi, núi lửa còn phun hỏa-thạch ở nhiều nơi, rặng Himalaya còn đang dựng lên và các sông lớn còn đổ xuống những khối nước nguồn khủng khiếp tạo ra những trận lũ-lụt ngập đất, mỗi trận là một đại-hồng-thủy mà đời sau tưởng là hoang-đường. Nhiều giống người tiền sử (người neanderthal, người pekingnensis, người meganthropus,...) đã tuyệt giống vì những lí do tự nhiên.

Nhưng bỏ lại sự sống còn ở đằng sau, sự tiến bộ tinh thần và vật-chất của con người đã là nguyên nhân quyết-định và thực-hữu của thành-quả vượt bực của loài người trên mặt đất trong lịch-sử.

Sự tiến-bộ ấy gần như hoàn toàn nhờ trí thông-minh và các thực-hiện nhân-tạo của con người ở mọi khí-hậu trên khắp nơi của mặt đất, tuy tạp biệt và có khi xung-khắc, tự-phá, tự-hoại nhưng kết-quả tổng-hợp cũng vẫn còn lợi ích nhiều hơn là tổn-thất.

Đến nay, ta có thể nói rằng, giới-hạn vật-chất và sinh-học cho sự sống của loài người trên mặt đất chính là vì, chỉ là vì, giới-hạn của chính mặt đất.

Giới-hạn ấy đã bắt đầu được nhận thấy từ cuối thời cựu-thạch, khi sự sống nhặt-vặt và săn bắn đã được trải ra gần hết diện tích khoan dung của địa-cầu và đất săn đã thành không đủ để nuôi những bầy người càng lúc càng đông. Mở rộng vòng bánh để thu nhập thêm một số tổ chim, ổ gà, hang chồn, hốc thỏ, đến một lúc nào đó cũng không được nữa, vì đã đến bờ của những đất không có sự sống hoặc, phiền phức hơn nữa, đã đụng vào đất đã có người ở.

* Có một qui-luật tự nhiên của sự sống cho các động-vật mà tôm cá dưới nước, chim dơi trên trời, cũng như ếch nhái, hươu nai, hổ báo, trâu voi đều theo khi sống tự do trong trời đất, là khi một vùng đất đã bị chiếm đóng, có thể chỉ bởi một con lẻ, hoặc một đôi với các con nhỏ, hay một bầy đàn, thì các con *cùng loại* không được xâm phạm kiếm ăn trong vùng ấy. Nếu không tôn trọng qui tắc và cứ rình rập lẻn vào thì có thể sinh ra một cuộc đấu khẩu, dương oai diễn võ, và nếu kẻ đột nhập xâm lấn vẫn không chịu rút lui "có trật-tự," thì sẽ đi đến sự ẩu-đả, rụng lông chảy máu, trong đó phần nhiều kẻ gây rối phải tháo chạy và chỉ ít ngày sau thấy nằm chết ở một xó rừng vì đói, vì rét, vì lẻ-loi cô-độc.

Các qui-luật ấy, loài người cũng theo, và gọi là *"quyền của kẻ đến đóng cọc (cắm dùi) trước nhất" (droit du premier occupant)*. Còn ở loài vật thì các nhà động vật học, học về cung cách sống của các động vật gọi là *"sự bảo vệ lãnh thổ" (défense du territoire)*.

Sự bảo-vệ lãnh-thổ trước hết là để giữ một khu-vực kiếm ăn. Sau là để lập ổ, sinh con và dạy con cho đến khi biết bay, biết chạy và đủ sức sống riêng. Loài chim và nhiều loài thú (hổ, báo, cáo...) sống đôi một đực một cái thì như thế. Cũng có loài sống đa thê: con gà trống, con chim ruồi *(colibri, oiseau mouche, humming bird/trochilidae)*, con ếch trâu mĩ (bullfrog/ rana catesheiana), con chuồn chuồn *(libellule/dragonfly/ Platemys lydia)* đực vào có một lãnh thổ tốt, cây cỏ tốt tươi với khe với lạch nước trôi róc-rách, ấm-áp, thì có nhiều con cái đến, vì chỗ đẻ trứng ngon-lành. Lại có những loại trâu rừng, bò tót, khỉ đỏ-đít, khỉ babun, (baboon/Papio)... Trong truyện Tây Du Kí, đàn khỉ ở Hoa Quả sơn Thủy Liêm động, bị đàn khỉ khác xâm lăng lãnh-thổ trong khi con khỉ đầu-đàn là hầu-vương tức Tề-Thiên Đại-Thánh đi học đạo trường-sinh. Hầu-vương trở về động đã tổ chức đánh bọn khỉ kia một trận tơi bời và khôi phục lại giang-sơn cũ.

Tôi không được xem những trận chiến oanh-liệt như thế bao giờ. Nhưng khi còn nhỏ tuổi, có một lần được chứng kiến và đứng quan sát một cách say mê một đàn kiến lửa *(fire ant/solenopsis sarvissima)* có đến hàng vạn con kéo đến tấn công một tổ kiến đen *(garden ant/Lasius niger)*, có lẽ là để chiếm cứ khu đồng cỏ đất tốt có lá xanh tươi. Tất cả kiến đen trong tổ bị động viên ra chống cự lại một cách anh-dũng. Lúc đầu tưởng rằng kiến lửa phải thắng vì chúng bắn tên lửa tẩm thuốc độc (*acide formique:* acít kiến), nhưng kiến đen bò nhanh hơn trong cỏ và liều chết lăn xả vào địch quân từng đợt, phía tả, phía hữu, có khi ba con đánh một, xáp lá cà, đằng trước đằng sau. Hai bên chiến đấu từ sáng cho đến chiều tà thì kiến lửa thưa dần rồi chạy thục mạng. Kiến đen rượt theo ra hết vườn cỏ thì thu quân, như thể đã được Tôn Tẫn, Ngô Khởi dạy "giặc cùng chớ đuổi."

Về sau này đọc sách tôi mới biết rằng, các tổ kiến có những lãnh thổ rất rộng và nhiều loài kiến vẽ ra biên giới bằng cách đặt ở đó một chất bài tiết thuộc loài *pheromon* (kích tố) cho đồng loại ngửi thấy mùi biết là bờ cõi của lãnh thổ nhà. Lại có những chất cũng gọi là pheromon để bảo cho các kiến khác biết rằng, đây là địa hạt cấm nhập, chớ dại-dột đi vào mà có khi mất mạng. Các loài vật lớn như cáo, sói, lừng, không dùng pheromon để đánh dấu biên thùy lãnh-thổ, mà dùng nước đái hay phân. Chó sói *(Canis lupus)* ở Auropa sống đàn; lãnh thổ săn của cả đàn được các con trong đàn nhận biết vì nước đái của đàn chó sói có mùi đặc biệt mà chó sói nhận được. Giống chồn lông đỏ *(Vulpes vulpes)* sống riêng rẽ và dùng nước đái để phân định khu nó ở với vợ con.

Một con chồn lông đỏ khác tới đó, nếu là con đực thì phải ngừng chân quay gót, nếu cứ đi vào thì sẽ bị con đực chủ nhà xông ra đánh và cắn. Giống chồn lông trắng và xám rất hiếm ở Việt Nam, gọi là con lừng *(blaireau/gadger/ Meles meles)* mà người ta lấy lông để làm bút viết, bút vẽ, chổi chải quần áo nỉ và râu tóc, trái lại thường sống đàn trong một khu-vực; mỗi đàn có những hố phân công-cộng, đàn nào có hố phân của đàn ấy, và các con ở đàn này không được sang lãnh thổ của đàn khác để mò ăn hay mò cái.

Sự bảo-vệ lãnh-thổ đối với các giống vật hoang là một thiên-năng có mục-đích là bảo-vệ đời sống và lưu truyền giống nòi. Tuy rằng rất quan-trọng và vì thế rất mạnh-mẽ, nhưng ngay cả loài vật cũng không quá-khích và cứng-rắn một cách tuyệt-đối. Nếu trong khu-vực, hay được một năm, thức ăn đầy-đủ và lại có thể có thừa, thì sự xuất-hiện của một con đồng loại thập thò ngoài biên cũng có thể được ngơ đi, cho con mới đến kiếm ăn chút đỉnh. Con tân-khách được đến tá túc trong vùng, thường trị túc, không ăn lấn sang địa hạt của chủ nhà và cũng hết gây gổ. Nếu có một sự xâm lăng khác, nó giúp chủ nhà giữ vững đất đai vườn ngõ. Trong loài chim, nếu con chim đực chủ nhà bị tai nạn chết, con chim khách có thể được con cái thuận cho vào sống chung để giữ tổ cho đến khi các con chim con khôn lớn bay đi xây tổ mới.

Hằng năm vào mùa xuân, tôi thường được ngắm nhìn, có khi ngay trong thành phố gần những vườn hoa, quảng trường hay những khu phố nghèo, nhiều đàn chim từ hai chục đến bốn chục con bay liệng thành những vòng khói hương trên các ngọn cây hay các cột đèn; tất cả là những chim non, vỗ cánh còn chập-chững chưa vững, đường bay chưa đều còn gợn sóng sà xuống rồi lại vọt lên, như thể là đang luyện tập dưới sự hướng-dẫn của một con vào bậc huynh-trưởng nếu không phải là cha hay mẹ. Chúng bay lâu lắm, có khi cả giờ, bay vòng tròn cuộn chỉ hay thành hình số 8. Lúc đầu tôi tưởng chỉ là thể thao cho thuần cánh để vào đời, nhưng mãi rồi mới vỡ lẽ ra là các chim non đi tìm đất sống và dựng tổ. Các đường bay vòng có lẽ là để đò xem sâu bọ, hoa lá và các hạt bắp, mảnh bánh của người ta rắc ra hay để rơi vãi có đủ để cho chim đàn đến ăn không; nhưng lại còn là một sự đo-đạc dưới mắt chim để cho mỗi con chim non có thể có một khoanh đất sàn-sàn bằng nhau về diện-tích dinh-dưỡng đủ cho một tổ sống trong tuổi hè-thu sắp tới. Chẳng biết những ý nghĩ nhân-hình thô thiển của tôi có đúng không, nhưng tôi thấy đàn chim lượn chán-chê ở khoảng này rồi lại sang một vùng trời khác gần đó sau khi đáp xuống nghỉ cánh nghỉ chân trên những dây điện, cành cây hay dưới đất, và lại tiếp tục liệng vòng, liệng vòng..., số chim đàn thưa dần khi mặt trời lên cao. Tôi còn nghĩ viển vông rằng, con chim đầu đàn phải dẫn đàn con cháu đến những nơi phong-cảnh, tức là thức ăn, thích hợp với giống nòi, và lại tương-đối đủ an-ninh vì không có bóng dáng của diều-hâu, cú-vọ trên trời, chồn cáo, mèo hoang dưới đất. Ở Âuropa và America, người ta có tục nuôi chim hoang tại các công-viên và sân nhà thờ; có lẽ các đàn chim non còn phải được dẫn đến những nơi ấy để làm quen với người và học cách ăn chung với những chim đồng-loại ở các địa hạt khác trong vùng. Tất cả các sự cố liên quan đến bờ cõi giang sơn của bầy đàn và lãnh-thổ của cá nhân hay của tổ đều do sự tiến-hóa từ muôn đời trước in vào cơ-cấu của gen-hệ thành bất-di bất-dịch và chỉ cho phép những học-hỏi thích-nghi nhất-thời vào điều-kiện của môi trường hiện-tại. Mỗi lãnh thổ chỉ được phân định đối với các cá nhân hay bầy-đàn đồng loại. Mỗi lãnh-thổ lại chỉ được giữ có một đời, phần nhiều không quá một năm đối với sâu-bọ và các loài chim nhỏ: mùa đông làm rụng lá xóa đi hết, và mùa xuân trời đất như tái sinh, thì mọi sự lại bầy ra, như những vòng luân hồi nhỏ cho các sinh vật bé, chỉ sống được một quí hay một vài năm.

Các hành động của loài người chỉ giống các loài vật một cách hời hợt về hình thức.

Tại sao lại có sự tương tự giữa các hành động rồi cả một vài phong-tục của người, với các hành vi theo thiên-năng của giống vật trong tự nhiên?

Vì có sự bắt chước: người thấy một vài giống vật làm như thế và cũng theo như thế mà làm.

Sự khác biệt căn-bản giữa hai động-tác hay cung-cách là: giống vật làm theo thiên-năng, không thể làm khác được; còn người làm mà có ý thức, nghĩa là có sự nhận-xét, có sự suy-tính, có sự chọn-lựa và có sự quyết-định. Có thể làm khác được, nếu muốn; cũng có thể ngày hôm nay làm rồi ngày mai bỏ, hay ngược lại, hôm nay không theo, nhưng hôm sau theo; và dĩ nhiên, có thể làm ngược lại. Các triết gia

cổ điển gọi thế là *ý chí tự do (libre arbitre/free will),* lấy cái điểm cuối cùng trước sự hành động làm điểm căn bản. Tôi gọi thế là *thông minh (intelligence)* lấy cái khởi điểm của ý thức làm căn bản. Không có gì khác nhau hết. Ý-chí tự-do tiền giả thiết sự thông-minh, trái nghịch với thiên-năng. Sự thông-minh, bao giờ cũng tự do, dẫn đến ý-chí tự do.

Trong vấn đề này, sự thông-minh nói rằng, nên bắt chước, cần bắt chước, phải bắt chước. Sự khôn ngoan từ lúc ban đầu tạo ra một qui ước trong khuôn-khổ của cái mà từ Montesquieu (* Mạnh-đức-tư- cưu, triết gia, luật gia, văn nhân Pháp, 1689-1755), các nhà luật học gọi là *Luật tự nhiên (Loi Naturelle).*

Trong thời của Montesquieu, động vật học và sinh học còn phôi-thai, chưa quá sự biết của Buffon, tâm-lí-học chưa có tên, sự đối-nghịch giữa trí-tuệ và thiên-năng còn mù mờ ngay cả trong óc của những đại triết gia như Bergson (1859-1941), nên Montesquieu chỉ nói đến *la raison, lí trí* mà Decartes (1596 - 1650) đã nêu lên như một năng khiếu thiên phú của riêng loài người và Kant (1724-1884) sắp *phê bình" (critique)* nghĩa là phân tích siêu-việt trong ba quyển *Phê-bình* (Lí-trí thuần-túy, Lí-trí thực-tiễn, và sự phán-quyết) cốt tủy của nền triết học mới. Montesquieu viết, trong cuốn *Tinh-thần Luật pháp" (L'Esprit des Lois,* 1748) rằng:

"La loi, en général, est la raison humaine, entant qu'elle gouverne tous les peuples de la terre"

(Luật, nói chung, là lí-trí của người trong phạm-vi nó cai trị tất cả các dân trên mặt đất)

và:

"La liberté est le droit de faire tout ce que les lois permettent."

(Sự tự-do là cái quyền được làm tất cả những gì các luật cho phép).

Luật tự nhiên về sự sở-hữu đất-đai, là cái *quyền sở-hữu đất của người thứ nhất đến ở trên đất ấy (Droit du Premier Occupant).*

Trong tự nhiên, đó là cái quyền của con chim, rồi của đôi chim, đã chọn được một nơi, một khu đất, một góc rừng, một khuôn viên, một thửa ruộng, một cánh đồng, một bãi cỏ, một bến sông, một bờ biển, một rặng núi (tùy loài, chim sẻ, chim chích, chèo-bẻo, bói-cá, bồ-nông, hải-âu, sơn-ca, diều-hâu, kên-kên,

Cảnh hái dâu nuôi tằm

gõ-mõ...) làm tổ trên một cành cây hay một rui nhà trên đất ấy, kiếm ăn con ve, con ruồi, cái hoa, cái hạt trong vùng, con tôm, cái cá ở mặt hồ,... và rủ rỉ rỉa lông cho con cái, mớm cho con một con sâu, con bướm và dạy con bay từ cành này sang cành kia: đất của nó không phải chỉ là cái cành cây trên đó nó xây tổ, mà là khoảng không-gian để nó sinh sống mà ta gọi là lãnh-vực, giang-sơn, bờ cõi của đôi chim. Nó sẽ giữ gìn bảo vệ đất-đai ấy, không phải chống và cấm chim cắt và diều-hâu, hay rắn và chuột, và những thằng bé con nghịch leo lên để phá tổ, ăn cắp trứng: với bọn trộm-cướp và

phá-hoại khác giống mạnh hơn, lớn hơn, nó không làm gì được; nhiều lắm thì cũng chỉ liều mạng cự địch hay giả chết để dụ địch xa tổ, đó là việc khác. Nhưng để ngăn chặn những chim cùng loài đến cướp đất thì không bao giờ nó chịu thua một cách hèn nhát, bỏ chạy mà không chống trả đến cùng. Hình như nó biết là nó có quyền và có lẽ phải (?), và nó phản kháng quyết liệt: sự dũng-mãnh của công-lí trong loài vật phần nhiều đủ thắng được sức mạnh tàn bạo bất-công vì trừ có loài người, không có loài vật nào biết sử dụng kĩ-thuật cả.

* Bắt chước các giống vật, người cũng chấp nhận quyền của kẻ đến ở trước tiên.

Sự đến trước không cần phải tuyệt đối. Nếu là người sơ-thủy mới xuất phát từ vùng nôi, thì khắp mặt đất, đâu cũng là trinh-nguyên, chưa có vết chân người. Khi ấy muốn ở thì ở, muốn đi thì đi, không ai cấm, không ai giữ, đâu là cả một bầy đàn hay là một người lạc đàn, trơ-trọi, lang thang.

Nhưng nếu trong vùng, chỗ này chỗ nọ đã có người đang ở, thì người mới đến phải tìm tới một khu đất không có ai ở mới được dừng chân ở lại lâu, hay đóng hẳn mình ở đó. Chỗ ấy trước kia có thể đã có người ở trong một thời-gian, nhưng nay vắng-lặng, và trống-không, không có người, cũng không có quần áo, trên bếp không có nồi niêu, trong bếp không có than hồng. Những vật liệu này trong đời nông nghiệp có giá-trị biểu-tượng thay người. Nơi nào còn những thứ đó thì phải coi là vẫn còn người ở; người ấy đến trước, quyền được ở là quyền của người ấy và gia đình người ấy. Kẻ đến sau lại phải đi nữa, cho đến khi nào tìm thấy được một chỗ không người, hoặc được các người đang ở đó thuận cho gia nhập (ngụ cư).

* Sự chiếm đóng một khu đất bởi người trong thời tiền-nông-nghiệp có sắc thái đặc-biệt, làm cho sự tương-tự với các loài vật như chuột chim, sâu bọ, chỉ có ở hình thức.

Trước hết, trong đời sống nhặt-vặt và săn-bắt, bình thường con người di chuyển theo bầy đàn. Khi đến một vùng nào họ vào ở trong bờ trong bụi, cả đám đàn ông, đàn bà, trẻ con quây quần với nhau, và đốt lửa lên vừa để tạo an ninh, vừa để chuẩn bị sự nấu-nướng. Rồi họ đi kiếm ăn, mỗi người mang theo vài hòn đá đập. Đất săn trải rộng ra vào khoảng nửa ngày đến một ngày đường, bắt đầu từ chỗ đốt lửa về một phía nào đó mà họ nghĩ là có thức ăn. Đám lửa thành một tiêu-điểm đánh dấu chỗ ở, là cái đích của sự trở về sau mỗi buổi săn. C. Jullian, một sử gia Pháp có nhiều ý kiến về khảo-cổ-học, viết rằng, "(đây) là chỗ mọi người xúm lại quanh vì ngọn lửa cho sự ấm-áp, ánh-sáng và bình-an. Người (đập đá) làm dụng-cụ có một chỗ ngồi tốt để làm một công-việc có ích-lợi cho mọi người. Tất cả những người ở đây đều là du-liệp (săn di-động): trước buổi săn họ cần được sửa soạn, sau buổi săn, họ cũng cần được nghỉ ngơi lâu bên đám lửa. Do những tục-lệ ấy, gia-đình, bộ-lạc phát khởi, và tôi tự hỏi không biết những tổ-chức ấy đã thành chưa." Các nhà khảo cổ như De Lumley (1969) cũng đồng ý với C. Jullian. Thời gian của các người du-liệp này là vào khoảng 300,000 năm trước đây. Địa điểm di-chỉ được khảo sát ở Nice, miền Nam nước Pháp. Mỗi năm họ đến chỗ này để săn hươu và xiên cá trong độ vài ngày vào khoảng cuối xuân sang hạ rồi lại đi. Họ chiếm đất săn này trong 21 năm, không có bầy-đàn nào khác đến ở đây nữa, mặc dầu họ đến rồi lại về nơi họ phát xuất.

Nhưng khi các nhân-quần đã đông-đúc thì sự di-chuyển cũng khó khăn và việc du-liệp bị hạn chế. Sự chiếm hữu một khu đất để vừa ở vừa săn dần-dần đã trở nên một sự bất-đắc-dĩ tránh không được. Chưa vào nông-nghiệp, mà các bầy, rồi các bộ, ở nhiều nơi, đã bắt-buộc phải thành cố-thổ, không phải năm bữa nửa tháng, mà đời này sang đời khác một cách vĩnh viễn nếu không có những chuyện bất-thường xẩy ra bắt người ta lại phải ra đi hay phải tản lụi. Nông-nghiệp làm cho sự định-cư thành một điều-kiện lí-tưởng bắt-buộc. Sự sở-hữu đất bởi các nhân-quần đã đương-nhiên thành tựu, và phát triển thành làng, thành nước với nhà cửa ruộng vườn, sự thích-nghi sinh-học với tự nhiên được tăng cường, bổ túc và biến thành sự *xây dựng một môi-trường nhân-tạo* thích hợp với đời sống văn hóa đặc thù của mỗi nhóm người, gọi là phong cảnh thôn quê khác hẳn với cảnh rừng rú xưa. Các cá-nhân, gia-đình và tộc-đảng cũng đặt sự sở-hữu tư trên căn-bản của những nghi thức, lề-lối và thỏa-thuận chung để có sự đảm-bảo, không những về thực-phẩm, mà về sự an-ninh, sự tự-do, và đáng ghê sợ hơn nữa, về quyền-thế và những lạm trong tương-lai.

Đó là sự khác biệt đầu-tiên giữa người và chim, khi sự *CÓ* thành định-chế *SỞ-HỮU* và bị lạm dụng.

(Còn tiếp)

TRƯỚC THỀM NĂM 2000:

MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ DẠY VÀ HỌC TIẾNG VIỆT TẠI HẢI NGOẠI

ĐOÀN XUÂN KIÊN

Hơn hai thập niên đã qua. Cộng đồng người Việt hải ngoại đã không ngừng tăng trưởng ý thức về nguồn. Các trung tâm giảng dạy tiếng Việt mở ra khắp nơi, nói lên nguyện vọng của mọi gia đình Việt Nam là trao truyền tiếng nói dân tộc cho thế hệ con em lớn lên trong hoàn cảnh xa xứ. Tiếng nói là cửa sổ của văn hoá, là biểu hiệu cho ý thức dân tộc. Đã gần như một sự tự nhiên là ở đâu có cộng đồng người Việt là ở đó có lớp dạy tiếng Việt. Cũng đã gần như là mọi người đều thống nhất ý kiến về chuyện giữ gìn tiếng mẹ đẻ cho con em, chẳng phải là vì tiếng mẹ đẻ đem lại mối lợi vật chất nào cả, mà vì cộng đồng chúng ta hiểu rằng chúng ta không muốn thế hệ con cháu lâm vào tình cảnh mất gốc, rằng chúng ta xem việc gìn giữ tiếng nói dân tộc là thể hiện ý thức về gìn giữ bản sắc văn hoá dân tộc.

Đồng ý với nhau về những nguyên do vì sao phải học tiếng Việt cũng không vì thế mà việc dạy và học tiếng Việt sẽ dễ dàng hơn đâu. Hiện nay một số câu hỏi liên quan đến việc dạy và học tiếng Việt tại hải ngoại hầu như vẫn chưa được đặt ra một cách rộng rãi và nghiêm túc. Trong bài này, chúng tôi muốn được bàn góp về một số vấn đề liên quan đến phương hướng, phương pháp và nội dung của một kế hoạch chung cho việc dạy và học tiếng Việt tại hải ngoại.

1. Dạy tiếng Việt là phương tiện để truyền đạt văn hoá Việt

Để vượt qua những trở ngại ban đầu về mặt tài liệu giảng dạy, các thầy cô giáo đã hết sức linh động tìm tòi trong thư viện địa phương để có được những quyển dạy học vần tiếng Việt, những quyển bài tập đọc, những bài giảng văn rải rác trong các sách có được trong tầm tay. Một số nhà xuất bản cũng kịp thời nhận thấy sự cần thiết phải đáp ứng nhu cầu tài liệu cho các trung tâm dạy tiếng Việt, và họ lần lượt sao lục để tái bản các sách được biên soạn từ trước 1975 tại Sài Gòn. Rải rác đã có thêm một vài công trình biên soạn mới để cung ứng tài liệu cho việc dạy và học tiếng Việt tại hải ngoại. Công trình của nhóm soạn giả tại đại học Victoria (Úc) là một cố gắng mới nhất. Sự quan tâm của học giới đối với việc cung ứng tài liệu học tập là một khích lệ lớn cho các thầy cô giáo đứng lớp.

Tuy nhiên, đến nay chúng ta vẫn thấy một khoảng trống rất lớn về mặt tài liệu giảng dạy cho đối tượng trẻ em Việt sinh ra và lớn lên tại hải ngoại. Thời gian đã đủ dài để chúng ta nhìn lại sự việc, và đầu tư vào một việc cần thiết là đi tìm một phương thức dạy tiếng Việt cho lớp trẻ em này - những học viên nhỏ tuổi, có những nhu cầu học hỏi khác với các học viên tương đối lớn tuổi hơn. Những học viên nhỏ tuổi này cũng chính là những học viên song ngữ, hằng ngày các cháu không nói tiếng Việt trong trường học mà phải dùng chuyển ngữ là một ngôn ngữ Ấn Âu.

Đối tượng đã khác xưa, khung cảnh học tập cũng khác xưa. Đó là những yếu tố cần xét đến khi nghĩ đến việc biên soạn tài liệu giảng dạy tiếng Việt cho trẻ em tại hải ngoại. Nhìn lại các sách biên soạn từ trước 1975 tại Sài Gòn, có thể thấy ngay là các sách được biên soạn cho một đối tượng khác hẳn: học viên là những trẻ học tiếng mẹ đẻ và học toàn thời gian trong trường. Hậu cảnh văn hoá cũng nâng đỡ cho việc học nói và viết tiếng Việt trong lớp học.

Khi còn ở trong nước, hằng ngày được sống

trong lòng dân tộc, nói tiếng nói và sống, nghĩ theo cung cách văn hoá dân tộc, thì việc dạy và học tiếng mẹ đẻ là củng cố một tập quán văn hoá. Dạy tiếng mẹ đẻ trong một bối cảnh như vậy có những điều kiện thuận lợi mà ngày nay, trong hoàn cảnh xa xứ, chúng ta không dễ tìm thấy bối cảnh văn hoá truyền thống để hỗ trợ cho việc dạy và học tiếng mẹ đẻ. Hãy chỉ cần nhìn lại trường hợp các cháu tuổi mới vào trường, sẽ thấy sự khác biệt giữa hai khung cảnh học tập: trẻ ở trong nước được nâng đỡ bằng cả một xã hội, một khung cảnh văn hoá, một môi trường ngôn ngữ. Hằng ngày các cháu được hít thở trong khung cảnh văn hoá một cách tự nhiên không cần điều chỉnh, không cần đắn đo gì cả. Ở cùng lứa với các cháu, một bạn nhỏ ở nước ngoài sẽ phải tạm quên một bối cảnh xã hội và văn hoá tại nước chủ nhà nơi các cháu có thể đã sinh ra và nay đang sinh sống cùng với gia đình. Cháu chỉ có những buổi cuối tuần để học tiếng Việt, hoặc giả ở một số quốc gia các cháu có thể được học tiếng Việt ngay trong trường cháu học hằng ngày. Trong giờ học tiếng Việt cháu được dẫn dắt về một cộng đồng dân tộc thu hẹp trong chốc lát. Nhưng khung cảnh văn hoá này không kéo dài lâu hơn buổi học. Cháu sẽ phải tự điều chỉnh tâm trạng mình khi hoà nhập trở lại với khung cảnh văn hoá âu tây mà các cháu quen thuộc hằng ngày. Đó là nói những lớp học may mắn có những phương tiện trợ huấn cụ về mặt thính thị để giúp các cháu hội nhập với khung cảnh văn hoá dân tộc suốt thời gian ở trong lớp tiếng Việt. Theo sự quan sát của chúng tôi thì tuyệt đại đa số các lớp học tiếng Việt không hề quan tâm đến điều kiện chuẩn bị này. Trong điều kiện tổ chức lớp học nghèo nàn như thế thì các cháu học sinh ngồi trong lớp tiếng Việt là một cực hình: lớp học thiếu sinh động, lề lối dạy học vẫn chỉ là nhồi sọ buồn tẻ. Trong điều kiện học tập như thế, các cháu bé không hề thiết tha gì đến tiếng nói mẹ đẻ, đến ý nghĩa sâu sắc của việc học tiếng Việt. Vì không gây nổi hứng thú học tập cho lớp tiếng Việt nên mới có hiện tượng buồn cười là các học sinh lớp học tiếng Việt lại chỉ thích nói tiếng tây với nhau. Vì không có phương hướng thích hợp cho nên các lớp tiếng Việt chỉ dẫm chân tại chỗ, và phụ huynh rất thường than phiền là con trẻ đến lớp bao nhiêu năm mà trình độ không tiến thêm được gì.

Điều kiện học tập khác biệt như thế đã có tầm chi phối rất lớn đến việc dạy và học tiếng mẹ đẻ, mà những ai quan tâm đến việc dạy và học tiếng Việt tại hải ngoại không thể bỏ qua. Một cháu bé ở trong nước nghe cô giáo dạy đọc: "Mẹ đi chợ, Tí về quê" có thể hình dung được rất rõ những hình ảnh cụ thể của người mẹ quê trong khung cảnh sống quen thuộc hằng ngày của đất nước, cháu cũng hiểu được hình ảnh cậu bé tung tẩy trở về quê vào dịp nghỉ hè. Nói cách khác hậu cảnh văn hoá xã hội đằng sau bài học đã có thể giúp cháu nhận được lượng thông tin từ bài học. Bạn bè của cháu ở hải ngoại không có được hậu cảnh văn hoá đó, không có dịp nhìn thấy con đường làng và người mẹ quê đi chợ xa đang rảo bước về nhà, cháu cũng khó hình dung được hết ý nghiã của hình ảnh cậu bé học trò tung tăng về làng để nghỉ ba tháng hè sau chín tháng dài học tập. Hai cách gợi tả hình ảnh quê hương khác nhau như thế không thể trùng lặp với nhau được. Trong hoàn cảnh của cháu bé ở xa xứ, muốn gợi lên hình ảnh quê hương dân tộc trong tâm khảm cháu thiết tưởng cần tìm những hình ảnh khác sao cho thể cô đọng súc tích để có thể để lại ấn tượng sâu và sắc. Nói cách khác, nội dung bài học cần phải khác. Thì giờ học ngắn quá, ít quá, mà yêu cầu học hỏi thì nhiều, bài học cần cô đọng chứ không nên dàn trải loãng nhạt quá.

Ngày nay chúng ta dễ dàng nhận ra mức độ loãng nhạt về nội dung truyền thụ văn hoá trong các sách giáo khoa học vần do các tác giả trước đây biên soạn từ khi ở trong nước. Ngày trước, cả thầy cô giáo và các thế hệ học sinh ở nhà đều không cảm thấy bài học nhạt nhẽo, vì tất cả đều đang ở giữa khung cảnh văn hóa dân tộc, cho nên hình ảnh nào rồi cũng gợi lên hình ảnh cảnh sắc văn hóa dân tộc dù là ở những cấp độ loãng nhạt nhất. Chúng ta không hề thấy phí phạm ngày giờ với những bài học như thế. Nhưng mà trong hoàn cảnh sống tại hải ngoại, thầy trò đều không có nhiều ngày giờ, và cảnh sắc văn hoá cũng khác nhiều với cảnh sắc quê hương. Nhu cầu dạy tiếng Việt để qua đó truyền đạt văn hoá Việt càng trở nên bức xúc. Đó chính là nguyên do ẩn kín cắt nghĩa vì sao phần lớn thầy cô giáo và học sinh các lớp tiếng Việt tại hải ngoại cảm thấy không hứng thú khi phải dạy và học những bài văn "không chở hồn sống của dân tộc."

Vậy thì sắc thái văn hoá dân tộc nằm ở đâu, và bài học tiếng Việt cần truyền đạt những nội

dung văn hoá gì? Trả lời câu hỏi này không đơn giản. Ở đây chúng tôi chỉ xin gợi một vài ý nhỏ: vẻ đẹp của văn hoá dân tộc có khi nằm ở câu chất ngất hùng khí của bài Bình Ngô Đại Cáo, có khi lại chỉ lãng đãng thướt tha trong nhịp cân phương dịu dàng của câu ca dao lục bát; có khi lại sâu kín trong những hoa văn trống đồng nhưng lại cũng có thể phảng phất những hình nét cụ thể qua lời ăn tiếng nói, qua lối xưng hô, qua nếp cư xử với nhau trong đời sống hằng ngày; bản sắc văn hoá dân tộc có khi ẩn tàng qua cung cách hùng tráng của hội nghị Diên Hồng, nhưng cũng có thể ẩn tàng trong cả điệu thơ Kiều trữ tình lãng mạn. Vẻ đẹp muôn màu của văn hoá dân tộc đang rất cần hệ thống hoá lại để nhắc nhở con cháu đã đành, mà cũng còn là điểm tựa cho thầy cô giáo khi soạn bài dạy học tiếng Việt cho học trò.

Trong hướng nhìn như thế, chúng tôi không thấy có gì trở ngại khi chúng ta tập cho các cháu mới học vỡ lòng tiếng Việt tập đánh vần và đọc một đôi bài ca dao lục bát, tập kể lại những câu chuyện bát ngát tình cảm nhân văn trong kho tàng truyện cổ dân gian. Cũng không phải là quá cao nếu thầy cô giáo cho các học sinh tập đánh vần các chữ có khuôn vần *ông* trong nhóm từ trống đồng Đông Sơn chẳng hạn. Nếu đồng ý rằng cần phải cô đọng nội dung văn hóa khi biên soạn bài giảng tiếng Việt tại hải ngoại, thì phải thực hiện ngay từ rất sớm những bài học có sức chuyên chở sắc thái văn hoá dân tộc cho các lớp vỡ lòng trở lên. Cụ thể là mỗi bài học là một mảnh nhỏ của nét đẹp dân tộc, một gợi ý về bản ngã dân tộc.

Cũng trong hướng nhìn như thế, chúng tôi thấy cần nhắc lại kinh nghiệm biên soạn bộ sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư. Các soạn giả đã tỏ ra đi rất sát với quan niệm dạy quốc ngữ là dạy quốc văn, dạy quốc học. Các tác giả đã phân phối, dàn trải nội dung văn hoá dân tộc dưới nhiều dạng phong phú. Có nhiều nội dung còn bền vững đến ngày hôm nay, sau hơn nửa thế kỉ văn hoá dân tộc trườn qua những ngã rẽ lịch sử khác nhau. Nếu mà hôm nay thế hệ chúng ta không thể đem bộ sách này ra dạy cho học trò thì chẳng phải là vì bộ sách đã hoàn toàn hết giá trị, mà chỉ vì có rất nhiều nội dung đã cần phải thay đổi. Nhưng thế hệ hôm nay vẫn cần phải học hỏi người trước về sự nhất quán trong phương châm dạy và học tiếng Việt được thể hiện trong bộ sách đó.

Chúng tôi quan niệm rằng một giáo trình tiếng Việt tại hải ngoại đang rất cần được biên soạn một cách hệ thống, nhất quán theo tinh thần phương châm mà Quốc Văn Giáo Khoa Thư đã đạt được. Muốn có được một giáo trình như thế thì việc đầu tiên là phải nghĩ đến những hướng chung về việc dạy và học tiếng Việt tại hải ngoại để xác định phương hướng và mục đích đã. Đến đây xin trở lại câu hỏi vừa nêu ra ở trên: đâu là nội dung của văn hoá dân tộc, bản sắc dân tộc cần phải truyền đạt trong một giáo trình tiếng Việt tại hải ngoại?

Trước hết, xin góp ý về những nội dung có tính cách khái quát cần được nhất quán trong toàn bộ giáo trình. Đó là:

(1) cảnh trí đất nước quê hương;

(2) truyền thống lịch sử hào hùng;

(3) quan niệm về đời sống gia đình;

(4) quan niệm về các mối quan hệ xã hội;

(5) đức tính con người theo quan điểm đức lí Việt Nam.

Nội dung (1) chính là những nét chính của địa lí Việt Nam. Nội dung (2) là ôn lại lịch sử của đất nước ngàn năm. Nội dung (3) trình bày những nét cơ bản về quan niệm người mình về đời sống gia đình mang đậm tình cảm tập thể như là tình nghĩa vợ chồng, tình cảm cha mẹ và con cái (đạo hiếu), tình cảm anh em, tình nghĩa thầy trò. Nội dung (4) là những gợi ý về các mối quan hệ xã hội đã từng ăn sâu vào nếp sống của cả dân tộc kinh qua bao nhiêu thay đổi về tập quán, ý thức hệ tư tưởng. Đó là những quan niệm về xã hội nặng tính cách gia đình: trên kính dưới nhường, chính danh. Đó cũng có thể là nghĩa đồng bào, tình đoàn kết tương thân. Nội dung (5) chính là những quan niệm về triết lí nhân sinh của người Việt: tinh thần nhân nghĩa, tính quân bình động, tính lạc quan, óc thực tế. Tất cả những tính cách nêu trên đây có thể đã từng được các học giả khác nhau mô tả qua những tên gọi khác nhau nhưng thật ra cùng là những nội dung như nhau. Những khác biệt chỉ là ở trên bình diện ngôn từ mà thôi, thiết tưởng nhà giáo dục không nên quá sa vào chi tiết tranh luận về những khác biệt.

Những nội dung như trên bao gồm kiến thức về nhiều lĩnh vực nhân văn và xã hội. Điều này không thể tránh được khi chúng ta muốn soạn thảo một giáo trình tiếng Việt mang những hoài bão như trên vừa trình bày. Thể hiện những nội dung trên như thế nào lại

là phần việc thuộc về phương pháp sư phạm. Tuy nhiên, dù thế nào đi nữa thì năm nội dung trên cần được dàn trải theo mô hình những vòng tròn đồng tâm đi từ cấp nhỏ lên đến các cấp học cao hơn. Nghĩa là năm nội dung trên đây được dạy đủ tại các cấp lớp, chỉ khác nhau về mức độ khái quát, mức độ sâu sắc mà thôi. Một ví dụ: nội dung liên quan đến đời sống gia đình được thể hiện ở cấp lớp nhỏ nhất là những lề thói ứng xử cụ thể (đi thưa về trình, gọi dạ bảo vâng...), lên cao một bậc có thể là tình gia tộc, cao hơn nữa là tinh thần cộng đồng làng xóm (tứ hải giai huynh đệ...)

2. Dạy tiếng Việt tại hải ngoại theo phương pháp dạy song ngữ

Ngày nay, tại hải ngoại, việc dạy và học tiếng Việt không còn như ở trong nước nữa. Các lớp học thường chỉ tổ chức trên cơ sở tình nguyện vào những ngày cuối tuần. May mắn được học trong trường của nhà nước như tại Hoà Lan thì số giờ học cũng không hơn gì tại các trung tâm dạy tiếng Việt do các tổ chức cộng đồng mở ra. Giờ học ít ỏi như thế, nhưng yêu cầu đặt ra cho các giờ học tiếng Việt như thế lại rất cao, không kém gì đòi hỏi của môn học Tiếng Việt tại quê nhà: học tiếng Việt để nắm bắt được hồn tính dân tộc, bản sắc dân tộc.

Khung cảnh học tập đã khác, khiến cho việc biên soạn tài liệu phải khác trước. Đến cả phương pháp biên soạn tài liệu và phương pháp giảng dạy e cũng phải thay đổi cho phù hợp với khung cảnh mới, đối tượng học sinh khác. Trong muôn một các sách dạy tiếng Việt được biên soạn từ trước, họa hoằn chỉ có một bộ sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư là có khả năng tham khảo cả về mặt phương châm lẫn phương pháp biên soạn. Tuy nhiên, về mặt sư phạm, một tập sách giáo khoa gọi là thích hợp thì cần phải chứa đựng những nội dung truyền đạt hiện đại mà vẫn không thời thượng, trái lại phải có tính bền vững ổn định. Cả hai điểm này đều đã thấy nhẹ lắm trong bộ sách soạn ra đã ngót nghét một thế kỉ rồi. Vì thế vẫn cần phải đặt ra vấn đề biên sạn một giáo trình tiếng Việt cho trẻ Việt tại hải ngoại vào cuối thế kỉ XX đầu thế kỉ XXI, trong hoàn cảnh sống tại khung cảnh song ngữ và bối cảnh giáo dục rất tiến bộ.

Phương pháp song ngữ là gì? Thật ra cho đến giờ vẫn không có một lí thuyết về phương pháp dạy học mang tên là phương pháp song ngữ. Gọi là phương pháp song ngữ chẳng qua là để chỉ một lối thực hành giảng dạy dựa theo điều kiện xã hội ngôn ngữ học của các học viên song ngữ.

Hiện tượng song ngữ khá phổ biến tại rất nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có sự chung sống giữa hai cộng đồng ngôn ngữ. Trong sinh hoạt nói năng của cộng đồng song ngữ thường có hiện tượng chuyển hoá ngôn ngữ: đang lúc nói với nhau bằng ngôn ngữ A người ta thường bật ra những từ hay những lối nói của ngôn ngữ B, và ngược lại. Hiện tượng này cũng khá thông thường trong môi trường học ngôn ngữ thứ hai.

Cộng đồng song ngữ thường gồm có một ngôn ngữ dùng làm chuyển ngữ chung cho toàn xã hội, và một ngôn ngữ của nhóm thiểu số. Thực tế cho thấy luôn luôn có sự cạnh tranh ảnh hưởng và vị trí xã hội của hai ngôn ngữ. Những kinh nghiệm từ cộng đồng song ngữ (chẳng hạn cộng đồng Hispanish) tại Hoa Kì và Canada cho thấy là khuynh hướng giáo dục song ngữ không phải là đã ổn định. Vẫn đang còn những tranh cãi giữa ít nhất là hai khuynh hướng trái ngược nhau:

(Còn tiếp)

DONGNAI PHARMACY
HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

DIỄN ĐÀN THẾ KỶ 21

CÁI NHÀ LÀ NHÀ CỦA TA

LÊ ĐÌNH THÔNG

Tháng 10-1999, trong bài "Trong khi chờ đợi thế kỷ 21," chủ bút Vương Hữu Bột viết: "Sang thế kỷ 21, loài người sẽ sống ra sao, người Việt Nam mình sẽ sống ra sao? Làm cách nào để người Việt mình đuổi theo kịp sự tiến bộ của nhân loại, và tránh những những sai lầm mà loài người ở những nơi khác đã phạm trong quá trình đó? Xin mời quý vị cùng suy nghĩ, góp ý kiến về hai câu hỏi này." Hưởng ứng ý kiến này, tôi viết *Cái nhà là là nhà của ta,* ghi mấy suy nghĩ vụn vặt có liên quan đến tương lai của cái nhà lớn là đất nước chúng ta.

Cuộc thảo luận sẽ có nhiều ý kiến. Tôi sẽ giơ tay hỏi rằng: Liệu sẽ có cái nhà là nhà của ta hay không? Rồi nói tiếp: Ở mấy nước Đông Âu, người ta đã trả lại quyền sở hữu đất nước cho toàn dân qua ngả chính trị. Ở quê nhà, người ta cũng làm bấy nhiêu công chuyện, nhưng qua ngả kinh tế. Hai con đường đều dẫn tới kinh tế thị trường. Và thị trường nào mà chẳng đa nguyên. Sau cùng, cái nhà (sẽ) là nhà của ta. Vì vậy, 'suy nghĩ về tương lai' không phải là xét xem cái nhà sẽ thuộc về ai. Nếu dân chủ là đa nguyên, cái nhà sẽ là của chung. Vấn đề đặt ra là cần sửa lại mái nhà cho hết dột, sửa cái vách mang đầy thương tích thời gian, lót lại nền nhà loang lổ. Sau đó mới nghĩ tới chuyện sơn phết lại, gắn điện, gắn nước, rồi đất đai, ruộng vườn v.v. Khi viết về cái nhà là nhà của ta, ta sẽ gặp 'Hạnh phúc năm 2000' (TK21 # 129, tr. 7) lâu hơn thời gian uống một tách trà. Hạnh phúc đó là rung động của người xa nhà đã lâu nay trở về quê cũ.

"Tránh những sai lầm mà loài người những nơi khác đã phạm phải." Tiếp cận này tất yếu thuộc về lịch sử: vừa là lịch sử dân tộc, lại vừa là lịch sử đối chiếu. Trong tháng 12-1999, trên đài RFI (Paris), trong một chương trình do chị Thụy Khê phụ trách, tôi có nghe chủ nhiệm Phạm Phú Minh và nhiều nhà văn khác coi hơn một triệu người Việt "ra đi" là một trong những sự kiện đáng chú ý nhất trong lịch sử dân tộc vào thế kỷ 20. Vậy thì một trong những biến cố lớn trong thế kỷ 21 này chắc chắn sẽ là việc một số những người này và con, cháu, chắt họ quay "trở về." Trong trường hợp này, kinh nghiệm Do Thái sẽ có ích. Năm 1975, lãnh thổ thống nhất nhưng nhân tâm chia lìa. Sau này, vấn đề thống nhất nhân tâm sẽ là một ưu tiên lớn của đất nước. Kinh nghiệm tái thống nhất nước Đức trở nên cần thiết. Nhưng kinh nghiệm hai nước Do Thái và Đức chỉ có ích, nếu chúng ta đối chiếu với lịch sử dân tộc. Bài báo này gồm ba phần: 1) Nhà Do Thái. 2) Nhà Đức quốc. 3) Cái nhà là nhà của ta.

*

1. "Eretz Israel"

Tuyên ngôn Độc lập Do Thái (TNĐL) tuyên đọc lúc 16 giờ 40 ngày 14-5-1948 (trước lễ Vượt qua *Shabbat*, nhằm ngày 5 Lyar 5708 theo lịch Do Thái giáo), tại Viện Bảo tàng Tel-Aviv. 37 thành viên Hội đồng Nhà nước Lâm thời lần lượt ký vào văn kiện lịch sử này. Sau khi cử bản quốc thiều *Hatikva* (Hy vọng), David Ben Gourion (1886-1973), hai lần làm thủ tướng Do Thái (1948-53 và 1955-63), tuyên bố: "Với việc bế mạc khóa họp này, Nhà nước Do Thái đã ra đời". Điều 2 TNĐL viết: *"Dân tộc Do Thái buộc phải tha hương, sống tản mát khắp nơi nhưng luôn gắn bó với mảnh đất Israel, không ngừng cầu nguyện và hy vọng quay về đất nước để tái lập tự do dân tộc."* Từng câu, từng chữ trong câu nói vừa kể không những thể hiện đặc tính của dân Do Thái trước đây, nhưng còn là tình trạng của người Việt hiện nay. Trong suốt 2 500 năm sống ly hương, vào tối hôm lễ Phục sinh và tối hôm sau, dù ở bất cứ nơi đâu, người Do Thái hội họp quanh bữa cơm gia đình, chúc nhau câu: *"Léchana habaa birouchalayim"* (Năm sau hẹn nhau ở Jérusalem). Jérusalem là cái nôi của lề luật Israël, dân tộc Israël và mảnh đất Israël (tiếng Do Thái: *Torat Israël, Am Israël, Eretz Israël*).

Lịch sử dân Do Thái khởi đầu ở Sumer

cách nay trên 5 000 năm. Sumer nằm giữa hai con sông Tigre và Euphrate, là vườn địa đàng theo Kinh Thánh. Sau này, tổ phụ Abraham bỏ lưu vực sông Euphrate, về miền Đất hứa. Abraham trở thành Abraham "Hébreu." Hébreu có nghĩa là "Bờ bên kia," tương tự như câu thần chú tiếng Phạn (mantram) *pàrasamgate* (qua bờ bên kia) trong Bát Nhã Tâm Kinh của nhà Phật. Năm 586 (trước Công nguyên), sau khi người Do Thái phá bỏ đền thờ Jérusalem, dân tộc này bị lưu đầy ở Babylone. Năm 538, Cyrus Đại đế cho phép người Do Thái được quay về Judée. Tuy ngót 50 ngàn người Do Thái đã hồi hương, một số lớn tiếp tục tha phương cầu thực. Hai mươi năm sau, vào năm 516, họ hoàn thành một đền thờ thứ hai. Năm 332 mở đầu triều đại Alexandre Đại đế. Nhiều người Do Thái tới định cư ở Alexandrie, xuất hiện bản dịch Kinh Thánh bằng tiếng Hy lạp. 40 tới 4 đánh dấu triều đại Hérode ở Do Thái do Marc Antoine thiết lập. Sau khi Hérode băng hà, miền Judée bị đặt dưới ách cai trị của người La Mã. Năm 7 sau CN, đền Jérusalem thứ hai bị phá hủy. Người Do Thái tiếp tục sống trong cảnh tha hương cầu thực tới nay.

Điều 4 TNĐL nhắc lại lịch sử thành lập Nhà nước Do Thái: *Vào năm 1897, Đại hội Vận động Nhà nước Do Thái lần I theo sự đề xuất của Theodor Herzl đã tuyên bố quyền của dân tộc Do Tháo tái sinh đất nước trong chính quê hương của họ. Quyền này được bản Tuyên ngôn Balfour (2-11-1917) công nhận và được tái xác nhận trong một văn kiện của Hội Quốc liên (Société des nations) công nhận chính thức về mặt quốc tế sợi dây lịch sử ràng buộc dân Do Thái với Palestine và quyền thành lập Quốc Gia (Foyer national) của họ.* Hai sự kiện được TNĐL nhắc tới trước hết là ý kiến của Theodor Herzt trong tác phẩm *Nhà nước người Do Thái, tiểu luận về giải pháp hiện đại cho vấn đề Do Thái* (tháng Hai 1896). Ngày 2-11-1917, sir Arthur Balfour, bộ trưởng Ngoại giao Anh gửi cho huân tước Walter Rothschild một văn thư, viết: *Chính phủ Hoàng gia Anh xem xét thuận lợi việc thành tại Palestine một Quốc Gia (Foyer national) cho dân tộc Do Thái và sẽ làm mọi cố gắng để thực hiện mục đích này.* Foyer national tạm dịch là Quốc gia, trong đó nhấn mạnh chữ *Gia* (tương đương với *Foyer* trong tiếng Pháp). Đó là một căn nhà lớn: nhà Do Thái. Như nhà Đức quốc, cái nhà là nhà của ta, đối tượng của bài viết này.

Điều 5 TNĐL nhắc lại thảm cảnh mà người Do Thái phải chịu đựng trong Thế Chiến II: *Thảm cảnh mệnh danh là Shoah giáng xuống dân tộc Israel đã giết hại hàng triệu người Do Thái ở châu Âu, chứng minh một lần nữa sự cần thiết phải giải quyết vấn đề do tình trạng vô tổ quốc và vắng bóng độc lập của dân tộc Do Thái, bằng cách thành lập trên đất Israël một Nhà nước Do Thái, mở rộng cửa cho mọi người Do Thái và cấp cho dân tộc Do Thái quy chế bình đẳng giữa cộng đồng quốc tế.*

La Shoah là từ ngữ Do Thái, với mạo từ xác định (article défini) có nghĩa là toàn thiêu, (sacrifice total, holocauste, immolation), nói rộng ra là tàn sát (massacre). Nếu không có mạo từ, từ ngữ này có nghĩa là thảm họa (catastrophe). Nhiều nhà ngữ học cho Shoah là một từ ngữ không thể dịch được (intraduisible). Vì vậy, trong TNĐL, các tác giả viết là Shoah. Ngoài sự mất mát về nhân mạng có thể đếm được (Trong tác phẩm *Triệu thứ bẩy*, Tom Seguev viết: *Trước chiến tranh, có chín triệu người Do Thái sống ở châu Âu: sáu triệu người bị giết chết, ba triệu người sống sót), Shoah* còn là sự thống khổ, tủi nhục khôn lường. Tương tự như các từ mới *vượt biên, cải tạo* trong ngôn ngữ Việt Nam hiện đại.

Ngày 15-5-1947, sau một phiên họp bất thường đầy sóng gió, Liên Hiệp Quốc đã thành lập Ủy ban Điều tra Đặc biệt về Palestine (UNSCOP). Ngày 29-11-1947, Đại Hội Đồng LHQ thông qua dự án thành lập một Nhà nước biệt lập (corpus separatus) dưới sự kiểm soát của LHQ. Ngày 11-12-1947, Anh quốc tuyên bố thời hạn ủy trị sẽ kết thúc vào ngày 15-5-1948. Một ngày trước đó, Nhà nước Israel tuyên cáo độc lập.

Điều 11 TNĐL viết: *Nhà nước Israel mở rộng cửa cho việc hồi hương của những người Do Thái từ mọi quốc gia mà họ sống rải rác.* Những quy định của bản TNĐL rất gần với viễn tượng dân chủ hóa Việt Nam trong tương lai. Nhà nước hiện mở cửa cho Việt kiều đầu tư, nhưng đóng cửa đối với người Việt khắp nơi muốn về nước để "tái lập tự do quốc gia" (rétablir sa liberté nationale), theo điều 2 TNĐL đã trích dịch trên đây. Nhưng sự kiện Nhà nước Việt Nam hiện nay chưa làm không có nghĩa là sẽ không bao giờ thực hiện. Tới một ngày N nào đó (J: jour, D: day), điểm hẹn của Tự do và Dân chủ, (một phần) người Việt khắp nơi sẽ trở về quê hương để cùng xây dựng đất nước. Kinh nghiệm hồi hương của

người Do Thái sau Thế chiến chắc chắn sẽ cần thiết.

2. "Deutschland, einig Vaterland"

"Nước Đức: tổ quốc thống nhất" (*Deutschland, einig Vaterland*). Hàng chữ này có trong bản quốc ca Đức thể hiện ước nguyện của người dân Đức. *Wir sind das Volk* (Chúng ta là nhân dân) khẩu hiệu của Đông Đức nay trở thành *Wir sind ein Volk* (Chúng ta là một dân tộc): một dân tộc thống nhất trong một nền dân chủ đa nguyên. Đó là mục tiêu chính trị của tất cả các nước chuyển từ chế độ cộng sản sang chế độ dân chủ.

Năm 800, đế quốc của vua Charlemagne mở rộng ra tận biển Baltique ở phía bắc, tới dòng sông Ebre và dẫy Pyrénées ở phía nam, tới Đại Tây Dương ở phía tây, và tới dòng sông Elbe ở phía đông. Nhưng đế quốc này chỉ tồn tại 30 năm, vì không có cùng văn hóa và ngôn ngữ. Năm 842, người dân hai bờ sông Rhin ý thức là họ khác nhau về ngôn ngữ và văn hóa. Từ đó, ngôn ngữ luôn là yếu tố chính đưa đến thực thể chính trị là nước Đức. Tổ tiên người Đức sử dụng tiếng *diutisk:* ngôn ngữ dân tộc (sau này biến thành *deutsch*).

Có thể tóm lược niên biểu chia phân chia và thống nhất nước Đức như sau:

Từ 1945:

Ngày 8-5-1945, Đức Quốc Xã tuyên bố đầu hàng. Ngày 23-5-1949, Cộng Hòa Liên bang Đức ra đời, Konrad Adenauer làm thủ tướng. Tiếp đó, Cộng hòa Dân chủ Đức thành lập ngày 7-10-1949 (Walter Ilbricht lãnh đạo đảng xã hội thống nhất Đức (SED: *Sozialistische Einheitspartei Deutschlands*). Tháng 6-1953, dân Đông Bá Linh và nhiều thành phố lớn ở Đông Đức nổi dậy. Ngày 13-8-1961 khởi công xây bức tường Bá Linh. Tháng 10-1969, thủ tướng Tây Đức Willy Brandt áp dụng *Ostpolitik* (chính sách đối với Đông Đức, Đông Âu). Tháng 12-1972, hai nước Đức ký một Hiệp ước chung. Sau đó, cả hai gia nhập Liên Hiệp Quốc.

Năm 1989:

7-10: Kỷ niệm 40 năm thành lập Đông Đức. Mikhail Gorbatchev (nắm quyền từ 11-3-1985) nói với Honecker: "Cuộc sống lên án những kẻ đến trễ cuộc" (không đi kịp trào lưu lịch sử) (Ceux qui arrivent tard seront punis par la vie).

20-9: bộ Nội vụ Đông Đức giải thể phong trào phản kháng lấy tên là Diễn Đàn Mới *(Neues Forum).*

9-10: 70 000 người Đông Đức mít tinh ở Leipzig hô khẩu hiệu: Chúng tôi là người dân (nhân dân): *Wir sind das Volk* (Dân vi quý).

16-10: Hơn 100 000 người biểu tình ở Leipzig đòi dân chủ hóa chế độ.

18-10: Erich Honecker từ chức chủ tịch Đông Đức và tổng bí thư SED. Người thay thế là Egon Krenz tuyên bố "bước ngoặt" (*Die Wende*) cho Đông Đức.

23-10: Biểu tình trên khắp Đông Đức. Hơn 300 000 người biểu tình tại Leipzig yêu cầu bầu cử tự do.

4-11: Hơn một triệu người biểu tình tại Đông Bá Linh. 9-11: Phá bỏ bức tường Bá Linh.

20-11: Biểu tình tại Leipzig nêu khẩu hiệu: Chúng tôi là dân một nước(một dân tộc): *Wir sind ein Volk.*

7-12: Hội nghị bàn tròn ở Đông Đức gồm đảng cộng sản (SED), các đảng nhỏ (bù nhìn) ở Đông Đức (Blockparteien), các phong trào đối lập và Giáo hội. Hội nghị quyết định tổ chức bầu cử một Quốc hội Nhân dân (Volkskammer) mới.

22-12: Mở lại cửa ô Brandebourg ở Bá Linh.

Năm 1990:

18-3: Kết quả bầu cử Quốc hội ở Đông Đức: Liên minh vì nước Đức (48,1%), đảng Xã hội Dân chủ Đức (*Sozialdemokratische Partei Deutschlands*): (21,9%), đảng Xã hội Dân chủ (*Partei des Demokratischen Sozialismus*: danh hiệu mới của đảng Cộng sản): (16,4%), Liên minh 90: (2,9%).

12-4: Lothar de Maizoère lập chính phủ liên hiệp. 18-5: Hai nước Đức ký hiệp định thống nhất kinh tế, xã hội và tiền tệ *(Staatsvertrag).*

23-8: Quốc hội Đông Đức biểu quyết sát nhập Đông Đức vào Tây Đức.

12-9: Hiệp định "4+2" (Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Liên Xô, Tây Đức, Đông Đức) chấp thuận việc thống nhất nước Đức, chấm dứt chế độ bảo hộ của đồng minh.

Năm 1991:

20-6: Quốc hội Đức (*Bundestag*) quyết định chọn Bá Linh làm thủ đô.

*

Kinh nghiệm thống nhất nước Đức có thể ích lợi cho đất nước Việt Nam về cả hai giai đoạn: dân chủ hóa và bình thường hóa (các định chế).

Dù muốn dù không, thời gian càng thêm, đất nước ta lên càng gần với việc dân chủ hóa, hay nói khác đi là thay đổi chính trị tại Việt Nam. Câu nói của Gorbatchev ngày 7-10-1989 tại Đông Bá Linh vẫn còn giá trị đối với tất cả các con tầu lịch sử. Điều cần nói ở đây là kinh nghiệm bình thường hóa các định chế từng được áp dụng ở nước Đức sau khi Đông Đức đã được dân chủ hóa. Vấn đề rất rộng lớn không thể đề cập một lần. Vì vậy, tiếp theo đề nghị của *Thế Kỷ 21*, cuộc trao đổi liên hệ sẽ vô cùng hữu ích, nếu có nhiều tác giả cùng tham gia thảo luận liên quan các lãnh vực khác nhau, *nhất là các tác giả trong nước, thuộc cả hai khuynh hướng chính thống và tự do.*

Một trong những kinh nghiệm nước Đức cần được áp dụng ở Việt Nam sau này là trong giai đoạn thực hiện dân chủ hóa đất nước, Nhà nước sẽ tôn trọng luật pháp ngay từ khởi điểm. Những hiện tượng phản luật pháp như tập trung cải tạo vô thời hạn, trả thù cá nhân, tịch thu tài sản, sơ yếu lý lịch, hộ khẩu v.v. sau 1975 sẽ không tái diễn vào thời điểm này.

Ở nước Đức, hai năm sau ngày thống nhất, ngày 19-3, quyền đặc miễn dành cho đại biểu quốc hội (quyền bất khả xâm phạm) (immunité parlementaire) của Hans Modrow (tổng bí thư đảng SED thời Đông Đức) bị truất bỏ vì nhân vật này phạm tội gian lận trong cuộc bầu cử ngày 7-5-1989. Ngày 12-11 mở ra vụ án Erich Honecker, nguyên chủ tịch Đông Đức. Ngày 12-1-1993, tòa án tạm ngưng xét xử vì lý do sức khoẻ. Sau đó, Honecker sang Chili và chết tại đây ngày 25-5-1994.

Năm 1995, tổng kết các vụ án liên quan đến Đông Đức: Từ 1990, trong số 5666 vụ, công tố viện Bá Linh bác bỏ 5415 vụ vì không có bằng chứng, thụ lý 171 vụ đưa đến chế tài. Các số liệu này tuy có tính cách khái quát, nhưng giúp phân biệt giữa chế độ cộng sản trước đây và chế độ dân chủ hiện nay. Kinh nghiệm này có thể sẽ khích lệ chính quyền trong nước mạnh dạn dân chủ hóa đất nước, vì họ sẽ không phải là đối tượng bị trả thù. Người ta có trách nhiệm thay cái sai bằng cái đúng. Trong sự thay đổi này sẽ không thể có ngoại lệ.

3. Cái nhà là nhà của ta

Kinh nghiệm của hai nước Do Thái (phương Đông) và Đức (phương Tây), (nước này là nạn nhân của nước kia trong Thế Chiến lần thứ II) chỉ ích lợi, nếu ta tìm về "cái nhà là nhà của ta." Trong *Hải ngoại Huyết thư*, cụ Phan Bội Châu cho rằng *"dân mà dân nước, nước là nước dân."* Nước là nước dân chính là cái nhà là nhà của ta.

Cách đây hơn một thế kỷ, Nguyễn Xuân Ôn (1825-1889) có câu thơ:

Viên bang hà sự cửu phân phân?
Bán thị thiên hành bán thị nhân.

(Tại sao nước ta lâu nay rối loạn? Nửa là trời làm, nửa là do người). Có thể lấy ý kiến của Nguyễn Xuân Ôn để "ôn cố," bàn về lịch sử nước nhà trong nửa cuối thế kỷ 20. Nhưng cũng có thể "tri tân" khi nhìn về tương lai. Nếu con người đã gây ra tình trạng rối loạn hiện nay thì con người có trách nhiệm tái thiết căn nhà chung của dân tộc.

Trong tương lai, hai phần I (kinh nghiệm hồi hương của dân tộc Do Thái) và II (kinh nghiệm dân chủ hóa Đông Đức) là những tiền đề nhằm đưa tới chủ đề là người Việt sẽ góp phần tái thiết đất nước như thế nào?

Lịch sử dân tộc đã đưa ra nhiều chỉ dẫn thiết thực. Thế kỷ 15, Nguyễn Trãi đã soạn *Bình Ngô Đại cáo*, được coi là áng thiên cổ hùng văn, thể hiện hồn thiêng dân tộc. Câu kết không những mở ra chân trời mới và thời kỳ độc lập vào thế kỷ 15 (như trong bài cáo), mà còn khai mở thời kỳ dân chủ sắp tới: *Giang san từ đây mở mặt, xã tắc từ đây vững bền. Nhật nguyệt hối mà lại minh; kiền khôn bỉ mà lại thái. Nền vạn tuế xây nên chăn-chắn, thẹn nghìn thu rửa sạch lầu lầu. Thế là nhờ trời đất tổ tông khôn thiêng che chở, giúp đỡ cho nước ta vậy."* (Bản dịch của Bùi Kỷ). "Nền vạn tuế xây nên chăn chắn" sở dĩ có được là nhờ việc áp dụng những chủ trương "Đem đại nghĩa để thắng hung tàn; lấy chí nhân mà thay cường bạo." Dẫn nhập của bài Cáo có phần viện dẫn lý do: *Vừa rồi: Vì họ Hồ chính sự phiền hà, để trong nước nhân dân oán bận* (Khoảnh, nhân Hồ chính chi phiền hà, trí sử nhân tâm oán bạn).

Trong thế kỷ 20, một năm sau Cách mạng Tân Hợi, vào năm 1912, cụ Phan Bội Châu thành lập Việt Nam Quang Phục Hội ở Quảng Đông. Hai nhân vật trong Hội là Hoàng Trọng Mâu và Trần Hữu Lực có soạn lá thư gửi đồng bào (Đồng bào thư), viết: "Học sinh du học càng ngày càng nhiều về các chuyên khoa như quân sự, công nghiệp, chính trị, ngoại giao v.v. Nhân tài đông đúc thật đáng mừng. (...) Vì vậy trong ngoài nước nên liên lạc với nhau, không ngờ vực, không đòi hỏi, tương thân tương ái." Lời cuối trong "Đồng bào thư" tuy được soạn từ đầu thế kỷ 20 nhưng vẫn thích hợp với giai đoạn hiện nay,

vào đầu thế kỷ 21. Lá thư đặt ra ba điều kiện: Trước hết, không ngờ vực người khác. Bản thân mình không đòi hỏi, giống như câu của tổng thống Kennedy trong diễn văn nhậm chức vào năm 1960 : Đừng hỏi đất nước có thể làm gì cho ta. Hãy hỏi ta có thể làm gì cho đất nước. Thực hiện được hai điều này là tạo được tương thân tương ái với người khác.

Nhiều nhà lãnh đạo không có cả ba đức tính này, lúc nào cũng ngờ vực đồng bào, dùng công an, mật vụ thủ tiêu người khác. Đối với họ, câu nói đầu của Kennedy trở thành xác định, trong khi câu sau biến thành phủ định. Vì vậy, đất nước mới lâm vào tình trạng bất ổn, thù hận nhau. Muốn thoát khỏi tình trạng này, những nhà lãnh đạo nên thể hiện tinh thần bao dung trong mọi lãnh vực, từ chính trị đến tôn giáo, lấy chí nhân mà thay cường bạo. Cuộc di cư vĩ đại kể từ 1975 tới nay là đúng một phần tư thế kỷ đủ để nhiều thế hệ di tản, từ già tới trẻ, gặt hái nhiều thành quả trong cả hai lãnh vực học vấn lẫn nghề nghiệp. Sau này nếu một phần nhân sự này trở về xây dựng đất nước dân chủ, chắn chắn sẽ làm tương lai dân tộc thêm tươi sáng. Với điều kiện tránh sự ngờ vực, chia rẽ địa phương, sắc tộc, tôn giáo, chính kiến, nguồn đào tạo (Trong nước, Hải ngoại: Hoa Kỳ, Pháp, Đông Âu v.v.). Một sự chia rẽ như vậy vào giai đoạn chuyển tiếp chính trị không những là một trở lực ngăn cản xây dựng đất nước mà còn là một hiểm họa làm phân rã sự thống nhất đất nước, như từng xẩy ra tại Nga và một số nước Đông Âu, tại Indonexia. Muốn tránh tình trạng này, những người lãnh đạo đất nước cần sáng suốt, không hẹp hòi, nghi kỵ, chỉ nghĩ đến quyền lợi của bản thân và phe phái thay vì quốc ích lợi dân.

Lịch sử dân tộc trong thế kỷ 20 trải qua nhiều "rối loạn," vì người ta chỉ nghĩ đến tư lợi, luôn nghi kỵ người khác, đầu óc thì hẹp hòi, có óc bè phái (đảng phái), quen thói gian lận (nhất là gian lận bầu cử), coi thường pháp luật, coi thường người dân. Bước qua thế kỷ 21, muốn thống nhất nhân tâm, mỗi người (nhất là những nhà lãnh đạo) phải biết gột rửa những thói hư tật xấu đã in hằn vào tâm trí. Trong quá khứ, người ta chỉ bắt người khác "cải tạo" nhưng thực tế là không "cải tạo" được ai cả. Trong một vận hội dân chủ mới của dân chủ sẽ không còn chỗ đứng cho những người quen áp bức người khác. Vì vậy, sự lột xác là điều kiện chính yếu để hội nhập vào xã hội mới vậy.

*

Tôi đã mượn một câu hát của Hướng đạo (có trong tập *Hướng Đạo Ca*) để viết bài này. Ngoài câu đầu dùng để đặt tên cho cả bài, bài hát còn có mấy câu: *Cái nhà là nhà của ta, Công khó ông cha làm ra. Cháu con ta gìn giữ lấy. Muôn năm với nước non nhà (Dị bản: Muôn năm kiến nước non nhà)*. Không biết tác giả bài hát là ai. Lời lẽ tuy đơn giản nhưng hàm xúc, nói lên căn nhà của đất nước trường tồn qua nhiều thế hệ và trách nhiệm gìn giữ tài sản chung là của mỗi người.

Nếu trong thế kỷ 20, nhiều người thuộc cả hai phía đã phá tan hoang căn nhà, trong thế kỷ 21 này, mỗi người sẽ góp gạch, góp ngói v.v. sửa sang lại căn nhà cho tươm tất, đàng hoàng hơn trong ngôi làng thế giới. Cũng vì câu hát: "Cháu con ta gìn giữ lấy" nên một sói con năm xưa, nay hưởng ứng ý kiến của *Thế Kỷ 21*, viết bài này. Ước mong sẽ có nhiều ý kiến khác đóng góp nỗ lực chung này trong các lãnh vực khác.

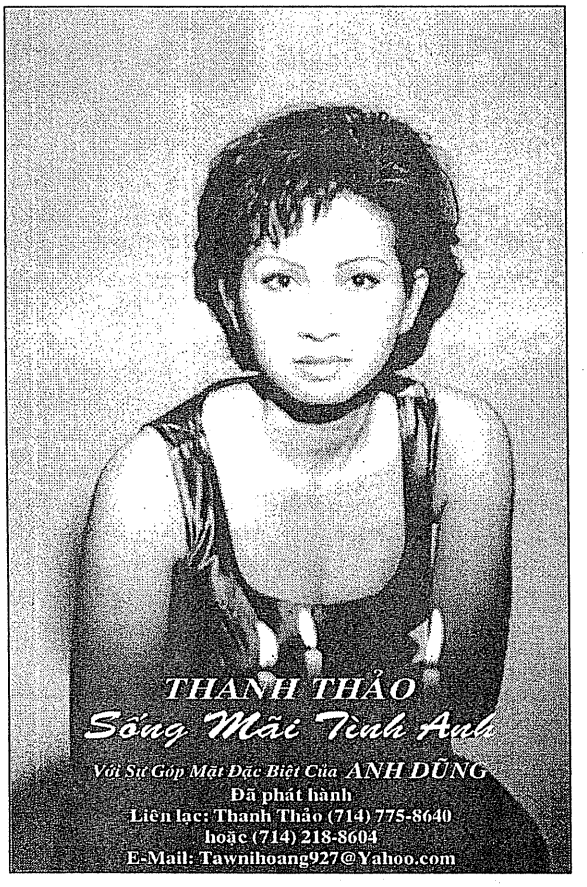

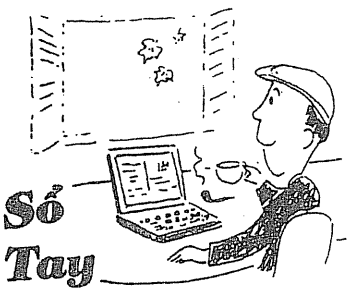

KINH TẾ, 25 NĂM SAU CHIẾN TRANH

Từ năm 1975 người Việt Nam có hai khối lớn: đồng bào ở trong nước được hướng dẫn để tiến lên Chủ nghĩa Xã hội, còn những người ở khắp thế giới thì vẫn cứ sống theo lối tư bản lạc hậu. Cả hai khối người đều sinh đẻ rất nhanh, cho nên hơn một nửa người Việt Nam bây giờ không còn nhớ chiến tranh là cái gì, thật may mắn - trừ những lúc cứ được nhắc nhở cho khỏi quên.

Theo số thống kê chính thức của chính phủ Việt Nam thì trong năm 1999 số kiều hối, tức là tiền nước khác do người Việt ở ngoài gửi về hoặc đem về chi tiêu trong nước, là hơn ba tỷ mỹ kim. Con số thực chắc còn cao hơn vì nhiều người gửi tiền về nước nhưng tiền vẫn được giữ ở nước ngoài, được đưa vào các chương mục ở Thụy Sĩ, Canada hay Đức quốc chẳng hạn. Nay cứ dùng con số chính thức ba tỷ thôi, chúng ta tự hỏi số tiền này là bao nhiêu phần trăm lợi tức của người Việt Nam ở ngoại quốc?

Nhiều gia đình có thể gửi đến 10% tiền lương về cho cha mẹ anh em ở Việt Nam, hoặc tặng cho các công tác từ thiện, cứu trợ. Có nhiều người về nước đem theo những món tiền lớn bằng cả số lương hàng tháng họ lãnh về sau khi nộp thuế. Nhưng cũng có nhiều người đi làm mà chẳng bao giờ gửi tiền hay đem tiền về trong nước. Chúng ta chỉ có thể ước đoán để có một tỷ lệ trung bình. Nếu tính bình quân một gia đình gửi và đem về Việt Nam 3% lợi tức hàng năm sau khi bị trừ thuế, thì con số 3 tỷ trên đây cho thấy lợi tức của hơn hai triệu người Việt Nam ở nước ngoài là 100 tỷ mỹ kim. Nếu coi người Việt Nam ở ngoại quốc còn rộng rãi hơn, gửi hoặc đem tiền về nhiều bằng 5% lợi tức, thì từ con số ba tỷ trên đây có thể suy ra số lợi tức tổng cộng là 60 tỷ mỹ kim.

Có thể tạm dùng hai con số 60 tỷ và 100 tỷ mỹ kim để so sánh với lợi tức của gần 80 triệu người Việt Nam sống trong nước. Nhưng những con số đó là tính trên lợi tức sau khi trừ thuế, mà suất thuế ở mỗi nước một khác, ở Canada, Pháp hay Đức thì thuế rất cao, ở Mỹ thì tương đối thấp. Thử lấy suất thuế trung bình là 20%, như vậy lợi tức trước khi đóng thuế của người Việt hải ngoại là từ 75 tỷ đến 120 tỷ mỹ kim.

So sánh thì thấy số tiền mà hơn hai triệu người Việt Nam ở nước ngoài làm ra mỗi năm lớn gấp ba, gấp bốn lần Tổng sản lượng của 80 triệu đồng bào trong nước, khoảng 26 tỷ mỹ kim. Nếu chia cho dân số để tính theo đầu người thì lợi tức bình quân của người Việt hải ngoại cao gấp hàng trăm lần người trong nước. Người Việt ở trong nước có lợi tức bình quân 310 mỹ kim một năm, còn người Việt ở bên ngoài lợi tức bình quân là 30 đến 40 ngàn, con số đó thấy không xa sự thật.

Người Việt ở trong hay ngoài nước thì trí thông minh, óc cần cù chịu khó cũng như nhau cả, không ai hơn ai. Họ khác nhau vì môi trường sống. Nếu đồng bào trong nước được sống trong hoàn cảnh tương tự như bà con ở hải ngoại, được tự do kinh doanh, làm việc, học hỏi, phát huy khả năng và sáng kiến thì chắc chắn lợi tức do họ làm ra cũng cao lên hàng trăm lần.

Có thể coi đó là một mục tiêu của việc đổi mới kinh tế ở Việt Nam. Hãy gia tăng lợi tức bình quân của đồng bào trong nước cho bằng một nửa người Việt ở nước ngoài cũng quý lắm rồi. Liệu mục tiêu đó có xa vời quá hay không? Tất cả tùy thuộc câu hỏi "đổi mới thật hay giả vờ đổi mới" (thơ Nguyễn Duy).

Chiến tranh Việt Nam đã chấm dứt được 25 năm, không thể đổ tại cái gì làm cho dân ta nghèo. Chỉ tại hệ thống chính trị kinh tế trói buộc con người không cho phát triển.

CHUYỆN EM BÉ ELIAN

Em bé Elian Gonzalez may mắn hơn nhiều em bé Việt Nam. Có hàng chục ngàn, hay hàng trăm ngàn trẻ em Việt Nam đã chết cùng với cha, mẹ, cô, dì, trong khi vượt biển tìm tự do. Ngày nay nhiều người đã quên số phận những trẻ em xấu số đó, đã quên luôn cả những người vượt biển đã chết trên đường chạy trốn chế độ cộng sản Việt Nam, ít nhất nửa triệu người đã chết. Cậu bé Elian Gonzalez may mắn được hai ngư phủ cứu, nhưng bà mẹ em và 10 người khác chết

đuổi trên đường vượt biển trốn khỏi Cuba sang Mỹ.

Nhưng em Elian Gonzalez cũng không may mắn bằng nhiều trẻ em Việt Nam khác, những em thoát chết đến được một trại tị nạn nào đó rồi được một nước nhận vào cho định cư. Hàng ngày đi ngoài đường Bolsa chúng ta có thể gặp những bạn trẻ đó, bây giờ đã 20, 30 tuổi, họ đã lớn lên ở một xứ tự do, được giáo dục, có những cơ hội phát triển khả năng, nhìn về phía tương lai với tấm lòng tự tin không giới hạn.

Em Elian Gonzalez không may mắn vì chắc nhiều phần em sẽ bị trả về Cuba. Chính phủ Mỹ phải trả em về xứ không phải vì ông Fidel Castro lớn tiếng đòi, hay vì hàng trăm ngàn người Cuba được ông ta xua ra đường biểu tình đòi trả em về xứ, mà vì tòa án Di dân ở Mỹ sẽ xử theo luật lệ. Người cha của em, ông Juan Miguel Gonzalez đã sang Mỹ đón con nhưng lúc nào cũng phải ở với viên chức chính phủ Cuba nên không thể nói gì khác là đòi em trở về. Ngày 22 tháng Mười Một năm ngoái, Juan Miguel gọi điện thoại cho bà con ở Miami báo tin con mình đã vượt biển. Ngày 25 thân nhân ở Miami gọi về nước báo tin cháu Elian thoát chết nhưng mẹ cháu qua đời, Juan Miguel xin họ hàng bao bọc cho cháu. Nếu Tòa án ở Mỹ coi em là đứa bé 6 tuổi không có quyền quyết định thì người cha sẽ quyết định, nghĩa là đưa em trở về Cuba.

Sau khi vụ em Elian được báo chí thế giới nói đến, bà Alina Fernandez (con gái của ông Castro đã trốn khỏi quê hương năm 1983,) kể chuyện con gái bà. Sau khi trốn khỏi Cuba rồi, Alina xin cho con gái mình được ra đi, nhưng ông Castro không chịu. Bà phải đem chuyện đó phô bầy thành một vụ xì căng đan lớn, hai mẹ con mới được đoàn tụ.

Người Cuba tị nạn đang kể lại câu chuyện chiếc thuyền mang tên "13 Tháng Bẩy" chở 68 người Cuba vượt biển đã bị công an biên phòng của ông Castro săn đuổi vào Tháng Bẩy năm 1994. Một người sống sót kể rằng sau khi chiếc thuyền bị vỡ và bắt đầu chìm, tầu tuần duyên cộng sản tiếp tục phun nước vòi rồng cho nó chìm luôn. Những bà mẹ ôm lấy con, nhiều người bị chìm dưới biển còn cố nâng con lên khỏi mặt nước. Người còn sống kêu lên: Hãy tha cho chúng tôi! Mình cùng là người Cuba với nhau cả mà! Xin tha cho trẻ con! Nhưng công an vẫn tiếp tục phun nước, đánh chìm chiếc thuyền, 38 người chết, trong đó có nhiều trẻ em.

Mẹ em bé Elian đã trả một giá rất đắt để cho con mình được sống tự do. Như bao nhiêu cha mẹ Việt Nam khác sau năm 1975. Câu chuyện bé Elian là một dịp để các bạn trẻ người Việt Nam ở khắp thế giới nhớ đến công ơn cha mẹ mình, vì công ơn đó mà tự nhủ mình phải sống lương hảo và hữu dụng. Biết đâu, trong những chuyến vượt biên đó cha hay mẹ các em cũng có thể chết ở ngoài biển đông, như bà mẹ của bé Elian chết ngoài vịnh Mexico?

ÓC NGƯỜI TA CŨNG CÓ NHU CẦU

Năm 1943 nhà tâm lý học về Quản trị Abraham Maslow nhận xét các nhu cầu của con người có một thứ tự ưu tiên. Cần nhất là những nhu cầu cho sự sinh sống. Nếu thiếu ăn quá thì con người có thể quên tất cả những nhu cầu khác. Những người đói giành giật miếng ăn vì họ không còn thấy nhu cầu xã hội là quan trọng nữa. Thứ đến là nhu cầu an ninh, không phải lo lắng về sinh mạng hay tiền bạc. Những nhu cầu xã hội nổi lên sau đó, như người ta cần thương yêu và được yêu thương; rồi cần được kính trọng và cảm thấy tự trọng. Và sau cùng là nhu cầu mà Maslow gọi là "tự thể hiện" (self actualisation), thí dụ phát triển nhân cách, giá trị, những tiềm năng và khát vọng của mình.

Khoa học về quản lý khai triển bảng cấp bậc các nhu cầu đó vì nhà quản trị cần biết làm cách nào tác động nhân viên trong tổ chức để họ làm việc, nâng cao năng suất.

Tăng lương là một cách, nó đáp ứng nhu cầu bậc một. Bảo hiểm y tế có thể giúp thỏa mãn một nhu cầu an ninh. Tổ chức sinh nhật cho nhân viên cũng tốt, đáp ứng loại nhu cầu xã hội. Các công ty Nhật bắt các công nhân chào cờ mỗi buổi sáng để tác động tinh thần đồng đội. Và muốn nhân viên thỏa mãn nhu cầu tự thể hiện, các công ty xe hơi như Volvo đã xóa bỏ dây chuyền ráp xe kiểu máy móc, tổ chức các nhóm công nhân chung sức ráp một cái xe từ đầu đến cuối để họ cảm thấy chính họ đang làm chủ công việc mình làm chứ không phải bị công việc làm chủ. Các công ty điện toán, tin học ở Mỹ hiện nay cho các kỹ sư ăn mặc tự do như thời đi học, đến sở và ra về vào giờ nào cũng được, đang làm việc có thể chạy qua hồ bơi

của hãng lội mấy vòng. Trong không khí tự do đó, nhân viên thiết tha với công việc mình làm hơn và phát triển nhiều sáng kiến hơn. Đó là loại nhu cầu cao nhất: bán sức lao động nhưng mình vẫn tự do tự thể hiện khả năng của mình, không phải là nô lệ.

Bản sắp hạng các nhu cầu mà Maslow nêu ra cũng chỉ là một giả thuyết, chẳng có gì là tuyệt đối, nhưng giúp môn học về quản trị tiến bộ rất nhiều từ nửa thế kỷ nay. Nhưng áp dụng nhiều nhất vẫn là trong phạm vi quản lý các xí nghiệp và các tổ chức. Biết hệ cấp các nhu cầu đó có thể chúng ta thử áp dụng trong cách cư xử với hàng xóm, bạn bè, hoặc trong gia đình mình, cũng ích lợi. Nhưng còn cả một xã hội thì sao?

TỰ DO TIN TƯỞNG VÀ TỰ DO SUY NGHĨ

Có lẽ con người sống trong một quốc gia thì những nhu cầu của họ cũng xuất hiện theo một thứ tự không khác sống trong một xưởng máy là bao. Người ta có nhu cầu vật chất, thị trường kinh tế giúp cho mình thỏa mãn. Lập ra Nhà nước để có cảnh sát giúp mình cảm thấy sống an toàn, không sợ trộm cướp hay có thằng nó lái xe ẩu khiến mình bị vạ lây. Vân vân. Nhưng khi hai nhu cầu đó đã tạm thỏa mãn rồi, các nhu cầu khác như được kính trọng, tự trọng, nhu cầu tự do, nhu cầu trí não và tâm linh sẽ nổi lên. Và lúc đó nếu không được thỏa mãn người ta sẽ thấy thiếu, thấy cần, cần thật sự. Có khi thấy cần kinh khủng, không được thỏa mãn thì đời không đáng sống nữa.

Nhu cầu bậc cao nhất là ở khối óc và con tim. Cha mẹ sinh ra có cái đầu mà không được suy nghĩ tự do thì phải tự hỏi sống như thế có đáng gọi là sống như một con người hay không? Niềm tin của mình, tin vào sự lương hảo, vào khả năng hoàn thiện của con người, mà bị từ chối, bị cấm đoán thì không biết mình còn được người ta coi là một con người hay không?

Có lẽ những nhu cầu của khối óc và con tim đó đã khiến cho hàng trăm tín đồ Pháp Luân Đại Pháp vượt qua bao nhiêu hàng rào công an, mật vụ mang được biểu ngữ, tài liệu tới Quảng trường Thiên An Môn tập họp, dù biết rằng sẽ bị bắt ngay lập tức. Và nhu cầu của trí não cũng là lý do khiến nhiều nhà trí thức Trung Hoa đã mạnh dạn lên tiếng phê phán những chính sách sai lầm của Đảng Cộng Sản, mặc dù họ sẽ bị trừng phạt, mất hết các quyền lợi.

Ở Trung Hoa các ông Phàn Cương và Mao Ư Thức là các kinh tế gia có tiếng, họ thường được mời giảng dậy ở các đại học Tây phương và tham dự các hội nghị quốc tế. Giáo sư Phàn Cương thường tham dự Hội nghị Thượng đỉnh kinh tế ở Davos, Thụy Sĩ, nơi gặp mặt của những người được giải Nobel kinh tế học, các ông Bill Gates hay Tổng thống, Thủ tướng các nước G-7. Ông lập ra Viện Cải cách Kinh tế toàn quốc. Giáo sư Mao Ư Thức, năm nay 71 tuổi, đã nhiều lần kêu gọi chính phủ Trung Quốc từ bỏ độc quyền ngân hàng để cải cách nhanh hơn. Ông cũng lập ra một Quỹ "xóa nghèo đói" cho các vùng kinh tế yếu kém. Hai ông Phàn và Mao đều bị trục xuất ra khỏi Viện Khoa học Xã hội.

Giáo sư Lí Thận Chi cũng đang bị báo chí nhà nước tố cáo là "chống đối Đảng," một tội danh lâu lắm mới được sử dụng ở Trung Quốc. Ông Lý từng là một trợ lý của Thủ tướng Chu Ân Lai, và làm phó chủ tịch Viện Khoa học xã hội. Nhật Báo Quang Minh tố cáo một lá thư của ông được gửi đi rộng khắp trên internet. Trong lá thư chỉ trích các chủ trương, đường lối của Đảng Cộng Sản, ông Lý đặt câu hỏi tại sao Đảng cứ bị ám ảnh mãi về "ổn định xã hội" trong khi Đảng chính là nguồn gốc của mọi sự bất ổn tại Trung Hoa kể từ năm 1949 đến nay? Ông Lý nói rằng Đảng Cộng Sản đã để lỡ một cơ hội không nhân dịp năm 1999 đem biến cố Thiên An môn ra thẩm định lại. Ông viết: "Sống mãi với những lời gian dối như thế, không có một lý thuyết nào chỉ đạo, làm sao chúng ta đổi mới được?" Lá thư kết thúc với lời tiên đoán: "Nếu không có một diễn biến hòa bình thì sẽ có cách mạng bạo động."

Đó là những nhà trí thức can đảm. Họ dám nói sự thật, dù bị bạo lực đe dọa. Ngày nay Đảng Cộng Sản không còn dùng hộ khẩu, tem phiếu khóa nồi cơm của họ, nhưng họ cũng mất những quyền lợi vật chất đáng kể, như không được đi giảng dạy ở ngoại quốc nữa. Nhưng con người ta có những nhu cầu, khi bị ức chế thì nó bùng lên. Ở Việt Nam có lẽ ít người ở vào tâm trạng đó. Hội Nhà văn Việt Nam mới họp đại hội ở Hà Nội, các hội viên như Hoàng Tiến, Trần Độ đã lên tiếng đòi cho các nhà văn được tự do sáng tác, tự do xuất bản. Tướng Trần Độ còn

đặt câu hỏi, *Tại sao lại có thứ gọi là Công an văn hóa?*

Có lẽ để trả lời ông Trần Độ, ông Bộ trưởng Công an Lê Minh Hương đã đãi tiệc các đại biểu về dự đại hội Hội Nhà văn Việt Nam hai ngày trước phiên họp! Công an đãi tiệc hội nghị nhà văn, điều đó chứng tỏ công an rất có văn hóa, công an cũng là văn hóa mà văn hóa cũng chính là công an! Có thể nói các hội viên Hội Nhà Văn Việt Nam đã thỏa mãn những nhu cầu cơ bản trong bảng xếp hạng của Maslow. Họ được mời ăn, đó là nhu cầu cấp một; có người đeo súng gác cho mình ăn ngon miệng, thỏa mãn nhu cầu cấp hai là an ninh; lại được uống rượu và trò truyện với các công an và được công an khen ngợi, thế là là nhu cầu xã hội cũng thỏa mãn. Còn những nhu cầu cấp cao như tự do suy nghĩ, tự do tin tưởng, để thấy mình là cái giống người, như mấy ông Lý Thận Chi, Mao Ư Thức, hay Pháp Luân Công đang đòi hỏi, chắc các nhà văn Việt Nam cũng có chứ. Không có thì sao gọi là người? Nhưng chưa họp hội nghị đã thấy mặt những cái còng số tám thì chắc họ cảm thấy bớt an toàn, thôi thì lui trở về với nhu cầu cấp một, là ăn, và chỉ ăn mà thôi.

VÌ SAO KINH TẾ KHÔNG TIẾN ĐƯỢC?

Trong những năm từ 1992 đến 1997 kinh tế Việt Nam mỗi năm tăng thêm trung bình 8.6%, đặc biệt năm 1996 còn tăng thêm 9.3% một năm, theo ước tính của Ngân hàng Thế giới. Trong hai năm 1998 và 1999 vừa qua, tỷ số tăng trưởng chỉ còn 4%, không bằng một nửa tốc độ trước. Đối với một nước nghèo mà mỗi năm có thêm hơn một triệu người bước vào thị trường nhân dụng, kinh tế phải gia tăng với tỷ lệ trên 10% mới tạo đủ công việc làm và duy trì mức sống không giảm.

Số sản xuất nông thôn tăng mỗi năm 4.4% trong thời gian 1992-97, năm 1998 xuống, chỉ có 2.8% nhưng năm 1999 đã lên 4.8%. Nhưng sản năng của nông nghiệp thường không thể tăng nhanh và sẽ sớm đụng trần, đến lúc không thể tăng nhiều được nữa. Một nước chưa phát triển muốn tiến nhanh phải dựa vào công nghệ. Trong các năm 1992-97 sản xuất công nghiệp ở nước ta tăng trung bình 12.8%, năm 98 chỉ còn 7% và năm ngoái tụt xuống 5.7%. Ngành dịch vụ còn thê thảm hơn nữa, tụt từ tỷ lệ 9% xuống 1.6% năm ngoái.

Kinh tế không thể tăng nhanh vì số đầu tư lên rất chậm. Trong Tổng Sản Lượng Quốc Nội của Việt Nam, năm 1997 cứ 100 đồng thì có hơn 29 đồng là tiền đầu tư, năm ngoái chỉ còn dưới 19 đồng. Người ngoại quốc càng ngần ngại không muốn đầu tư. Số đầu tư nước ngoài đã giảm từ hơn 8% GDP năm 1997 xuống 2.2% GDP năm ngoái. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố chính thức thì trong ba tháng đầu năm 2000 số đầu tư ngoại quốc được chấp thuận giảm mất gần hai phần ba (73%) so với quý đầu năm 1999.

Người ngoại quốc đã thất vọng chỉ tính rút ra khỏi Việt Nam. Tổ chức Thương mại Nhật Bản JETRO cho biết giá thuê văn phòng và thuê nhà ở cho doanh nhân ngoại quốc tại Sài Gòn, Hà Nội cao chỉ thua Singapore và Manilla còn thì cao hơn cả Thượng Hải, Bangkok; giá điện thoại quốc tế ở Việt Nam đắt gấp đôi các nước khác. Điện ở Việt Nam đắt gấp đôi ở Bangkok và Thượng Hải, cước phí chở hàng đắt gấp đôi Kuala Lumpur. Chỉ có giá xăng ở Việt Nam thấp, chắc vì các quan chức cũng thích đi xe con. Thuế lợi tức cá nhân cao nhất, suất thuế 50% cao hơn các thành phố Thượng Hải, 45% còn các thành phố khác ở Á châu chỉ có 29 đến 30%. Nhìn vào các con số này thì thấy người đầu tư phải đổ tiền vào nuôi bộ máy nhà nước. Đó là chưa kể nạn "giấy phép con," nhiều thứ bàn giấy đóng con dấu quá. Ông Phan Văn Khải đã ra lệnh xóa 80 thứ giấy phép con, chuẩn bị xóa 70 thứ giấy phép khác, nhưng không biết có thay đổi được thói quen đóng con dấu hay không!

Nỗi khó khăn không phải chỉ ở chính sách, mà ở thói quen bao cấp không thể bỏ được nếu không tạo một "chấn động" mạnh - gọi là sốc. Thói quen kinh tế bao cấp rất khó thay đổi, vì vậy các nước như Ba Lan, Hungary khi muốn đổi từ kinh tế cộng sản sang kinh tế thị trường đã phải dùng liều thuốc rất mạnh: thay đổi toàn diện và thay đổi thật nhanh cùng một lúc. Và họ đã thành công, sau mười năm các nước này đang tiến nhanh hơn hẳn các nước cứ rập rình không chịu dùng liều thuốc mạnh, như Nga hay Ukraine. Sau chín năm, từ 1990 kinh tế Ba Lan tăng 20% còn Ukraine đã giảm còn một nửa. Khi đổi từ cộng sản sang tư bản, điều thay đổi khó nhất là gì? Chính là cách làm việc của

con người, từ các công chức, cán bộ đến các nhà quản lý.

Ở nước ta thì Đảng Cộng Sản Việt Nam chỉ dò dẫm để bắt chước, thấy các ưu điểm nào của kinh tế tư bản thì thử chép lại rồi chờ coi, vì chưa biết hậu quả chính trị sẽ ra sao. Như vậy thì không thay đổi được những thói quen cố hữu của con người ta. Cho nên các chính sách đổi mới thất bại không phải chỉ vì nó nhỏ giọt, nó nửa vời, mà vì tác phong của những người phải thi hành những chính sách đó không đổi.

Vậy khi nào thì người ta thay đổi tác phong làm việc? Khi chính bản thân họ bị thiệt hại nếu cứ ỳ ra làm theo lối cũ. Và nếu có thể, phải để họ được hưởng lợi nếu làm theo lối mới và thấy kết quả. Hơn nữa, người ta sẽ còn tìm thêm sáng kiến để thay đổi cho việc kinh doanh tốt hơn dù không ai bắt buộc, nếu họ được tự do suy nghĩ, hành động và biết mình được hưởng các thành quả do cố gắng của mình. Đó là một vấn đề cơ chế của cả xã hội: ai làm, ai hưởng, ai được thưởng, ai bị phạt, sự thưởng phạt trong đời sống kinh tế do tất cả mọi người trong các thị trường quyết định hay do một nhóm người bí mật họp với nhau mà quyết định. Trong nền kinh tế tự do thì "thị trường" đóng vai trò thưởng phạt. Người tiêu thụ thưởng cho các nhà sản xuất hàng tốt và rẻ. Người đầu tư đổ tiền ra mua cổ phần các công ty thành công. Kinh tế chỉ huy thì ngược lại. Hệ thống quốc doanh và bộ máy hành chánh đều nằm dưới sự kiểm soát của đảng, luôn luôn bị hệ thống Đảng dẫm chân nếu không nói là dẫm lên cả đầu. Hệ thống đó không tạo ra thứ cơ chế thích hợp cho kinh tế phát triển.

Vì vậy, nói đến các căn bệnh kinh tế của nước ta bây giờ thì đủ thứ. Dân nghèo, dân nghèo ở nông thôn là lực lượng chủ yếu cho đảng Cộng Sản sử dụng thời chiến tranh, hàng triệu thanh niên chết cho đảng là con cái nông dân. Nhưng nông dân bây giờ khổ nhất. Trong 12 tháng cho đến tháng Tư năm 2000 giá sinh hoạt giảm xuống mất 2.1%. Trong số 11 nhóm hàng hóa để tính chỉ số giá sinh hoạt thì chỉ có hai món tăng, toàn là những món nhà nước thu tiền.

Còn chín món hàng giá giảm đi, giảm nhiều nhất là lương thực. Thu nhập của nông dân giảm mạnh, từ giá lúa đến giá cà phê đều xuống. Nhà nước tính đưa tiền về cho tiêu ở nông thôn nhưng bộ máy hành chánh và kinh tế của nhà nước không chạy, tiền không chảy ra lưu thông. Trong ba tháng đầu năm mới chi ra được dưới 18% ngan sách đầu tư của nhà nước. Tình trạng nông dân bớt tiêu thụ, giá cả hàng công nghiệp cũng giảm khiến các xí nghiệp ngưng bớt sản xuất để chờ. Bớt việc làm, lại bớt người tiêu thụ. Tiền ứ đọng trong các ngân hàng vì không ai muốn vay, vay để làm gì nếu sản xuất ra không có người mua? Trong ba tháng đầu năm 2000 số tiền do các xí nghiệp gửi vào ngân hàng tăng 8% trong khi số tiền vay chỉ tăng 4%. Trong khi dân không có tiền tiêu để cho kinh tế chạy thì nhà nước lại tính tăng giá điện, mà không thấy giảm thuế cho dân có tiền tiêu thụ. Cả nước đang nhịn ăn để nuôi đảng Cộng Sản.●

TULLY CLINIC

PHARMACY

VO, DAI D.

DƯỢC SĨ, TIẾN SĨ SINH HÓA

1693 FLANIGAN DRIVE, SUITE 104

SAN JOSE CA 95121

TEL: (408) 274-6698

* Bán thuốc theo toa bác sĩ
* Nhận Medical và bảo hiểm
* Tiếp đãi ân cần
* Chỉ dẫn tường tận
* Lựa chọn thuốc có phẩm chất cao

Giờ mở cửa:

Thứ Hai - Thứ Bảy: Từ 9:00AM - 7:00PM

Chủ nhân kính mời

NỮ XƯỚNG NGÔN VIÊN ĐẦU TIÊN CỦA SIÊU XA LỘ ĐIỆN TỬ: ANANOVA

THANH THẢO

Ngày 19 tháng Tư năm 2000 đánh dấu một mốc lịch sử của ngành thông tin, ít nhất là đối với kỹ thuật tin học trên mạng lưới điện toán. Vào ngày này, một siêu xướng ngôn viên mang tên rất dễ thương, Ananova, đã đọc hai phút tin đầu tiên giới thiệu về mình. Giọng nói của cô vẫn mang nét của người máy robot, nhưng khá giống giọng người thật với lối phát âm pha giọng của người Anh và giọng miền Đông Hoa Kỳ. Cô cũng có những cử chỉ nhẹ nhàng của tất cả những xướng ngôn viên truyền hình khác. Khuôn mặt cô đẹp hoàn hảo, đặc biệt nhất là đôi mắt to quyến rũ và mái tóc hợp thời trang màu xanh lá cây. Nhưng sắc đẹp tùy thuộc vào đối tượng, và dù có khó khăn, không lẽ không có một xướng ngôn viên nào có những đặc điểm như Ananova? Vậy nguyên nhân nào khiến cô trở thành cần thiết để được sáng chế và giới thiệu với khán thính giả khắp thế giới?

Theo lời của người sáng chế, cơ quan thông tấn Press Association thuộc Anh quốc, nữ xướng ngôn viên trên hệ thống điện toán Ananova được giới thiệu để đáp ứng nhu cầu của khán thính giả muốn có được tin tức phổ cập từ nhiều phương tiện khác nhau. Chẳng hạn, ngày hôm nay, Ananova chỉ xuất hiện để thông tin trên mạng lưới điện toán Internet, nhưng sau này cô có khả năng nhận đơn đặt hàng, và trả lời phỏng vấn, không những chỉ trên máy điện toán, mà còn từ những điện thoại lưu động, hay những chiếc đồng hồ có màn hình. Thay vì phải đánh trên máy những câu hỏi, sau này những khán thính giả của cô có thể hỏi cô và được trả lời bằng giọng nói chỉ hơi giống người máy một chút thôi. Ananova tuổi độ 28, cao 5 feet 8, không có chi tiết về thể trọng, nhưng nhìn khuôn mặt ta có thể đoán chắc cô phải có thân hình cân đối và... hoàn hảo. Khuôn mặt cô đã được điều nghiên để trở thành khả ái đối với cả hai phái nam lẫn nữ. Vì không phải là người thật, cô sẽ không lên cân, không bị những vết nhăn của kinh nghiệm sống và không già đi cùng thời gian như tất cả những xướng ngôn viên khác. Hơn nữa, vì không phải người thật, cô sẽ không có những tai tiếng bởi những liên hệ cá nhân, hay bị thân nhân ảnh hưởng, cô sẽ không có những nhu cầu vật chất hay tinh thần ngoài dự đoán của nhà sáng chế, cô sẽ không ngày càng trở thành kiêu ngạo khi được nổi tiếng, và cô sẽ không có những thủ đoạn kém lương thiện để tiến thân trên đường sự nghiệp. Tuy hiện nay cô chỉ mới nói được tiếng Anh, sau này Ananova sẽ học thêm nhiều ngôn ngữ khác. Hơn thế nữa, những điều cô thông tin sẽ hoàn toàn được kiểm soát bởi người sáng chế, và sẽ không thể có những giây phút bốc đồng cô tuyên bố những điều

Ananova

bất lợi cho công ty chủ nhân. Ngoài những động tác thông thường của một xướng ngôn viên, như lúc nào phải mỉm cười, khi đọc tin nào phải trang nghiêm, tuy hiện nay cô đã học được cách bĩu môi, có lẽ cô sẽ không bao giờ được áp dụng bài học này khi thông tin, trừ khi nào... máy điện toán gặp trở ngại kỹ thuật.

Ngày 19 tháng 4 năm 2000, khi cô được chính thức giới thiệu với thế giới, cô đã khiến cho những công ty đang cạnh tranh với Press Association phải ganh tức vì quá nhiều người muốn vào địa chỉ Ananova.com để thử xem cô đọc tin ra sao. Địa chỉ này bị

bận nhiều lần trong ngày. Sự hiếu kỳ của nhiều người có nghĩa là sẽ có nhiều công ty hoặc muốn chế tạo những xướng ngôn viên cạnh tranh, hoặc đơn giản hơn, giành nhau mua hẳn cô bé này về làm... nhân viên của công ty mình. Tuy có tốn kém thật, nhưng được yên tâm vì sẽ chẳng sợ có lúc nào đó cô giận dỗi, xin nghỉ việc sau khi hết hợp đồng. Vào tháng Hai năm nay, khi Press Association tung tin sẽ giới thiệu Ananova cùng thế giới, đã có một số công ty ngỏ ý mua luôn chi nhánh New Media, Ananova Ltd. với giá ước lượng là... $700 triệu mỹ kim. Theo lời ông Robert Simpson, đại diện công ty Press Associated, sự trồi sụt đáng kể của thị trường chứng khoán, nhất là kỹ thuật cao và kỹ thuật tin học, trong vài tuần lễ gần đây trên toàn thế giới không có ảnh hưởng mấy đến giá cả chót của việc bán Ananova Ltd. Lời phát biểu này cũng được công ty Pricewaterhouse Coopers, đại diện chính thức về thương mại cho Press Association, xác nhận với phóng viên Reuters. Lợi nhuận có thể là lý do chính cho việc chế tạo nhân vật Ananova, ngoài yếu tố phụ là được có tên trong danh sách những điều đáng ghi nhận trên thế giới dành cho người sáng chế.

Tuy công ty sáng chế Ananova tuyên bố rằng với thời gian, nhiều người sẽ quen dần và trở thành thân thiện với cô, không phải là không có những ý kiến phản đối. Chẳng hạn như một xướng ngôn viên đã tuyên bố với phóng viên hệ thống truyền hình ABC rằng: "Chẳng lẽ con người trên thế giới này suy đồi đến mức đáng thương hại đến nỗi phải kết thân với một con búp bê nói được hay sao?" Ý kiến này liên quan đến lời tuyên bố của công ty sáng chế rằng Ananova thích tập thể dục, thích trượt tuyết tại Alps, yêu nhạc Mozart, và thích chơi môn thể thao Cricket. Và sau này, Ananova sẽ dần dà có bạn trai, có nuôi thú và có nhà cửa, vân vân... Nhưng cũng có những người không thấy có điều gì sai với việc kết thân với một con búp bê biết nói. Xướng ngôn viên danh tiếng Peter Jennings của hệ thống ABC đã trả lời phóng viên Reuters rằng: " Ngoại trừ mái tóc xanh lá cây mà ngay cả con trai tuổi dậy thì của tôi cũng cho là quá đáng, lãnh vực truyền thông bao la có đủ chỗ cho tất cả mọi người."

NHỮNG TIN VUI ĐẦU THIÊN KỶ 2000

TIỂU QUYÊN

Giới truyền thông thường ưa khai thác những tin tức nhiều tính chất khích dục hay hung bạo hơn là những tin vui. Tuy nhiên trong vài tháng đầu thiên kỷ mới, từ Đông sang Tây, chúng ta đã được đọc khá nhiều chuyện đáng mừng - gợi nhớ tới những chùm pháo bông sáng rực trong màn hình TV khắp thế giới nhân giờ Giao thừa cuối năm 1999.

1."Ngân hàng thì giờ"

Tại Thượng Hải, thành phố đông dân nhất thế giới (khoảng 23-24 triệu người), người ta bắt đầu lập ra một thứ "Ngân hàng giữ thì giờ" (Time Bank hay TB) mong giải quyết nhu cầu xã hội: quá nhiều người già yếu đuối và cô đơn, không được ai chăm sóc.

Tuy chỉ là một chương trình nhỏ bé thí nghiệm đầu tiên tại Thượng Hải mới một năm qua, nhưng cách tổ chức TB này có thể là một nền móng để giải quyết vấn đề xã hội chung của Trung Quốc và các xứ khác: Người già ngày càng đông và họ cần sự tương trợ giữa tư nhân với nhau, không thể chỉ trông vào trợ cấp của chính phủ để lập các nhà dưỡng lão rất tốn kém.

Người Trung Hoa cũng như các dân tộc Á Châu khác, từ xưa vẫn có truyền thống con cháu chăm sóc ông bà già trong gia đình, nhưng vì bị hạn chế sanh sản (một con) nên người già Trung Quốc ngày nay cũng bị cô lập không khác người già bên Âu Mỹ. Trong khi đó thì hệ thống an sinh xã hội của Trung Quốc cũng chưa cung cấp nổi những dịch vụ cho các lão ông lão bà nên đa số họ sống rất nghèo khổ. Số đông phải sưởi bằng cách ôm chai nước nóng vì không thể trả nổi tiền điện hay tiền ga đốt lò vào mùa lạnh...

TB hay Ngân Hàng Thì Giờ giúp các hội viên tích lũy thì giờ thiện nguyện họ đã bỏ ra để giúp ích người khác - đối tượng là những ông bà lão yếu ớt hay bị tật bệnh, không còn tự túc được. "Nhà băng" này sẽ ghi lại số giờ bạn đã dùng để giúp người y như số tiền trong một "trương mục tiết kiệm" vậy. Một ủy ban gồm bà con trong xóm (do nhân viên chính phủ điều hợp) sẽ lo chuyện ghi chép và phân phối những người trẻ

hơn tới giúp những người "có trương mục" trong nhà băng TB khi tới lượt họ đau yếu. Tùy theo số giờ họ đã đóng góp khi còn khỏe mạnh, họ sẽ được chăm sóc nhiều ít... Cũng như bạn để dành tiền, khi hết lợi tức thì rút ra sài dần. Bạn càng giúp người nhiều, bạn càng được người khác đỡ đần lâu. Nhân nào quả ấy!

Bà Ngũ Hàn 75 tuổi, có tật phải đi nạng, xưa là công nhân viên một hãng dệt tại Thượng Hải, nay sống một mình trong căn hộ nhỏ xíu, không có nước nóng và cái bếp chung với mấy căn khác thì ở xa tít phía đầu nhà. Nếu không có bà Hà Dân tuy cũng 75 tuổi nhưng còn khỏe mạnh giúp đỡ, thì bà Hàn khó mà có được miếng cơm canh ngon lành - và biết được vài câu chuyện ngoài phố. Tuy ghi danh trong nhà băng TB nhưng bà Dân tới giúp cho bà Hàn như một lối xóm tốt bụng chứ không phải chỉ giúp nhằm mục đích "để dành thì giờ" cho mình sau này. Tuy bà đã có hàng ngàn giờ trong nhà băng, nhưng bà cho biết không thật sự để ý tới chuyện đó: "Tôi mong được chết bất ngờ, không đau ốm, để khỏi làm phiền ai phải chăm nom." Bà Dân cho là "khi giúp đỡ người khác cuộc đời tôi trở nên phong phú, giàu có hơn."

Bà Trần Tiếu, 61 tuổi trong chương trình TB tại Thượng Hải cho biết: "Tôi sau này rồi cũng sẽ yếu như hai cụ mà tôi đang giúp đây, cả hai đã 84 tuổi. Ngoài ra tôi cũng chăm nom bà mẹ tôi nay đã 90. Nếu mình không chịu lo cho người già, tức là mình không nghĩ tới tương lai của mình đó thôi!"

Thành phố Thượng Hải rất mong chương trình thí điểm này thành công vì dân chúng tại đây lão hóa nhanh hơn các vùng khác trong xứ Trung Hoa. Có tới 2 triệu 400 ngàn người trên 60 tuổi tại Thượng Hải, chiếm 18% số thị dân, so với 10% là tỷ số người già trong nhiều thành phố khác. Lý do vì dân Thượng Hải có mức sống cao hơn các nơi khác, tuổi thọ trung bình lên tới 75 (chỉ kém Hoa Kỳ một tuổi). Năm 2030, Thượng Hải sẽ có tới 6 triệu 400 ngàn người già, và cả nước Trung Hoa sẽ có 275 triệu người trên 60 tuổi! Chính quyền CS hy vọng rằng hệ thống "Ngân hàng thì giờ" hay TB sẽ giải quyết thỏa đáng vấn đề chăm sóc các ông bà lão đông đảo khắp xứ Con Trời.

Không phải chỉ có người già tham gia vào việc thiện nguyện mà còn có những phụ nữ chưa già cũng bỏ thì giờ vào TB. Như bà Trương Lan, 46 tuổi, chồng là thủy thủ ít khi về nhà, con đã đi học xa, chính bà thì mất việc nên nay tới giúp cụ Vương Tần 85 tuổi, vừa đỡ trống trải, vừa cảm thấy mình còn làm được việc hữu ích. Tuy nhiên các thế hệ trẻ trong tương lai, liệu họ có còn giữ được tinh thần tương thân tương ái này hay chăng, thì chưa ai biết được.

2. "Xin trả cho người khác"

Người Mỹ nổi tiếng là có tinh thần Sòng phẳng (Fairness). Ai làm chuyện gì cho họ là họ muốn trả ơn sòng phẳng ngay, tiện lợi nhất là trả bằng tiền, để sau đó không còn bị vướng bận gì về tình cảm hết! Tinh thần Sòng Phẳng này phải chăng ngày nay đang được "xét lại"? Báo *Los Angeles Time* ngày 16 tháng 2 vừa qua mới viết một bài dài về hiện tượng thành công của cuốn sách có tựa đề *Pay it forward* của Catherine Ryan Hyde, do Simon & Shuster xuất bản và đang được làm thành phim. Đừng trả ơn tôi, hãy làm ơn cho người khác: đó là ý nghĩa của tựa đề sách *Pay it Forward.*

Trong cuốn sách kể trên, tác giả kể câu chuyện của cậu bé Trevor McKinney 12 tuổi muốn "thực hiện một dự án có thể Thay Đổi Thế giới," do thầy giáo Reuben (dạy về môn Xã Hội) đề nghị. Học trò trong lớp chỉ có vài em tham dự. Trevor quyết định sẽ làm việc hay giúp tiền cho ba người và sẽ không nhận sự đền ơn của họ, chỉ yêu cầu họ "trả (ơn nghĩa) cho ba người khác" mà thôi. Theo dự tính của Trevor: 3 x 3 = 9 người, rồi 3 x 9 = 27 người sẽ được giúp ích... như kiểu gửi thư thiên linh chuỗi, chẳng mấy chốc hàng trăm ngàn, rồi hàng trăm triệu người, ai cũng sẽ nhận được sự giúp đỡ và ai cũng đi giúp người... Thế giới sẽ thay đổi và loài người sẽ tốt đẹp hơn biết bao!

Hiện nay tác giả đang đi vòng nước Mỹ để giới thiệu sách và hãng Warner Bros đang quay thành phim câu chuyện rất nhiều tình tiết ly kỳ của Trevor McKinney, bà mẹ cậu, ông thầy giáo da đen Reuben - nguyên là một cựu chiến binh tại VN bị hư hoại cả nửa mặt phía trái, cùng những người liên hệ tới ba nhân vật mà cậu bé đã giúp đỡ. Tác giả kể truyện từng đoạn ngắn, mỗi đoạn về một nhân vật khác nhau, đôi khi rời rạc, khó theo rõi, khiến cho người đọc không thấy hấp dẫn cho lắm, nhưng các nhà

làm phim chú ý ngay tới câu chuyện có tính cách Hướng Thiện này. Họ mua bản quyền với giá "sáu con số" (hàng trăm ngàn) và hãng Warner Brothers đang quay thành phim.

Nhà xuất bản Simon & Shuster nghe nói cuốn sách sắp trở thành phim, đã tới thương lượng với tác giả để in lần đầu 100 ngàn cuốn. Chủ biên Chuck Adams đọc bản thảo, thấy sách "gợi hứng khởi và gây xúc cảm - tác giả viết bằng cả tấm lòng..." Ông Adams không muốn lỡ cơ hội như 33 nhà xuất bản đã từ chối cuốn "Chicken Soup for the soul" (Súp gà cho tâm thức), khi các tác giả đi tìm người in lần đầu tiên. Ngày nay, bạn đọc có thể thấy cả một bàn lớn toàn loại sách này trong bất kỳ tiệm sách lớn nào! Hầu như các nhà xuất bản sách và sản xuất phim ảnh tại Hoa Kỳ đang có khuynh hướng chung: ấn hành và làm phim về những đề tài Hướng thiện hay có tính cách Tâm linh.

Tác giả Catherine Ryan Hyde cho biết, khoảng 20 năm trước, khi xe bất ngờ bắt lửa trên xa lộ, cô chỉ biết đỗ xe rồi tông cửa chạy ngay ra ngoài. Một người lạ chạy tới giúp và ông đã dùng chăn dập tắt được ngọn lửa. Ông cũng lên xe đi ngay trước khi cô Catherine kịp cảm ơn. Cuối năm đó, cô đã dừng lại trên xa lộ giúp một bà bị hư xe dọc đường. Bà này muốn cảm ơn Catherine bằng một số tiền, nhưng cô đề nghị bà ấy "hãy trả ơn cho người khác." Sau đó, Catherine Hyde nghĩ tới chuyện viết một cuốn sách về cái ý này trong đầu cô. Khi làm những công việc tạp nhạp (có lần cô phải làm hướng dẫn viên cho khách coi lâu đài Hearst...) Catherine đi dự vài buổi hội học về viết văn. Cô chỉ có vốn liếng về nghề viết trong một lớp "sáng tác" trong trường trung học Buffalo (New York). Sau khi mất việc làm bánh ngọt năm 1991, Catherine Hyde nhất định ở nhà viết văn. Được bà mẹ hỗ trợ tài chính, cô đã xuất bản "Funerals for horses" (Đám ma cho ngựa, 1997) và "Earth Quake Weather" (Thời tiết động đất, 1998). Cả hai tuy có những lời bình phẩm tốt nhưng không bán được mấy.

Tuy thành công về tài chánh, Catherine Ryan Hyde vẫn sống với bà mẹ và cô tỏ ra chú ý tới những đáp ứng của quần chúng hơn là giới phê bình. Cô cho biết có lần tại tiệm sách cô tới ký tên, một cô giáo đưa tặng cô một xấp thiệp do học trò lớp ba vẽ, sau khi nghe cô giáo đọc một đoạn trích trong sách... Catherine rất ngạc nhiên, vì các em tiểu học không phải là độc giả của cuốn này: "Tôi thật không ngờ cuốn sách lại liên hệ được tới nhiều người như vậy."

CHUYỆN CẬU BÉ ELIAN GONZALEZ

TRẦN QUAN NIỆM

Phép lạ ngày lễ Tạ Ơn

Sau mấy hôm biển động vì bão tố, vào đúng vào dịp lễ Tạ Ơn (Thanksgiving, tháng 11 1999, nhân trời quang mây tạnh, hai ngư phủ Florida lái tầu ra khơi câu cá. Cả hai thấy trôi nổi lềnh bềnh xa xa một chiếc phao làm bằng ruột xe hơi. Mới đầu, họ không để ý, nhưng chiếc phao dạt đến gần, một anh lấy ống nhòm quan sát, phát hiện một hình dáng giống như con búp bê cột bên cạnh chiếc phao. Đến gần hơn nữa, hoá ra là một em bé trai sáu tuổi đang bám chặt lấy vật cứu sống duy nhất ngoài biển khơi.

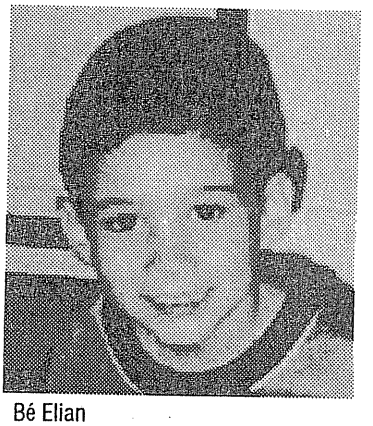
Bé Elian

Ngạc nhiên, cả hai vớt cậu bé lên tầu, và thắc mắc là không hiểu từ đâu cậu bé này trôi đến và cậu ta ở trong tình trạng này đã bao lâu. Còn những người khác đâu?

Cả hai vội vã về bến, nộp cậu bé cho cơ quan cảnh sát. Sau đó nhờ lực lượng Hải Quân tuần phòng duyên hải thu thập tin tức mới hay rằng tuần trước đó, 10 người lớn, trong đó có mẹ ruột và cha ghẻ của cậu bé, vượt thoát từ bờ biển Cu Ba trên một chiếc bè sơ sài, với hy vọng qua tỵ nạn tại Hoa Kỳ, kiếm một đời sống tự do sung túc hơn. Không ngờ biển động làm chiếc bè bị chìm. Mười người lớn chết đuối. Như một phép lạ, cậu bé sáu tuổi yếu ớt, lại sống sót sau mấy ngày trôi giạt trên biển.

Cậu bé tên là Elian Gonzalez. Và từ biển khơi, cậu ta đã đem sóng gió vào Little Havana tại Miami và gây nên cơn phong ba bão táp

ngoại giao giữa Hoa Kỳ và CuBa.

Sôi động trong Cộng Đồng Cuba tại Miami

Ngay khi nhận được tin Elian sống sót, thân bằng quyến thuộc của cậu ta (khá đông) tại cộng đồng Cu Ba lưu vong Miami nhận lãnh về nuôi. Cảm thương cho số phận thê thảm của mẹ Elian, cả họ Gonzalez quyết tâm hy sinh tất cả để chăm sóc Elian nên người thành đạt, như là một lời hứa nguyện với hương hồn người mẹ vắn số là dù sao ước nguyện của bà ta cũng một phần thành tựu, đó là đưa Elian đến bến bờ tự do, xa lánh chế độ độc tài của ông râu xồm.

Tuy nhiên tại Cu Ba, cha cậu bé được tin cơn sống sót bèn lên tiếng nhận lãnh cậu ta về Cu Ba để cha con đoàn tụ.

Sở Di Trú Hoa Kỳ khi nhận được lời yêu cầu, thấy hợp lý, vì căn cứ trên tình máu mủ gia đình, nay cậu Elian mất mẹ, thì quyến thuộc gần nhất phải là người cha, dù rằng anh này đã ly dị mẹ Elian và đã có vợ khác cùng một đứa con trai 8 tháng với người vợ thứ nhì.

Nhưng thân nhân và cộng đồng CuBa lưu vong không chịu. Họ lý luận rằng, quả thật Juan Miguel là bố của Elian, nhưng anh ta đã li dị. Đồng thời vì mẹ của Elian quyết tâm tìm bến bờ tự do đến nỗi hy sinh cả mạng sống của mình, như vậy giữ Elian ở Hoa Kỳ là hợp với ý nguyện của người đã khuất.

Bà của Elian bay từ Cuba sang Hoa Kỳ để nhận cháu, nhưng không toại nguyện. Và từ từ, Tổng thống Fidel Castro nhập cuộc, lên tiếng là Elian phải được trả về Cuba.

Tại Miami, thân nhân cậu Elian, thuê luật sư để đưa nội vụ ra toà nhờ phán quyết. Cuộc tranh chấp mới đầu có tính cách gia đình nay biến thành cuộc tranh chấp nhuốm mầu sắc chính trị giữa cộng đồng Cu Ba lưu vong và nước Cu Ba Cộng Sản.

Cha đi tìm con

Thượng tuần tháng 4, 2000, cha của cậu bé, từ thủ đô Havana, Cu Ba được phép bay sang Mỹ đón con trai về đoàn tụ. Anh ta đi cùng bà vợ thứ nhì và đứa con trai mới sáu tháng. Cả nước Mỹ và nhất là cộng đồng tỵ nạn Cu Ba tại Miami hồi hộp chờ đợi. Đây là một biến cố mới, tạo thêm sự căng thẳng trong vụ tranh giành cậu bé Elian. Người cha đã đến tận nơi tìm con, thì khó có lý do để từ chối không trao con lại cho anh ta.

Nữ Bao Công Reno đích thân nói chuyện với Juan Miguel (không có sự hiện diện của các viên chức Cu Ba Cộng Sản.) Bà muốn biết chắc anh là người cha tốt, và có thật là anh ta muốn con anh lớn lên trong một quốc gia Cộng Sản không có tự do, thiếu hụt thực phẩm hay không.

Bà Reno kết luận: "Dù anh ta và tôi không cùng quan điểm chính trị, nhưng không vì thế mà chúng ta trừng phạt một người cha, cũng như không thể bắt buộc anh phải nuôi dạy con ở quốc gia anh không muốn. Nếu chúng ta xét đoán cha mẹ qua quan điểm chính trị, thì chúng ta đã thay đổi ý niệm căn bản của gia đình vậy."

Từ trước đến giờ Sở Di Trú luôn luôn nhấn mạnh rằng, Elian phải được đoàn tụ với cha. Tuy thế thân bằng quyến thuộc của Elian và cộng đồng Cu Ba nhất quyết tranh đấu qua phương tiện luật pháp để Elian ở lại nước Mỹ, dưới sự săn sóc của chú bác cô dì.

Bà Reno muốn bể cái đầu

Là Bộ Trưởng Tư Pháp, bà Reno là người phải có quyết định chung kết. Trách nhiệm đè nặng trên vai, bà là người cô đơn nhất. Từ Tổng Thống Clinton đến người dân thường khắp nước Mỹ và thế giới trông chờ một quyết định sáng suốt nơi bà. Đây là lần thứ nhì trong nhiệm kỳ, bà phải đương đầu với một trường hợp khó xử. Lần trước là vụ Waco, Texas trong đó 80 tín đồ giáo phái Branch Davidian chết trong hỏa hoạn tại căn cứ giáo phái này sau 50 ngày không nhượng bộ trước ý định xâm nhập và khám xét cuả nhân viên công lực FBI.

Rút kinh nghiệm, kỳ này bà đích thân gặp mặt cả đôi bên. Trong lần gặp Juan Miguel như đã nói ở trên, bà hứa anh sẽ đoàn tụ với con trong vòng một tuần lễ. Bà cũng gặp thân nhân của Elian. Suốt hai tiếng rưỡi đồng hồ, bà lắng nghe, nhưng cuối buổi họp, bà vẫn giữ nguyên ý định là Juan Miguel có quyền nuôi giữ đứa con trai.

Dù muốn dù không, bà Reno cũng phải quyết định mau lẹ. Và việc gì phải tới đã tới.

Rứt em bé Elian ra khỏi thân nhân

Lúc gần sáng ngày thứ Bảy 22 tháng Tư, nhân viên vũ trang liên bang đã xông vào

nhà người bà con đang nuôi giữ em bé Elian tại Miami để bắt em mang đi. Cảnh đột nhập khá thô bạo đúng bài bản "hành quân" đã khiến em bé sợ hãi khóc thét và cộng đồng Cuba tị nạn vô cùng bất bình, sau đó gây nhiều cảnh bạo loạn để phản đối trên đường phố. Nhưng liều thuốc mạnh đã giải quyết cơn bệnh rề rề mấy tháng nay: em bé Elian được mang thẳng đến căn cứ không quân Andrews ở gần thủ đô Washington, và mấy tiếng đồng hồ sau, đã gặp lại cha tại đấy.

Muốn biết sự việc thể nào, chờ xem hồi sau sẽ rõ.

BỆNH TÒNG KHẨU NHẬP

(bệnh do cửa miệng mà vào)

TQN

Đầu năm 2000, người Việt trong nước và cộng đồng Việt tỵ nạn tại hải ngoại xôn xao lo ngại vì do sự tố cáo của nhân công hãng làm bánh phở, Bộ Y Tế Cộng Sản Hà Nội khám phá ra là bánh phở được chủ nhân hãng tẩm hoá chất "dùng ướp xác chết" (formol aldehyde) để bánh phở tươi lâu hơn. Nếu tiêu thụ một số lượng lớn hoá chất này, tích lũy ngày này qua ngày khác trong cơ thể, sẽ gây tác hại nguy hiểm. Ở đây cách dùng chữ nghe ghê gớm quá làm mọi người rùng mình sợ hãi, tẩy chay bánh phở, khiến các hãng này điêu đứng đã đành, mà làm các tiệm phở vắng như chùa Bà Đanh, lỗ vốn muốn sập tiệm luôn. Mức tiêu thụ phở khô, mì ăn liền tại hải ngoại cũng suy giảm thấy rõ. Thật ra, các chủ hãng bánh phở chỉ dùng loại hóa chất được xếp hạng như một "chất bảo toàn" (preservative) để bảo vệ sự tươi ngon của sản phẩm. Đồng bào hải ngoại chắc không ngờ rằng tại Hoa Kỳ, khoảng 1,000 hoá chất được Bộ Canh Nông và Y Tế cho phép xử dụng để nuôi lớn gia súc, để làm mặt hàng thực phẩm (ham, hotdog, chip) trông tươi ngon, để dành được lâu hơn, cốt hấp dẫn người mua.

Nghề chăn nuôi tại Hoa Kỳ

Càng ngày phương pháp chăn nuôi tại Mỹ càng được tập trung và được tự động hóa. Như thế có nghĩa con vật nuôi để làm thịt bị nhốt trong một diện tích chật hẹp tối đa, được vỗ béo bằng thực phẩm nhiều chất béo và trộn các loại thuốc trụ sinh để ngừa bệnh, được cho ăn thuốc kích thích gia tăng sức lớn trong một thời gian tối thiểu. Gà, heo, bò sống chen chúc chật chội, trong không khí bụi bậm, lẫn mùi phân và nước tiểu, cùng các hoá chất nồng nặc. Vì sinh sống trái với thiên nhiên nên phẩm chất của thịt, trứng, sữa trở nên tồi tệ. Mầu đỏ của thịt bò, mầu vàng tươi của lòng đỏ trứng, lớp da vàng của gà Perdue là do hoá chất tạo thành. Thịt gia súc chứa nhiều chất mỡ có hại hơn là chất protein hữu ích.

Thịt "ham" ăn dòn sừn sựt, mầu hồng tươi, là do hoá chất, Hotdog muốn hấp dẫn khách hàng cũng cần xử dụng chất bảo toàn (preservative) để ăn vừa dòn vừa ngon, vừa đậm đà. "Chip," nước ngọt, ngay cả rau trái cũng không tránh khỏi nhiễm chất hoá học. Thật là vô số kể. Hàng năm tiền ngành chăn nuôi và canh nông mua hoá chất lên đến cả tỷ đô la.

Do đó khi chúng ta tiêu thụ thực phẩm và nước uống hàng ngày, vô hình trung, chúng ta đã thâu nạp vào cơ thể nhiều loại hóa chất độc hại, năm này tháng khác, liên tục như vậy, khiến cơ thể yếu đuối bệnh tật, dễ dàng mắc phải những bệnh nan y.

Người tiêu thụ phải làm sao?

Càng ngày người dân thành thị càng bị phụ thuộc vào nguồn thực phẩm bầy bán tại siêu thị, mà vì "khuất mắt" nên họ vui vẻ tiêu thụ những thức ăn thấm đẫm chất hóa học, để một ngày nào đó, bất chợt khám phá ra họ mắc phải những căn bệnh nan y đã âm thầm xâm nhập cơ thể họ qua cửa miệng,

Dù muốn dù không, chúng ta cũng đã và đang bị cuốn hút vào guồng máy cung cấp thực phẩm khổng lồ của giới tư bản, mà mục đích của họ là tìm kiếm lợi nhuận tối đa theo phương châm "sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi."

Để chống lại, gia đình chúng ta cần bắt đầu ngay tại bàn ăn việc giảm thịt, để ăn nhiều rau và ngũ cốc. Hãy mua thực phẩm tại các tiệm chuyên bán sản phẩm nuôi hay trồng tỉa theo lối thiên nhiên. Nên biết rằng ngũ cốc cũng chứa đầy đủ chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể. Nếu mọi người đều làm vậy thì chắc chắn giới chăn nuôi và trồng trọt phải thay đổi lề lối. Đồng thời lên tiếng đòi hỏi lập pháp có những luật lệ khắt khe giảm thiểu xử dụng hóa chất trong việc chăn nuôi và canh tác. Bên Âu châu dân chúng đã có một vài thành công trong lãnh vực này.●

THƯỢNG VỀ THÀNH

Truyện của LÔ

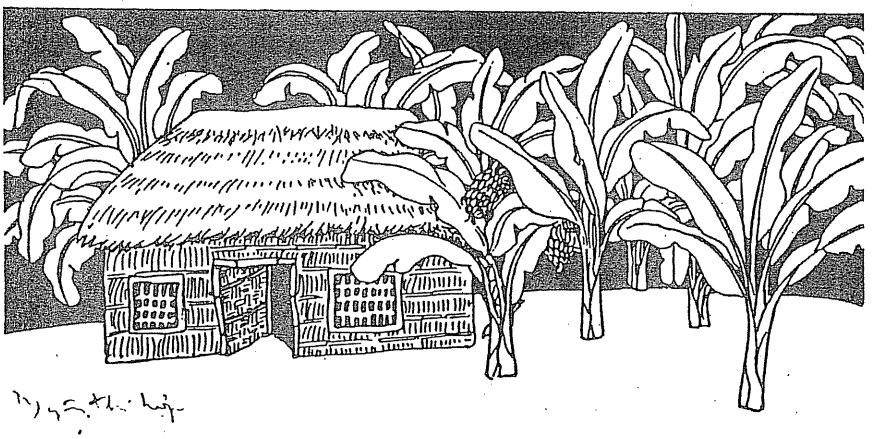

Mình quen gọi họ là người Thượng, bất kể họ là Mèo, Mán, Ê đê, Lát, Thái trắng hay là gì. Miễn là họ ở trên núi. Ở trên núi là... ở trên, gọi thượng là đúng lắm rồi. Mà thượng lại luôn ngụ ý tôn kính, như là thượng quốc, dù thực tế mình ưa tự dối mình, nói rằng Kinh Thượng đề huề chớ trong bụng thì cũng khinh khỉnh, ngoài mặt lại khinh khinh. Nhưng dù sao gọi Thượng là phải, không việc gì phải đánh tráo thành người dân tộc.

Từ khi người Thượng nói chung thành người dân tộc nói chung, thì người Thượng không còn ở thượng nữa.

Họ xuống núi.

Chiều hăm tám tết, còn một đêm nữa là giao thừa Canh Thìn hai ngàn. Tháng Chạp thiếu, hăm chín tết gọi chuồi qua thành ba mươi.

Thông lệ ba mươi đường xá mới vắng, chớ hăm tám còn chộn rộn lắm. Nhà nghèo nghèo chờ đến hăm tám mới mua chậu bông, cành mai. Mấy người bán chờ cho chóng về quê, mấy người mua canh me chợ chiều. Khốn khổ kèn cựa nhau mà sống, hoặc là một đám khốn nạn giành giựt tranh hơn.

Riêng gia đình người Thượng là khỏi. Họ có sáu người, hai vợ chồng bốn đứa con ba trai một gái. Biết là con trai vì ba đứa trần truồng lổng tổng. Đứa con gái quấn xà rông, má nó quấn xà rông, cha nó ở trần. Sáu người đi hàng một trên lề đường, đầu đội trời chân đạp đất thỏng tay vào chợ như bồ tát đắc đạo xuống núi.

Có bà bán bún bò gánh, ngồi chệt bệt bên lề chiều. Cái nồi gần hết nước, bà kê một cục gạch cho nước bún bò nghiêng một bên, dễ múc. Đám người Thượng ngó lom lom nồi nước, ngó lom lom bà bán bún. Bà bán bún ngó ngó đám người Thượng, lấy một ca nhựa vuông, trút hết nước bún vào, quơ mấy sợi bún còn sót cho vào luôn. Thành một ca bún bò, chiều rồi mà. Ngoắc đứa nhỏ nhất đưa cho nó không quên chơi cho nó luôn cái muỗng. Hai vợ chồng bốn đứa con ngồi thỏm quanh ca bún, theo tôn ti trật tự cha múc trước, húp một cái, đưa cho vợ, húp một cái, đưa muỗng cho thằng con lớn, húp lớn một cái, đến thằng nhỏ nhất vừa cạn nước.

Chắc là no. Các đôi mắt rực sáng. Cuối năm được một mẻ vậy là phúc mấy đời cho người Thượng về thành, mà lại là thành phố Hồ Chí Minh.

Trước đó hai tuần tui lên Đà Lạt chơi. Đi thác Damri, chạy ngang hồ Than Thở có thằng cha kia ngoắc ngoắc tính bán vé "tham quan" hồ. Thúi! Hồ Than Thở vui thấy mẹ chớ than cái nổi gì (thành ra vô mà làm gì). Rồi lại đi chơi núi Lâm Viên, giờ người ta về nguồn bày đặt gọi là Lang Biang.

Ở chân núi, mua vé "tham quan" bốn ngàn một người. Vào cửa xong lại được tiếp thị đi xe lên đỉnh một chuyến một trăm rưỡi ngàn. Tui đi bộ vì trai tráng từng (hai mươi năm trước) leo núi "đi" củi về bán. Sá gì cái núi Lâm Viên. Ấy thế mới biết hồi đó leo núi để sống nên leo khỏe, bây giờ leo để sướng nên một chốc là ngừng, hào hển. Mệt thấy mụ nội luôn.

Bốn đứa con nít chạy theo. Một trai ba gái, đều là Thượng. Mỗi đứa cầm một xâu chỉ nhiều màu, mỗi xâu vừa đủ đeo vào cổ tay, có xâu kết thành chữ "kỷ niệm Lang Bian."

"Mua giùm con mua giùm con đi chú."

"Nói được tiếng Kinh? Giỏi."

"Mua đi chú mua đi chú."

"Mấy?"

"Ba ngan."

Ba ngan là ba ngàn. Cái đồng bạc cụ Hồ sao tụi bây không bỏ dấu. Một đứa một sợi là mười hai ngan, thập nhị sứ quân ngan. Mà sao tụi bây biết nói tiếng Kinh?

"Học đi bán."

"Có đến trường à?"

"Có."

"Mấy lớp mấy? Ai dạy?"

"Lớp năm Xã Lát, ba đứa này không học."

"Chớ trường nhà nước có dạy tiếng mầy không?"

"?"

"Tiếng cha mẹ nói đó."

"Không có."

"Thế có biết nói tiếng cha mẹ không?"

"Tiếng bạp muôi nói hớ, biết nói chớ."

"Không học sao biết?"

"Cha mẹ nói mà."

Ra người Thượng họ cũng biết giữ tiếng mẹ đẻ đó chớ, dám chắc là họ tự bảo nhau chớ không hề biết cái Nghị quyết 5 về "giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc đậm đà và tiên tiến." Tui "diễn biến hòa bình": con ạ, con nhớ là phải học tiếng cha mẹ nói nghe hông, sau này lớn lên phải dạy cho con con, con con dạy cho con nó, rồi mở trường cho người con học, nghe hông. Chớ con là người Thượng mà không nói tiếng Thượng là coi như đời con... tiêu, nghe hông.

"Con là dân tộc Chin." (viết là Kil).

"Không phải dân tộc. Phải nói là người Chin, như chú là người Kinh, học tiếng Kinh. Nhớ học tiếng Chin, nghe hông."

"Chú đừng đi đường này, con chỉ chú đi đường tắt, tới đỉnh nhìn thành phố Đà Lạt."

Bốn đứa chạy lon ton trước, rẻ qua trái, tách khỏi con đường lớn dành cho xe trèo lên đỉnh. Những hàng thông cao vút kiêu hãnh. Rồi một bên là hố sâu do nước lũ xoắn thành, màu đất đỏ nâu đến đỏ gần thẫm, lại nghe tiếng nước róc rách đâu đó. Trèo lên lên trèo lên... Bốn đứa Chin vừa đi vừa chờ người Kinh hào hển leo dốc. Nhảy ngang một mương sâu cạn nước, lượm một vỏ chai nhựa đựng nước khoáng La Vie, lượm một bao xanh đỏ đựng chíp, thứ nước này với thứ khoai lang xắt lát này chỉ bán trong siêu thị, người trong nước không ăn bao giờ. Ngồi lại, nghỉ, kêu bốn đứa nhỏ lại soạn quýt ra ăn.

"Có ăn quýt bao giờ chưa?"

Không trả lời. Chỉ vân vê ngắm nghía. Ba đứa gái tóc cứng, vàng vàng đen đen. Đứa trai tóc xoắn tít, đen hơn nhưng vẫn điểm chút của nắng cháy, nếu là dân thành phố là gặp thời thượng, đỡ tốn tiền uốn, tiền nhuộm. Nó nhìn cái mũ có chữ Intel của tui mang từ ngoài về. Cái mũ này của hãng computer Intel tiếp thị, hàng ngoại, xịn lắm nghe.

"Cho con luôn."

Đứa trai cúi đầu, mím mím mắc cỡ. Ba đứa gái cười cười. Tui cởi cái áo ở trần cho mát. Cho con luôn. Đứa gái nhỏ nhất nhét áo vào cái túi đựng hàng lưu niệm. Phải mà tao biết có tụi bây, mang theo một gói đồ cũ có phải là hay hơn không.

Lại leo lên từng núi thứ ba. Thấp thoáng những bông mimosa. Này, chớ tiếng Chin kêu cái này bằng gì? Ngai mimosa. Đứa gái nhỏ nhất vừa ngúc ngắc vừa mau mồm. Đứa trai kể rằng dân nó không biết bán buôn gì đâu, cũng như những người thượng khác, họ thích làm rẫy, nhưng đất của người Chin đã bị người Lát lấy hết rồi, nhà của người Chin cũng bị người Lát lấy hết rồi, người Chin bây giờ là một dân tộc không có đất. Đứa trai chỉ hai người thượng mang gùi đang leo núi, nó bảo đó là người Lát, đôi mắt nó long lanh.

Ở vùng đồi núi này, có hai sắc dân thù hận nhau, sự thù hận đó lại kể qua miệng một đứa bé chưa đủ chữ, lại thuộc về phía thua trận, nghe ngậm ngùi, buồn bã.

Nắng đã lên đến mười một giờ. Người ta nói mấy ông nhà nước làm nhiều chuyện bá láp chớ có lên núi Lâm Viên mới thấy kể ra mấy chả cũng không đến nỗi. Những hàng thông cao vẫn còn, không có cây nào có dấu đốn. Lúc xuống thấy ở một chỗ khuất có cái cầu tiêu công cộng, đi ngang không nghe mùi. Xuống tới chân mấy ông gác cửa còn cười với tui nữa. Coi vậy chớ người Đà Lạt hiền, làm nhà nước mà cười với nhân dân là khá quá rồi, phải không.

Trong cái cảnh dạt dào thiên nhiên xinh đẹp tui làm sao không nhớ đến bạn tui còn trốn ở ngoài mà ông cụ nó còn ở đây, nên tui đi thăm ông cụ. Đầu tiên tới bánh cuốn Thanh Trì ăn một bụng no, rồi mới hỏi đường đi thăm cụ. Đường dốc, nhà cụ ở lưng chừng trên dốc, con đường hẻm rẽ trái trước, rồi rẽ phải, rồi rẽ trái một cái nữa là tới nhà ông cụ. Cụ chín hai tuổi, cao lêu khêu, mắt sáng, bước đi còn vững. Kể chuyện rằng mỗi ngày đi bộ lên tận trường Võ bị cũ. Rồi năm sáu tám, năm bảy lăm, cho đến bây giờ. Tui tưởng tượng rằng mấy con đường này, con hẻm leo dốc này bạn tui đã nhiều năm trèo lên trèo xuống, ngó xuống bên kia thành phố, mỗi lần đi xe honda chắc dắt lên tới nhà lọi xương sống. Hóa ra là "nó" nghèo đến thế. Nghĩ coi, lưu lạc tha hương để lại một cha già gần trăm tuổi. Một buổi chiều nào ngồi uống rượu hay cầm cần câu bên kia nước, chắc là chạnh lòng cố quốc lắm, chắc là bùi ngùi chuyện nước non, man mác buồn gia cảnh.

Có thằng nào trong bọn mình mà không bùi ngùi thế đâu. Hồn quê theo ngọn mây Tần mà. Lái xe trên freeway, lạc vào một siêu ốc, vậy là thấy đời mình lạc loài khốn nạn cái thân tóc đã chuẩn bị quân hành về vùng bạc muối tiêu. Đã thế sự đời lưu vong lắm chuyện. Chi cho bằng chuẩn bị cho một cuộc đời gần tàn, cũng nên nghĩ cách sao cho người Thượng không phải về thành, sao cho người Chin có trường học của người Chin. Sao cho người Lát phải trả đất cho người Chin. Rồi tìm hiểu có bàn tay nào đứng sau yểm trợ cho người Lát hại người Chin. Đó, biết bao nhiêu thứ phải làm, làm tới đâu hay tới đó cho không uổng khi nhắm mắt.

Mà xem bộ cũng sắp rồi.●

viết sau tết Canh Thìn

LƯU VĂN VỊNH

ĐÊM TRĂNG TRÒN THÁNG TƯ

con sâu nằm đo ngày hóa bướm
đóa kỳ hoa ngàn năm mới chịu nở một lần
tôi như chú bé lên năm
cứ tưởng đêm rằm trăng mở hội
tôi chờ non thế kỷ
vòm mơ vẫn méo không tròn!

đi vào sa mạc mênh mông thiên mệnh
rồng thay vẩy
rắn lột da trút bỏ thế kỷ tận cùng
khúc rẽ thoát biên cương sinh tử
vẫn cần cơn gió mát

đám mây sũng nước
nặng trên đầu núi
mặt đá sôi
chờ một bóng trời xanh

chuyện to cả năm châu
cũng nhỏ như lồng chim sáo sậu
sân khấu ma vương đóng
thiền sư gậy trúc đọc chú giải thoát tám nghiệp
cầm dao

trùng trùng muôn vạn kiếp
thế nhân sống nơi đây một lần
mong manh mặt đất ba phần tư sóng biển
ầm ầm vỗ quanh mươi ngón chân

sống trăm năm chưa kịp đến thăm vợ con
kiếp trước
mả chúng sinh che ngập đường đèo quanh núi
Tu Di
nghiệp đè nặng đã có tim trái phá
vô lượng quang tử nở ra
lật chín tầng mây tìm gót giai nhân bỏ lồng đất
bay đi.

LẠI MỘT MÙA XUÂN

Tùy bút của
VÕ DOÃN NHẪN

Ngày xuân khai bút!

Tôi đã muốn khai bút viết về mùa xuân ngay từ chiều ba mươi, nói cho đúng chiều hai mươi chín tháng chạp, lúc xuân còn ngấp nghé hoặc lảng vảng đâu đó trong không gian đất trời, lúc tôi đứng từ lớp nhạc nhìn xuống một phần thành phố San Diego nhuộm nắng chiều vàng. Những buổi chiều vàng ngày xưa, những buổi chiều vàng của tình yêu mới chớm, vơ vẩn, mơ hồ, mênh mang. Hai Buổi Chiều Vàng của Nhất Linh với một mối tình vô vọng. Một buổi chiều vàng của nhạc sĩ Lâm Tuyền và Dạ Chung: "Anh không giữ trong tay một kho tàng hay một danh vọng nào cả; anh chỉ giữ hình ảnh một buổi chiều, khi nắng vàng nhuộm mái tóc em." Tôi đã một thời rất dài "mê" câu ấy, nhưng một học sinh mới học trung học như tôi thì làm gì có một kho tàng, làm gì có một danh vọng để giữ? "Mái tóc em" ngày ấy tôi cũng chưa có, không có, để giữ nốt. Nói cho đúng, tôi chỉ có trong mơ mộng, trong mơ tưởng và trong mơ ước. Tôi chỉ có những buổi chiều vàng vì những chiều vàng là của chung tất cả. Giờ đây, chiều nay, tôi thấy cậu con trai chưa đầy hai mươi là tôi ngày xưa ấy đang đứng nhìn những vạt nắng chiều lướt thướt trên những khóm trúc đào, mẫu đơn, đinh lăng trên sân nhà, để sau đó chấp chới trên những ngọn cau ngọn dừa đong đưa trong gió trước khi mất hẳn. Nắng tắt, ngày tàn để một mối buồn mông lung tràn ngập. Tại sao chiều tàn lại gây trong tôi nỗi buồn man mác? Có gì để buồn khi ta vẫn biết một ngày mới sẽ lại bắt đầu vào sáng sớm hôm sau? Phải chăng vì những vạt nắng vàng quá đẹp, quá rực rỡ nhưng cũng quá phù du để làm khung cảnh cho mơ mộng của ta về một mái tóc?

Muốn viết về mùa xuân, dễ. Nhưng khi cầm bút để viết về xuân, tôi thấy khó. Lúc đối cảnh và người rộn ràng chuẩn bị đón chúa xuân, lòng tôi cũng có dấy lên ít nhiều bâng khuâng xao xuyến, một thứ tình cảm được lập lại hằng năm khiến tôi cảm thấy có nhu cầu viết. Nhưng viết gì, tôi khựng. Tôi không còn kiên nhẫn và... can đảm ngồi viết về những cây nêu, bánh pháo, dưa hành, thịt kho, về hoa mai hoa đào, về chợ Tết, về một chiều cuối năm một mình đạp xe thơ thẩn về miền quê xem thôn làng chuẩn bị đón xuân, về đêm ba mươi ngồi bên ánh lửa hồng canh chừng nồi bánh tét bánh chưng sôi sùng sục, về Ông đồ của Vũ Đình Liên, về đại thắng mùa xuân của Quang Trung Nguyễn Huệ, về... bởi tôi biết hai năm rõ mười tôi sẽ làm công việc lập lại những

điều tôi hoặc người khác đã viết. Do vậy, chắc phải dở. Cũng chỉ một mớ kỷ niệm, dù đẹp nhưng hóa nhàm vì cứ nhắc đi nhắc lại. Biết rồi. Khổ lắm. Nói mãi. Mà khả năng sáng tạo hư cấu của tôi rất đỗi nghèo nàn. Có lẽ tôi già mất rồi. Và khi cảm thấy mình già, biết mình già, một người sẽ rất ngại ngùng để bắt đầu một công việc, dù là công việc đã từng làm. Không làm được công việc gì mới, đã đành, người già không thấy được điều mới. Mười năm đất khách, tôi hết thấy được điều gì mới, trong hồn tôi và nơi cảnh vật chung quanh. Mùa xuân đầu tiên sau ngày đặt chân lên đất Mỹ, tôi thấy có những tình cảm rất mới trong tôi: tình cảm về một mất mát và về một lưu đày, tôi muốn nói về sự bơ vơ lạc lõng. Nhưng nói cho cùng, chính những tình cảm tiêu cực bi quan ấy đã là động lực giúp tôi... viết văn và làm thơ một dạo. Lại một lần nữa tôi để tâm suy nghĩ câu nói của ai đó bảo rằng để sáng tác, nghệ sĩ trước hết phải khổ dục "masochiste"! Và tôi giật mình khi phát hiện hầu hết những bài thơ, văn của tôi đều vắng bóng lạc quan. Bây giờ, trải qua mùa xuân thứ mười ở đất tạm dung — đất nào mà chẳng là tạm dung, trừ "đất đen" — tình cảm về sự mất mát, về thân phận lưu đày trong tôi không còn. Riết rồi quen. Chỉ còn sự thui chột, chai lì, quán tính. Động lực thúc đẩy sáng tác không còn. Hết khả năng viết văn, làm thơ vì đã... hết khổ. Tôi lẩn thẩn suy diễn: ở cõi phúc, ở chốn cực lạc không có nghệ thuật. Nghệ thuật chỉ bắt đầu khi tổ tông loài người bị đuổi khỏi Địa Đàng. Chỉ có nghệ thuật ở trần gian và địa ngục. Tôi cho ở địa ngục khả năng sáng tạo và khả năng thưởng ngoạn nghệ thuật e còn cao hơn ở trần gian. Và tôi cũng xin ai đó đừng biến đổi trần gian cát bụi này thành một thứ "thiên đường hạ giới" vì lúc ấy nghệ thuật sẽ không còn lý do để tồn tại: chẳng có ai sáng tác và chẳng có ai thưởng ngoạn. Tôi không thể hình dung một nền nghệ thuật ở cõi vĩnh hằng vì chỉ có sáng tạo nghệ thuật qua những trăn trở và thao thức của nghệ sĩ. Nhưng nói có một tinh thần sống cõi vĩnh hằng, miền cực lạc vẫn còn thao thức còn trăn trở thì tôi không hiểu được. Vả, người nghệ sĩ nào cũng muốn biến cái phù du vô thường thành vĩnh cửu trường tồn, một việc làm vô nghĩa khi khát vọng được thực hiện ở một nơi mà tất cả đều là vĩnh cửu, viên mãn. Nghệ thuật chỉ cần thiết cho những tâm hồn cảm thấy còn thiếu thốn, bức xúc, ưu tư, khắc khoải. Nghệ thuật đồng nghĩa với sáng tạo, và sáng tạo là đổi mới. Không có chuyện "nhật nhật tân" ở chốn vĩnh hằng. Đứng trước toàn hảo, nghệ thuật trở nên thừa thãi. Đối diện với tuyệt đối, sáng tạo chết.

"Có lẽ tôi già mất rồi." Tiếng "già" ở câu trên bạn muốn hiểu nghĩa nào cũng đúng. Già ở hình hài thân xác, vì tuy chưa đến cái tuổi ông Đỗ Phủ nói, thất thập cổ lai hi, tôi xuân này cũng đã ngoài sáu bó. Già ở tâm hồn cũng không sai vì hiện giờ một đàng tôi rất muốn viết, nhưng khi cầm bút, đầu óc tôi mông lung bất định, không biết phải viết gì. Ý tưởng mơ hồ tựa thần trí của một ông lão bắc ghế ra sân "trông trời" nhưng chưa chắc đã "chỉ thấy mây xanh ngắt" vào một chiều thu. Thị nhi bất kiến. Một đầu óc già nua, một tâm hồn cằn cỗi không nhất thiết đi đôi với một thân xác tàn tạ. Và ngược lại. Trường hợp này tôi thấy rõ nhất nơi một người thầy của tôi. Cách nay hơn mười năm, trước ngày lên đường làm công việc gọi là đoàn tụ gia đình ở Mỹ này, tôi đến từ giã thầy. Tôi nhớ hôm ấy nhằm vào dịp Tết, vào giữa trưa, thầy ngồi ở thư phòng, dáng dấp hom hem, cởi trần, xương xẩu, mắt lem nhem hấp háy sau mục kỉnh dày cộm. Thầy đang lóc cóc gõ máy đánh chữ. Tôi hỏi thầy:

"Thưa, thầy đang 'viết'?"

"Ừ, đang viết dở quyển Boujoum đây."

Boujoum? Tôi có nghe lộn, nghe nhầm không? Tôi cố moi móc, vận dụng trí nhớ để tìm nghĩa tiếng Việt của Boujoum. Tôi chịu, không nhớ, không biết. Nhưng tôi không dám hỏi thầy, sợ quê. Tôi đành hỏi thầy chuyện khác:

"Thầy đánh máy bản thảo không cần 'nháp' trước?"

"Không cần. Đã hơn năm trăm trang rồi nhưng có nháp nhiếc gì đâu. Nháp mất thì giờ."

Thầy xô ghế đứng lên, đến một ngăn kéo, lôi ra một tập dày cộm, đặt lên bàn.

"Đây là bản thảo của Boujoum. Chưa xong. Tác giả cũng chưa biết bao giờ xong."

Tôi lướt mắt tìm tên bản thảo quyển sách. Đúng là Boujoum. Nhưng Boujoum là cái gì? Lúc này tôi mới đánh bạo hỏi thầy:

"Thưa thầy Boujoum nghĩa là gì? Ngày trước có bao giờ thầy dạy chúng con từ Boujoum này đâu."

Thầy cười cười:

"Boujoum... chẳng có nghĩa gì cả. Anh muốn mỗi từ phải có một nghĩa?"

DOANH

QUÁN VÔ THƯỜNG TẬN

Ta tập quán thân này bèo bọt
Mỗi làn hơi một cõi mông lung
Rồi ta sẽ bay lên tịnh ngộ
Thở hắt ra một chút vô cùng

Ta ngồi xuống chân tay thừa thãi
Trải ý thần trên cõi ta bà
Thì sá gì ngàn lau đâm suốt
Xác thân này có phải là ta

Ta nhắm mắt thấy đời không khổ
Chẳng qua ta chơi một trò đùa
Có người thiện dĩ nhiên có ác
Cứ để vô tình cuộc bán mua

Ta xuôi tay hồn về cực lạc
Mỏi mê rồi thì nằm xuống chơi
Đời ở đâu cũng đời xa khuất
Nín một lần cũng đã mỏn hơi

Ta bay bổng qua nghìn hệ lụy
Những không gian trăm cõi vô thường
Nếu phải đọa thế gian lần nữa
Nghiệp thân này xin chỉ là hương

Tuy tin thầy không nói đùa, nhưng tôi cũng lái sang chuyện khác:

"Thầy thuê in và xuất bản Boujoum tại đây?"

"Anh tính, nhà in quốc doanh nào chịu in, dám in? Tôi cũng không đủ tiền thuê in. Mà in và xuất bản ở đây ai đọc? Vì vậy tôi phải gửi bản thảo Boujoum đến Hội Nhà Văn Pháp ở Paris qua đường bưu điện để Hội ấy lo chuyện ấn loát và xuất bản. Việc gởi bản thảo cũng gay lắm. Tôi phải gởi nhiều bản, 'kẹt' bản này hi vọng bản khác đi lọt. Tôi chọn Boujoum làm tên tác phẩm cũng là cố ý. Đọc cái tên Boujoum, chẳng ai hình dung được nội dung nói về gì. Nó gợi óc tò mò, hiếu kỳ. Óc này... lạ lắm. Ngày xưa tôi có thử bằng cách dừng lại trước một bức tường bên đường phố, tường mới quét vôi trông sáng sủa, không bôi bẩn, không viết bậy, dừng lại không phải để đái mà để chăm chú nhìn vào đó như thể đang đọc đang xem một cái gì. Vậy là mấy phút sau nhiều bộ hành bắt chước tôi, cũng dừng chân chăm chú nhìn vào bức tường. Có người đi xe đạp, xe gắn máy cũng chịu khó dừng xe để... nhìn. Vả lại tôi đặt tên tác phẩm là Boujoum để nó khỏi giống đồng loại. Tôi ngại trùng tên lắm. Anh thấy tên Nguyễn Văn Mỗ trong *Le Fils De La Baleine, Con Ông Nam Hải*, rồi chớ? Khỏi sợ phạm húy vì ngoài đời làm gì có ai tên Nguyễn Văn Mỗ.

Tôi biết mùa xuân năm ấy thầy đã bảy mươi và đã phải chịu hai lần giải phẫu cắt bướu ở nhiếp hộ tuyến.

Thầy nói "đái" tỉnh bơ, rất tự nhiên, không cần phải nói "đi tiểu," "đi giải" cho có vẻ lịch sự. Tôi chưa thể quên một kỷ niệm về "đái." Năm ấy, chúng tôi học đệ nhị. Sau khi nghỉ Tết, trường bắt đầu lại. Giờ đầu là giờ Pháp văn của thầy. Trong lúc thầy đang giảng L'Isolement của Lamartine nhóm nam sinh ngồi gần cửa sổ nghển cổ ngoái đầu nhìn về phía dãy nhà tôn cất sát trường, dành cho những người Bắc di cư, quên mất nỗi cô đơn của nhà thơ lãng mạn trữ tình. Thầy ngưng giảng bài, rất điềm tĩnh, cao giọng hỏi:

"Gì vậy? Mấy bà Bắc kỳ đái đứng hả?"

Nhiều tiếng cười rúc rích. Một giọng nữ cất lên:

"Dạ không thầy. Họ đang làm thịt chó."

"Làm thịt chó thì lạ lùng gì mà coi." (Ý thầy nói đàn bà đái đứng mới lạ?) "Thôi, học."

Năm ngoái, tức gần mười lăm năm sau, tôi có lại thăm thầy nhân một chuyến về quê. Trông thầy già hơn, yếu hơn, dĩ nhiên, nhưng thầy vẫn tiếp tục viết, không phải bằng cách gõ lóc cóc trên cái máy đánh chữ già nua cũ kỹ ngày trước mà trên máy điện toán tân kỳ. Gặp thầy, tôi vẫn thưa thầy xưng con như ngày nào tôi lên đọc bài thuộc lòng *Pensées d'automne,*

Ý Thu, hoặc *Les Étoiles, Những Vì Sao*, dù tôi đã có cháu gọi là ông nội. Tôi đâu có thể mở miệng xưng "tôi" với thầy, "kỳ kỳ thế nào." Lại càng không dám xưng "em." Xưng "con" với thầy để thấy rõ hơn mình vẫn còn "bé nhỏ," tôi muốn nói bé nhỏ về trình độ kiến thức sách vở cũng như kinh nghiệm ngoài đời khi đứng trước mặt thầy. Có lẽ cái... mặc cảm tự ti đó giúp tôi nhớ rất kỹ những lời thầy nói trước kia, xa lắm cũng như sau này, gần đây, một điều mà với các thầy khác như thầy Đạo, thầy Như, thầy Gia, thầy Dương..., tôi không thể nào có.

Mới học lớp đệ ngũ, tức lớp Tám, lũ chúng tôi đã được nghe thầy dạy:

"Làm gì thì làm, làm gì cũng được, kể cả cướp của giết người nhưng sau đó đừng ân hận."

Trong một giờ trả bài luận Pháp văn "tả một dòng sông anh đã thấy" thầy đã khuyên cả lớp trong đó có tác giả một bài đã lỡ dại cóp nguyên văn một đoạn của Chateaubriand tả một nhánh sông lớn của sông Mississippi bên Mỹ, rằng:

"Một cái áo đã may bằng bao bố thì nên để nguyên như thế, đừng chắp vá thêm vài miếng gấm, nhung lên đó, khó coi lắm!"

Năm 75, thầy trò chúng tôi tình cờ gặp nhau trong một buổi nói chuyện của nhà thơ Lưu Trọng Lư, do ty Văn Hóa Thông Tin tổ chức. Tối hôm đó, cử tọa được nghe nhà thơ của "con nai vàng ngơ ngác" ngày xưa trình bày một số thơ ca cách mạng hiện thực trong đó dĩ nhiên phải có "Tiếng Thu 2." *Và nai vàng không ngơ ngác nữa em ơi!* Khi phần nói chuyện của nhà thơ chấm dứt, ban tổ chức buổi nói chuyện mời thầy phát biểu cảm tưởng. Thầy khệnh khạng đứng lên:

"Cho tôi hỏi một câu: Nhà thơ Tú Mỡ ngoài đó còn sống hay đã chết? Xin hết."

Trên đường về nhà, hai thầy trò đi chung một quãng. Lợi dụng lúc vắng người, tôi hỏi thầy:

"Ban nãy con thấy có nhiều chuyện đáng hỏi, sao thầy chỉ hỏi một câu vô thưởng vô phạt về ông Tú Mỡ?"

"Quả có nhiều chuyện đáng hỏi thật, nhưng anh không thấy hỏi cũng bằng thừa sao?"

Rồi thầy chuyển đề tài:

"Hết dạy Triết rồi, người ta cho anh dạy gì?"

"Dạ, hiện con đang dạy Văn, Quốc Văn."

"Hừm, khó dạy đấy! Dạy tiếng Tây coi bộ dễ hơn."

Nghe lời thầy, tôi xin chuyển qua dạy Pháp văn một thời gian sau khi chịu đời không thấu với môn "Văn sau 75."

Cũng năm 75, thầy nói với tôi:

"Bọn chúng nó sẽ chết vì tham nhũng!"

(Sau này, khi đọc Thái Huyền, tôi hiểu một cách chủ quan rằng bọn chúng nó chính là bọn lê dương.) Hai mươi lăm năm đã trôi qua kể từ ấy. Tôi sốt ruột chờ đợi điều thầy tiên đoán thành hiện thực: chúng nó chết trước khi tôi... chết.

Cũng trong thời điểm này, ở miền đất khách, tôi có dịp đọc, có dịp tiếp cận *Le Boujoum* được chính tác giả chuyển ngữ từ Pháp sang Việt. Sách do Đại Nam xuất bản từ năm 1994 mà mãi đến đầu thế kỷ 21 tôi mới biết! Biết rất tình cờ: qua mẩu quảng cáo rất khiêm tốn trên một nguyệt san văn học. Biết *Thái Huyền* như thế là quá muộn. Và tôi tự an ủi một cách đáng ghét: muộn còn hơn không.

Nhưng thật sự tôi biết gì về *Boujoum, Thái Huyền?* — Gần như tôi không biết gì. Qua hơn ba trăm trang chữ của tập I, tôi tự đưa tôi vào mê cung, mặc dù tác giả đã dành cho tôi, như một độc giả bình thường, gần hai mươi trang "Tựa" chữ nhỏ li ti, qua đó tác giả đã xa xôi giải thích Thái Huyền, một cách nào đó hướng dẫn người đọc. Không đọc được nguyên tác Boujoum, tôi không biết đã có ai đủ "mười thành công lực" để viết "Lời giới thiệu" hay là "Bạt." Ở Thái Huyền tôi không thấy. Tôi nghĩ không ai dám viết và hình như chẳng có ai công khai có ý kiến về Thái Huyền. Tôi nghĩ vậy mà hay. Hay hơn là viết "Tựa," "Bạt" bằng cách khen nhiều, chê ít rất ư đại khái, vô thưởng vô phạt, một việc ai cũng có thể làm. Nhưng tệ hại hơn cả là vẫn có thể viết tựa viết bạt... dùm trong khi không hiểu, chưa hiểu gì tác phẩm. Hiểu một cách chủ quan cũng được. Đàng này không hiểu gì. Mà nói cho cùng, nếu người đọc không hiểu một tác phẩm, đó không phải "lỗi" của họ mà là của người viết. Tác giả Thái Huyền đã chẳng nói "Nếu tác giả không làm cho người đọc hiểu được, chẳng qua là vì tác giả đã thiếu tài năng và không thể làm gì nữa để xóa bỏ sự thất bại" (trang VIII) đó sao? Kiến thức nông cạn của tôi về văn học nghệ thuật của loài người (dao to búa lớn quá) cho tôi bạo miệng nói rằng trào lưu siêu thực đã chỉ xuất hiện trong thơ và hội họa. Nay, đọc một số tác phẩm bằng tản văn, trong đó có *"Ăn trưa nghe kể chuyện tình"* và nhất là Thái

Huyền, tôi thấy hình như khuynh hướng siêu thực đã ảnh hưởng đến văn thể này từ lúc nào rồi. Tôi vốn sinh sau đẻ muộn và vô tài nên những gì tôi biết, người khác đã biết từ khuya và những gì tôi nói lên tưởng là tân kỳ hóa ra cũ rích. Tôi nghĩ nhà xuất bản Đại Nam đã biết Thái Huyền trước khi... rất can đảm nhận xuất bản "món ăn tinh thần" vừa khó nuốt vừa khó tiêu đối với đại đa số khẩu vị và bộ máy tiêu hóa. Tôi không biết đã sáu năm kể từ năm xuất bản, Thái Huyền đã được bao nhiêu người đọc khoan nói đã được bao nhiêu người mua. Tôi có hỏi một hiệu sách được xem lớn nhất tại địa phương là San Diego này có quyển Thái Huyền của nhà văn Cung Giũ Nguyên không, và tôi được trả lời:

"Thái Huyền? Tác phẩm chưa được nghe bao giờ. Tên tác giả cũng lạ quá!"

Tôi ngậm ngùi nhưng không ngạc nhiên: Một đất nước làm cho con người có rất ít thì giờ rỗi rãnh mặc dù tiện nghi máy móc được sử dụng tối đa để phục vụ đời sống; một đất nước mà chỗ nào cũng có cửa hàng bán *food to go* và một cộng đồng người lớn thì say mê phim bộ, trẻ con thì games, món ăn tinh thần khó nuốt khó tiêu là Thái Huyền ít, rất ít được người tiêu thụ, nghiền ngẫm cũng không phải lạ.

Có thể có người không tiên liệu thực tế ấy, trừ tác giả Thái Huyền. Nhưng hình như ông không quan tâm nhiều. "Quyền được đọc đối với điều được đọc hay đọc được là quyền tối thượng. Biết làm sao được: người viết làm sao dám động đến tự do tuyệt đối ấy" (trang I). Ông không nuôi tham vọng là tác phẩm của ông được liệt vào hạng sách bán chạy nhất, trái với những nhà kinh doanh văn chương chữ nghĩa. Ông nói: "Nếu tác giả không làm cho người đọc hiểu được chẳng qua là vì tác giả đã thiếu tài năng..." Nhận định này làm tôi nhớ đến nhận định của một người bạn: "Nếu học trò không hiểu được điều thầy giáo giảng, chẳng qua là vì thầy giáo... dở." Nhận định chí lý!

Một câu hỏi thường được những nhà lý luận văn học đặt ra cho những người cầm viết: viết cho ai? Tôi có thể nói mà không sợ quá sai lầm trường hợp của Thái Huyền: tác giả đã viết cho tác giả. Vì nếu tác giả viết cho người đọc, tác giả phải vuốt ve thị hiếu của họ; đàng này ông đã không ngại ngùng gì khi đặt bút viết: "Người viết ý thức trước được những gì có thể làm người đọc khó chịu." Trong một chừng mực, tôi cho tác giả của Thái Huyền đã không viết tác phẩm này theo đơn đặt hàng của bất cứ ai, mà trong chúng ta, những người đã lỡ cầm viết, đã có mấy ai viết mà không quan tâm đến những đơn đặt hàng, và đơn đặt hàng nặng ký nhất là đơn đặt hàng không văn bản văn tự của tập thể người đọc, một tập thể vốn "đã quen với văn phong giọng nói thích hợp hơn với thị hiếu?" Nhưng hãy xin tạm gác cái đơn đặt hàng bất thành văn ấy. Tôi cũng đã hơn một lần viết theo những đơn đặt hàng kiểu khác.

Lần đầu theo đơn đặt hàng của ông hiệu trưởng trường tôi công tác: bài "diễn văn thường lệ" cho buổi lễ phát thưởng. Dĩ nhiên tôi được tự do chọn đề tài: tự do trong triết thuyết Jean-Paul Sartre. Cho đến hôm nay tôi vẫn không biết cử tọa có thực sự hiểu những gì tôi nói hôm ấy, bởi chính tôi, tôi cũng đã không biết, chưa biết ý nghĩa của tự do kiểu Sartre. Tôi không mấy tin vào những tràng pháo tay từng lúc làm bài nói của tôi đứt quãng và những cái bắt tay của vài quan khách sau bài nói ấy như là những ngợi khen thán phục, mà chỉ là những khích lệ. Vỗ tay, chắc gì là dấu hiệu bày tỏ sự hiểu, biết, lại càng không chắc dấu hiệu bày tỏ sự tán thưởng khen ngợi. Vỗ tay, bắt tay cũng gần gũi với xã giao và với thói quen.

Một lần khác, sau 75. Lần này đơn đặt hàng khá nặng ký. Sau khóa "Bồi dưỡng chính trị và nghiệp vụ" kéo dài một tháng do ban Giáo dục Khu 5 (hay Khu 4?) tổ chức, tôi được chỉ định viết cho toàn trường cái gọi là bài tham luận. Bài viết sẽ được đọc trong buổi lễ tổng kết. "Mục đích yêu cầu" của bài tham luận là "Vạch trần những tiêu cực trong nền giáo dục Mỹ Ngụy." Vạch trần những tiêu cực? Tưởng gì chớ tả oán nói xấu người khác thì cũng dễ. Tán dương kẻ khác khó hơn. Vả, có nền giáo dục nào không có khuyết điểm? Bói có thể chẳng ra ma (mà ra thần thánh tiên phật) nhưng chắc chắn quét nhà phải ra rác. Được một số anh em trong tổ học tập trợ giúp, góp ý, tôi viết thao thao, hoàn thành xuất sắc bài tham luận. Tôi đọc bài tham luận cũng khá hùng hồn và được vỗ tay rẹt rẹt. Trong tiếng vỗ tay tôi thấy có điều phân biệt: những tiếng vỗ tay của những người thích thú khi thấy địch thủ phải tự nói xấu và của những người tội nghiệp ái ngại những bánh xe răng cưa lớn nhỏ trong toàn bộ là cỗ máy khổng lồ.

Một lần khác, về sau. Đơn đặt hàng lần này

do ông chủ tịch một cộng đồng gởi đến. Ông nhờ tôi viết một bài cho tờ báo Xuân của cộng đồng. "Anh viết gì tùy ý, không nhất thiết với chủ đề Xuân. Đang đói bài mà." Tôi viết ngay, hăng hái, nhiệt tình. Chính Danh là tên bài, một cái tên khá cổ lỗ. Đọc lại trước khi gởi đi, vừa bản copy vừa bản gốc thu trong dĩa tôi thấy tôi khá bằng lòng với bài viết ấy.

Ngày xuân "không thấy én đưa thoi," tôi giở tờ báo Xuân của cộng đồng vừa xin được ra tìm xem có Chính Danh của tôi không. Không. Như vậy là hàng tôi sản xuất đã bị tờ báo cộng đồng — nói cho đúng vị đại diện của tờ báo — chê. Không đạt yêu cầu của vị chủ bút kiêm chủ nhiệm? Hay là bài Chính Danh viết không được... chính danh? Tôi thấy bài đó được tôi viết giản dị, đâu có gì tối tăm hàm hồ rắc rối. Bài viết rất dễ hiểu và lẽ tự nhiên chỉ chê khi một người đã hiểu đã biết khá rõ cái bị chê, trừ một trường hợp ngoại lệ. Ôi, đời có quá nhiều điều để ta không thể biết hết!

Và một đơn đặt hàng khác. Làn này đơn đặt hàng của chính tôi. Tôi viết về cái chết của Hoạn Thư không do ai yêu cầu, ngoài tôi. Bài viết ấy là một trong những bài tôi vừa lòng nhất, không phải vì giá trị, nhưng vì cảm hứng cao độ và sự cẩn trọng. Tôi gởi bản thảo đến một tạp chí có người anh họ làm chủ bút kiêm chủ nhiệm với ít nhiều hi vọng rồi ra bài sẽ được... đi. Kết quả: bài ấy được đi vô thùng rác! Tôi nghĩ ông anh tôi đã làm việc rất khách quan, chí công vô tư. Một bài, của bất cứ ai, thấy không có giá trị thì không đăng. Vả, điều tôi suy nghĩ về cái chết của Hoạn Thư có vẻ "lạ" quá, e không hợp với truyền thống xưa nay đã từng giải thích cái chết ấy. Bảo tồn truyền thống dân tộc cũng là việc làm đáng được ít nhiều xiển dương. Tôi đã chào hàng của tôi không phải không đúng chỗ; chỉ không đúng lúc.

Về sau, khi biết tờ tạp chí đã thay ngôi đổi chủ, tôi "muối mặt" gởi Cái chết của Hoạn Thư đến một lần nữa và lần này trời đã không phụ lòng người. Thế mới hay, tận nhân lực tri thiên mệnh. Và kết quả của một công việc cũng còn tùy thời. Giá trị của một tác phẩm được nhận biết tùy thời. Điều ấy cũng có nghĩa tác giả của nó tùy lúc mà được người đời hiểu. Hôm nay bị xem thường mai một nhưng có thể ngày kia được tán dương ca ngợi. Tác phẩm "Tìm lại Thời Gian đã mất" của Proust bị người đương thời đánh giá thấp, thậm chí giải Nobel André Gide đã ngăn cản một nhà xuất bản in ấn và xuất bản tác phẩm mấy nghìn trang ấy. Phải hơn nửa thế kỷ sau "Tìm lại Thời Gian đã mất" mới được giới văn học Pháp nhìn nhận giá trị. Nguyễn Du cũng thấy khó có người đương thời hiểu ông. Cho ba trăm năm sau, ông cũng còn đặt nghi vấn:

Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ thùy nhân khấp Tố Như
"Ba trăm năm lẻ đời sau
Ai người nhỏ lệ khóc sầu Tố Như"

Riêng với tác giả của Thái Huyền, thực tế tôi nêu trên là thừa, quá thừa, bởi ông ý thức thực tế ấy từ bao giờ, cũng như số phận đứa con tinh thần của ông. Đại Nam hình như cũng không sẵn sàng cho ra tập hai của tác phẩm.

Tôi nhìn xuống hướng thành phố trải rộng dưới chân đồi. Một màn sương trắng mỏng

khoác lên buổi sáng đầu xuân một dáng u hoài man mác. Không gian đất trời đắm chìm trong trầm mặc. Màu xanh đã thấp thoáng trở về trên cây cỏ. Vũ trụ vô ngôn? Thiên hà ngôn tai? Trời nói gì đâu?

Trong "Tựa" tác giả của Thái Huyền có đề cập ít nhiều đến triết luận Thái Huyền của Dương Hùng (35 trước công nguyên).

"Dương Hùng xem Huyền là bản căn của vũ trụ mà người cùng vũ trụ chung một thể với nhau. Huyền là nguồn gốc và nguyên nhân của mọi vật, ở khắp nơi và có quan hệ đối đảo một cách siêu nhiên. Âm và Dương là đối đảo. Huyền là Tuyệt đối trên cả Âm Dương. Huyền của Dương Hùng là Đạo của Lão Trang."

Đọc đoạn trên, tôi không khỏi nhớ đến những trang Đạo Đức kinh của Lão Tử. Và tôi cũng không thể quên cách nay không lâu, tôi đọc trong một tạp chí có chủ trương khá nghiêm túc một bài trong đó có đoạn "giải thích" một câu của Đạo Đức kinh. *Vô danh thiên địa chi thủy: nước là nguồn gốc của trời và đất.* Giải thích trên làm tôi giật mình. Bản thân tôi xưa nay vốn hoài nghi những "kiến thức" của mình — không phải hoài nghi để thấy mình hiện hữu, *dubito ergo sum.* Đọc giải thích trên, tôi tự hỏi: Phải chăng những giải thích về Đạo Đức kinh tôi đã từng tiếp nhận từ Ngô Tất Tố, từ thầy Nghiêm Toản và những giáo sư khác là linh mục Cras, Larre, Raguin đều... không đúng? Phải chăng giải thích *Không tên là cái bắt đầu của trời và đất* là sai? Ngôn ngữ của Đạo Đức Kinh vốn quá súc tích đến gần như tối nghĩa, ít ra cũng là hàm hồ, một ngôn ngữ cách nay đã mấy nghìn năm. Trải qua thời gian, ngôn ngữ trở thành mật ngữ. Và việc không hiểu hoặc hiểu sai một mật ngữ không phải lạ. Một bạn của tôi theo Mật tông, hằng ngày đọc chú. Tôi thỉnh thoảng có nghe nhưng không hiểu. Thính nhi bất văn. Tôi hỏi bạn có hiểu chú bạn đọc không. Câu trả lời ngắn gọn biểu lộ một an nhiên tự tại: "Không." Ngày xưa tôi từng đọc thuộc lòng một bài thơ Pháp mà hiểu rất lơ mơ ý nghĩa nội dung, dù Pháp văn tôi học không phải, chưa phải là mật ngữ. Đây, bài "Récitation" ngày tôi học lớp Hai trường làng:

Maintenant je vais à l'école
J'apprends chaque jour ma lecon.
La sac qui pend à mon épaule
Dit que je suis un grand garcon.
Quand le maitre parle j'écoute
Et je retiens ce qu'il me dit.
Il est content de moi sans doute
Car je vois bien qu'il me sourit.

Cười là một ngôn ngữ, đôi khi trở thành mật ngữ. "Chắc chắn ông ta bằng lòng tôi, bởi tôi thấy rõ ông ta cười với tôi." Nhưng kinh nghiệm dạy tôi không phải lúc nào cười cũng là... bằng lòng. Đừng quá lạc quan. Đừng tưởng ai cười với mình là người đó đã "chịu đèn" mình dù là nụ cười rất tươi. Không phải nụ cười nào cũng hồn nhiên như nụ cười của thằng Bờm.

Nhưng ở đây ta chỉ cần xem lại Đạo Đức kinh bằng Hán tự để biết thủy là cái bắt đầu hay là nước để giải tỏa một hoài nghi. Tôi mù tịt chữ Hán nhưng nghĩ rằng chữ thủy không phải là một mật ngữ để bị hiểu sai hiểu nhầm.

"Đạo khả đạo phi thường Đạo
Danh khả danh phi thường Danh."

Đạo có thể diễn tả (bằng ngôn từ) không phải là Đạo thường (tại vĩnh cửu). Tên có thể gọi không phải là Tên thường (tại vĩnh cửu). Suốt tác phẩm tác giả không đề cập, luận bàn gì về Đạo của Lão, về Thái Huyền của Dương Hùng. Thế nhưng tác phẩm lại mang tên Thái Huyền! Thái Huyền, phải thú thực khi nghe người bạn — tên Đạo — cho biết "Le Boujoum được thầy Nguyên chuyển sang Việt ngữ mang tên Thái Huyền," ý nghĩ đầu tiên chợt thoáng qua trong trí tôi là: thầy đã chọn tên một nhân vật nữ trong truyện để đặt tên tác phẩm. Tại sao không? Thái Huyền cũng như Trà Hoa Nữ, bà Bovary, Mai Nương Lệ Cốt "Manon Lescaut," Truyện Kiều, Ana Karénina v.v... Thái Huyền, mới nghe qua đâu khác gì Thái Thanh, Thái Tú, Thái Hồng, Thái Đức, Thái Bạch, Thái Dũng? Lấy tên một nhân vật trong truyện đặt tên tác phẩm là việc rất bình thường. Nhưng không phải trường hợp của Thái Huyền Le Boujoum, bởi Thái Huyền, như Đạo, là thực thể ngoài ngôn ngữ bình thường được sử dụng trong đời sống. Lấy ngôn ngữ tương đối để nói cái Tuyệt Đối là thất bại. Spinoza nói "Khẳng định nào cũng là phủ định." Bụt thuyết Pháp bao nhiêu năm nhưng bảo chẳng nói gì. Phải chăng đây là một chìa khóa trong xâu chìa khóa mở cửa vào thế giới hình nhi thượng, là "huyền chi hựu huyền, chúng diệu chi môn" (Đạo Đức kinh)? Nếu tôi được phép trả lời "phải" thì có lẽ tôi tự cho phép hiểu tại sao người đọc thấy tác phẩm Thái Huyền như một thứ hỗn mang (chaos) vô trật tự, từ cốt truyện (?) bố cục, đến văn phong, cách diễn đạt ý tưởng tình cảm và mô

tả hành vi. Người đọc có cảm tưởng đi vào một thế giới của các nhân vật không được bình thường (Thực ra như thế nào được xem là bình thường?) Riêng tôi, tôi liên tưởng đến những nghệ sĩ siêu thực diễn tả thế giới hiện thực bằng ngôn ngữ siêu thực của họ và tôi cũng hiểu tại sao chỉ có ít người có trình độ thưởng thức những nhạc bản được đệm bằng nhiều hòa âm nghịch.

Nói tôi không hiểu gì Thái Huyền cũng không hoàn toàn đúng. Tôi có hiểu nhưng... rất phiến diện, cục bộ. Cái toàn thể tôi không nắm được một phần vì tập II chưa ra mắt độc giả (lý do rất chính đáng để tôi biện minh cho đầu óc tăm tối của tôi). Nhưng biết phiến diện cục bộ đâu phải là biết, e còn có thể dẫn đến những tai hại hơn không biết gì. Nói con voi là cái quạt, cái chổi, cái cột nhà chỉ làm trò cười kèm theo ít nhiều đáng thương cho thiên hạ. Nhưng chẳng lẽ tôi không hiểu bọn Củ Nghệ là ai? Đám người Củ Chàm có lẽ không ai khác hơn nhóm người sống trên đất người Chàm ngày trước và hôm nay cũng cùng một số phận như họ. Ai không hiểu bọn lê dương là bọn đánh giặc thuê dưới dạng này hay dạng nọ. Ngoài đời, Ngài Tổng Trấn được bọn lính lê dương coi như một NGƯỜI. Trại giam Feritaoum được tác giả mô tả ở những trang 219 và tiếp theo khiến tôi nghĩ đến một thứ "lò" như "lò cừ" trong thơ Ôn Như Hầu mà tội vô phép sửa lại một từ:

Lò cừ nung nấu thịt người
Bức tranh vân cẩu vẽ đời *tang thương.*

Thịt người nào? Thịt người dân địa phương là Củ Chàm và Củ Nghệ, thịt người cách Fontenay cả một đại dương rất đỗi thái bình. Quả là bức tranh vân cẩu: kẻ trước nướng thịt kẻ đến sau và cứ thế. Một thứ hỏa lò công cộng.

Một câu ở trang đầu của "Tựa" làm tôi rối trí, không thể hiểu vì thuật dùng từ của tác giả: "Quyền được đọc đối với điều được đọc hay đọc được là quyền tối thượng." Tại sao ông không viết bình dân dễ hiểu hơn: "Quyền được đọc là quyền tối thượng"? Nói đúng hơn thì: "Quyền đọc là quyền tối thượng," bởi nói "quyền được" là mâu thuẫn như khi tôi nói "Chính phủ Congo cho phép nhân dân Congo được tự do tín ngưỡng."

Còn "điều *được đọc*" phải được hiểu như thế nào? Là điều *cho phép đọc*? Và ai cho phép? Một quyền lực như cha mẹ đối với con cái? "Cuốn sách này của người lớn, con không *được đọc.*" Hoặc một quyền lực tập thể? "Tài liệu lưu hành nội bộ. Anh ở ngoài tập thể, không *được đọc.*"

Còn "điều *đọc được*," tác giả ám chỉ gì? Dĩ nhiên *"được đọc"* và *"đọc được"* không phải là một, bởi chỉ cần đổi chỗ một từ, ý nghĩa của câu sẽ khác. Ai chém anh? Anh chém ai? Tôi hiểu "đọc được" có nghĩa *đủ khả năng, đủ trình độ để đọc, và hiểu.* Ví dụ: Anh đọc được Le Boujoum chớ? Tôi không đọc được nguyên tác Sein und Zeit của Heidegger vì tôi không biết tiếng Đức. Vậy đọc được là một khả năng, đòi hỏi một trình độ, không phải một quyền... tối thượng như tác giả viết. Nhưng tôi nghĩ tác giả có chủ ý viết như thế.

Và ngôn ngữ của Thái Huyền tưởng như bỡn cợt nhưng không xa thực tiễn chút nào; tôi thấy có bóng dáng của u mặc. "Một chút tính dục để giúp người đọc băng qua cho hết sa mạc buồn tẻ là cuốn sách đó" (trang XI.) "Đừng phỉ báng quá nhanh các không tưởng. Có một số không tưởng đã mê hoặc được quần chúng và thực hiện những điều kỳ diệu" (trang 75.) Vừa u mặc vừa chua chát thấm thía.

Ở trang XVIII, tác giả giải thích ý nghĩa bức tranh trong chương cuối cuốn sách. "Tranh vẽ đó không nói về việc đánh cá và nghề nghiệp đánh cá, mà chỉ nói lên cảnh cô đơn tịch mịch, sự bằng lòng thân phận hòa đồng với trời nước, cỏ cây, một ý thức về sự bé bỏng của mình và vị trí mình trong vũ trụ bao la."

Đoạn văn trên nhắc nhở một cách kín đáo ý nghĩa của nhan đề cuốn sách: Thái Huyền, đồng thời gợi cho tôi nhớ bức tranh Thu Điếu của Nguyễn Khuyến. Xin phép độc giả cho tôi được nhắc Thu Điếu để chúng ta cùng thấy dễ dàng hơn bức tranh, trong đó "*người đi câu mất hút trong cái bao la vô cùng của Đạo.*" (Xin xem "Về Một Bài Thơ" của Võ Doãn Nhẫn trong Đặc San Thụ Nhân 1998):

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo...
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.
Từng mây lơ lửng trời xanh ngắt
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.
Tựa gối ôm cần lâu chẳng được
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

Lại một mùa Xuân! Hầu như tôi đã chẳng viết gì về xuân. Phải chăng tôi đã lạc đề?●

HÀNH TRÌNH THẾ KỶ:
BA MƯƠI NĂM CHIẾN TRANH
1945 - 1975

THỤY KHUÊ

(Tiếp theo và hết)

Trong thời gian này, ở Washington, tháng 2 năm 1968, Mc Namara từ chức Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng. Người lên thay thế là Clifford. Chính sách của Mỹ đối với Việt Nam cũng thay đổi. Clifford chủ trương để miền Nam tự lo lấy việc đánh nhau với miền Bắc. Sự mâu thuẫn giữa Bộ Quốc Phòng và Tổng Tham Mưu (chủ trương tiếp tục giúp miền Nam) Hoa Kỳ ngày càng tăng, trong khi phong trào hòa bình, theo chủ trương Mc Cathy, ngày càng thắng thế ở Mỹ. Johnson bắt đầu xuống thang chiến tranh và ngày 30/3/1968, Johnson giới hạn oanh tạc từ vĩ tuyến 20 trở vào Nam. Và ngày 3/4/1968, miền Bắc chấp nhận điều đình.

Tháng 12/1968, Nixon đắc cử tổng thống. Kissinger trở thành cố vấn an ninh quốc gia, đặc trách việc điều đình. Một văn bản nhận định về tình hình Việt Nam, do các cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, được đệ trình lên Hội đồng an ninh quốc gia, chủ yếu có các điểm:

- Chính phủ Nguyễn Văn Thiệu đã mạnh hơn những năm trước, nhưng ảnh hưởng rất yếu đối với giới trí thức;
- Các tổ chức chính trị chỉ đoàn kết khi bị Cộng sản đe dọa, nhưng sau đó lại chia rẽ, tranh quyền;
- Quân đội miền Nam đông hơn quân đội miền Bắc, trang bị tốt hơn và đôi khi tỏ ra rất hữu hiệu, nhưng lại bị nạn đào ngũ, chỉ huy kém và thiếu động cơ thúc đẩy. Trong tương lai, nếu không có Hoa Kỳ yểm trợ thì không thể thắng nổi miền Bắc;
- Mục tiêu cuối cùng của miền Bắc vẫn là thống nhất Việt Nam dưới sự kiểm soát của họ;
- v.v... (25)

Sau khi nghiên cứu kỹ bản tường trình này, Kissinger cho rằng Mỹ không thể nào thắng thế ở Việt Nam được, chỉ còn cách làm thế nào cho quân Mỹ rút ra mà đỡ mất mặt. Sau 3 năm điều đình tại Paris, từ 1969 đến 1972, Hiệp định đình chiến được ký kết tại Paris ngày 27/1/1973 giữa Kissinger và Lê Đức Thọ. Miền Nam Việt Nam chia thành hai vùng Quốc-Cộng xen kẽ theo kiểu da báo. Bắc quân chiếm sườn dựa Lào và Căm Bốt, vùng đồi núi và một số các tỉnh dân cư thưa thớt. Nam quân giữ các vùng đồng bằng và các tỉnh đông dân. Quân đội Mỹ rút khỏi Việt Nam và viện trợ quân sự cho miền Nam cũng giảm dần. Văn Tiến Dũng viết: "Trong tài khóa 1972-1973, Mỹ viện trợ cho ngụy 1614 triệu đô-la về quân sự, tài khóa 1973-1974 chỉ còn 1026 triệu đô la và tài khóa 1974-1975 giảm cuống còn 700 triệu." (trang 25)

Sau hiệp định Paris 1973, chiến tranh chưa bao giờ ngừng: Quân đội hai bên đều tranh nhau chiếm đất.

Lực lượng quân số của hai bên khá tương đương, nhưng Nam quân phải trải binh để giữ đất, còn Bắc quân có thể tập trung quân số vào một chiến trường nhất định. Quân đội hai bên đều được trang bị vũ khí tối tân của ngoại bang, nhưng số vũ khí của Liên Xô và Trung Quốc viện trợ cho miền Bắc có phần hữu hiệu hơn. Ví dụ: Nam quân còn dùng súng trường M1, thì Bắc quân đã có AK47. Nam quân có kích pháo 81 ly, Bắc quân có kích pháo 82 ly. Nam quân có đại bác 105 ly thì Bắc quân có hỏa tiễn 130 ly (26).

Về quân số, tính đến cuối năm 1973, không kể các lực lượng dân quân và du kích quân, Bắc quân có mặt ở miền Nam khoảng 170 000 quân chính quy từ Bắc vào và 30 000 quân chính quy tuyển thẳng từ miền Nam. Nam quân, không kể các lực lượng địa phương quân, có khoảng 220 000 quân bộ binh, gồm 11 sư đoàn bộ binh, 1 sư đoàn dù, 1 sư đoàn

thủy quân lục chiến và 15 liên đoàn biệt động quân. Ngoài ra còn có các lực lượng yểm trợ gồm pháo binh và thiết giáp. Không quân có 41 000 người và Hải quân có 39 000 người (27).

Sau hiệp định Paris, miền Nam tổ chức những cuộc hành quân lớn, chiếm lại nhiều vị trí trước đây bị Bắc quân kiểm soát như Cửa Việt, Sa Huỳnh, Bắc Kontum, Chư Nghé, Kiến Đức, Quảng Đức, đường 4 ở Mỹ Tho, đường 2 ở Bà Rịa, vùng Bẩy Núi ở Long Xuyên, v.v... Văn Tiến Dũng viết: *"Trong vòng 11 tháng của năm 1973, địch đã sử dụng 60 phần trăm quân chủ lực và toàn bộ lực lượng vũ trang địa phương, mở trên 360 000 cuộc hành quân lấn chiếm, giải tỏa và hành quân an ninh, tập trung lực lượng lớn tấn công có trọng điểm vào các khu vực giải phóng của ta như Sa Huỳnh, Bắc Công Tum, Chư Nghé, Kiến Đức, Quảng Đức, Nam Bắc lộ 4 ở Mỹ Tho, Chương Thiện, Núi Dài, Tri Tôn, lấn chiếm hầu hết các vùng ta mới giải phóng trong đợt hoạt động tháng 1 năm 1973, chiếm thêm một số lõm giải phóng của ta." (28).* Trần Văn Trà cũng viết tương tự trong *Kết Thúc Chiến Tranh 30 Năm (29)*

Tình trạng này đã khiến Bắc quân lo ngại, các tướng Võ Nguyên Giáp và Văn Tiến Dũng đã đích thân nghiên cứu các kế hoạch hành quân chiếm lại đất nhưng vô hiệu. Mùa thu năm 1974, CIA đã bắt được một số tài liệu trong đó có nghị quyết số 12 của Trung Ương Cục Miền Nam và nghị quyết số 21 của đảng Cộng sản. Trong những tài liệu này, trung Ương Cục Miền Nam báo cáo họ chỉ kiểm soát được 12% dân số và 1/5 diện tích miền Nam Việt Nam (30).

Văn Tiến Dũng viết: *"Trước tình hình nghiêm trọng do địch gây ra, Hội nghị lần thứ 21 của Trung Ương Đảng họp tháng 10 năm 1973 đề ra phương châm kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự với ngoại giao và chỉ rõ: "Con đường cách mạng của miền Nam là con đường bạo lực cách mạng"..." (31).* Trần Văn Trà cũng nhấn mạnh *"chỉ có con đường bạo lực cách mạng của nghị quyết 21 của Đảng Cộng Sản Việt Nam".* Văn Tiến Dũng viết: "Từ tháng 10 năm 1973 trở đi, lần lượt các quân đoàn được thành lập, tập trung huấn luyện tác chiến hợp đồng binh chủng và bố trí trên các địa bàn chiến lược cơ động nhất." (trang 19)

Đến cuối năm 1974, sự rút viện trợ quân sự Mỹ bắt đầu có hiệu quả. Nam quân yếu thế dần và cục diện chiến tranh chuyển hướng. Bắc quân bắt đầu thắng thế.

Văn Tiến Dũng viết: "Nguyễn Văn Thiệu phải kêu gọi quân của hắn chuyển sang tác chiến "kiểu con nhà nghèo": Theo tài liệu của chúng thì chi viện hỏa lực giảm sút gần 60 phần trăm vì thiếu máy bay, thiếu xe, thiếu cả nhiên liệu. Tình trạng đó buộc chúng phải chuyển từ hành quân lớn, tiến công nhẩy sâu bằng máy bay lên thẳng, xe tăng sang phòng ngự chốt, lấn dũi, lùng sục nhỏ." (trang 25)

Ở mặt trận Nam phần, quân khu 9 của Bắc quân đã bắt đầu đánh bại các cuộc hành quân chiếm lại đất của Nam quân. Quân khu 7 của Bắc quân giữ vững bàn đạp phía Bắc Sài Gòn. Quân khu 5 của Bắc quân tiến đánh nhiều nơi ở Tây Nguyên.

Giữa tháng 12/1974, tất cả những thành phần cao cấp nhất trong chính trị và quân đội miền Bắc họp tại Hà Nội. Cuộc họp của Bộ Chính Trị kéo dài từ 18/12/1974 đến 8/1/1975. Trong lúc Bộ Chính Trị đang họp thì tin chiến thắng Phước Long đưa về, và miền Bắc yên tâm là Mỹ không can thiệp vào tình hình Việt Nam nữa. Lê Duẩn quyết định Tiến công lớn năm 1975 tạo điều kiện bất ngờ để năm 1976 tiến hành Tổng Công Kích-Tổng Khởi Nghĩa.

Về mặt chiến thuật, miền Nam chia lãnh thổ thành 4 vùng quân sự chính trị gọi là 4 vùng chiến thuật:

- Vùng I Chiến Thuật gồm các tỉnh phía Bắc, từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi. Vùng này do Quân Đoàn I phụ trách, dưới sự điều khiển của Trung Tướng Ngô Quang Trưởng.
- Vùng II Chiến Thuật gồm đất Cao Nguyên Kontum, Pleiku, Đắc Lắc và các tỉnh từ Bình Định đến Bình Thuận, do Quân Đoàn II đảm nhiệm, với tư lệnh là Thiếu Tướng Phạm Văn Phú.
- Vùng III Chiến Thuật gồm Sài Gòn và các tỉnh xung quanh, phía Bắc tới Phước Long, phía Đông đến Bình Tuy, phía Nam đến Long An, do Quân Đoàn III phụ trách dưới sự điều khiển của Trung Tướng Nguyễn Văn Toàn.
- Vùng IV Chiến Thuật gồm các tỉnh phía Nam từ Đồng Tháp Mười đến Mũi Cà Mau, do Quân Đoàn IV phụ trách, dưới quyền tư lệnh của Trung Tướng Nguyễn Khoa Nam.

Quân đội miền Nam đặt dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Tổng Tư Lệnh là Tướng Nguyễn Văn Thiệu, Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa, với Bộ Tham Mưu do Đại Tướng Cao Văn Viên làm Tổng Tham Mưu Trưởng.

Theo Nguyễn Khắc Ngữ, Bắc quân chia

chiến trường miền Nam thành 7 quân khu: Quân khu Trị Thiên, Quân khu 5: phần còn lại của miền Trung, Quân khu 6: các tỉnh Quảng Đức, Tuyên Đức, Lâm Đồng, Ninh Thuận và Bình Thuận, Quân khu 7: miền Đông Nam Bộ, Quân khu 8: các tỉnh ở miền Tiền Giang, Quân khu 9: các tỉnh ở miền Hậu Giang và Trung Ương Cục Miền Nam điều khiển toàn thể chiến trường miền Nam. Mỗi quân khu có một đảng ủy mặt trận và một bộ tư lệnh quân khu chỉ huy. Hai quân khu giữ địa vị chiến lược quan trọng nhất trong trận tuyến đầu năm 1975 là quân khu Trị Thiên (gồm hai tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên và Thị Xã Huế) do Thiếu Tướng Lê Tư Đồng làm Bí Thư Đảng Ủy kiêm Chính Ủy, và quân khu 5 (gồm các tỉnh duyên hải miền Trung từ Quảng Nam đến Khánh Hòa và các tỉnh Tây Nguyên (32)) do Thượng Tướng Chu Huy Mân làm Bí Thư Đảng Ủy kiêm Tư Lệnh Quân Khu và Võ Chí Công làm Chính Ủy.

Các lực lượng chính quy thu nạp thẳng từ trong Nam gọi là Bộ đội Miền hay Bộ đội Nam Bộ. Bộ đội Nam Bộ do Thượng Tướng Trần Văn Trà làm tư lệnh và Phạm Hùng làm chính ủy.

Lực lượng chính quy Bắc quân được phân phối như sau:

- Quân đoàn I ở ngoài Bắc.
- Quân đoàn II do tướng Nguyễn Hữu An làm tư lệnh, Lê Linh làm chính ủy, gồm 3 sư đoàn 304, 324 và 325, hoạt động ở khu Trị Thiên và Bắc Cao Nguyên.
- Quân đoàn III do tướng Vũ Lăng làm tư lệnh, Nguyễn Hiệp làm chính ủy, gồm các sư đoàn 320, 10 và 316, hoạt động ở Cao Nguyên.
- Quân đoàn IV do Thượng Tướng Trần Văn Trà làm tư lệnh, Phạm Hùng làm chính ủy, gồm các sư đoàn 3, 5 và 7, trực thuộc Bộ Tư Lệnh Miền.

Ngoài ra mỗi tỉnh đều có lực lượng dân quân và Du kích quân, đặt dưới quyền của bộ chỉ huy tỉnh gọi là Tỉnh Đội Dân Quân Du Kích (33). Quân đội miền Bắc đặt dưới quyền điều khiển của Bộ Tổng Tham Mưu ở Hà Nội, với Đại Tướng Võ Nguyên Giáp, Phó Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Quốc Phòng, kiêm Tổng Tư Lệnh quân đội và Văn Tiến Dũng làm Tổng Tham Mưu Trưởng.

Phòng tuyến của Nam quân mạnh ở hai đầu và yếu ở giữa. Vùng II chiến thuật chỉ có 2 sư đoàn bộ binh 22 và 23 mà sư đoàn 22 đã bị cầm chân ở Bình Định để phòng thủ các tỉnh duyên hải. Còn lại sư đoàn 23, đồn trú tại Cao Nguyên, do Chuẩn Tướng Lê Trung Tường làm tư lệnh. Bộ tư lệnh sư đoàn 23 đặt tại Ban Mê Thuột.

Bộ tham mưu của Nguyễn Văn Thiệu dự trù Bắc quân sẽ đánh Tây Ninh, nên không lo phòng thủ vùng II và tình báo Bắc quân tại Dinh Độc Lập biết được chiến lược đó. Vì thế Bộ tham mưu miền Bắc quyết định mở chiến dịch Tây Nguyên. Sợ Vũ Lăng không đủ uy tín phối hợp quân, Trung Ương cử Văn Tiến Dũng làm Tổng Tư Lệnh mặt trận Tây Nguyên.

Theo kế hoạch của Võ Nguyên Giáp, Bắc quân đặt nghi binh để địch tập trung phòng thủ Bắc Tây Nguyên, vùng Kontum, Pleiku, rồi tấn công Ban Mê Thuột.

Sau kinh nghiệm thất bại ở Tây Nguyên năm 1971 và ở Quảng Trị năm 1972, Tướng Văn Tiến Dũng vẫn còn e ngại quân đội miền Nam. Ngày 1/3/1975, Văn Tiến Dũng hạ lệnh cho sư đoàn 968 tấn công Nam quân trên quốc lộ 19bis, phía tây Pleiku, áp sát quận lỵ Thanh An và liên tiếp mấy ngày sau đó, tấn công các vị trí Nam quân trên quốc lộ 19. Chiến dịch Tây Nguyên bắt đầu.

Quả nhiên Nam quân dồn lực lượng quân đoàn II lên bảo vệ Kontum, Pleiku. Ba giờ sáng ngày 10/3/1975, Bắc quân tiến đánh Ban Mê Thuột. Mặc dù bị tấn công bất ngờ và quân phòng thủ ít ỏi, các lực lượng của sư đoàn 23 đã chống trả dữ dội. Trận chiến xảy ra ác liệt trong ba ngày, từ 10/3 đến 13/3. Sau cùng Bắc quân chiếm được Ban Mê Thuột và tỉnh Đắc Lắc.

Sau thất bại này, Nguyễn Văn Thiệu quyết định triệt thoái Cao Nguyên. Khi tin rút quân bay ra, dân chúng khắp nơi trên Cao Nguyên tìm mọi cách di tản theo quân đội. Đường liên tỉnh lộ số 7, nối liền Pleiku với Tuy Hòa được chọn làm đường rút quân, trở nên một đại lộ kinh hoàng, mà dân chúng và quân đội tranh nhau tìm đường thoát dưới kích pháo của Bắc quân. Quân đoàn II gần như tan rã.

Vùng I chiến thuật do Trung Tướng Ngô Quang Trưởng cầm đầu. Ông nổi tiếng là một viên tướng giỏi của miền Nam. Quân đoàn I gồm 3 sư đoàn bộ binh: Sư đoàn 1 đóng tại Quảng Trị, Thừa Thiên, sư đoàn 2 đóng tại Quảng tín và Quảng Ngãi và sư đoàn 3 đóng tại Quảng Nam. Thêm vào đó có hai sư đoàn trừ bị là sư đoàn nhảy dù và sư đoàn Thủy quân lục chiến, những đơn vị thiện chiến nhất

của miền Nam. Ngoài ra còn có 4 liên đoàn Biệt động quân và các lực lượng yểm trợ: Pháo binh, Thiết giáp, Hải quân và Không quân.

Về phía Bắc quân, quân khu Trị Thiên do Tướng Lê Tư Đồng làm tư lệnh, được coi như một đơn vị đặc biệt trực thuộc Trung Ương Hà Nội, về chính trị cũng như về quân sự. Chiến dịch đánh Trị Thiên đã được soạn thảo từ tháng 12/1974. Đến tháng 2/1975 phải soạn thảo lại và Trung Tướng Lê Trọng Tấn, Tổng Tham Mưu Phó ở Hà Nội trực tiếp điều khiển mặt trận Trị Thiên.

Các trận đánh then chốt của chiến trường Trị Thiên bắt đầu từ ngày 8/3/1975. Trọng điểm của chiến trường, đối với Bắc quân là chiếm đường 14, ở phía Nam thành phố Huế, để tiến đánh Thừa Thiên. Đường 14 là một vị trí quan yếu, Nam quân đã để 2 trung đoàn 1 và 54 ở đó bảo vệ. Thung lũng đường số 14 là một thung lũng hẹp, ở đó, Trung đoàn 1 bộ binh đã dựa vào hai đỉnh núi Nghệ và núi Bông cùng các ngọn đồi 224, 303 để lập 3 tuyến cản địch. Bắc quân cho sư đoàn 324 tấn công vào khu vực núi Bông, núi Nghệ và Mũi Tàu. Các đơn vị Nam quân chống trả mãnh liệt. Cao điểm 224 được hai bên dằng co chiếm đi chiếm lại trong những điều kiện gay go nhất. Xuân Thiều viết: *"Trên thực tế thì sư đoàn 324 đã phải đột phá vào một tuyến phòng ngự vào loại mạnh nhất, kiên cố và dầy đặc nhất, trong phạm vi trách nhiệm chiến thuật của Sư đoàn 1 bộ binh Ngụy."* (34) Các mặt trận trên đồng bằng phía Bắc Hải Vân cũng xẩy ra vô cùng dữ dội. Hai bên đều bị thiệt hại nặng nề.

Sau chiến thắng Tây Nguyên, Bắc quân thấy thời cơ đã thuận lợi, ngày 18/3/1975 quyết định Tổng Tấn Công. Đánh Quảng Trị. Đánh Huế. Và đánh Phú Lộc. 14g30 ngày 19/3 tiến đánh Huế. Đêm ngày 19/3 tấn công Quảng Trị. Và ngày 20/3 tiến đánh Phú Lộc.

Trong lúc mặt trận Trị Thiên đang gay go thì ngày 13/3/1975, Nguyễn Văn Thiệu chỉ thị cho Ngô Quang Trưởng phải trả Sư đoàn dù về Sài Gòn, chỉ để lại Sư đoàn Thủy Quân Lục

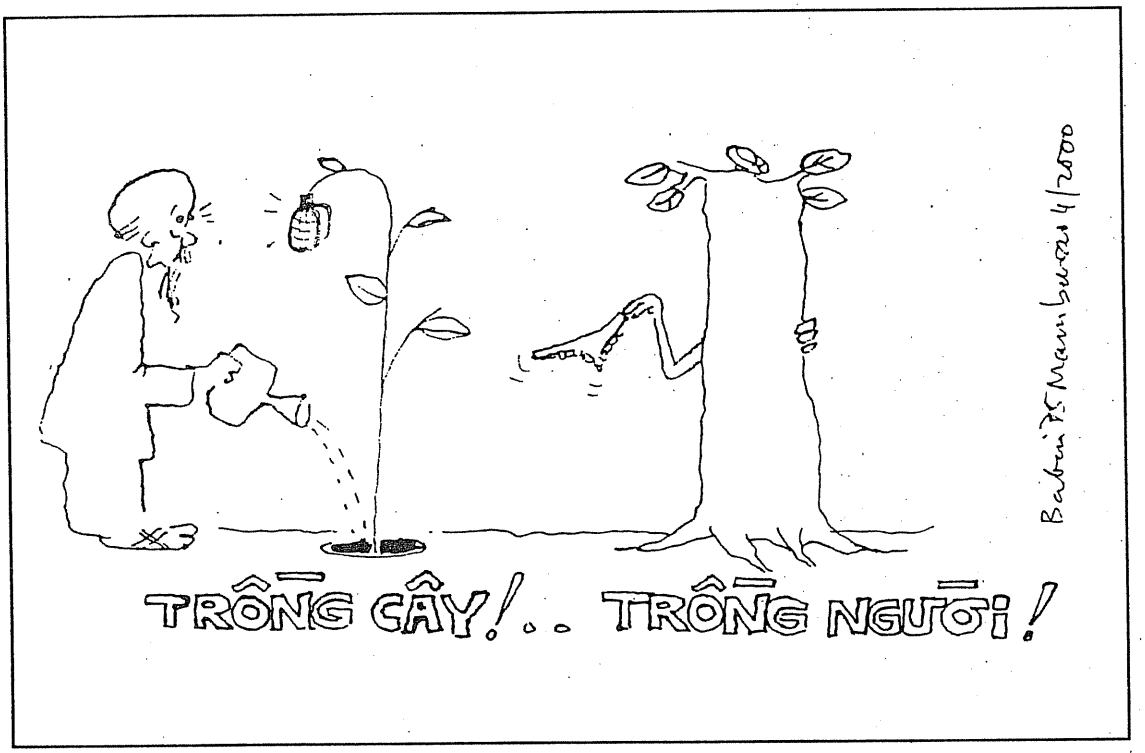

Chiến ở Vùng I. Và nếu cần thì triệt thoái khỏi Trị Thiên, giữ từ đèo Hải Vân trở vào. Và ngày 19/3 tướng Trưởng được triệu về Sài Gòn lần nữa, và lần này ông biết ý định của Nguyễn Văn Thiệu muốn rút cả sư đoàn Thủy Quân Lục Chiến về Nam. Thiếu hai sư đoàn thiện chiến này thì không thể giữ nổi Trị Thiên. Để phản đối lệnh rút quân, tối ngày 20/3, Ngô Quang Trưởng đánh điện về Sài Gòn xin từ chức. Nguyễn Văn Thiệu không chấp nhận. Ngày 23/3/1975 Ngô Quang Trưởng phải chấp hành lệnh rút quân.

Bắc quân chiếm Huế ngày 25/3/1975. Sự rút quân ở Quảng Trị, Thừa Thiên về Đà Nẵng,

rồi từ Đà Nẵng về Nam cũng xảy ra trong những điều kiện kinh hoàng. Dân chúng lũ lượt di tản theo quân đội. Các cửa biển Thuận An, Đà Nẵng đã bầy ra những bối cảnh máu và nước mắt hãi hùng, bi thảm như cảnh trên liên tỉnh lộ 7. Không còn quân, cận vệ cũng đã đi mất, Tướng Ngô Quang Trưởng, không biết bơi phải nhờ người kéo ra tầu đậu ngoài khơi Đà Nẵng.

Thủy quân lục chiến còn cầm cự ở những căn cứ cuối cùng: Đèo Hải Vân và bán đảo Sơn Trà. Nhưng đến 30/3 thì Đà Nẵng cũng về tay Bắc quân. Trong khi đó, nhiều đơn vị Nam quân ở Quảng Nam, không biết tin, vẫn tiếp tục chiến đấu thêm nhiều ngày sau nữa.

Cùng ngày 25/3 chiếm Huế; ở mặt trận phía Nam, Bắc quân tiến đánh Bình Định: Trung đoàn Tây Sơn tấn công Qui Nhơn nơi sư đoàn 22 trấn giữ. Trận chiến diễn ra khốc liệt ở quân cảng Qui Nhơn, đường Gia Long, ở khu nghĩa địa gần đường Nguyễn Huệ và bờ biển.

Đến ngày 1/4/1975, Bắc quân chiếm được Bình Định. Tiến vào Nha Trang, tiến đánh Cam Ranh không gặp trở ngại gì. Ở miền Nam Trung phần, sau thất bại của Quân đoàn II, các tỉnh Ninh Thuận, Phan Rang, Phan Thiết đã được sát nhập vào vùng III chiến thuật là ba nơi Nam quân còn cầm cự từ đầu tháng tư cho đến cuối tháng tư, dưới quyền tư lệnh của tướng Nguyễn Vĩnh Nghi.

Sau chiến thắng miền Trung, ngày 9/4/1975 Bắc quân mở chiến dịch Hồ Chí Minh do Tướng Văn Tiến Dũng làm tư lệnh để tấn công Sài Gòn. Chiến dịch này gồm 3 giai đoạn:

- Giai đoạn I từ 9/4/1975 đến 25/4/1975: Bộ Đội Nam Bộ tấn công các tỉnh bảo vệ vòng ngoài Sài Gòn, thuộc vùng chiến thuật III.
- Giai đoạn II từ 26/4 đến 28/4: tấn công các tuyến sát đô thành Sài Gòn, phối hợp với các đơn vị ở Bắc và Trung vào.
- Giai đoạn III từ 29/4 đến 30/4: tổng tấn công Sài Gòn.

Trong giai đoạn đầu, mục tiêu chính của chiến dịch là 3 tỉnh Long Khánh, Bình Dương và Tây Ninh, nằm trên vòng đai ngoài của Sài Gòn. Văn Tiến Dũng bố trí các mặt trận như sau: Mặt trận phía Đông đánh vào Xuân Lộc. Mặt trận phía Bắc đánh vào Bình Dương và Bình Long. Mặt trận phía Tây đánh vào Long An và Hậu Nghĩa. Nhưng sư đoàn 18 của Nam quân, do chuẩn tướng Lê Minh Đảo làm tư lệnh trưởng, Nguyễn Xuân Mai tư lệnh phó và Đại tá tỉnh trưởng Xuân Lộc Phạm Vĩnh Phúc đã đẩy lui được sức tiến của Bắc quân do tướng Hoàng Cầm, tư lệnh mặt trận chỉ huy. Không chiếm được Xuân Lộc, Bắc quân vòng qua Xuân Lộc để tiến về phía Trảng Bom, Long Bình và Biên Hòa.

Sư đoàn 18 và Lữ đoàn III dù, rút về giữ Trảng Bom và Kho Long Bình.

Ngày 21/4, Bắc quân tiến đánh Trảng Bom nhưng lực lượng phòng thủ ở đây (gồm trung đoàn 43, sư đoàn 18 bộ binh và chiến đoàn 22 thiết giáp) đã chống cự mãnh liệt, nên Bắc quân dù mở nhiều đợt tấn công vẫn không chiếm được.

Ở mặt trận phía Bắc Sài Gòn, Bắc quân đã tiến đánh Bình Long và bao vây tỉnh lỵ An Lộc. Sư đoàn 5 của Nam quân do Đại tá Lê Nguyên Vĩ làm tư lệnh, rút lui khỏi An Lộc an toàn để về giữ phòng tuyến Chơn Thành, một quận lỵ thuộc tỉnh Bình Long. Tại đây sư đoàn 5 đã chặn đứng sức tiến của Bắc quân đến Lai Khê, cho đến ngày 30/4/1975.

Trên mặt trận Tây Bắc Sài Gòn, sư đoàn 25 bộ binh do Chuẩn tướng Lý Tòng Bá làm tư lệnh, đóng tại Đồng Dù, Củ Chi, Hậu Nghĩa, cũng giữ được phòng tuyến đến ngày 27/4 mới bị phá vỡ.

Giai đoạn II của chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu từ 17 giờ ngày 26/4/1975. Quân đoàn II của Bắc quân tấn công căn cứ Nước Trong, Long Thành, nơi có Trường huấn luyện Bộ Binh và Trường Thiết Giáp. Sự chống trả của hai đơn vị này rất quyết liệt; trong 3 ngày, Bắc quân không hạ được tuyến này. Trong khi ấy một cánh quân khác tiến đánh Chi Khu Long Thành, chiếm được quận lỵ.

Một cánh quân của binh đoàn IV tiến đánh Phước Tuy rồi tấn công vào thị xã Phước Lễ. Chiếm xong Phước Lễ, đánh xuống Vũng Tàu. Thủy Quân Lục Chiến đã chiến đấu gan dạ, nhưng cuối cùng cũng phải rút ra biển.

Sau Xuân Lộc, Nam quân trở về giữ Biên Hòa. Bắc quân pháo kích vào phi trường Biên Hòa. Ở cầu Long Bình, hai bên chiếm đi chiếm lại nhiều lần trong suốt hai ngày 28 và 29 tháng 4. Sáng ngày 28 tháng 4, Tư lệnh quân đoàn III, tướng Nguyễn Văn Toàn đã bỏ đi. Quân đoàn III di tản bộ tư lệnh về Sài Gòn. Bắc quân chiếm Biên Hòa và Long Bình không gặp trở ngại gì.

Từ 3 giờ sáng ngày 27/4, Bắc quân đã cắt đứt đường số 4, nối Sài Gòn với các tỉnh miền Tây. Nam quân phải tung 3 sư đoàn chủ lực cuối cùng của vùng IV chiến thuật do Trung

Tướng Nguyễn Khoa Nam chỉ huy, sư đoàn 7, 9 và 21, vào mặt trận phía Nam Sài Gòn, để bảo vệ đường số 4, tạo khoảng trống lớn ở biên giới Việt Miên. Do đó Bắc quân vượt sông Vàm Cỏ Đông về đồn trú tại phía Tây Nam Sài Gòn, chuẩn bị tổng tấn công Sài Gòn.

Trong khi ấy ở Sài Gòn, ngày 20/4/1975, Đại sứ Hoa Kỳ Graham Martin chuyển cho Nguyễn Văn Thiệu tối hậu thư của chính phủ miền Bắc. Nội dung đại ý nói: Từ nửa đêm 21/4/1975 hoặc Nguyễn Văn Thiệu phải từ chức hoặc miền Bắc sẽ tấn công Sài Gòn.

Không còn cách nào khác, Nguyễn Văn Thiệu chấp nhận từ chức 2 giờ trước khi tối hậu thư hết hạn. Trần Văn Hương, phó tổng thống lên thay. Nhưng miền Bắc không chịu điều đình với Trần Văn Hương, viện cớ Trần Văn Hương là "bù nhìn" của Nguyễn Văn Thiệu.

Sau cùng, ngày 28/4/1975, Quốc hội cử Đại tướng Dương Văn Minh làm Tổng Thống để đứng ra "điều đình" với miền Bắc. Nhưng miền Bắc không chấp nhận điều đình mà đòi hỏi một sự đầu hàng vô điều kiện.

Giải pháp Dương Văn Minh đã tránh được trận đánh cuối cùng: Trận Sài Gòn, tiết kiệm nhiều xương máu.

Ngày 30/4/1975, Bắc quân tiến vào Sài Gòn. Trung Tướng Nguyễn Khoa Nam, Tư lệnh vùng IV chiến thuật và Thiếu Tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh vùng II chiến thuật tư vận. Việt Nam chấm dứt cuộc chiến 30 năm.

Tháng 3/2000

Chú thích:

(25) Nguyễn Khắc Ngữ, sđd, trang 12-13.

(26) Nguyễn Khắc Ngữ, sđd, trang 36.

(27) Nguyễn Khắc Ngữ, sđd, trang 28 và 30.

(28) Văn Tiến Dũng, Đại Thắng Mùa Xuân, nxb Quân Đội Nhân Dân, Hà Nội, 1976, trang 15.

(29) Trong *Kết Thúc Chiến Tranh 30 Năm,* nxb Văn Nghệ Thành Phố Hồ Chí Minh, 1982, trang 52 và 54, Trần Văn Trà viết: "*Ngay khi hiệp định Paris có hiệu lực, ngụy đã xua quân lấn chiếm một số vùng quan trọng của ta như Cửa Việt (Trị Thiên), Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), đường 4 (Mỹ Tho), đường 2 (Bà Rịa), vùng Bẩy Núi (Long Xuyên)... Không những chúng đã lấn chiếm nhiều vùng ta mới mở ra trước ngày 28/1 mà còn chiếm thêm một số vùng ta đã làm chủ từ trước [...]*

Giữa bối cảnh như vậy, nhìn vào hiện tượng rối bời lúc đầu ấy, một số cán bộ từ trung ương đến địa phương nghĩ rằng, sau hiệp định, ta yếu đi nhiều, còn địch thì mạnh lên. Địch thu nhiều thắng lợi mới còn ta thì bị thiệt hại mất mát thêm. Từ đó kết luận rằng hiện nay địch mạnh hơn ta, tương quan lực lượng chiến trường có lợi cho địch, bất lợi cho ta, nguy hiểm cho cách mạng."

(30) Nguyễn Khắc Ngữ, sđd, trang 165, viết theo tài liệu của Frank Snepp.

(31) Văn Tiến Dũng, sđd, trang 15.

(32) Vùng Komtum, Pleiku, Đắc Lắc. Miền Nam gọi là Cao Nguyên, miền Bắc gọi là Tây Nguyên.

(33) Nguyễn Khắc Ngữ, sđd, trang 24-28.

(34) Nguyễn Khắc Ngữ, sđd, trang 223-225.

Tài liệu tham khảo:

1. Hoàng Văn Hoan, *Giọt Nước Trong Biển Cả,* Nhóm Tìm Hiểu Lịch Sử in năm 1991 tại Hoa Kỳ.

2. Võ Nguyên Giáp, *Những Năm Tháng Không Thể Nào Quên,* nxb Quân Đội Nhân Dân, Hà Nội, 1974.

3. Hoàng Xuân Hãn, *Một Vài Ký Vãng Về Hội Nghị Đà Lạt,* nxb A.V.A.C, Paris 1987.

4. Philippe Devillers, *Paris Saigon Hà Nội,* Collection Archives, Gallimard, 1988.

5. Phạm Khắc Hòe, *Từ Triều Đình Huế Đến Chiến Khu Việt Bắc,* nxb Thuận Hóa, Huế, 1987

6. Báo Cứu Quốc, số 32 ra ngày 27/8/1945, in lại trong Phạm Khắc Hòe,

7. Trần Trọng Kim, *Một Cơn Gió Bụi,* nxb Vĩnh Sơn, 1969.

8. Lê Kim, *Trận Điện Biên Phủ Nhìn Từ Hai Phía,* nxb Thanh Niên, 1994

9. Đặng Văn Sơn, *Việt Sử Toàn Thư,* Tủ sách sử học, Sài Gòn, 1960

10. Hoàng Xuân Hãn, *Chứng Nhân Lịch Sử,* Hợp Lưu số 29, tháng 6-7 năm 1986.

11. Đoàn Thêm, *1945-1964 Hai Mươi Năm Qua,* không ghi rõ nhà xuất bản.

12. Hiệu Triệu của Hồ Chí Minh, in trên Văn Nghệ, số 19, tháng 1/1950.

13. Alain Ruscio, *La mémoire du siècle, 1945-1954 La guerre francaise d'Indochine,* Editions Complexe.

14. Bùi Tín, *Mây Mù Thế Kỷ,* nxb Đa Nguyên, 1998.

15. Nguyễn Khắc Ngữ, *Những Ngày Cuối Cùng Của Việt Nam Cộng Hòa,* Tủ sách nghiên cứu sử địa, Montréal, 1979.

16. Hồi Ký Mc Namara, bản dịch của nxb Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội, 1995.

17. Văn Tiến Dũng, *Đại Thắng Mùa Xuân,* nxb Quân Đội Nhân Dân, Hà Nội, 1976.

18. Trần Văn Trà, *Kết Thúc Chiến Tranh 30 Năm,* nxb Văn Nghệ Thành Phố Hồ Chí Minh, 1982.

CHUYỆN Ở TỈNH LỴ

Tạp ghi của
VŨ THƯ HIÊN

(Tiếp theo)

Tôi không thích viết những sự việc không nhân vật. Không có nhân vật thì mọi sản phẩm văn chương - từ bài báo cho tới truyện ngắn - đều tẻ nhạt. May, Đồng Sâm có những nhân vật thú vị. Trong hai ngày ở Đồng Sâm tôi được nghe vô số chuyện đời ở nông thôn của những người ruột để ngoài da, hoặc những người không thấy cần phải đeo mặt nạ với tôi. Như anh chủ nhà một đêm của tôi chẳng hạn. Anh là cốt cán của ủy ban xã, chuyên lo việc cơm nước tiếp khách cho ủy ban. Một người khiêm tốn, biết vị trí của mình, nghĩa là không biết gì về công việc của lãnh đạo. Nhưng anh không đừng được để không nêu những thắc mắc:

"Tại sao nhà nước lại không muốn có người giàu, hở đồng chí nhà báo? Người ta giàu thì mặc kệ người ta chứ, chết ai đâu? Rỗi hơi mà ganh với nhau. Giàu nghèo có số cả. Mà cũng giàu có gì cho cam, dân chúng tôi ấy. Toàn giật đầu cá vá đầu tôm cả thôi. Thành ra có tí của để ra cũng cứ phải giấu. Còn hơn mèo giấu cứt."

Hoặc: "Thời nào thì cũng thế. Quyền đi đôi với lợi. Dễ tôi vào Đảng để ăn rau lợn cho hàng xóm ăn gà à? Có mà điên."

Thế nhưng than phiền thì than phiền, anh nông dân của tôi không bất bình với mọi sự cấm đoán của Đảng. Anh cũng coi đó là số phận. Anh ru con bằng hai câu lẩy Kiều:

Bất phanh trần phải phanh trần
Cho may-ô mới được phần may-ô...

Có lẽ những phóng viên thạo nghề đánh bóng mạ kền từng tới đây làm phóng sự đã làm cho ông già nghệ nhân cao tuổi nhất Đồng Sâm khó chịu. Ông nhăn mặt khi thấy tôi loay hoay chọn một góc đẹp để chụp ông.

"Này bác, tươi lên một tí nào." - tôi nói.

Ông già hấm hứ:

"Cái mặt tôi có vậy thôi, chụp tôi làm làm quái gì chứ? Ra mà chụp mấy cô xinh xinh kia kìa! Ông nhà báo nào về đây cũng chụp mấy cô ấy đấy!"

Tôi nhìn theo tay ông chỉ. Mấy cô xinh thật. Trong những bộ cánh diện, màu sắc tươi tắn, được khoác vào cho các nhà báo chụp ảnh, cô nào cô ấy tươi hơn hớn, gái Hà Nội không ăn đứt nổi. Khốn nỗi, các cô chỉ là thợ học việc, được giao làm những sản phẩm hàng loạt. Các cô lại không có hai bàn tay nhàu nát những nếp nhăn tuyệt đẹp của ông già nghệ nhân. Hai bàn tay ấy, với làn da xạm và cứng như giấy vỏ bao xi măng, cần mẫn và điêu luyện,

ngày lại ngày làm ra vô số kể những tuyệt phẩm trang trí, trông mà mê.

Đến khi tôi đí sát ống kính vào hai bàn tay của ông thì ông già gắt lên:

"Ông này làm cái gì vậy?"

Tội nghiệp cho tôi, ông già không biết rằng tôi rất muốn thể hiện cái đẹp của hai bàn tay ấy. Tôi lại không có một ống kính chuyên dụng.

Xong việc, tôi đến phòng bưu điện huyện để gọi về Hà Nội.

Thư ký toà soạn đặt một số câu hỏi, bao giờ cũng thừa, bao giờ cũng tràn đầy những lời động viên có cánh, rồi vui vẻ giục tôi:

"Tuyệt lắm. Ông về ngay đi."

Tôi nói tôi cần tìm hiểu thêm một số tình hình địa phương, ở đây có nhiều chuyện rất thú vị, tôi sẽ về sau một hai ngày. Ở đầu dây đàng kia, thư ký toà soạn cằn nhằn, giục tôi về cho mau. Tôi cười thầm, cúp máy giữa câu. Thỉnh thoảng cũng phải làm cao một tí người ta mới nể.

Thế là tôi lại có thời giờ để lang thang lần nữa trong cái tỉnh lỵ của vùng châu thổ. Hóa ra ở cái tỉnh nhỏ bé này cũng có một quán cà phê không đến nỗi nào, do một người Hà Nội tản cư từ cái thời toàn quốc kháng chiến xa lơ xa lắc lập ra. Thoạt đầu, trong cuộc tiêu thổ kháng chiến, tỉnh lỵ bỏ hoang, quán cà phê của ông tọa lạc tại thị trấn Đống Năm nổi tiếng một thời, hết chiến tranh nó mới được chuyển về tỉnh.

Ông chủ quán, tóc bù xù như một nghệ sĩ, với gương mặt đuồn đuỗn của thợ hồ, là người mau miệng, hay chuyện. Ngồi ngay xuống trước mặt khách, bất kể khách có muốn hay không, ông ta than van về nỗi buồn tỉnh lẻ, rằng ở đây chán đến nẫu người đi được, rằng đúng là con người ta có số cả, nếu không tại cái số, thì lẽ ra ông đã về Hà Nội ngay từ khi hòa bình lập lại kia, chứ ở lại cái xó này mà làm gì. Khốn từ ngày "bùng nổ," những đứa con cứ sòn sòn ra đời, đứa nọ sau đứa kia một năm, giờ cả thẩy đã ngót một chục, biết làm sao?

Tôi nhâm nhi ly cà phê, lơ đãng nghe những mẩu tâm sự vụn của chủ quán. Cùng nghe với tôi, cũng lơ đãng như thế, là một con mèo Xiêm lông xù. Nó nằm trên đùi ông chủ, mắt lim dim, với vẻ bất cần đời. Những con ruồi béo mập bay vù vù. Trong cái quán thông thống không có lấy một ngọn gió. Ngồi uống cà phê mà nghe mồ hôi chảy thành dòng bên trong áo sơ mi.

Buổi chiều, trên đường ra bến để đáp ca-nô đêm về Hà Nội, tôi mới sực nhớ là phải tới thăm anh bạn thân thời học trò, nghe nói bây giờ làm bác sĩ ở ngay thị xã. Cái nóng đã làm cho đầu tôi mụ mẫm. Tôi quên bẵng dự định đó. Anh bạn này là người đã trình bày bìa sách cho tác phẩm đầu tay của tôi, một vở kịch có cái tên khá kêu là "Lối Thoát."

Tôi viết kịch chứ không viết văn xuôi là do tình cờ. Nó xảy ra do cuộc gặp gỡ với một ông nhà văn, nổi tiếng ở Liên khu IV kháng chiến nhờ mấy vở kịch loại xoàng, như sau này tôi đánh giá. Hồi đó, tôi đang học tại trường Nguyễn Thượng Hiền từ Ninh Bình tản cư vào. Nhà trường vốn yêu văn hoá, mời ông nhà văn tới diễn thuyết. Được gặp một nhà văn bằng xương bằng thịt, lũ học trò chúng tôi rất háo hức. Vui chuyện, tôi mới tò mò hỏi ông về bếp núc nghề văn. Ông nhà văn còm nhom kẻ cả vỗ vai tôi, nhìn vào mắt tôi mà cười nhạt: "Ha, chú mày cũng muốn viết văn đấy hả? Không dễ đâu. ông tướng ạ. Viết văn không phải là luộc rau, hay nấu cơm. Để làm được việc đó cần phải có tài. Khốn nỗi, lại không thể kiếm tài như kiếm củi được." Các cô bạn học của tôi nghe thấy câu trả lời ấy cười ré lên, còn tôi thì đỏ bừng mặt. Ngày hôm ấy tôi tự hứa với mình sẽ phải viết một cái gì đó ra trò để cho nhà văn cao ngạo kia biết tay.

Tôi giấu mọi người, cặm cụi viết trong xó bếp. Vở kịch rồi cũng xong. Một nhà xuất bản còn sót lại của thời cộng hoà đầu tiên nhận in cho tôi, có trả nhuận bút hẳn hoi. Nó được diễn, nó có tiếng vang, hơn hẳn những vở kịch của ông nhà văn khinh người. Cái đó vuốt ve lòng tự ái của tôi.

Thái, anh bạn mà tôi đang nói tới, họa sĩ tờ báo tường lớp Bảy A, nhiệt tình giúp tôi vẽ bìa. Thái còn là nhà phê bình đầu tiên của tôi. Tôi chịu ơn anh nhiều về những ý kiến giúp tôi hoàn thành vở kịch. Trong thời học trò của chúng tôi Thái thường được điểm cao về môn văn. Khi nhận bản thảo kèm theo bìa sách đã vẽ sẵn, ông giám đốc nhà xuất bản ngắm nghía mãi cái bìa, gật gù khen người vẽ có tài, hẹn sẽ đặt anh vẽ. Nhưng rồi chẳng bao giờ ông ta dùng tới cái tài của Thái cả. Nhà xuất bản không có nhiều sách để mà ra, độc giả thì dễ tính, ông giám đốc tự trình bày các ấn phẩm của mình bằng màu quinacrine và mercurcochrome.

Tôi tìm được nhà Thái không mấy khó

khăn. Thị xã vẻn vẹn hơn chục phố, mỗi phố dài chưa nổi trăm mét, với vài cột điện xiêu vẹo. Những ngôi nhà tỉnh lỵ, phần lớn còn lợp rạ, nhưng cũng được đánh số bên chẵn bên lẻ hẳn hoi, y như ở Hà Nội vậy.

Nhà Thái là một ngôi nhà nhỏ, tường xây, cửa đóng im ỉm, nằm trong một mảnh vườn tí xíu, cỏ mần trầu mọc đầy mấy luống rau xơ xác.

Tìm mãi không thấy chuông đâu, chuông bấm không, chuông giật cũng không, tôi đành gọi ông bạn theo cách nhà quê vậy, nghĩa là cứ đứng ở đấy, ngay ở cổng, mà hò đò sông cái:

"Thái ơ...i! Thái ờ..i...!"

Sau một lát yên lặng, có dễ tới năm phút, bỗng từ trong nhà bay ra một tràng tiếng khóc đứt quãng. Rồi cánh cửa bật mở, một bà lão tất tưởi lao ra.

Bà lão còm cõi đi chân đất, nước mắt giàn giụa, lúng túng hồi lâu mới mở được hai cánh cổng. Vừa lập cập mở khoá, bà vừa kể lể:

"Ối anh ơi! Anh bây giờ mới đến, thì em nó đã mất rồi... Ới anh ơi là anh ơi! Sao anh chẳng đến sớm với em?"

Bà lão ôm chầm lấy tôi. Những giọt nước mắt lã chã rơi xuống ngực áo tôi.

Cái cách bà lão hờ tôi như thể tôi đã chết rồi, làm tôi lạnh toát cả người.

Tôi ôm lấy mẹ bạn. Bên dưới bàn tay tôi xương bả vai bà gồ lên, không còn chút thịt nào. Tôi không gặp bà kể từ ngày tôi xa bạn tôi. Mà chúng tôi xa nhau cũng đã hơn chục năm rồi. Khi bà lão từ trong nhà bước ra, tôi không nhận ra bà, giờ đây cũng phải định thần mới tìm thấy những nét thân quen ngày trước. Bà úp mặt vào ngực tôi, dựa hẳn vào người tôi và tôi cảm thấy bà nhẹ bỗng.

"Sao? Bác bảo sao?"

Bà lão nắm lấy áo, tôi lôi tuột vào nhà.

Trên ban thờ, Thái nhìn xuống tôi bằng cặp mắt hiền từ, có vẻ lơ đãng.

Những bức ảnh thờ bao giờ cũng thế, cái nhìn của người chết bao giờ cũng hiền từ, bao giờ cũng trầm tĩnh, cũng đầy vẻ suy ngẫm, mặc dầu khi còn sống chưa chắc họ đã là như thế. Nhưng với Thái thì cái nhìn đúng là của anh. Anh hiền, như chúng ta thường nói, như đất. Anh sẵn sàng giúp đỡ mọi người, hay nói cho đúng hơn, sẵn sàng hầu bạn bè. Khi có ai cần tới anh, chẳng bao giờ anh từ chối.

Tôi nhớ những buổi chiều lộng gió bên dòng sông Chu xanh ngắt ở Thanh Hoá, tôi và Thái ngồi dưới vệ đê với hai cái cần câu bằng cật nứa. Cá sông rất ít cắn, chúng tôi tâm sự với nhau đủ điều dưới con mắt canh chừng của ông lão hành khất, một thời là ông đồ nho. Ông đồ ăn mày sống trong một cái điếm canh đê mốc thếch. Bao giờ cũng vậy, thấy chúng tôi ra sông là ông vạch cái chiếu nát thay cánh cửa ngó ra. Ông biết, nếu chúng tôi gặp may thể nào chúng tôi cũng dành cho ông mấy con bống nhỏ, hoặc mấy con cá bò loang lổ. Ông có thừa thời giờ để câu, nhưng ông không câu, ông không có cái cần câu nào, dù với lưỡi câu thẳng của Khương Tử Nha. Ông đã thôi chờ thời, nếu trước kia ông đã chờ. Ông đã đánh mất cái thời của ông, vĩnh viễn. Ông đã quá già để mà chờ đợi.

Tôi đứng trước bức chân dung Thái, đăm đăm nhìn anh, nhớ tới cái thời đã xa lơ xa lắc của chúng tôi. Trong ảnh, anh vận vét-tông, thắt cà-vạt, đứng đắn, chững chạc, ra dáng một ông bác sĩ, cho dù là bác sĩ tỉnh lẻ. Trước kia, anh là một chàng trai mặt quắt, đen đủi, xấu xí.

Bà lão đã thôi khóc, nhón chân lấy một nén nhang trên ban thờ, run rẩy đưa cho tôi. Tôi đánh diêm, châm ba nén nhang. Khi tôi chắp tay dâng nhang cho bạn tôi, bà lão đứng sau lưng tôi, thấp bé và lặng lẽ, như một cái bóng. Tôi nghe sau mình tiếng nức nở khe khẽ, như tiếng vỗ cánh của một con chim non. Khói nhang nhè nhẹ quẩn quanh chân dung người đã khuất.

Tôi chợt nhớ câu nói của Thái trong một chiều đi câu:

"Cậu tính, người ta chết rồi, liệu có còn gì không?"

"Chết là hết, còn gì."

"Còn chứ. Linh hồn con người không mất ngay một lúc cùng với thể xác. Người theo Ấn Độ giáo tin như thế. Họ đưa ra những chứng cớ khẳng định điều đó. Rằng linh hồn vẫn tồn tại sau khi con người chết đi..."

Liệu có một cuộc đời thứ hai cho bạn tôi không?

Cuộc đời Thái là một cuộc đời không ra gì. Mẹ anh, một cán bộ phụ nữ của những ngày cách mạng, trở thành hội trưởng một tổ chức phụ nữ tỉnh hay thị xã gì đó của tỉnh này. Đến khi chiến tranh bùng nổ, Thái Bình mất đất, bà lật đật dắt hai đứa con chạy vào Thanh Hóa. Không tiền, không của cải, bà chỉ biết làm một công việc thuộc về buôn bán mà bất cứ người nông dân nào cũng biết, nhưng không phải ai cũng làm, là hàng xáo. Đêm

đêm bà và hai đứa con - một trai một gái - lăn lưng ra xay thóc, giã gạo, gần sàng để hôm sau mang ra chợ bán.

Rồi tai họa ập đến. Một hôm, giữa trưa, nghe ồn ào ngoài ngõ, tôi chạy ra thì thấy mẹ bạn tôi, hai tay bị trói trước bụng, đi giữa một toán dân quân mặt đỏ gay. Mái tóc xổ tung, bà lếch thếch đi giữa hai hàng dân làng tò mò, vừa đi vừa giơ hai tay bị trói lên mà gào "Ới Cụ Hồ ơi, Cụ ở trên trông xuống mà xem tôi đi theo Cụ bây giờ tôi bị người ta hành hạ thế này đây, ới Cụ Hồ ơi!" Mẹ tôi cũng chạy ra, xông đến trước đám dân quân: "Bà ấy tội tình gì mà các anh trói bà ấy thế kia?" Đám dân quân sừng sộ xông lại. Chúng tôi hoảng hồn, lôi mẹ tôi về nhà. Lúc bấy giờ là vào khoảng giữa năm 1953, Liên khu 4 đang phát động cuộc giảm tô giảm tức. Khắp nơi, chỗ nào cũng có những cuộc bắt bớ, đấu tố. Đêm đêm loa vang vang kêu gọi nông dân vùng lên đánh đổ cường hào gian ác.

Buổi tối, tôi đến nhà Thái. Hai anh em bạn tôi đang ăn khoai dưới ánh trăng. Trong nhà không có ánh lửa.

"Người ta bảo bà cụ mình là gian thương. - Thái nói - Họ giam bà cụ trong chuồng trâu."

"Gian thương" là tên chính quyền đặt cho những người buôn lậu giữa vùng quân Pháp đóng, gọi là vùng tạm bị chiếm, và vùng kháng chiến, gọi là vùng tự do. Những người buôn lậu ngày ấy rất đông đúc. Họ buôn thuốc tây, đá lửa, kính mát và trăm thứ bà dằn khác. Và tất nhiên, họ trốn thuế. Nhưng bà cụ Thái làm hàng xáo, đâu có ở trong diện ấy.

Được coi là gian thương còn may. Sau lại có tin người ta phát hiện bà có chân trong Quốc dân đảng. Đó là lời buộc tội nặng nhất, đáng sợ nhất. Vào thời ấy, người ta muốn giết ai thì cứ bảo người ấy là Quốc dân đảng, hay Đại Việt, là xong. Đến nỗi, cụ thân sinh một anh bạn tôi chúng tôi, nhà giáo, chẳng hiểu sao cũng bị bắt, bị buộc tội là đảng viên Quốc dân đảng. Ông treo cổ trong một cái chuồng bò thay nhà giam, để lại bức thư tuyệt mệnh: "Tôi hoàn toàn vô tội. Tôi trung thành với Đảng. Tại sao Đảng đối với tôi thế này? Hồ Chí Minh muôn năm!"

Bà mẹ Thái rồi cũng được thả ra sau một tuần, nhờ sự đấu lý mềm mỏng nhưng kiên nhẫn của mẹ tôi và "các bà tản cư" với chính quyền xã.

Từ đó bà như người mất hồn. Công việc trong tay bà trước kia chạy veo veo, bây giờ thì đuểnh đoảng, lúc sai chỗ này, lúc hỏng chỗ khác. Thế là mọi việc đổ lên đôi vai cô bé, em

DỊ SỸ

TÌNH CŨ...

Cầm tay em bịn rịn
Chưa nói đã u sầu
Đời đột nhiên trống vắng
Mai này sẽ về đâu?

Những nụ cười cay đắng
Nước mắt chực tuôn trào
Hai mươi năm gặp lại
Tưởng như giấc chiêm bao!

Vẫn mắt môi ngày ấy
Tay trắng thêm hao gầy
Vòng tay nào êm ấm
Kỷ niệm nào tàn phai?

Tóc em vẫn xõa bay
Dáng kiêu sa tràn đầy
Gặp nhau thêm lần nữa
Đời sao chẳng vui vầy?

Bao yêu thương ngày ấy
Thoáng chốc đã qua mau
Dù mưa buồn, nắng ấm
Vẫn nhớ mãi về sau...

Con tim đã lỗi nhịp
Dòng đời đã chia hai
Hai phương trời xa cách
Ai sẽ buồn hơn ai?

Thái. Lại quang gánh lên vai, như mẹ, từ tờ mờ sáng con bé cắm cúi đi các chợ mua mua bán bán, đêm đêm lủi thủi giã gạo, giần sàng, nuôi bà mẹ lẩn thẩn với ông anh đi học. Con bé cứ quắt lại, không tài nào phổng phao lên được trong tuổi dậy thì.

"Sao lại ra thế này hở bác?" - tôi hỏi bà cụ.

Bà cụ nhìn tôi chằm chằm, cái nhìn mơ hồ, chú mục đấy mà không thấy. Cuối cùng, câu hỏi của tôi rồi cũng luồn được vào vùng ý thức của bà.

Đôi môi nát những nếp nhăn run run, mấp máy:

"Anh bảo sao?"

"Thái vì sao mà chết? Bệnh gì?"

Bà cụ cười mếu máo, nhe hàm răng khấp khểnh cái còn cái mất:

"Có bệnh gì đâu, anh!. Em nó khoẻ lắm. - bà nắn cánh tay tôi - Nó khoẻ có dễ còn hơn cả anh đấy. Trước hôm em nó mất, nó còn lộn cho tôi cả cái vườn đằng trước đấy. Nó tính trồng cà, rau dền cơm, với rau đay nữa, để mẹ nấu canh cua ăn cho mát ruột. Bây giờ cỏ mọc um tùm. Tôi mặc. Còn ai nữa mà làm? Anh được mấy cháu rồi?"

"Thưa bác, hai. Một trai, một gái. Vợ Thái đâu?"

"Nào đã có. Khốn nạn, tôi giục nhiều rồi, dưng mà em nó kén. Đám này chê đẹp quá, lấy về để mà mọc sừng à, đám kia chê xấu quá, đi bên cạnh ngượng mặt. Mãi mới ưng được một đám. Con bé không xinh, nhưng hiền hậu, tốt nết, ngoan ơi là ngoan. Thế mà đùng một cái... con tôi chết! - Ối con ơi là con ơi!"

Bà lại khóc òa, người đung đưa như lên đồng. Vừa lúc Nga, cô em gái bạn tôi, từ nhà chồng về thăm mẹ. Cũng như mẹ cô, nhìn thấy tôi là cô bổ đến, ôm chầm lấy tôi, gào lên những tràng thảm thiết. Tôi nhìn Nga, cảm thấy lòng quặn đau nỗi buồn mênh mông trước cảnh vật đổi sao dời. Cô gái mỏng mày hay hạt ngày xưa bây giờ là một người đàn bà xồ xề, gương mặt thanh tú trở thành hốc hác, với làn da bủng beo.

Đến khi đã bình tĩnh lại, cô mới thổn thức kể cho tôi nghe về cái chết của anh trai. Thì ra đó chính là cái chết mà trong cơn gà gật trên ca-nô tôi đã được nghe.

Đầu đuôi là thế này.

Hôm ấy, Thái được ông bác sĩ giám đốc bệnh viện tỉnh rủ đi một huyện xa để thăm một bệnh nhân, hình như có bà con với ông ta. Từ ngày được Bộ cấp cho một cái com-măng-ca để đi công tác, ông giám đốc rất chăm đi thăm bệnh nhân ở các huyện xa thị xã. Lần này, ông đặc biệt muốn có Thái đi cùng, không rõ vì đó là một ca khó chẩn đoán, hay vì ông muốn chưng diện với bà con, bởi Thái là bác sĩ có tiếng trong tỉnh, bệnh nhân nào được bác sĩ Thái khám cho là vinh dự.

Khi trở về, ông giám đốc bảo Thái xuống xe để đánh xi-nhan cho ông ta cho xe vào ga-ra. Tai nạn xảy ra vào phút đó. Lẽ ra, khi xe đã lùi gần tới, phải đạp phanh thì ông ta lại nhấn ga. Cái xe chồm lên tông cả hậu xe vào bạn tôi, ép anh vào tường. Khi được đưa vào phòng cấp cứu, Thái vẫn còn sống. Anh chỉ còn nói được một câu: - Mẹ ơi, con thương mẹ quá!

Bà cụ nghe tin, hộc tốc chạy vào thăm con, ngất ngay tại chỗ. Người ta tiến hành cấp cứu bà cụ ngay ở giường bên cạnh giường người con trai hấp hối.

Thái chết đúng vào đêm trước ngày anh cưới vợ. Cô dâu và họ nhà gái ngồi chật một xe ca từ Hải Phòng về để tổ chức đám cưới thì lại phải dự đám ma. Cô dâu chưa kịp mặc áo cưới đã phải mặc áo tang.

Nga dẫn tôi ra thăm mộ Thái. Trên ngôi mộ còn mới, cỏ bắt đầu mọc lưa thưa. Rải rác bên những búi cỏ là những viên sỏi trắng.

Tôi thắp nhang cho Thái, trong khi Nga tỉ mẩn ngồi xếp lại những viên sỏi.

"Trẻ trâu chúng nó phá quá! Chị Hương, vợ anh Thái, không quay lại Hải Phòng ngay cùng với nhà gái, mà ở lại đây cả tháng với mẹ em. Không biết chị ấy đi kiếm sỏi ở đâu tha về để xếp thành tên hai người, nhưng chỉ được vài bữa là trẻ trâu lại xoá sạch. Chẳng hiểu chúng nó lấy sỏi để làm gì, đánh rải gianh hay để ném nhau?"

Tôi nghĩ: không phải trẻ trâu mà thời gian sẽ xoá đi tất cả những kỷ niệm.

Cuộc đời là như vậy. Tất cả rồi như vậy. Như vậy trong sự hiện hữu của ta, như vậy trong sự lãng quên những người khác, từng hiện hữu như ta.

"Tại sao hôm sau đã cưới mà Thái còn đi với ông giám đốc làm gì?"

"Em cũng không hiểu. Ở nhà đã lo đủ cả: trang hoàng phòng cô dâu chú rể, tiệc mặn, tiệc ngọt mẹ em đã nhờ người ta, đâu vào đấy rồi. Nói vậy, chứ cũng còn khối việc phải để mắt đến, phải kiểm tra lại... Lẽ ra, anh em nên có mặt."

"Anh ấy cả nể?"

"Cũng không hẳn thế. Anh còn nhớ vụ mẹ

em bị bắt trói không?"

"Nhớ."

Từ hồi ấy tính tình anh em thay đổi hẳn. Thỉnh thoảng anh ấy lại nổi cơn bướng, cả với mẹ em anh ấy cũng thế... Anh ấy hay tư lự, ít nói lắm, nhưng em rất sợ khi anh ấy nổi khùng. Người hiền thì hay cục.

"Anh ấy có nổi khùng lần nào ở bệnh viện không?"

"Không. Anh Thái em có tiếng là hiền lành."

"Anh ấy nể ông giám đốc lắm à?"

"Cũng phải nể chứ. Với lại tính anh ấy thế - không muốn mất lòng một ai."

Ở mọi nơi, tôi đều gặp cái sợ, được che giấu bằng một từ dễ nghe hơn - nể nang.

"Ông giám đốc rồi sau có việc gì không?"

"Ông ấy được chuyển lên Hà Nội, làm phó giám đốc một bệnh viện lớn."

"Tại sao lại như thế nhỉ? Ít nhất thì ông ta cũng phải chịu một hình thức kỷ luật nào chứ? Cứ thế mà xong được à?"

Nga nhìn ra xa, thở dài:

"Ông ta, nói cho công bằng, đâu có cố ý..."

"Thì cũng phải nhận là ngộ sát chứ?"

"Tai nạn thôi, anh ạ. Gia đình em cũng không khiếu nại. Ông ta cũng không phải người xấu. Anh Thái em mất rồi, người ta mới biết bằng lái ông ấy cũng chẳng có, được cậu tài xế dạy cho mấy bữa là ngồi lên lái bừa. Người như ông ấy, vừa làm giám đốc bệnh viện, vừa có chân trong tỉnh ủy, lấy bằng lúc nào mà chẳng được, không cần thi cũng có bằng. Nhưng ông ấy chủ quan, cho rằng chẳng công an nào hỏi mình."

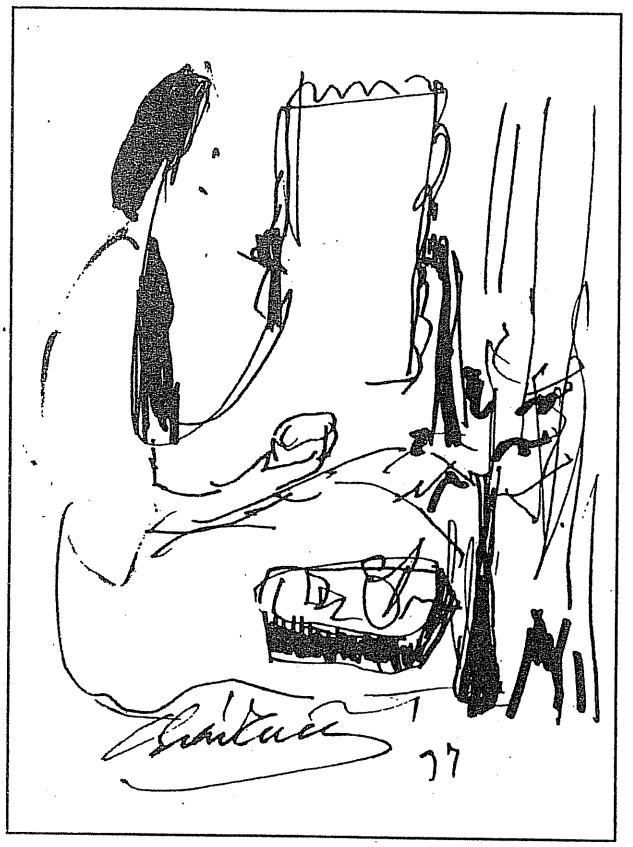

"Không ai đặt vấn đề kỷ luật với ông ta cả?"

"Không. Chuyện này nếu đặt ra thì còn kỷ luật kỷ liếc gì. Là chuyện toà án rồi. Trong tỉnh ủy cũng có ông khuyên mẹ em khởi tố đấy, cơ mà mẹ em không nghe. Đàng nào thì anh Thái cũng mất rồi... Mình thiệt, còn với người khác thì đây lại là cơ hội để hất cẳng nhau."

Mặt trời xuống, đỏ như máu. Mấy con chuồn chuồn lửa bay lượn trên đầu chúng tôi. Cái nóng ban ngày được gom lại vào cuối ngày dường như cố bùng lên lần chót làm không khí loãng hẳn ra.

"Cô được mấy cháu rồi?" - tôi hỏi Nga.

"Ba, anh ạ. Hai trai, một gái."

"Chú ấy làm nghề gì?"

"Thợ chữa máy, anh ạ."

"Lương lậu khá không?"

"Lương thì nói làm gì, anh! Bổng mới là chính. Sống cũng tạm được. Anh có biết câu: 'trâu đen ăn cỏ, trâu đỏ ăn gà không?'"

"Biết."

"Nhưng dễ hư hỏng lắm, anh ạ. Nông dân hỏng máy, họ sợ lắm, họ có biết máy móc gì đâu... Họ chiều thợ máy như chiều vong. Không phải chỉ có gà, còn rượu nữa. Nghiện chẳng mấy chốc đâu."

Nga ở lại nhà mẹ làm cơm đãi tôi. Người chồng dắt con đến, mặt đỏ phừng phừng. Thị xã nhỏ, nhà có khách thì hàng xóm biết. Hàng xóm biết thì anh ta biết. Trong bữa, anh ta uống hết chén này tới chén khác, như hũ chìm. Lại còn luôn miệng giục tôi:

"Kìa, ông anh, đưa cay nữa đi chứ! Mấy khi anh lại nhà..."

Nga cúi mặt xuống, thở dài.

Ba đứa trẻ gắp luôn tay, chúng không để lỡ

dịp được ăn những món ngon trong bữa cơm thịnh soạn, không phải ngày nào cũng có.

Mẹ Thái ăn chậm chạp trong im lặng. Bà lão nhai trệu trạo bằng mấy cái răng hàm còn lại, răng cửa đã mất hết. Tôi có cảm giác bà lão nghe thấy tất cả, hiểu rõ tất cả những gì đang diễn ra quanh mình, và tất cả những cái đó không còn làm bà buồn hay vui nữa, tất cả chỉ là nguyên liệu cho bộ máy suy ngẫm câm nín vẫn tiếp tục làm việc theo quán tính. Ngoài sự suy ngẫm, bà không còn sức để làm gì hết, kể cả đưa ra một lời khuyên ông con rể đang trôi tuột vào biển say.

Đêm đến, bà lão buông màn cho tôi trên cái giường của người con trai không còn nữa. Từ bộ giát, manh chiếu, cho tới cái màn, bốc lên mùi ẩm mốc lưu cữu. Tôi nghe tiếng bà lão thổn thức trong mơ, bên kia vách.

Sáng ngày ra bà thì thầm bảo tôi:

"Này, cái Nga nhà tôi ăn tiền của lão giám đốc đấy. Lão ấy lén lút đưa tiền cho cái Nga để ỉm vụ này đi. Con Nga thẽ thọt với tôi: 'Thôi, mẹ ạ. Đằng nào thì người nhà mình cũng chết rồi. Người ta có đi tù thì anh con cũng chẳng sống lại được nào.' Thời buổi bây giờ thế đấy. Nó thương anh chẳng bằng thương tiền..."

"Thế bác bảo sao?"

"Thì còn bảo sao nữa? Nó nói phải. Nhà nó nghèo. Người ta lại có nhiều tay chân. Cũng phải giữ cho chồng nó thí."

Trở về Hà Nội ngày hôm sau, tôi viết quàng quấy cho xong, như cách rũ nợ, bài báo về nghề chạm bạc cổ truyền. Những nhân vật thú vị ở Đồng Sâm nằm liệt trong sổ tay của tôi.

Tôi hoàn toàn không hài lòng về bài báo. Nó chỉ là cái để lấp chỗ trống. Nhưng thư ký toà soạn hài lòng: bài báo không chê vào đâu được, đứng về mặt lập trường. Chắc chắn nó sẽ không bị "trên" gạt bỏ. Số báo của chúng tôi sẽ ra đúng hạn.

Cái chết của Thái trở thành nỗi ám ảnh trong tôi. Tôi không nghĩ được về điều gì khác. Tôi nghĩ thế nào tội cũng phải viết về cái chết của bạn.

Câu chuyện tôi vừa kể là một sự việc. Tuỳ theo cách ta nhìn, sự việc mang hình dạng này hoặc hình dạng khác. Và cách lý giải nó cũng khác. Rõ ràng có một tai nạn đã xảy ra. Nhưng có một cái gì hơn là một tai nạn nằm ở đó. Một cái gì không ngẫu nhiên, hoặc không hoàn toàn ngẫu nhiên. Nửa năm sau, tôi bắt đầu viết truyện ngắn về cái chết của bạn mình. Có vẻ đó là một truyện dễ viết - chất liệu đã có sẵn, đầy đủ, mà là chất liệu không tồi. Ấy thế mà cặm cụi viết tới lần thứ ba rồi, truyện vẫn cứ tẻ ngắt. Tôi vứt đấy cả năm, rồi viết lại. Không phải một lần. Truyện ngắn vẫn không thành. Cho đến lúc tôi hiểu ra rằng nó không thể thành được chừng nào tôi còn có mưu toan giải thích cái chết của bạn mình.

Đàng sau cái chết định mệnh thấp thoáng bóng dáng của một cái gì đó tồi tệ hơn. Cái gì đó ấy đã gây ra bi kịch.

Thái sợ, tôi nghĩ. Nếu không sợ, bạn tôi đã dám từ chối chuyến đi định mệnh. Tôi biết tính bạn. Anh chỉ bắt đầu biết sợ từ khi nhìn thấy sức mạnh vô tình của bạo lực bắt nguồn từ ngu xuẩn.

Nhưng không phải nguyên nhân chỉ có thế. Không đơn thuần là thế.

Tôi tìm cách giải thích cội nguồn những bi kịch tương tự, chúng rất nhiều trong những năm ấy, nhưng không tìm ra. Hoặc tìm ra quá nhiều. Không có cách giải thích nào làm tôi thỏa mãn. Tôi mơ hồ cảm thấy mình sai lầm ở chỗ nào đó, trong cả cách nhìn lẫn trong cách lý giải sự việc. Cái chết của Thái là một sự việc thoạt trông thì đơn giản, nhưng quan sát kỹ thì thấy nó là một sự kiện đa diện, đa tầng, và không thể có một kết luận đơn giản.

Rốt cuộc, tôi quyết định chỉ kể lại câu chuyện. Như là một ghi chép về một chuyến đi đáng nhớ trong đời làm báo. Rất có thể nó sẽ có ích cho ai đó với tư cách chất liệu. Hoặc một bức tranh ghép vụng về, trong đó người ta có thể thấy thấp thoáng bóng dáng một thời đại.

Tôi cảm thấy mình bất lực. Tôi không thể làm kỹ sư tâm hồn, như các vị làm công tác tuyên giáo thường tâng bốc những người làm nghề cầm bút. Mà nói gì kỹ sư, đến thợ tâm hồn cũng không xong.

Tôi kết thúc truyện ngắn bằng một câu thở dài của một ông lão, nhân cái chết của bạn tôi:

"Chớ có dại mà giao xe cho những thằng không biết lái!"

Câu nói không cố tình chứa đựng ẩn dụ. Nó tự bật ra trong văn cảnh.

Tôi không nghĩ rằng câu chuyện được viết ra lần này sẽ tốt hơn. Nhưng không viết thì tiếc.

Vì không biết cách viết tốt hơn, tôi viết đúng những gì tôi đã thấy.●

*

1. Bản thảo đã được làm sạch, giao cho nhà in.
2. Lên khuôn.

CÔNG CUỘC NGHIÊN CỨU VIỆT SỬ TẠI BẮC MỸ

(1975 - 2000)

Bài Thứ Tư: Nhóm Biên Khảo

TRẦN ANH TUẤN

3. Chuyên Viên Các Ngành

Nhiều chuyên viên các ngành văn hóa, giáo dục, y tế, văn khố thư viện, hành chánh an ninh, và truyền thông đã có những công trình nghiên cứu sử đáng được đề cập đến.

Trước hết là các chuyên viên văn hoá. Chúng tôi có thể kể quí vị Bửu Sao, Đoàn Thêm, Hoàng Trọng Thược, Hoàng Văn Chí, Huy Phong và Yến Anh, Nguyễn Bá Lăng, Nguyễn Đình Tuyến, và Thái Văn Kiểm.

Bửu Sao là một nhà nghiên cứu sử mới trình luận án cuối năm 1992 tại Pháp về đề tài tiền tệ Việt Nam qua dòng lịch sử. Ông thường viết về các vấn đề xã hội, kinh tế, tài chính, và chính trị đương thời như *Những Mối Ưu Tư Của Người Việt Đôi Bờ* (New York, 1994, 333 trang), *Cuộc Thách Đố Của Thế Kỷ* (Orlando, 1997, 216 trang). Đặc biệt, năm 1996, ông đã bỏ công và thời giờ điều tra, phỏng vấn, và sưu tầm tài liệu gốc để viết *Long Vân Tự Cửa Thiền Dậy Sóng* (Orlando,180 trang). Nội dung tác phẩm là một cuộc tranh chấp trong cộng đồng Việt Nam tại Orlando, tiểu bang Florida, trong hai năm 1994-95. Tác phẩm là một 'case study' điển hình, nói lên khía cạnh đáng buồn trong cộng đồng người Việt tại hải ngoại với tính tự ái mù quáng, lòng ham chuộng hư danh, tinh thần chia rẽ, và thói hay kiện tụng giữa các nhóm người Việt với nhau. Tính cách điển hình trong trường hợp này càng lên cao độ vì đề tài được tác giả khai thác là sự tranh chấp giữa những người Phật tử một bên và bên kia là một nhà sư, mà bình thường giữa họ phải là mối liên hệ tôn kính và từ bi hỉ xả.

Bửu Sao đã viết một cách khách quan, sử dụng tài liệu dồi dào của cả đôi bên để độc giả tự đi đến kết luận. Tuy nhiên, khi phổ biến những tài liệu đầu tay, điều đáng tiếc là tác giả đã tự ý làm những tài liệu đầu tay ấy bị sai lạc rất nhiều: chẳng hạn như nơi các trang 103-123, ông chỉ phổ biến *bản dịch tiếng Việt* của những khẩu cung phía nguyên cáo và bị cáo, thay vì *nguyên văn tiếng Anh,* rồi kèm bản dịch tiếng Việt nếu ông thấy cần, những bản khẩu cung ấy.

Đoàn Thêm là một nhà trí thức, một công chức cao cấp từ thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Trước năm 1975, ông được biết tới nhờ bộ sách *Việc Từng Ngày* và *Những Ngày Chưa Quên* trong đó ông sử dụng những chi tiết hành chánh cùng những số liệu chính thức mà ông có sẵn ông vốn là Đổng Lý Văn Phòng Phủ Tổng Thống thời Ngô Đình Diệm- để ghi lại những chi tiết của đời sống công VNCH theo lối biên niên. Sách của ông viết không có những trang phân tích dông dài, những ý kiến chủ quan cá nhân, hay những lý lẽ biện minh cho cá nhân. Sách ông viết thuần túy là những sự kiện thời Đệ Nhất (1954-1963) và Đệ Nhị Cộng Hoà (1967-1975) cùng những năm tháng trung gian (1963-1967) thuộc mọi lãnh vực kinh tế, tài chánh, giao thông, công chánh, quân sự, giáo dục, văn hoá, tôn giáo, vân vân.

Là một trí thức xuất thân trường Bưởi (?) và trường Luật Hà Nội từ trước Đệ Nhị Thế Chiến, ông tỏ ra có một kiến thức tổng quát vừa rộng vừa sâu, phổ lộ qua những đề tài phong phú như mỹ thuật (*Tìm Hiểu Hội Họa, Tìm Đẹp Hay Mỹ Học...*), thi ca (*Từ Thức Hay Kẻ Tìm Đường, Nhạc Dế...*), chính trị (*Lược*

Khảo Về Chánh Đảng, Lược Khảo Về Hiến Pháp Các Nước Á Châu,...), ngoài những bộ sách làm ông được chú ý đã nêu trên, tức *Những Ngày Chưa Quên (1954-1963), Việc Từng Ngày (1945-1969)* ...

Tại hải ngoại, Đoàn Thêm cho ra mắt quyển *Nhà Quê Ra Tỉnh. Tìm Hiểu Và Xét Lại Con Người Và Nếp Sống Xưa và Nay* do nhà Phạm Quang Khai và Tổ Hợp Miền Đông Hoa Kỳ xuất bản năm 1996 tại Virginia, 648 trang. Đây là một tuyển tập tập đại thành về văn hoá và con người Việt Nam theo kinh nghiệm sống, học tập, và nghiên cứu của đời ông hầu giải quyết vấn đề hội nhập và duy trí văn hoá Việt tại hải ngoại.

Hoàng Trọng Thược, bút hiệu Hương Thủy, nguyên là bí thư tại Bộ Công thời Bảo Đại. Dưới thời Pháp thuộc, ông là công chức trong ngành quan thuế và về hưu năm 1965. Ông sinh hoạt tích cực trong các ngành thể dục thể thao, thi ca, văn học, và sử học. Đóng góp của ông là quyển *Hồ Sơ Vua Duy Tân (Thân Thế Và Sự Nghiệp)* xuất bản tại California năm 1984 (tái bản năm 1993, 409 trang). Đúng như tên gọi, đây chỉ là một tập hồ sơ, nhưng là một tập hồ sơ đầy đủ nhất từ trước đến nay về vua Duy Tân, một vị vua nhà Nguyễn có can đảm rời bỏ ngai vàng để dấn thân vào cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp.

Hoàng Trọng Thược đã dày công sưu tầm tài liệu và phỏng vấn chứng nhân nhưng cách trình bầy tác phẩm của ông lại khá khiêm tốn và đơn giản: ông lần lượt trình bầy nội dung các tài liệu và các cuộc phỏng vấn, và sau đó mới đưa ra một hai ý kiến cá nhân. Tác phẩm còn có nhiều hình ảnh quí về các nhân vật lịch sử đương thời, đặc biệt những hình ảnh về vua Duy Tân và gia đình từ khi nhà vua còn nhỏ cho đến khi hài cốt được cải táng về Pháp và Việt Nam hồi năm 1987.

Hoàng Văn Chí với bút hiệu Mạc Định nổi tiếng từ thập niên 50 với tác phẩm *Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc*. Đây là một tuyển tập đăng lại một số truyện ngắn, thơ, kịch, tuỳ bút, khảo luận... của các cây bút trong phong trào Nhân Văn Giai Phẩm (Phan Khôi, Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh, Nguyễn Hữu Đang, Hữu Loan, Văn Cao, Trần Dần, Lê Đạt, Phùng Quán, Bùi Quang Đoài...) đòi tự do tư tưởng, tự do sáng tác, và chống đối sự chỉ huy văn hoá văn nghệ của nhà cầm quyền Cộng Sản trong hai năm 1956-58. Đó là sự đóng góp của Hoàng Văn Chí hồi còn ở trong nước. Nhờ tác phẩm này, người dân miền Nam mới có cơ hội đọc được những bài viết chính và quan trọng nhất của các tác giả trong phong trào Nhân Văn Giai Phẩm ở miền Bắc ngay trong thập niên 50. Ở ngoài nước, ông được biết tới từ thập niên 60 với tác phẩm *From Colonialism To Communism*, tức *Từ Thực Dân Đến Cộng Sản*. Tác phẩm này được các học giả quốc tế đón nhận nồng nhiệt vì sách được in bằng Anh ngữ, và do một người Việt biên soạn. Tác phẩm thứ ba của ông chưa được hoàn tất thì ông mất vì bạo bệnh năm 1988. Đó là quyển *Duy Văn Sử Quan* do nhà Cành Nam xuất bản ở Virginia năm 1990, 280 trang.

Duy Văn Sử Quan do trưởng nam của tác giả, Hoàng Việt Dũng, san định và xuất bản. Sách này được giới thiệu như một triết phẩm, nhưng nội dung của sách cũng bao gồm nhiều chi tiết về lịch sử Việt Nam suốt từ thời lập quốc cho đến những năm 80 của thế kỷ XX. Do đó, *Duy Văn Sử Quan* còn được coi là như một sử phẩm để các sử gia sau này tham khảo trong việc tái tạo quá khứ. Sách sẽ giúp các sử gia tương lai đối chiếu những sự kiện mà Hoàng Văn Chí cho là sai sự thật trong một số sử phẩm khác thí dụ như *Việ t Nam Sử Lượ c* của Trần Trọng Kim- và biết thêm một số sự kiện lịch sử hay một số cách giải thích sự kiện lịch sử từ tác giả, vốn là chứng nhân, nạn nhân, và đôi khi còn là tác nhân của lịch sử.

Duy Văn Sử Quan cũng còn là một tác phẩm với cách viết Việt ngữ mới lạ. Hoàng Văn Chí đã viết liền những danh từ kép. Ông lý luận rằng trong các ngôn ngữ như Anh hay Pháp chẳng hạn, người ta đều viết liền các danh từ thành một chữ có nghĩa, chỉ trừ Hán văn mới có những chữ viết rời vì cách cấu tạo đặc biệt của Hán văn mà thôi. Trong phạm vi này, Hoàng Văn Chí đã cùng chủ trương với một số nhà ngữ học như giáo sư Nguyễn Đình Hoà và giáo sư Dương Đức Như.

Nhưng cách viết Việt ngữ mới lạ này có được quần chúng chấp nhận hay không lại là chuyện khác!

Huy Phong và Yến Anh là hai tác giả anh em. Huy Phong, người anh, tức giáo sư Trần Minh Xuân, và Yến Anh, người em, tức giáo sư Trần Đại Nghĩa.

Hai tác giả này được biết đến qua số sách được họ phát hành liên tục và bền bỉ hàng năm kể từ thập niên 80 đến nay. Nhưng có lẽ Huy Phong và Yến Anh được biết đến nhiều

nhất là qua bộ sách *'Nhận Diện.'* Về chính trị, họ đã nhận diện *Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp...* Về văn học, họ đã nhận diện *Hồ Xuân Hương, Nguyễn Bỉnh, Tế Nhị, ...*

Huy Phong và Yến Anh làm việc kiên tâm và chu đáo. Với họ, viết và xuất bản sách hàng năm vừa là lễ vật dâng lên những người thân đã khuất vừa là đòn tấn công tích cực trong mặt trận đấu tranh văn hoá với Cộng Sản. Vì thế, độc giả sẽ không tìm thấy tính cách hàn lâm trong những tác phẩm về lịch sử hiện đại của họ, một giai đoạn vốn được họ nhìn qua lăng kính của một chiến sĩ quốc gia (Huy Phong Trần Minh Xuân) và một cựu chuyên viên trong Phái Đoàn VNCH tham dự Hoà Đàm Paris năm nào (Yến Anh Trần Đại Nghĩa)!

Huy Phong còn có trọng trách lưu giữ gia tài văn hoá của giáo sư Nguyễn Ngọc Huy. Do đó, ông là người đã và đang liên tục xuất bản những di cảo của nhà văn hoá kiêm lãnh tụ chính trị này.

Nguyễn Bá Lăng là một kiến trúc sư, hiện sống ở Pháp. Trước năm 1975 ông là chuyên viên tại Viện Khảo Cổ tại Sài Gòn, và có thời làm Giám Đốc Viện này.

Là chuyên viên kiến trúc đình chùa cổ ông là người vẽ kiểu chùa Vĩnh Nghiêm ở Sài Gòn- ông đã hiến độc giả *Chùa Xưa Tích Cũ* (Califonria, 1988, 222 trang), một tác phẩm tương đối ngắn nhưng phong phú những chi tiết kỹ thuật cụ thể và chính xác về một số chùa cổ tượng trưng cho nghệ thuật kiến trúc Việt Nam khắp ba miền đất nước. Hình ảnh các đền chùa, gác chuông, tượng, tháp... hoặc do chính tác giả chụp, vẽ, hoặc từ tài liệu của Trường Viễn Đông Bác Cổ và Viện Bảo Tàng Nhân Chủng ở Paris, Pháp in trong sách càng cho thấy giá trị của tập tài liệu phản ánh một khía cạnh của văn minh Việt Nam.

Nguyễn Đình Tuyến đã xuất bản khá nhiều sách. Theo những dòng ông tự giới thiệu trong sách *Những Biến Cố Lớn trong 30 Năm Chiến Tranh Tại Việt Nam 1945-1975* (Texas, 1995, trang 472), ông đã cho xuất bản tới mười bẩy (17) quyển sách bao gồm chín (9) quyển về chính trị, kinh tế, xã hội, và tám (8) quyển về văn học báo chí.

Nhưng cách viết của ông, tiếc thay, khó thuyết phục được độc giả vì không có tích cách khoa học. Lấy thí dụ quyển sách vừa được giới thiệu ở trên. Chỉ trong một trang, trang 11, của *Những Biến Cố Lớn trong 30 Năm Chiến Tranh Tại Việt Nam 1945-1975,* độc giả sẽ thấy những sai sót sau đây.

Thứ nhất là về niên đại. Trang 11 ghi, nguyên văn, *ngày 19 tháng 8 năm 1945 là ngày Hồ Chí Minh thành lập Chính Phủ Lâm Thời.* Nhưng ngày ấy, ngày 19 tháng 8, Hồ Chí Minh chưa về đến Hà Nội thì làm sao đã công bố việc thành lập chính phủ được?! Sự thật là mãi đến ngày 26 tháng 8 năm 1945 thì Hồ Chí Minh mới về đến Hà Nội, và hai ngày sau, ngày 28 tháng 8 năm 1945, Hồ Chí Minh mới công bố thành phần chính phủ [1]. Cũng nơi trang 11, tác giả Nguyễn Đình Tuyến đã ghi, nguyên văn, *Bảo Đại thoái vị vào ngày 23 tháng 8 năm 1945 tại Huế.* Nhưng sự thật thì mãi đến

LƯU NGUYỄN

LỜI BIỂN HẸN

Lời biển hẹn hôm nào em có nhớ
thuở thề non con suối nhỏ xa nguồn
sông thì vẫn dặm trường trôi mê mải
đời chông chênh, đời vật vã đèo truông.

Trăng buổi ấy, trăng hạ tuần rất muộn
đêm tháng năm, đêm trắng giọt sương buồn
gió se thắt lòng người đi kẻ ở
môi ngập ngừng, môi ngậm kín niềm thương.

Con chim sẻ trên đầu cành cất tiếng
gọi bình minh thức dậy cuối chân trời
đôi vai nhỏ thanh tân còn lưu luyến
đôi bàn tay e ấp níu chân người.

Rồi vạn dặm từ đêm trăng buổi ấy
kẻ chân mây người góc biển mỏi mòn
người xa ngái vọng trông người chẳng thấy
con trăng gầy thổ huyết ở đầu non.

trưa ngày 29 tháng 8 năm 1945 phái đoàn Việt Minh gồm ba người là Trần Huy Liệu, Nguyễn Lương Bằng, và Cù Huy Cận mới từ Hà Nội vào đến Huế để nhận sự thoái vị của Bảo Đại. Và hai bên phái đoàn Trần Huy Liệu và Bảo Đại- thỏa thuận lễ thoái vị sẽ được tổ chức vào bốn giờ chiều hôm sau, tức 30 tháng 8 năm 1945 [2].

Thứ nhì là về danh tính các nhân vật trong lịch sử. Cũng vẫn nơi trang 11, thành phần Chính Phủ Lâm Thời của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa đã bị ông ghi sai nhiều tên. Như Vũ Đình Hoè, Bộ Trưởng Bộ Quốc Gia Giáo Dục, bị tác giả ghi sai thành Vũ Đình Hòa, Lê Văn Hiến, Bộ Trưởng Bộ Lao Động, bị tác giả ghi sai thành Lê Văn Hiền, và quan trọng hơn nữa, là Vũ Trọng Khánh, Bộ Trưởng Bộ Tư Pháp, bị tác giả ghi sai thành Vũ Hồng Khanh, một nhân vật lãnh đạo đương thời của Việt Nam Quốc Dân Đảng [3].

Chỉ trong một trang mà độc giả đã thấy đầy những sai sót như thế thì tín lực của quyển sách còn lại bao nhiêu?! Âu cũng là điều đáng tiếc cho công khó của tác giả một quyển sách đầy tới 500 trang!

Thái Văn Kiểm bắt đầu có tác phẩm từ năm 1942. Ông là cựu học sinh Quốc Học, xuất thân tham tá tòa Khâm. Ông phục vụ trong ngạch hành chánh đến năm 1954 thì sang Bộ Giáo Dục và lần lượt nắm giữ nhiều chức vụ liên hệ trực tiếp đến văn hoá như Giám Đốc Thông Tin Trung Việt, Phó Giám Đốc Nha Văn Hoá, Giám Đốc Nha Vô Tuyến Truyền Thanh, chủ bút *Văn Hoá Nguyệt San* của Nha Văn Hoá, trực thuộc Bộ Giáo Dục VNCH.

Thái Văn Kiểm viết rất đều và rất khoẻ bằng hai ngôn ngữ Việt và Pháp cả nửa thế kỷ nay. Suốt đời ông theo đuổi công cuộc sưu tầm tài liệu và biên soạn văn hoá và lịch sử Việt Nam. Ông vốn chịu khó, về già còn đi học, và lãnh văn bằng Tiến Sĩ Văn Chương tại Paris, Pháp, năm 1989, lúc ông đã 68 tuổi.

Hồi trước năm 1975 ở Sài Gòn, thư viện riêng của ông là một tủ sách vô giá với nhiều sách báo và tạp chí quí hiếm. Tính ông lại rộng rãi với giới trẻ ham học. Thời ấy, ông đã không ngần ngại cho các anh chị em sinh viên Sử Địa Đại Học Sư Phạm và Đại Học Văn Khoa Sài Gòn sử dụng những sách báo quí hiếm ấy. Cho nên, dù ông không có duyên với nghề Thầy và suốt đời hình như ông không hề dạy học, nhiều sinh viên sử học thời VNCH vẫn mắc nợ ông ít nhiều, chưa kể sự mắc nợ của đông đảo độc giả của ông qua các tạp chí *Bulletin de la Société des Études Indochinoises, France-Asie, Văn Hoá Nguyệt San, Luận Đàm, Đại Học Huế, Bách Khoa...* trước năm 1975, và *Việt Nam Hải Ngoại* (San Diego, California), *Tự Do* (Bỉ-Pháp), *Quê Mẹ* (Pháp), *Làng Văn* (Gia-nã-đại), *Độc Lập* (Đức)... nơi hải ngoại.

Các chuyên viên giáo dục viết sử có thể kể quí vị Dư Phước Long, Nguyễn Cúc, Nguyễn Mạnh Quang, và Trần Gia Phụng.

Dư Phước Long là một chuyên viên làm việc tại Nha Cải Huấn, thuộc Bộ Tư Pháp tiểu bang California. Nhờ công việc hàng ngày, ông biết rõ thảm trạng hư hỏng của thanh thiếu niên gốc Việt tại Hoa Kỳ. Những kinh nghiệm ấy được ông hệ thống hóa trong một tác phẩm có tựa đề *Bụi Đời Cali* (California, 1991, 352 trang).

Hàng năm, cứ vào dịp cuối niên học là sách báo Việt ngữ tại Hoa Kỳ lại rộ lên những gương hiếu học và thành công của thanh thiếu niên gốc Việt, và độc giả lại lấy làm hãnh diện lắm lắm. Nhưng chỉ những người trong nghề thầy, những thông dịch viên tại tòa án, và những cán sự xã hội mới biết mặt trái của bức tranh thực tế về tuổi trẻ Việt Nam tại hải ngoại. Các giới chức vừa kể biết rất rõ có đông đảo những thanh thiếu niên phạm pháp, lớp phải ra toà, lớp bị câu lưu trong các nhà giam.

Quyển *Bụi Đời Cali* của Dư Phước Long, bút hiệu Ái Nhân, là một tác phẩm hiếm hoi trình bầy chi tiết về tình trạng băng đảng của thanh thiếu niên gốc Việt. Nó xứng đáng trở thành một quyển sách cần thiết cho các cơ quan công lực và xã hội, các giáo chức, và nhất là các bậc phụ huynh gốc Việt có con em trong lứa tuổi thành niên. Nó không phải là một tác phẩm giáo khoa hay lý thuyết. Nó là một tập hợp những chi tiết về chuyện thực xảy ra phản ánh nếp sống cùng sinh hoạt của các băng đảng, giúp người đọc thấu hiểu khía cạnh thực tế của đời sống phức tạp tại Hoa Kỳ. Do đó, tác phẩm này còn là lời cảnh báo đối với những ai còn lưu tâm đến các thế hệ tương lai.

Nguyên Hương Nguyễn Cúc là một nhà giáo, một trí thức xuất thân xứ Huế. Những năm gần đây, tác giả chủ trương đặc san *Tiếng Sông Hương* phát hành từ Dallas, tiểu bang Texas. *Tiếng Sông Hương* là một đặc san được nhiều người biết tới vì mỗi số phát hành đều có nhiều bài chuyên khảo về lịch sử nhà Nguyễn, về kinh thành Huế, về nhân vật Huế,

và về văn hoá Huế. Do đó, độc giả hẳn có người ngạc nhiên khi Nguyễn Cúc cho ra mắt một tác phẩm đồ sộ với hơn 400 trang về một đề tài mới mẻ. Đó là đề tài Sài Gòn, một thành phố thân thương của nhiều triệu người và là thủ đô chính trị, văn hoá, giáo dục, kinh tế, nghệ thuật... của VNCH trong hơn hai thập niên. Đề tài này đã được rất nhiều học giả, sử gia thâm cứu liên tục từ thời Pháp thuộc, qua thời VNCH, và tiếp tục làm nhiều nhà nghiên cứu tốn giấy mực cho đến ngày nay. Đã có những sử gia được xưng tụng là 'sử gia của Sài Gòn' như Jean Bouchot và André Baudrit trong thời Pháp thuộc. Đã có người bỏ cả đời để sống và viết về Sài Gòn như Vương Hồng Sển. Trong hoàn cảnh đó, ai viết về Sài Gòn, người ấy thật can đảm! Nguyên Hương Nguyễn Cúc đã có cái can đảm ấy.

Từ kinh nghiệm sống hơn hai thập niên tại địa phương, Nguyễn Cúc đã ghi lại những chi tiết về người, vật, và cảnh của đất Sài Gòn theo dòng lịch sử. Tác giả cũng trích dẫn nhiều tài liệu Việt-Pháp. Độc giả sau khi đã có cơ hội được đọc rất nhiều những thiên nghiên cứu khoa học và những bút khảo (chữ của tác giả Lê Văn Lân) tất sẽ thấy *Sài Gòn 300 Năm Cũ* là một món ăn lạ. Điều đáng tiếc là nội dung manh mún, tài liệu được trích dẫn một cách thiếu phương pháp, và hình ảnh in trong sách nhiều khi quá riêng tư chỉ có giá trị kỷ niệm của riêng tác giả làm sự hứng thú khi đọc tác phẩm bị giảm sút nhiều, và độc giả lại càng thấy chân giá trị của một *Sài Gòn Năm Xưa,* một *Sài Gòn Tạp Pín Lù,* một *Hơn Nửa Đời Hư,* hay một *Nửa Đời Còn Lại*!

Nguyễn Mạnh Quang tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Sài Gòn năm 1964. Sau đó ông được đặc cách hưởng học bổng du học Hoa Kỳ. Năm 1969, ông tốt nghiệp Cao Học Giáo Dục tại Viện Đại Học Ohio và trở về nước dạy Sử Địa tại trường Trung Học Kiểu Mẫu ở Thủ Đức cho đến ngày VNCH bị sụp đổ.

Di tản sang Hoa Kỳ từ năm 1975, giáo sư Nguyễn Mạnh Quang tiếp tục nghề thầy tại Học Khu Tacoma, tiểu bang Washington. Đột nhiên, từ năm 1998 đến nay, Nguyễn Mạnh Quang hăng say và liên tục viết sách tấn công giáo hội Công Giáo La Mã tại Việt Nam, tổng thống Ngô Đình Diệm, và những tác giả nào bênh vực tổng thống họ Ngô. Thí dụ như quyển *Việt Nam Đệ Nhất Cộng Hòa Toàn Thư 1954-1963* do ông tự xuất bản tại Tacoma, năm 1998, dầy 536 trang. Cũng vì những sách ấy, ông đã bị hăm dọa, cảnh cáo, và bôi nhọ qua điện thoại, thư rơi, báo chí, và vô tuyến truyền thanh. Nhưng càng bị tấn công và hăm dọa, Nguyễn Mạnh Quang càng viết mạnh để trả đũa: chỉ trong mấy tháng đầu năm 2000, ông đã cho phát hành hai tập *Thực Chất Của Giáo Hội La Mã* dầy tổng cộng 800 trang in.

Những xung động tình cảm đã dẫn dắt ngòi bút của Nguyễn Mạnh Quang. Những tình cảm yêu ghét quá khích đã hiển hiện trên từng trang giấy ông viết, những từ ngữ chanh chua và hạ cấp cũng đã được ông sử dụng nhiều lần. Thật đáng tiếc cho cơn giận dữ (?) của một nhà giáo hiền lành mẫu mực trước năm 1975!

Một giáo sư Sử Địa trung học cùng thời với Nguyễn Mạnh Quang là Trần Gia Phụng. Trần Gia Phụng tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Huế năm 1965. Đúng ba mươi năm sau, ông sang định cư tại Gia-nã-đại và từ đó, Trần Gia Phụng liên tục sản xuất bốn sử phẩm trong bốn năm, từ năm 1996 đến năm 1999. Đó là các quyển *Trung Kỳ Dân Biến 1908* (Toronto, 1996, 190 trang), *Những Câu Chuyện Việt Sử* (Toronto, 1997, 338 trang), *Những Cuộc Đảo Chánh Cung Đình Việt Nam* (Toronto, 1998, 347 trang), và *Những Câu Chuyện Việt Sử. Tập Hai* (Toronto, 1999, 422 trang).

Trần Gia Phụng viết một cách thận trọng, và sử dụng phương pháp sử một cách nhuần nhuyễn. Phần chú thích trong sách nào của ông cũng hợp cách và công phu. Cuối mỗi sách đều có bản 'Danh Mục' giúp độc giả tiện tra cứu chi tiết các nhân vật khi cần. Nội dung những sử phẩm của ông sẽ giúp cho độc giả những kiến giải lịch sử vững chắc kinh qua sự trình bầy tất cả những quan điểm khác nhau về một sự kiện lịch sử.

Có điều cách trình trình bầy bìa sách của ông quá hiền lành, đơn điệu, thiếu hẳn vẻ hấp dẫn của một món quà quí. Ai đọc sách của ông đều thấy bìa của tất cả bốn tác phẩm giống nhau như hệt, chỉ khác cái tên mà thôi! Bìa nào cũng vẫn một mầu trắng tẻ nhạt với viền vàng đậm, trên cùng là tên tác giả và ở giữa là tên tác phẩm, người không để ý tất nghĩ bốn quyển là một!

Việc lựa chọn đề tài, cung cách sưu tầm tài liệu, phương pháp án khảo tài liệu, và văn tài chuyên chở nội dung, kể cả phần giới thiệu thư mục, sách dẫn, cho thấy Trần Gia Phụng xứng đáng là một môn đệ đích truyền của linh mục sử gia Nguyễn Phương tại Viện Đại Học

Huế trong thập niên 60.

Trong giới y khoa gốc Việt tại Bắc Mỹ có rất nhiều người viết sách, viết truyện, làm thơ, và đặt nhạc. Những người đã có công đóng góp đặc biệt vào việc nghiên cứu lịch sử và văn hoá Việt Nam tại hải ngoại là, trước hết, Lê Văn Lân và Trần Văn Tích.

Sau khi tị cư tại Bắc Mỹ một thời gian, cộng đồng người Việt đã có nhiều sinh hoạt độc đáo, thanh cao phát sinh từ đời sống trí thức cao và vật chất đầy đủ. Chúng tôi có thể kể các thú sưu tầm đồ cổ, tiền cổ, bưu hoa, hay ấn triện cổ, như tác giả Lê Văn Lân đang theo đuổi.

Thật thế, Lê Văn Lân bất ngờ cho phát hành quyển *Chiếc Bảo Ấn Cuối Cùng Của Hoàng Đế Việt Nam* năm 1998 (California, 289 trang). Nói bất ngờ vì đề tài viết của ông rất mới mẻ. *Chiếc Bảo Ấn Cuối Cùng...* có lẽ là quyển sách tiếng Việt đầu tiên đặc khảo về các loại ấn của vua quan triều Nguyễn, nhất là chiếc bảo ấn Hoàng Đế Chi Bửu của Bảo Đại, vị hoàng đế cuối cùng của Việt Nam mới mất năm 1997.

Độc giả cũng phải cám ơn Lê Văn Lân đã giới thiệu một nét văn hóa Đông Phương độc đáo và sang cả qua *Chiếc Bảo Ấn Cuối Cùng Của Hoàng Đế Việt Nam.* Có điều khi tác giả Lê Văn Lân cho rằng biên khảo là, nguyên văn, nhạt nhẽo, khô khan, cứng nhắc vô hồn (Lời Cảm Tạ của người viết, trang 6), thì chúng tôi hy vọng đó chỉ là quan niệm riêng của bác sĩ Lê Văn Lân, sẽ không làm nản lòng những nhà biên khảo mà tác phẩm của họ vốn luôn luôn có tác dụng nâng cao đời sống phàm tục và vô thức của con người, nhất là những con người đã tự nhận có nhiều ngàn năm văn hiến!

Bác sĩ Lê Văn Lân đã có sự khiêm tốn và dè dặt đáng kính khi ông gọi tác phẩm của mình là bút khảo, theo nghĩa của một thiên khảo cứu không theo sát những luật tắc chặt chẽ của bộ môn khoa học xã hội mà có pha trộn những phóng túng của một ngòi bút văn chương. Nhưng độc giả của ông hẳn sẽ coi việc phân biệt biên khảo với bút khảo chẳng qua chỉ là hình thái của một đức tính của người trí thức gốc Việt. Cứ đọc *Bút Khảo Về Ăn* của ông (Toronto, 1993, 194 trang) thì biết: rõ ràng đó là một thiên nghiên cứu về nghệ thuật ẩm thực của người Việt với cách viết thanh thoát nhẹ nhàng nhưng không thiếu phần chính xác và khoa học.

Dĩ nhiên, khi nghiên cứu về sinh hoạt của người Việt hay về vật thực Việt Nam, kiến thức sách vở nhiều khi tai hại ở chỗ đưa người viết đến chỗ sai sót so với kinh nghiệm trong đời sống thực tế. Đã có lần một độc giả của *Bút Khảo Về Ăn* đã phải lên tiếng chất chính tác giả Lê Văn Lân về những chi tiết sai lạc khi ông viết về con cà cuống là vì thế.

Trong khi đề tài của Lê Văn Lân gần gụi và thân thiết, như tình yêu, ẩm thực, cỏ hoa, rau trái, bói toán, phong thủy, bùa chú,... thì Trần Văn Tích 'sách vở, bác học' hơn: ông khảo về cách đặt tên của người xưa, về thi cử trong hệ thống Hán học, về hệ thống quan lại, và đặc biệt về văn chương cổ điển Việt Nam... Đó là nội dung của *Sự Muôn Năm Cũ* (Toronto, 1992, 325 trang), vốn là một tập hợp những bài Trần Văn Tích viết đã được đăng trên tạp chí Làng Văn ở Gia-nã-đại. Những đề tài khô khan ấy, may thay, đã được tác giả diễn tả nhẹ nhàng, giản dị, và trong sáng, tất sẽ giúp ích nhiều cho các thế hệ trẻ trưởng thành nơi hải ngoại muốn tìm học về cội nguồn văn hoá dân tộc.

Ngoài ra, một vị y sĩ khác là Nguyễn Xuân Quang cũng cho ra đời một bộ sách đồ sộ tựa đề *Khai Quật Kho Tàng Cổ Sử Hùng Việt* (California, 1999, 617 trang). Nhưng chúng tôi xin nói ngay rằng khai quật đây không phải là khai quật các di chỉ khảo cổ, mà là khai quật từ những nhận định triết lý, siêu hình, và suy luận của một cá nhân căn cứ vào, nguyên văn, 'vọn (sic) vẹn có mấy quyển sách viết về cổ sử Việt Nam, đếm chưa hết mười đầu ngón tay' (Thay Lời Tựa, trang 7, sách đã dẫn). Thực ra, khi tác giả viết 'vỏn vẹn chỉ có mấy quyển sách đếm chưa hết mười đầu ngón tay' là cách nói thậm xưng mà thôi, nhằm làm nổi bật vai trò, nguyên văn, 'trí óc trời cho' của tác giả (Thay Lời Tựa, trang 7-8). Bằng chứng là, trong phần tài liệu tham khảo in nơi trang 609-613, tác giả đã liệt kê tới ít nhất 100 tài liệu, đặc biệt trong đó có cả ... *Tự Điển Anh Việt* của Nguyễn Văn Khôn!

Khai Quật Kho Tàng Cổ Sử Hùng Việt, vì thế, chỉ thích hợp với thế giới của những vị triết gia suy tư và lập thuyết về những gì xẩy ra năm, mười ngàn năm trước!

Chuyên viên văn khố thư viện không nhiều, nhưng ít nhất có hai vị viết sử là Nguyễn Hùng Cường và Nguyễn Vy Khanh.

Nguyễn Hùng Cường là người suốt đời gắn bó với thế giới sách vở. Là một chuyên viên

Văn Khố và Thư Viện, ông vào nghề từ thời Pháp thuộc, liên tiếp qua thời VNCH, và khi tị cư tại Hoa Kỳ, ông trở thành cộng tác viên tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ, rồi quản thủ thư viện Trung Tâm Nghiên Cứu Đông Dương trực thuộc Viện Đại Học George Mason ở Virginia. Trước năm 1975, đã có thời kỳ ông giữ trọng trách Giám Đốc Nha Văn Khố và Thư Viện Quốc Gia.

Nguyễn Hùng Cường cũng từng viết bài cho tạp chí Pháp ngữ *Bulletin de la Société des Études Indochinoises* ở Sài Gòn trước năm 1975. Sang Hoa Kỳ, ông trình làng thêm hai quyển sách. Đó là và *Những Làn Sóng Người Việt Tị Nạn Từ 1975* (Louisianna, 1983, 158 trang) và *A Bibliography of Overseas Vietnamese Periodicals and Newspapers,* 1975-1985 (Washington, D.C., 1985, 48 trang).

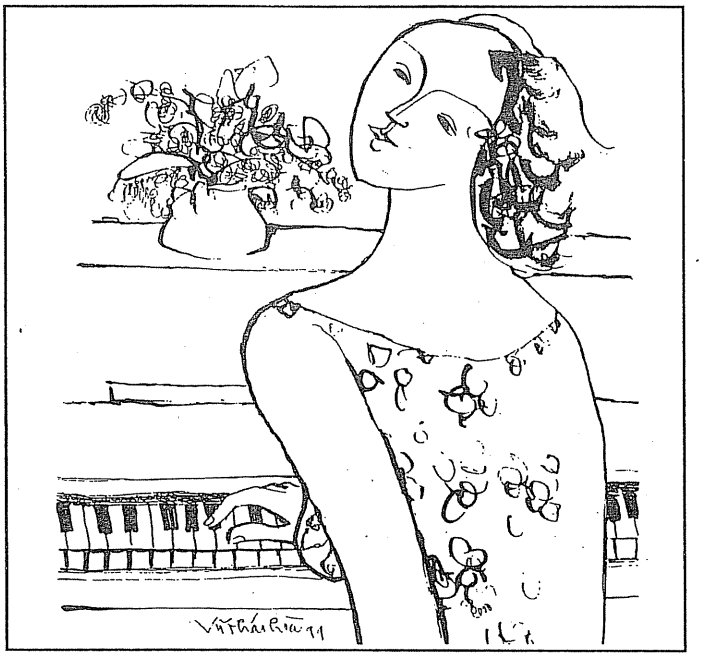

Nguyễn Vy Khanh, theo lời ông tự giới thiệu, tốt nghiệp ban Việt Hán Đại Học Sư Phạm Sài Gòn năm 1974. Ông hiện giữ một chức to, nguyên văn in nơi trang bìa sau của sách *40 Năm...*, là *Quản Thủ Thư Viện Quốc Hội và Chính phủ Québec* bên Gia-nã-đại. Năm 1997, ông cho ra mắt quyển *40 Năm Văn Học Chiến Tranh (1957-1997)* do nhà Đại Nam xuất bản ở California, đầy 161 trang.

Đây là một tập nhận định văn học. Tác giả khái quát văn học Việt Nam hiện đại trong các khung cảnh chính trị VNCH, VNDCCH, CHXHCNVN, và Việt Nam hải ngoại. Tập nhận định tuy ngắn, nhưng khá cô đọng với nhiều chi tiết về mỗi nền văn học, chứng tỏ tác giả theo dõi sinh hoạt văn học khá sát và tài liệu của tác giả khá dồi dào. Tuy nhiên, các chương sách đã không được viết đều tay: có những chương rất hay, rất chi tiết, và có những chương sơ sài đến độ ngạc nhiên. Thêm nữa, theo thiển ý, hệ thống văn học Việt Nam hải ngoại do Nguyễn Vy Khanh thiết lập không chỉnh, và có tính cách cưỡng danh: tại sao tác giả mệnh danh cho giai đoạn 1975-1980 là, nguyên văn, *Lưu Vong*, giai đoạn 1981-87 là *Tị Nạn Chính Trị*, và giai đoạn 1987-1997 là *Hoài Niệm*? Nếu không phải thực chất là tị nạn hồi năm 1975 thì người Việt nào được nhập cư vào Hoa Kỳ để tồn tại mà viết văn làm thơ ? Và trước năm 1981 cùng sau năm 1987, người Việt tại hải ngoại là gì mà không phải là tị nạn chính trị nữa? Tha phương cầu thực chăng?

Có một số tác giả từng phục vụ trong ngành Hành Chánh hay Cảnh Sát trước năm 1975, do đó chúng tôi tạm xếp họ vào lớp chuyên viên hành chánh an ninh. Nhóm này có thể kể Hoa Thế Nhân và Hồ Văn Quang.

Sự Tập Hợp Các Lực Lượng Chính Trị Dưới Thời Đệ Nhị VNCH là tác phẩm của Hoa Thế Nhân được tác giả tự xuất bản tại California năm 1995, 246 trang. Thực ra, đây là bản in của một luận văn tốt nghiệp Trường Quốc Gia Hành Chánh đã được tác giả đệ trình năm 1971 để lấy văn bằng Cao Học Hành Chánh. Tác phẩm giúp tài liệu cho những ai muốn tìm hiểu hệ thống chính trị và đảng phái tại VNCH, nhất là trong giai đoạn Đệ Nhị Cộng Hòa (1967-1975).

Hồ Văn Quang là một cựu sĩ quan cảnh sát VNCH. Cùng quê hương với Quang Trung Nguyễn Huệ, ông rất hãnh diện về người đồng hương này nên đã bỏ rất nhiều thì giờ và công khó kiếm tìm tài liệu để viết sách vinh danh thần tượng của mình mà đồng thời cũng là một vị anh hùng của dân tộc. Đó là tác phẩm *Trí Thức Việt Nam Cuối Thế Kỷ XVIII. Sự Phân Hoá Đại Đế Quang Trung (Sự Nghiệp & Tình*

Yêu) (California, 1998, 361 trang). Hồ Văn Quang muốn viết sử, nhưng lòng sùng kính Nguyễn Huệ của ông còn mạnh mẽ hơn, nên sự kiện lịch sử được ông trình bầy thoải mái như những khẳng định tự nhiên, bất kể các luật tắc chặt chẽ của sự án khảo tài liệu trong ngành Sử Học. Ngay cái tựa đề của sách cũng đã khó hiểu rồi!

Với lòng yêu thích sử học cộng thêm ngọn bút tài hoa và trí tưởng tượng dồi dào của ông, thiết tưởng ông viết loại sách dã sử sẽ thu hút được nhiều độc giả. Chúng tôi đang chờ đọc truyện dài võ hiệp kỳ tình *Kỳ Đạo Kiếm Khách* của ông như ông đã giới thiệu nơi trang bìa sau của sách.

Cuối cùng, trong ngành truyền thông, chúng ta có Thụy Khuê và Vĩnh Phúc.

Thụy Khuê tên thật là Vũ Thị Tuệ, là một người trong giới truyền thông và phê bình văn học sống ở Pháp nhưng có tác phẩm xuất bản và phát hành ở Hoa Kỳ. Bà phụ trách chương trình Văn Học Nghệ Thuật Việt ngữ trên đài phát thanh RFI ở Paris, Pháp. Tác phẩm nhận định phê bình *Sóng Từ Trường* của bà được nhà xuất bản Văn Nghệ xuất bản và phát hành ở California năm 1998, 225 trang. *Sóng Từ Trường* là một tập tiểu luận phê bình bao gồm những bài tác giả viết trong mười năm, từ năm 1988 đến năm 1998. Bà đã ghi lại những phản ứng của một cá nhân rất nhậy cảm trước một ca sĩ như Thái Thanh, nhạc sĩ như Phạm Duy, đạo diễn như Trần Anh Hùng, và rất nhiều họa sĩ như Phạm Tăng, Lê Phổ, Lê Thị Lựu, Lê Bá Đảng, Bé Ký, cùng tiểu thuyết gia như Bảo Ninh, Phạm Thị Hoài, Nguyễn Huy Thiệp, Trần Vũ, Võ Thị Hảo...

Điểm đặc biệt của tác giả Thụy Khuê là bà đã có công phỏng vấn giáo sư Hoàng Xuân Hãn, giúp độc giả những chi tiết quí giá về cung cách làm việc, về những khám phá khoa học, về vai trò tác nhân và chứng nhân lịch sử của vị học giả lớn nhất Việt Nam trong thế kỷ XX. Kết quả của cuộc phỏng vấn từ tháng Tám đến cuối tháng Mười năm 1995- do bà thực hiện là năm cuộn băng ghi lại những câu trả lời của giáo sư Hoàng Xuân Hãn nay chính là một trong những tài liệu quan trọng nhất cho những ai muốn tìm hiểu về các công trình văn hoá, lịch sử, thời sự, văn học, giáo dục... của vị học giả họ Hoàng.

Thụy Khuê đã cẩn thận thực hiện hai bộ băng phỏng vấn. Một đo bà giữ, và một được bà giao cho thân nhân của giáo sư Hoàng Xuân Hãn. Nội dung năm cuộn băng cũng đã được Thụy Khuê cho phổ biến trên tạp chí *Hợp Lưu* số 26, số Tưởng Niệm Học Giả Hoàng Xuân Hãn (tháng 6 & 7 năm 1996, trang 51-113).

Vĩnh Phúc tên thật là Kiều Vĩnh Phúc, một xướng-ngôn-viên của đài phát thanh BBC, Luân-đôn. Ông cho phát hành quyển *Những Huyền Thoại & Sự Thật Về Chế Độ Ngô Đình Diệm* năm 1998 tại California. Sách dầy 493 trang. Đây là kết quả của những cuộc phỏng vấn do tác giả thực hiện. Do đó, tác phẩm thuộc loại Lịch Sử Khẩu Truyền (Oral History), một dạng sử liệu khá phổ biến hiện nay. Vì là một quyển sách ghi lại những cuộc phỏng vấn mà tác giả đã cẩn thận ghi âm lại, *Những Huyền Thoại & Sự Thực* ... chứa đầy những mẩu đối thoại, những lời kể theo văn nói bao hàm chi tiết mà chỉ chứng nhân trong những vị trí đặc biệt mới có thể cung hiến nên sách đọc rất hấp dẫn. Đó là điểm độc đáo của tác phẩm và độc giả không khỏi nhớ đến công lao của người thực hiện mà cám ơn tác giả họ Kiều.

Vĩnh Phúc đã phê bình tác giả các hồi ký là, nguyên văn, *không khách quan.., tự đề cao cá nhân hay phe phái..., bóp méo sự thật... mê hoặc người đọc bằng những chuyện hoàn toàn hoang tưởng* (Lời Dẫn Nhập, trang xv). Thế nhưng những gì ông thu thập được qua phỏng vấn đâu có khác gì với những điều ông chỉ trích người khác? Về cùng một sự việc chẳng hạn, nội dung những gì một người tự viết (tức hồi ký) và nội dung những gì một người kể cho người khác viết (tức phỏng vấn) khác nhau chỗ nào? Ấy là chưa kể điều nguy hiểm của lối viết sử theo nội dung phỏng vấn là độc giả không thể quy trách cho ai: người trong cuộc sẽ dễ dàng từ chối trách nhiệm nội dung sự việc với lý do là họ đâu có viết, mà độc giả thì làm gì có băng ghi âm để đối chiếu!●

Alameda, tháng Tư năm 2000

Kỳ tới: Nhóm Biên Khảo 4) *Giới Tu Sĩ và Nghệ Sĩ*

[1] PHẠM ĐÌNH NHÂN, *Almanach Những Sự Kiện Lịch Sử Việt Nam,* Hà Nội, 1999, các trang 604 và 611.

[2] PHẠM KHẮC HOÈ, *Từ Triều Đình Huế Đến Chiến Khu Việt Bắc*, Sài Gòn, tái bản, 1985, trang 82-87.

[3] ĐOÀN THÊM, *Hai Mươi Năm Qua, Việc Từng Ngày* (1945-1964), bản in lại tại California, trang 11-12.

GÓP Ý KIẾN VỀ BÀI "CÔNG CUỘC NGHIÊN CỨU VIỆT SỬ..."

VĨNH SÍNH

Tôi xin phép đóng góp một vài ý kiến về bài "Công cuộc nghiên cứu Việt sử tại Bắc Mỹ (1975-2000)" của tác giả Trần Anh Tuấn đăng trên *Thế Kỷ 21* số 130 & 131 (Tháng Hai & 3, 2000).

Trước hết tôi cảm ơn tác giả đã có nhã ý liệt kê tên tôi vào danh sách 16 "Giáo sư đại học" thuộc "Thành phần nhóm biên khảo" (trg. 135). Trước khi giới thiệu về công trình nghiên cứu của những người này, tác giả Trần Anh Tuấn dè dặt tuyên bố là "Còn những người chúng tôi chưa được hân hạnh biết rõ thì xin để tồn nghi" (trg. 135). Sự dè dặt đáng quý này vô tình khiến người đọc có thể có cảm tưởng là tôi cũng có hân hạnh thuộc vào số người được tác giả "biết rõ." Lẽ ra tôi cũng không nên thắc mắc gì về việc "biết rõ" hay "không biết rõ" này, có điều là sau khi đọc phần tác giả viết về bản thân tôi, tôi thấy có một số thông tin và nhận định thiếu chính xác. Trong thế chẳng-đặng-đừng, tôi không thể không có đôi lời góp thêm ý kiến. Trong khi làm sáng tỏ vấn đề, vô-hình-trung tôi phải nói, hoặc "kê khai" một số công trình nghiên cứu của chính mình — một việc khá chướng mắt mà bản thân tôi cũng thấy ái ngại. Những mong độc giả vui lòng lượng thứ.

Tác giả viết: "Những sinh hoạt và những sản phẩm trí tuệ của ông hầu như chỉ diễn ra và được phổ biến ở Gia-nã-đại và Việt Nam" (trang 140). Mặc dầu cố gắng gìn giữ thái độ "chín bỏ làm mười" (điểm son trong truyền thống ứng xử của người Việt mà tôi có may mắn hấp thụ trước khi xuất dương du học 37 năm trước đây và cho đến nay tôi vẫn xem là kim chỉ nam trong cuộc sống hàng ngày), thành thật mà nói, khi đọc dòng chữ này tôi không khỏi thắc mắc, tự hỏi không hiểu là tác giả đã đọc những gì do tôi viết, ngoài cuốn *Phan Bội Châu and the Đông Du Movement* trong Lạc Việt Series (Yale International and Area Studies) do tôi chủ biên đã xuất bản từ năm 1988, hay những bài tôi viết trên báo *Đất Việt* (thật ra báo này không "tắt tiếng" — chữ tác giả dùng — vào năm 1987-88, mà đã đình bản vào năm 1992) và trên tập san *Vietnam Forum* (đã đình bản khá lâu) mà tác giả có nhắc đến. Cũng trong phần viết về tôi, như thể tự mâu thuẫn với chính mình, tác giả lại viết: "Giáo sư Vĩnh Sính ít xuất hiện trên các sách báo của cộng đồng người Việt tại Bắc Mỹ" (trang 141). Tôi sẽ giải thích rõ ràng hơn về điểm tự mâu thuẫn của tác giả.

Trước hết, "xuất hiện nhiều hay ít" đối với tôi không phải là tiêu chuẩn quan trọng trong lối đánh giá công việc của các nhà nghiên cứu, và dĩ nhiên không phải là chuẩn mực quan trọng trong công việc nghiên cứu của tôi. Bởi vậy, tôi không đồng ý với nhận định tổng quát của tác giả trong phần đầu của bài viết: "Một người chỉ viết một hai tập sách tức là viết một cách tài tử..." (trg.135). Thử nghĩ từ xưa đến nay biết bao nhiêu người trọn đời chỉ viết, hay dịch thuật một hai cuốn sách "để đời" — hay thậm chí có người chỉ có vỏn vẹn một áng văn hoặc một bài thơ hay — nhưng vẫn được hậu thế nhớ mãi. Ngược lại, cũng có không biết bao nhà "nghiên cứu" hay "sáng tác" bạ đâu viết đó, xuất bản đến hàng chục cuốn sách mà cũng bằng không... Tôi thấy cần nói lên điểm này để độc giả hiểu rằng khi nêu ra những điểm thiếu chính xác của tác giả Trần Anh

Tuấn trong phần đánh giá về bản thân tôi (rằng tôi "rất ít xuất hiện trên các sách báo của cộng đồng người Việt tại Bắc Mỹ," hoặc những "sinh hoạt và những sản phẩm trí tuệ" của tôi "hầu như chỉ diễn ra và được phổ biến ở Gia-nã-đại và Việt Nam"), tôi không hề muốn chứng tỏ là tôi "xuất hiện rất nhiều." Tôi chỉ muốn chứng minh là tác giả bài viết đã dựa trên một số dữ kiện rất hạn chế để rồi đánh giá quá vội vàng và không chính xác về tôi.

Trước hết, thú thật tôi không hiểu tác giả đã dùng danh từ Bắc Mỹ (North America) theo nghĩa gì. Chúng ta đều biết là theo nghĩa chính thức, Bắc Mỹ gồm Hoa Kỳ và Canada. Nếu hiểu đúng như vậy, tác giả đã mâu thuẫn với chính mình — chả là chính tác giả đã bảo "những sinh hoạt và những sản phẩm trí tuệ" của tôi "chỉ diễn ra và được phổ biến ở Gia-nã-đại" (và Việt Nam) đó ra hay sao ? Canada là một nước ở Bắc Mỹ, vậy sao lại còn nói là tôi "rất ít xuất hiện trên các sách báo của cộng đồng người Việt tại Bắc Mỹ"? Giả sử chỉ nói riêng về Canada, xin hỏi tác giả có khi nào đọc những tập san của người Việt ở Edmonton (đặc biệt những số báo Xuân của các tập san Phật giáo) nơi tôi cư ngụ chăng? Hàng năm tôi thường đóng góp khá đều đặn. Tuy không có ý định đem số bài viết của mình ra "trình làng" như thể khai *"income tax,"* nhưng tác giả đã dùng "ít nhiều" (số lượng) làm chuẩn mực nên tôi buộc lòng phải nói ra để cụ thể hoá đấy thôi. À, có người sẽ bảo Edmonton chỉ tỉnh nhỏ, làm sao tác giả biết đến được? Trong trường hợp đó, nếu tác giả chịu khó lật cuốn từ điển nhân vật *Canadian WHO'S WHO* (cập-nhật-hoá hàng năm) thì ít ra cũng thấy tên tôi trong đó hàng năm (liên tục từ 1991 cho đến nay), cùng một số công trình nghiên cứu tiêu biểu của tôi (và các giải thưởng chính mà tôi đã được trao tặng). Thiết tưởng nếu tôi không có đóng góp đáng kể ở Canada thì người ta cũng không chọn lựa giới thiệu tên tôi vào cuốn từ điển này làm gì cho tốn giấy tốn công. Tóm lại, điều tôi muốn nói là nếu tác giả không biết rõ về tôi hay một ai đó thì tác giả không nên võ đoán trước khi có đủ thông tin. Tốt hơn cả là khi viết về một nhân vật nào đó, trước hết nên liên lạc trực tiếp với đương sự để nhờ cung cấp một số thông tin hay dữ liệu. Những thông tin đương sự cung cấp về chính họ dĩ nhiên cần được cân nhắc và kiểm chứng. Trong trường hợp tác giả không có phương tiện thu thập đầy đủ thông tin và dữ liệu nhằm viết về một ai đó thì nên "để tồn nghi" — đúng như lời tuyên bố cẩn thận của tác giả ở đầu bài.

Xin trở lại danh từ Bắc Mỹ. Nếu hiểu một cách không chính xác (như trong tiềm thức của một số người Hoa Kỳ) thì "Bắc Mỹ chính là Hoa Kỳ," vì "Canada cũng là 'một phần' của Hoa Kỳ thôi mà!" Nhưng cho dầu có hiểu méo mó như thế chăng nữa, tác giả cũng đã tự mâu thuẫn: *Lạc Việt Series* hay *Vietnam Forum* (mà tôi có đóng góp rất khiêm tốn) há không phải là do công lao của giáo sư Huỳnh Sanh Thông (một người thuộc lớp đàn anh mà tôi vẫn hằng mến mộ) sáng lập khi còn tại chức ở đại học Yale của nước Hoa Kỳ đó hay sao ? Vậy độc giả phải hiểu Bắc Mỹ theo nghĩa nào đây, hay "zậy mà không zậy...", hoá nên "Bắc Mỹ của tôi" (*my North America*) không phải là "Bắc Mỹ của tác giả"... ?

Tôi không sân si đến mức độ cho rằng tác giả phải đọc tất cả những gì tôi đã viết hay đã xuất bản ở Bắc Mỹ (Canada và Hoa Kỳ) trước khi viết về các công trình nghiên cứu của tôi, nhưng trước đi đến một kết luận khá vội vã như trên, thiết tưởng nếu tác giả chịu khó nhìn vào hai số đầu của tập san *The Vietnam Review* (số 1: Autumn—Winter 1996, và số 2: Spring—Summer 1997) cũng chính do anh Huỳnh Sanh Thông làm tổng biên tập sau khi *Vietnam Forum* đình bản, thì sẽ thấy tôi cũng có đóng góp, cho dầu khiêm tốn chăng nữa nhưng không phải là không có cố gắng (việc đánh giá nội dung của hai bài viết này xin nhường lại cho độc giả). Cũng xin nói thêm là tập san The Vietnam Review nay cũng phải tạm ngưng vì tình trạng sức khỏe của anh Huỳnh Sanh Thông, người chủ biên đa tài và đầy tâm huyết. Ngoài ra, trong kỷ yếu của "Hội thảo về lịch sử Việt Nam" tổ chức trong 3 ngày ở Cornell vào tháng 5 năm 1991, *Essays into Vietnamese Pasts* (K.W. Taylor và John K..Whitmore chủ biên, Southeast Program, Cornell; 1994), tôi cũng có đóng góp một bài với nhan đề là "'Elegant Females" Re-encountered: From Tôkai Sanshi's *Kajin no kigu* to Phan-Châu-Trinh's *Giai-nhân kỳ-ngộ diễn-ca.*" Bản tiếng Việt của bài nghiên cứu về nguồn gốc tác phẩm *Giai nhân kỳ ngộ diễn ca* của Phan Châu Trinh này (có bổ sung và cập-nhật-hoá tài liệu) hình như được in trong Tập san *Quảng Đà* xuất bản ở Cali vào năm ngoái (1999). Tôi viết "hình như" vì tôi chưa

được xem tập san này, và chỉ biết qua trang quảng cáo trên báo *Hợp Lưu*.

Tôi cũng xin nói thêm là ở Bắc Mỹ, những độc giả có quan tâm đến các bài tôi viết trên báo *Đất Việt* ở Canada (Montreal) đã cho in lại những bài này trên nhiều tập san khác nhau: tập san *Y học* (bài "Trục giao lưu văn hoá giữa Nhật Bản, Trung Quốc và Việt Nam vào đầu thế kỷ XX"), tập san *Công giáo* (bài "Giấc mộng chưa thành — Vài ý kiến đóng góp vào việc tìm hiểu và đánh giá Nguyễn Trường Tộ"), và nhiều tập san *Phật giáo* (bài "Kukai — Vị đại sư đa tài" cùng bài "Thiền và thơ Haiku của Matsuo Bashô") tại các địa phương khác nhau ở Canada và Hoa Kỳ. Cho dầu những bài đăng lại này có hay không có sự thỏa thuận của tôi, tôi luôn luôn cảm thấy hoan hỷ khi tình cờ được người quen cho biết là họ đã đọc bài tôi trong một tập san nào đó. Tôi xem đó như một đóng góp tuy khiêm tốn, nhưng có ý nghĩa, vào gia tài văn hóa của người Việt, bất luận ở trong nước hay tại hải ngoại. Bởi thế, tôi không khỏi cảm động khi anh Đỗ Thông Minh ở Đông Kinh ngỏ ý muốn in lại bài "Trục giao văn hoá...." trong cuốn Từ điển Hán Việt do anh đã công phu biên soạn. Trong một lần về thăm Huế vào một ngày mưa tầm tã cách đây hai năm, tôi không thể nén được xúc động khi tình cờ thấy bài viết này được in lại một cách trân trọng trong *Tập san Khoa học và Công nghệ* — một kỷ yếu do một số anh em trẻ chủ trương và xuất bản ở Huế trong nỗ lực chấn hưng giáo dục về khoa học kỹ thuật.

Ở trong nước, những bài tôi viết trên báo *Đất Việt* được in thành sách dưới nhan đề là *Việt Nam và Nhật Bản trong thế giới Đông Á* (Nxb Thành phố HCM, 1993). Sách này, cùng cuốn *Nhật Bản cận đại* (Nxb Thành phố HCM, 1992) và một số công trình nghiên cứu khác của tôi về giao lưu văn hoá giữa Việt Nam và Nhật Bản từ mấy năm nay đã được dùng làm sách giáo khoa trong các giáo trình về Đông phương học và Châu Á — Thái Bình Dương ở một số trường đại học. Tôi đã vào các thư viện ở Việt Nam và đã gặp những sinh viên lặn lội đi kiếm tài liệu nghiên cứu về giao lưu văn hoá giữa Việt Nam và các nước Đông Á, mà trên thực tế tài liệu bằng tiếng Việt về đề tài này, cho tới nay, chẳng có bao nhiêu. Trong khả năng vô cùng khiêm tốn, tôi cố gắng đóng góp chút đỉnh cho thế hệ trẻ của Việt Nam — trong nước cũng như ở hải ngoại. Nguyện vọng của tôi chỉ có thế. Tôi cũng không có gì cần phải che đậy hay giấu giếm: tình cảm của tôi đối với quê hương, đối với những người đồng hương (xin theo nghĩa rộng là Việt Nam chứ không chỉ là "xứ Huế" nơi tôi sinh trưởng) không có giới tuyến. Nhận được thư trao đổi qua bưu điện hay qua e-mail của một sinh viên từ trong nước gửi sang hay của một Việt kiều nào đó đang cư ngụ ở hải ngoại tôi đều trân trọng như nhau. Tôi thỉnh thoảng viết bài đăng trên *Diễn Đàn Forum* ở Pháp, trên các tập san ở *Việt Nam như Xưa & Nay, Nghiên cứu lịch sử*, hay *Thời báo Kinh tế Sàigòn*, hoặc xuất bản hai cuốn *Ký sự đến Việt Nam năm 1657: An Nam cung dịch kỷ sự* (Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, 1999; cuốn sách này tình cờ một bạn đồng nghiệp ở Hoa Kỳ cho tôi hay là đã được một tờ báo trong nước chọn là "cuốn sách hay") và *Lối lên miền Oku* (bản dịch sang tiếng Việt của tập thơ *Oku no hosomichi* của thi hào Nhật Bản Matsuo Bashô; Nxb Thế giới, 1999) vào năm ngoái cũng trong nguyện vọng đó.

Tác giả Trần Anh Tuấn viết: "Âu cũng là một thiệt thòi cho những ai tại hải ngoại muốn tìm hiểu lịch sử Nhật Bản và Phong Trào Đông Du hồi đầu thế kỷ XX" (trg. 141). Xin cảm tạ mối quan tâm và lo ngại của tác giả. Nhưng có lẽ tác giả không biết rằng cuốn *Nhật Bản cận đại* trước khi xuất bản ở Việt Nam đã được ấn hành tại Canada (Nxb Văn hoá Tùng thư, Edmonton, 1991), và nếu tôi không lầm, cho đến nay vẫn còn ở trên quầy sách tại một số nhà sách ở Canada và Hoa Kỳ. Có lẽ tác giả cũng không biết là năm ngoái (1999) bản dịch sang tiếng Anh từ nguyên tác bằng Hán văn của cuốn *Phan Bội Châu niên biểu* (do tôi cùng biên tập và dịch thuật với giáo sư Nicholas Wickenden) đã được University of Hawaii Press xuất bản dưới nhan đề là *Overturned Chariot: The Autobiography of Phan-Bội-Châu*. Tôi hy vọng cuốn *Overturned Chariot*, giống như cuốn *Phan-Bội-Châu and the Đông Du Movement* trước đây, sẽ là sách giáo khoa cho các chương trình nghiên cứu Việt học, nghiên cứu Đông Á và Đông Nam Á ở nước ngoài — trong đó dĩ nhiên có các con em thuộc cộng đồng người Việt Nam ở hải ngoại.

Cuối cùng, tôi xin đưa ra vài dữ kiện ngắn gọn nhằm góp ý thêm về lời "phán" của tác giả là những "sinh hoạt và những sản phẩm trí tuệ" của tôi "hầu như chỉ diễn ra và được phổ biến ở Gia-nã-đại và Việt Nam." Trước hết,

xin thưa rằng một số tập san có uy tín ở Bắc Mỹ cũng có nhã ý mời tôi đóng góp bài vở, nhưng rất tiếc cho tới nay tôi chưa có điều kiện đáp lại được tấm lòng tri ngộ của quý anh chủ biên. Nghề chính của tôi dẫu sao vẫn là nghề dạy học: hàng năm tôi dạy trung bình khoảng 150 sinh viên — từ năm thứ nhất đại học cho đến ban tiến sĩ. Ngoài việc tham dự hội nghị và xuất bản sách cùng các bài nghiên cứu ở Canada, Hoa Kỳ và Việt Nam, tôi cũng đã từng có bài đóng góp vào sách báo ở một số nước khác. Chắc hẳn tác giả không biết rằng từ mấy năm nay, tôi thỉnh thoảng có viết bài trên báo *Diễn Đàn Forum* ở Pháp. Tôi cũng là một trong số những chuyên gia được mời tham gia "Hội nghị quốc tế 50 năm sau Thế chiến II" ở Berlin (Đức) vào năm 1995 (xem bài "Japan and Vietnam: From Wartime Occupation to Postwar Relations" của tôi trong kỷ yếu của hội nghị nhan đề là *1945 in Europe and Asia* do Gerhard Krebs và Christian Oberlander biên tập, Munchen: Iudicium Verlag, 1997). Trong hội thảo quốc tế ở Kyongju (Khánh-Châu, Hàn Quốc) vào cuối năm 1998 với đề tài là "The New Millenium Smile: Inheritance, Harmony, Creation" (Thiên kỷ III đang mỉm cười: Truyền thống, Dung hoà, và Sáng tạo), tôi cũng là một trong số 10 học giả ngoại quốc được mời tham dự và đọc tham luận (xem bài "Some Thoughts on the Interactions Between the Koreans and the Vietnamese" của tôi trong kỷ yếu cùng tên với hội thảo (do Kang Shin-pyo biên tập, 1999). Tác giả có thể đọc bài tường thuật của tôi về ý nghĩa của Hội nghị quốc tế Kyongju này trên báo *Diễn Đàn Forum* vào đầu năm 1999. Đáp lời mời của tập san *Asia & Pacific Quarterly* ở Seoul (Hán Thành, Hàn Quốc), tôi cũng đã đóng góp nhiều bài về giao lưu văn hoá giữa Việt Nam và nước ngoài trước khi tập san này đình bản. Cũng trong năm 1998, tôi có vinh dự được Kokusai Nihon Kenkyu Bunka Centa (Trung tâm Quốc tế Nghiên cứu Văn hoá Nhật Bản, Kyoto, Nhật Bản) mời đại diện cho cộng đồng các học giả nước ngoài nghiên cứu về Nhật Bản đọc tham luận tại Asahi Hall ở Đông Kinh. Theo lời của ban tổ chức, số khách được mời đến nghe dự định là 600 người, và mặc dầu vào chiều hôm ấy chương trình tivi ở Nhật đang truyền hình giải bóng đá quốc tế ở Paris (!), số người đến nghe có hơn 1000 người, phải chen chân đứng nghe phía sau hội trường. Khi nhận lời thuyết trình, tôi xem vinh dự đó không chỉ riêng cho bản thân tôi mà cũng là một vinh dự cho người Việt Nam nói chung. Để buổi nói chuyện thành công, tôi đã dành hơn một tháng trường chuẩn bị cho buổi nói chuyện này cũng chính vì muốn thực hiện tốt đẹp buổi nói chuyện mang ý nghĩa đặc biệt hôm đó.

Mỗi năm tính trung bình tôi sang Nhật một lần, và mỗi lần như thế tôi thường được mời nói chuyện hay đọc tham luận đôi ba lần. Nhưng đây là những chuyện ở nước Nhật Bản khá "xa xôi" nên tôi nghĩ tác giả khỏi bận tâm làm gì. Tôi viết những công trình nghiên cứu của mình qua ba ngôn ngữ: Anh, Nhật, Việt, và tuy số lượng những công trình xuất bản bằng tiếng Nhật về Việt Nam, hay bằng tiếng Anh và tiếng Nhật về Nhật Bản cũng khá nhiều, nhưng tôi cũng xin phép khỏi nhắc đến. Tôi cũng đã không bàn đến những buổi nói chuyện trên các đài truyền hình, truyền thanh, hay trả lời phỏng vấn các báo ở nhiều nước. Tôi cũng đã không liệt kê những *fellowships* ("trợ cấp nghiên cứu"; mà tác giả Trần Anh Tuấn dịch nhầm là "giải thưởng," trg. 136; nói chính xác, giải thưởng Giáo sư Huỳnh Sanh Thông được trao tặng là Harry Benda Award) mà hội đồng học thuật ở nhiều nước đã trợ cấp cho tôi từ trước tới nay.

*

Trước ngưỡng cửa của thiên kỷ III, bóng đen của bức tường thành kiến giữa các quốc gia, chủng tộc, và thậm chí giữa những người cùng nước hãy còn ngự trị tiềm thức loài người. Bầu trời trước mắt tôi tuy chưa được rộng mở như tôi hằng mơ ước, nhưng cũng không đến nỗi hạn hẹp đến mức độ là "những sinh hoạt và những sản phẩm trí tuệ" của tôi "hầu như chỉ diễn ra và được phổ biến ở Gia-nã-đại và Việt Nam" như tác giả đã diễn tả.

Cuối cùng, tôi cũng mong tác giả hiểu rằng những ý kiến đóng góp trên đây phát xuất từ ý nguyện mong muốn trao đổi thẳng thắn, tích cực, có ký "tên cúng cơm" của tôi rõ ràng. Đối với cá nhân tác giả Trần Anh Tuấn, tôi vẫn giữ những cảm tình trong sáng của tôi đối với một người có quan tâm về văn hoá và tiền đồ dân tộc. Một lần nữa xin có lời cảm ơn tác giả đã chiếu cố đến tôi.

Mặc dầu cố gắng giữ bài góp ý kiến ngắn gọn, nhưng cuối cùng tôi đã không tránh khỏi dài dòng. Xin quý độc giả hỷ xả cho.

PHỞ BẮC

truyện của KHẢ VI

(tiếp theo phần đầu đăng trong Thế Kỷ 21 số 131)

V

Về sau mỗi lần anh Phương gọi tôi là Thúy Ướt tôi lại ngượng vì nhớ lại cảm giác hổ thẹn hôm đó khi thấy mình bị ướt. Đến bây giờ thì tôi không còn thấy ngượng nữa. Sau này khi Vũ biết đến biệt hiệu của tôi, Vũ bảo: Mà em ướt thật. Ai đặt tên Thúy Ướt là biết nhận xét đấy. Tôi không ngượng mà còn nói đùa: Thì họ trông mặt đặt tên cả. Sau ba chục năm không nghe cái tên riêng của mình, giờ nghe lại tôi chỉ thấy bồi hồi nhớ nhung, cái cảm giác thẹn thùng không còn nữa. Nhưng lần đầu tiên nghe một người hoàn toàn xa lạ như cô Mỹ gọi cái tên Thúy Ướt thì tôi lại ngượng. Như thể cô biết một điều bí mật của mình, một chuyện vui nho nhỏ mình chỉ muốn giữ cho riêng mình thôi.

Hơn một năm sau cái lần gặp Mỹ ngồi với anh Phương ở quán Phở Bắc tôi gặp lại cô rất tình cờ. Mỹ đứng ở quầy trả tiền Chợ Mai Hưng ngay đằng trước tôi nhưng tôi không nhận ra. Chắc lâu ngày quá tôi đã quên. Mà các cô bây giờ trông họ thường giống nhau quá, có lẽ vì các chuyên gia sửa sắc đẹp dùng cùng một cuốn cẩm nang làm mẫu hoặc mua phụ tùng từ một nhà cung cấp. Nhưng trên gò má Mỹ hình như có một vết sẹo rất nhỏ, mỏng như sợi chỉ mà chắc bác sĩ sửa sắc đẹp nào đó đã vô ý quệt dao vào rồi phải vá lại. Mỹ tô điểm rất kỹ nhưng vẫn còn dấu vết lờ mờ, lần đầu mới gặp tôi nhìn từ xa nên không thấy. Tiếc quá, gò má xinh như vậy mà có vết. Khi quay lại xếp thêm mớ rau muống vào trong túi chợ, cô Mỹ ngẩng lên thì nhìn thấy tôi. Chị Thúy Ướt. Tôi giật mình như bất ngờ có ai nhìn mình đang cởi trần. Chị Thúy. Xin lỗi, ai lại gọi tên... cúng cơm của chị. Tôi nhận ra ngay đã gặp cô đi ăn phở với anh Phương. Mầu son môi cô rất đậm. Nhưng tôi nghĩ một lát mà không nhớ ra tên cô là gì. Em là Mỹ đây mà. Tôi lại nói dối: Vâng cô Mỹ, cô là bạn anh Phương, tôi quên sao được? Xin lỗi chị, tại anh Phương nói chuyện vẫn gọi tên chị là Thúy... Ướt, cái tên dễ thương quá. Bây giờ em đang ở với anh Phương.

Ở đây giờ người ta không nói "chúng tôi lấy nhau" hay "chúng tôi đã kết hôn." "Chúng tôi

đang ở với nhau," đúng hơn. Tôi không biết nên nói gì với cô Mỹ khi nghe tin cuộc phối hợp đáng mừng cho anh Phương, một lúc tôi nghĩ ra câu chúc mừng của người Mỹ, nói lúc nào cũng được: "Congratulations!" Nói xong tôi lại thấy mình vô duyên, nói một tiếng Anh trống rỗng ở giữa ngôi chợ toàn những người Việt Nam, chung quanh toàn là tương, cà muối, khô mực, rau cần, rau muống. Cô Mỹ cúi đầu không có phản ứng nào với lời chúc tụng của tôi. Cô nói "Bye chị" rồi bước nhanh, khi thấy cô giữ két đưa giấy chờ tôi trả tiền. Đáng lẽ tôi phải hỏi địa chỉ cô và anh Phương, lại quên.

Ra khỏi siêu thị, tôi thấy cô Mỹ đang xếp mấy gói chợ vào thùng xe đậu bên cạnh xe tôi. Tôi đến bên, hỏi: anh chị có ở gần đây không? Không chúng em ở tận Bellflower. Thảo nào lâu quá tôi không gặp anh Phương với chị. Cô Mỹ cười, cúi đầu: Em nhỏ hơn, thôi chị cứ gọi em bằng em cũng được. Nhìn nét mặt Mỹ tôi muốn nói một lời thân mật. Mỹ trẻ thật đấy. Không ngờ anh Phương tôi may mắn gặp được Mỹ. Anh em chúng tôi cả năm rồi cũng chẳng gặp nhau đấy. Vâng, anh Phương vẫn nói chuyện về chị. Vì thế cô Mỹ biết cái tên hiệu Thúy Ướt của tôi, phải không? Vâng. Anh Phương vẫn thích kể chuyện ngày xưa, bao nhiêu kỷ niệm. Anh ấy chỉ sống với quá khứ. Giọng nói của Mỹ trầm xuống nghe như tiếng thở dài. Tôi đặt cái túi chợ xuống đất. Đàn ông họ như vậy cả, cô Mỹ ạ. Em biết, em biết. Nhưng nặng quá chị ạ. Có lúc thấy mệt.

Tôi cầm lấy tay Mỹ. Anh Phương tôi gặp được Mỹ thật may quá, tôi biết, anh ấy không thể sống một mình được. Anh ấy vẫn sống một mình chị ạ. Thôi, để chị đi về. Lần khác em sẽ nói nhiều. Chúng tôi trao đổi số điện thoại. Tôi tự hứa sẽ gọi cho Mỹ. Tôi bỗng nhiên thấy gần người thiếu phụ mà lúc mới gặp lần đầu nhìn nét mặt tôi nghĩ không bao giờ mình thân được với mẫu người như thế. Có lẽ tại vì cô trang điểm khéo và kỹ lưỡng quá. Nhìn nét mặt đó lần đầu cảm thấy như gặp một người rất tính toán chi li. Chắc vì cách trang điểm của cô. Gặp lần thứ nhì thấy khác. Cô có giọng nói rất trẻ, trông cô thấy trẻ hơn lần trước, chắc chỉ ngoài ba mươi là cùng. Chắc vì lần trước tôi chỉ chú ý những phấn son trên mặt cô nên thấy cô già. Nếu là một người tính toán khôn ngoan chắc cô Mỹ đã không về sống với anh Phương, đưa vai chịu cái gánh nặng quá khứ của anh. Nghe cô nói, thấy cô có vẻ yêu anh Phương thật, tôi muốn nói với cô một lời khích lệ hay an ủi. Có lẽ tôi chỉ cần lắng nghe cô nói để chia sẻ gánh nặng đó cũng đủ. Nhiều người đàn bà thân nhau vì có một người đàn ông đưa họ lại gần. Tôi xin số điện thoại của Mỹ, tôi hứa sẽ gọi.

Chủ Nhật đó tôi gọi cho Mỹ mời đi ăn phở. Dạ không được, anh Phương không có nhà chị ạ, sáng sớm có người đón anh đi họp rồi. Thế thì tụi mình đi ăn với nhau cũng được. Vâng, em cũng muốn gặp chị. Tôi hẹn Mỹ ở Phở Bắc cho nó tiện, tìm một tiệm khác lại phải vẽ đường đi.

VI

Sáng Chủ Nhật quán phở đông và vui, như mọi người không quen biết cũng tới đó vì có hẹn nhau. Giống như Chợ Chồm hổm họp trong hẻm trước nhà những sáng Chủ Nhật ở Sài Gòn, người đi chợ bỏ hết mọi chuyện phiền muộn ở nhà, ai cũng tới đó góp một khuôn mặt tươi cười, nhìn thấy mặt nhau là đon đả chào hỏi. Trên thế giới, ở chỗ nào có chợ chồm hổm họp cũng thấy toàn những bộ mặt vui tươi như thế, khung cảnh cũng luộm thuộm nhếch nhác và đầy mầu sắc như thế. Khác những siêu thị ngăn nắp và sạch sẽ, đi trong đó thấy như đi trong nhà thương. Quán phở ở đây cũng giống cái chợ chồm hổm. Đến đó là trở lại nhập vào dòng đời.

Sáng Chủ nhật không thấy anh Trí đi ăn phở, nhưng đám bạn anh có ba bốn người ngồi cùng bàn, họ nhìn thấy tôi cũng gật đầu chào. Tôi ngạc nhiên khi nhìn thấy ông bạn luật sư mạng Thổ của anh Trí. Hôm nay ông ta mặc áo xanh, anh Trí đã nói với tôi đó là cái mầu tối kỵ. Cả buổi sáng đó tội cứ thắc mắc về mầu áo mới của ông ta, lâu lâu quay nhìn thấy ông ta tôi lại muốn tới tận bàn để hỏi tại sao ông đổi mầu áo như vậy. Có phải hôm nay ông sắp tiếp một thân chủ mạng Thủy hay không? Hay bà vợ mới của ông ta mạng Mộc nên ông đổi mầu áo?

Quán phở cũng như chợ chồm hổm, đông và ồn ào quá không cho mình cảm thấy có một góc riêng tư. Tôi muốn nghe Mỹ tâm sự nhưng cũng không thể nói được chuyện gì thân mật. Mỹ cho biết anh Phương đang đi làm. Anh làm tại cửa hàng giặt máy của thằng con lớn. Thằng cháu Chính nó rất ngoan chị ạ. Nó đưa vợ con đến thăm chúng em. Con bé con đang tập nói, nó kháu quá đi mất. Vợ chồng nó bắt con bé tập chào. "Ông ạ," "Bà ạ" đi con. Lạy

"Bà ạ" đi nào. Em ngượng chết đi được, em từng này tuổi mà có cháu gọi bằng bà! Em bảo: Thôi, đừng bắt nó gọi cô bằng Bà. Chào cô cũng được, lạy cô đi con. Liên, vợ Chính nó bảo: Bố mẹ chào cô, con cũng chào cô đâu có được. Buồn cười chết được. Vợ chồng Chính chúng nó kém em có năm sáu tuổi gì đó. Con bé dễ thương quá đi mất, anh Phương nói nó có đôi mắt giống bà nội nó. Mà em cũng thấy giống thật. Nhưng bố mẹ nó càng dục thì đôi mắt con bé càng ngẩn ra, hết nhìn bố lại nhìn mẹ, không mở miệng nói câu nào cả. Bố nó nhắc: "Bà ạ Bà ạ!" Con bé lập lại: "Bà ạ" nhưng mắt vẫn nhìn bố. Cháu Chính nó giải thích: Tại nó confused, nó thấy lộn xộn quá. Chúng con dậy nó chào "Bà ạ" khi gặp bà nội, nó học thế mãi đã quen rồi, bây giờ nhìn bà Mỹ nó thấy không giống, nó không hiểu được. Đúng quá, phải không chị? Chị có bận lắm không? Tánh em hay kể chuyện dài dòng có mất thời giờ của chị không?

Không sao, chuyện nghe vui lắm. Tôi đang ngắm đôi má của Mỹ, vội quay nhìn chỗ khác. Tôi nghĩ trong bụng: Tại ông nó. Một ông mà có hai ba bà, bà cũ đi lấy chồng mới, bà mới thì về với chồng cũ, lại bà nội thứ ba này chỉ bằng nửa tuổi ông nội nữa, làm sao con nít nó phân biệt được. Bây giờ tôi hiểu tại sao Mỹ lại bôi nhiều kem mặt và trát nhiều phấn mầu đậm như vậy. Chắc Mỹ có làn da rất đẹp, nhìn ở cổ thì thấy da hết sức mịn màng. Nhìn thẳng từ phía trước mặt Mỹ thì không thấy vết sẹo mỏng trên má, khi Mỹ quay nghiêng, nhìn từ phía bên thẳng góc với gò má mới thấy vết sẹo.

Mỹ kể mới đầu anh Phương không chịu về làm cho con. Anh ấy bảo: cửa hàng của nó toàn là máy tự động, đâu cần đến mình. Người ta tới bỏ mấy đồng xu vào đó rồi máy nó chạy, chỉ sáng tối mới cần người tới mở cửa đóng cửa thôi. Ngay cả việc rút tiền ra cũng thuê xe bọc thép với bọn đeo súng nó đến rút ra đem đi gửi ngân hàng. Mỗi ngày lại có người đến quét dọn, lau nhà. Mà máy nó có hư thì bố cũng không biết sửa, lại phải gọi thợ. Con không cần phải giúp bố, anh ấy nói, ở nước Mỹ này có ai chết đói đâu. Đấy anh ấy cứ nói như vậy. Nhưng sau thằng cháu Chính nó bảo tiệm nó còn cái quầy để nhận quần áo giặt khô, nhận đồ rồi đưa sang cái cửa hàng khác của nó giặt, tẩy, ủi, chỗ đó chỉ nhận hàng, giao hàng thôi. Nó cần người đứng đó nhận hàng, ngày mấy giờ thôi cũng được, nhưng cần người nhà để còn nhận tiền của khách, cần người có

NGUYỄN VĂN THỰC

CHIA ĐỀU

Từng ngọn cây cao chia đều phép lạ,
Ngọn lá xanh mềm chia sớt Hồng Ân.
Mỗi giọt sương mai chia đều dấu lạ,
Giọt nắng ngoan hiền gồm cả uy nghi:
Một vầng dương.

Từng đàn con thơ chia đều cha mẹ,
Vài đứa anh hùng vài đứa tiểu nhân.
Một giòng thi ca chia đều xe cộ,
Vài chiếc lên trời, vài chiếc vực sâu.
A ha ha!

Và ngàn câu ca bên trời thất vọng;
Rộn ràng dóng trống bên bờ vực sâu,
Cúi chào vực sâu.
Và ngàn than van bên đời hy vọng;
Tình trần rên xiết khi mùa xuân sang.
Gió ơi, cội nguồn!

Từ ngàn năm xưa chia đều số mệnh,
Người chết góc rừng, người sống hào hoa.
Rồi ngàn năm sau vuông tròn cách mệnh:
Lầu tía dăm người, ngàn nấm mộ hoang.
Thời thái bình chó sủa đêm trăng.

Địa ngục hai bên chia đều lo sợ:
Người sống trên đời, người đáy mộ sâu
Một vùng thênh thang Niết - bàn chưa rạng,
Một cõi Thiên - đàng Thần chết hào quang.
Đời khốn khó vầng trăng chờ người.

họ để còn ghi chép cho khỏi lầm. Chỗ đó bố tha hồ tập nói tiếng Anh, chứ đi làm việc lao động suốt ngày không cần nói chuyện với người Mỹ, cũng phí cơ hội tập nói. Nói vậy cháu Chính mới thuyết phục được bố về làm cho con. Anh ấy còn bảo: Con cứ trả lương bố như trả mấy thằng Mễ, bố không lấy nhiều hơn đâu. Em nói thật với chị, em yêu cái tính khí khái của anh ấy, giống hệt như bố em ngày xưa. Em đã nghe chị Mẫn nói chuyện anh ấy nhiều lắm trước khi em gặp ảnh. Chị Mẫn? Thế chị không biết à? Chị Mẫn là mẹ cháu Chính, là vợ trước của anh Phương. Chị chưa gặp chị Mẫn bao giờ hả? Chị ấy dễ thương lắm, chị ấy là cứu tinh của em. Tôi nghe nói chị Mẫn đẹp lắm? Vâng, bây giờ vẫn còn đẹp. Chẳng thế mà anh Thế lại yêu chị ấy như vậy. Chắc Thế là tên chồng mới của chị Mẫn.

Câu chuyện không ngờ lại nhiều đầu mối như vậy. Tôi cứ tự hỏi không biết anh Phương gặp Mỹ ở đâu, làm sao Mỹ xinh đẹp như thế lại yêu anh đến mức chịu về ở với người đàn ông hơn mình hai chục tuổi mà lại chẳng có việc làm nhất định. Tôi tiếc mình không có nhiều thời giờ để nghe câu chuyện tình thơ mộng đó. Cứ ngồi đó thì chắc Mỹ còn kể nhiều nữa. Tôi nói sang chuyện khác. Anh Phương bận việc hàng ngày như vậy cũng tốt lắm, phải không Mỹ? Các ông ấy cần phải bận rộn mới được. Đỡ suy nghĩ vẩn vơ.

Chắc cũng được một thời gian đầu chị ạ. Lúc em về ở với anh Phương thì ảnh đã làm việc cho cháu Chính được ba tháng rồi. Coi như tuần trăng mật của anh với công việc đã chấm dứt. Anh đi làm rất đều đặn, anh hay họp hành lắm nhưng chỉ đi buổi tối với cuối tuần thôi. Mỗi tháng Chính nó gửi thẳng tiền vào trương mục của bố, anh ấy chẳng bao giờ phải lãnh lương như người ta đi làm. Đi làm công nhưng cũng chẳng có vẻ gì người làm công. Có lẽ nếu ảnh phải đi làm thật, làm cho người ngoài, mỗi tuần chờ lãnh cái chếch đem cash lấy tiền mặt, thì ảnh sẽ cảm thấy đời sống bình thường hơn, bận rộn hơn, đỡ thấy nhiều Việt Cộng quá, bớt suy nghĩ vẩn vơ như chị nói.

Thế anh ấy suy nghĩ cái gì? Anh ấy hay lo cho các người bạn còn ở nhà lắm phải không? Hết rồi chị ạ. Đó là mấy năm đầu thôi. Bây giờ bớt rồi, vì anh ấy dần dần cũng thất vọng.

Chắc không có ai hưởng ứng giúp các anh em ở trong nước như anh ấy muốn? Cũng không phải như vậy. Anh ấy thất vọng về mấy người ở trong nước kia. Anh ấy nói họ chẳng làm được việc gì cả. Bây giờ, chị Thúy biết không, anh ấy chỉ lo Việt Cộng nó sang đây. Thật hả? Vâng. Anh ấy nói có bằng chứng rõ ràng. Tụi nó sang đây nhiều lắm, làm sao mình biết được.

Tôi lại có cái hẹn buổi trưa, tôi nói với Mỹ khi nào rảnh gọi cho tôi buổi tối. Mỹ nói: Được nói chuyện với chị em thích lắm, các bạn khác của anh Phương em không nói chuyện được. Chỉ có chị Mẫn để nghe em nói, nhưng em không muốn đem chuyện anh Phương nói với chị ấy nữa, em muốn để chị ấy được yên. Anh Thế yêu chị Mẫn lắm. Thôi, chị bận thì để lần khác em nói chị nghe. Em xin lỗi, làm phiền chị quá. Không phiền gì cả. Anh Phương cũng như anh ruột của tôi. Đáng lẽ tôi phải đến thăm anh nhiều hơn. Có gì Mỹ cứ gọi cho tôi nhé.

VII

Ngay đêm hôm đó Mỹ đã gọi cho tôi. Chị Thúy. Chị đã đi ngủ chưa? Chưa, sao, anh Phương chưa về à? Sao chị biết? Anh Phương có hay đi khuya như vậy không? Không, thường anh ấy ít đi khuya, nhưng lâu lâu anh ấy lại đi cả đêm không về. Thế chị đi ngủ chưa? Em xin lỗi gọi cho chị khuya quá. Giờ này mà anh ấy chưa về tức là không về đâu. Không hiểu sao hôm nay em thấy lo quá. Em làm phiền chị quá, chị sắp đi ngủ chưa? Chưa, tôi chưa đi ngủ mà. Nhưng anh ấy đi cả đêm như vậy có nói trước cho Mỹ biết không? Không bao giờ chị ạ. Anh ấy rất ghét nói điện thoại. Không bao giờ gọi điện thoại cho ai cả. Em xin lỗi chị nhé, nhưng em chẳng biết gọi cho ai cả, em chắc chỉ có chị. Mỹ im lặng. Tôi gọi: Mỹ. Mỹ vẫn im lặng. Mỹ. Mỹ sao thế? Một lúc lâu, tôi đoán Mỹ đang cố nhịn không muốn tôi nghe thấy tiếng khóc. Tiếng Mỹ nói rất nhỏ: Thôi, em xin lỗi chị. Rồi tắt, chỉ nghe tiếng máy u u.

Tôi phân vân không biết có nên gọi cho Mỹ hay không. Tôi nghĩ giận cái anh Phương. Anh ấy thật là bất công. Tôi nghĩ giận cả bà vợ cũ của anh ấy. Tôi đoán chắc mười phần là chính bà ta, bà Mẫn, đã xếp đặt để gán cô gái nhẹ dạ yếu đuối này cho chồng cũ của mình. Cứ ca tụng các đức tính ngày xửa ngày xưa của ông ta lắm vào, làm con bé nó phục lăn ra chứ còn gì nữa. Thế là chết con nhà người ta. Vừa vừa thôi chứ. Ngày xưa có những bà chị dắt díu em về làm vợ nhỏ cho chồng, nhưng đó là những

ông chồng có thể cho cô em trông cậy, nương tựa vào. Chứ ai lại gán cô bạn nhỏ trẻ hơn mình hai chục tuổi về gánh cái ông chồng cũ của mình, để mình yên thân sung sướng với ông chồng mới. Mà cái ông chồng cũ thì có ra cái gì đâu kia chứ. Nếu mà anh Linh tôi còn sống, không biết có như vậy hay không? Anh Linh không thông minh sắc sảo như anh Phương, chắc không đến nỗi nào. Người càng thông minh thì lại càng hay điên khùng. Đúng là cái ông Phương này điên thật rồi. Tội nghiệp con bé, hiền lành mà lại xinh xắn như vậy.

Tôi quay số điện thoại của Mỹ. Không ai trả lời. Chắc quay nhầm số. Tôi quay lại lần nữa, vẫn không ai nhấc máy. Sau bốn lần chuông reo cái máy nhắn tin bắt đầu chạy, nói hai thứ tiếng, đúng là giọng nói của Mỹ: "You have reached... Bạn đang gọi số..., chúng tôi rất tiếc...." Tôi đợi tiếng bíp báo hiệu rồi nói: "Mỹ, Mỹ trả lời đi, Thúy đây. Thúy Ướt đây. Gọi cho chị nhé." Một lúc lâu cũng không ai nhấc máy.

Tôi không gọi nữa. Ở đời này mình không thể nào gánh giúp tất cả những khổ não của mọi người. Họa có là ông Phật thì mới đi chịu tội thay cho thế gian. Tôi lẫn lộn, ông Chúa mới đi chuộc tội cho thế gian. Nếu ông Phật thì ông ấy làm gì đây? Ông Phật thì ông ấy sẽ bảo cho Mỹ biết làm thế nào để bớt khổ. Nhưng tôi có cách nào chỉ cho Mỹ bây giờ? Tôi đâu phải ông Phật, tôi phải ngủ để ngày mai đi làm, mà chỉ vì cái anh Phương khí gió này mà tôi cũng không ngủ được nữa. Cái lão Phương đúng là số đào hoa thật, cũng may mà mình không mắc vào.

Sáng hôm sau tôi gọi cho Mỹ rất sớm. Chuông reo bốn tiếng thì cái máy nhắn tin lại phát ra lời xin lỗi. Tôi cúp.

Buổi chiều hôm đó đi làm về tôi đã quên chuyện Mỹ gọi đêm hôm trước. Đời bớt khổ vì chúng ta dễ quên. Ngay những chuyện khổ của mình còn quên được, nữa là nỗi khổ đau của người khác. Nếu không, ai mà gánh hết những chuyện khổ của loài người. Đến Chúa Giê su mà còn năn nỉ lạy cha, cha cho con khỏi uống cái chén đắng này được không cha? Nhưng có cái máy điện thoại nó không cho mình quên. Nhìn thấy đèn báo hiệu có nhiều lời nhắn, tôi mở ra quả nhiên Mỹ có gọi. Chị Thúy, em xin lỗi chị, đêm hôm qua em về nhà mẹ em, không biết chị gọi lại. Em sẽ gọi chị sau. Bye chị. Con bé này nó hiền thật, tôi nghĩ. Mới đêm qua lo lắng khổ sở như vậy mà hôm nay giọng nói của nó lại ngọt ngào, nghe vô tư lự mà hiền khô. Người có giọng nói như thế chắc không vất vả lâu, thế nào rồi cũng khá. Tôi yên tâm không thấy cần gọi cho Mỹ nữa.

Thế rồi tôi lại gặp Mỹ với anh Phương ở Phở Bắc. Lúc bước vào quán tôi nhìn thấy mấy người bạn của anh Trí ngồi đó, nhưng anh Trí không có mặt. Tôi nhận ra ông thi sĩ Huyền Thu, đến bây giờ tôi cũng chưa được nghe anh Trí giải thích tại sao ông ta lấy biệt hiệu như vậy. Chào ông ta xong tôi hỏi: Xin lỗi anh, sao lâu nay tôi không gặp anh Trí nhỉ? Thưa chị chúng tôi cũng không biết ạ. Ông này lễ phép quá. Thưa chị chúng tôi cũng không hiểu sao lâu không gặp anh Trí. Thế chị cũng không biết ạ? Chị cũng không gặp chị Trí ạ? Tôi lắc đầu. Tôi không hỏi ông thi sĩ rằng ông muốn nói bà chị nào. Cả hai bà tôi đều không gặp bao giờ, hay là một bà khác nữa thì tôi không biết. Tôi không thấy mặt ông luật sư mạng thổ, tính hỏi sao hôm nay không thấy ông đi ăn phở. Nhưng không lẽ hỏi thăm mà không nhớ tên ông ta là gì, chưa kịp hỏi thì thấy ông ta đang từ phía cửa đi vào. Tôi vội vã chào ông thi sĩ lễ phép, đi vào cái bàn phía trong. Quay đi rồi nhưng tôi vẫn ngoảnh mặt lại nhìn cho chắc chắn, và lại ngạc nhiên lần nữa. Quả nhiên, cái ông luật sư mạng thổ này lại mặc áo xanh! Như vậy là thế nào? Không lẽ một người đang mạng thổ bỗng một buổi sáng thức dậy quyết định đổi đời, cách mạng, chọn cho mình mạng Thủy?

Tôi trông thấy anh Phương ra khỏi xe, rồi bước sang phía bên kia đón Mỹ khi cô mở cửa xe bước ra. Chắc hai người mới nói một câu chuyện gì vui lắm. Đứng vững chân Mỹ lại níu lấy vai anh Phương ngả đầu ra mà cười. Anh Phương cũng cười, ôm eo Mỹ dìu đi. Tôi vui. Trông Mỹ thấy cô đang hạnh phúc.

Thấy tôi, Mỹ chạy lại: Chị Thúy, chị Thúy Ướt! Rồi cười. Mỹ ngồi xuống bàn tôi, kéo anh Phương cũng ngồi xuống. Lúc anh đứng dậy vào nhà sau, tôi nói nhỏ với Mỹ: Chị trông Mỹ hạnh phúc quá. Mỹ mở to mắt ra: Thế hả chị? Mỹ không biết hả? Người có hạnh phúc mà không biết mới thật là hạnh phúc. Mỹ cười bằng cả hai con mắt. Nhìn gần vào đôi mắt thì thấy quả thật Mỹ còn trẻ quá, nếu chỉ tính tuổi đôi mắt không thôi thì chỉ mới ba mươi. Tôi muốn nói thêm để Mỹ nghe cho sung sướng hơn, bù lại cho những lúc cô phải khóc một mình. Tôi ghé tai nói nhỏ hơn: Mỹ phải

có con đi. Mỹ kêu lên: Không. Không đâu! Và nhắm hai mắt lại. Nghe giọng Mỹ thay đổi bất ngờ, tôi vội chữa: Xin lỗi. Mấy người ngồi bàn bên cạnh nhìn sang. Xin lỗi, tôi nói nhỏ. Mình tưởng hai người yêu nhau thì phải có con với nhau chứ? Mỹ nhắm mắt một lúc lâu không mở ra, những nét cười biến đâu mất, rất nhanh, tôi lại nhìn thấy vết sẹo trên má Mỹ mà lúc trước không để ý. Khi hai mắt nhắm lại thì nó hiện ra rõ hơn. Tôi lại ân hận mình nhanh nhẩu đoảng, chắc vì tôi đang cảm thấy mình thương Mỹ nhiều lắm, thấy thân thiết nhanh quá nên nói vội. Tôi đoán hai người này thế nào cũng đã từng cãi nhau về chuyện có con hay không có con.

Anh Phương có vẻ chăm sóc Mỹ rất nhiều, không như Vũ đối với tôi khi còn sống với nhau, ngay cả những ngày mới lấy nhau. Vũ cũng yêu vợ, nhưng không biết bầy tỏ, không bầy tỏ một cách tự nhiên được. Nhiều người đàn ông có bản năng lúc nào cũng có những cử chỉ săn sóc phụ nữ một cách trân trọng, chu đáo như loài thú giống đực đến mùa xuân thì lân la ve vãn giống cái, cũng như có những phụ nữ người họ tiết ra một vẻ chờ đợi như muốn được ve vãn, được thèm thuồng, như các con thú giống cái đến mùa sinh sản. Nhiều người khác thì lúc nào cũng bình thản như con thú ngoài mùa sinh nở, họ rất yêu vợ hay yêu chồng, nhưng không có thái độ tự nhiên cho người kia cảm thấy. Người ta bảo anh Phương có số đào hoa nhưng chắc không phải, anh được nhiều cô mê chắc vì bản tính anh chú ý đến phụ nữ một cách đặc biệt. Những lần trước gặp anh khi anh không đi với Mỹ tôi thấy nét mặt anh khác, có vẻ lơ đãng, thẫn thờ, đôi mắt nhìn vào khoảng không. Lần này thấy anh chỉ nhìn về phía Mỹ, nói chuyện với Mỹ, anh nói với tôi nửa câu lại quay qua nhìn Mỹ để cho cả hai người cùng nghe. Nhìn thấy tóc Mỹ vương ra phía trước tai, anh cầm sợi tóc vén ra để sau gáy. Tôi lại nhìn thấy vết sẹo trên má Mỹ, lúc này trông nó mờ hơn, nhìn kỹ mới thấy. Có khi vết sẹo nó cũng thay đổi theo tâm trạng người ta, lúc trong lòng bình an thì nó mờ đi chăng? Hình như có anh Phương ngồi bên cạnh thì trong cơ thể Mỹ nó thay đổi, mạch máu nó khác, những chất nội tuyến cũng chạy theo cách khác. Những người đang yêu họ sung sướng thật. Nhìn họ mình cũng hạnh phúc.

Anh Phương đứng dậy, nói như ra lệnh: Để anh trả tiền. Trông nét mặt anh nghiêm hẳn đi. Tôi nói: Dạ. Rồi ghé tai Mỹ nói nhỏ trong lúc anh bước đi: Chị chúc Mỹ hạnh phúc mãi. Nhưng Mỹ có vẻ không nghe thấy tôi nói, mắt Mỹ nhìn ra ngoài. Ở bàn góc phòng có hai người đàn ông mới vào ngồi, trông không thấy mặt quen. Tôi hỏi: Ai vậy Mỹ? Mỹ quay lại lắc đầu: Không có ai, không có ai cả, chị. Anh

TRƯƠNG NGHĨA KỲ

LỜI CUỐI Ở PHI TRƯỜNG

Tôi buồn. Buồn lắm. Em nhìn thấy! Dám bỏ hay cầm vé máy bay? Nhớ thuở lìa quê, em có hứa: Chỉ Về Khi Đất Nước Tan Mây!

Mây là khói tụ thời chinh chiến, là máu dân mình nắng bốc hơi, là nén nhang chia từng nấm mộ, là thù chưa nguội, oán chưa nguôi...

Em có người anh chết chiến trường. Tôi thì cũng tưởng đã phơi xương. Ai làm nên cảnh đời ly tán? Ai vẽ trên đời cảnh nhiễu nhương?

Ai? Em từng biết! Em từng khóc! Từng đứng nhìn trân Đất Nước mình: Giải Phóng mà kia - còn tủi nhục, mà người Cải Tạo, kẻ lênh đênh!

Tôi thì Cải Tạo, em ra biển. Đâu chỉ mình tôi, đâu chỉ em? Em hứa gì, nay, em phủi hết, buồn chung nỡ đổi chút vui riêng?

Tôi buồn! Buồn lắm! Em quay mặt! Thôi nhé... Em về! Y cẩm khoe! Tới cuối chân mây mà ngó lại, trùm khăn che bớt tóc vàng hoe...

Phương đi ra, Mỹ đứng dậy chờ sẵn, hai người bắt tay tôi rồi bước nhanh ra cửa.

Tôi đang đi phía sau thì có người chạy theo. Ông thi sĩ Huyền Thu, ông đưa tôi một cái bao thư đẹp: Mời chị Thúy tuần sau đi dự buổi ra mắt tập thơ mới của tôi. Ông mở phong bì kéo tấm thiệp ra.

Tấm thiệp in rất đẹp. Tôi vừa đi vừa nghe ông nói: Đây là tập thơ thứ bẩy của tôi chị ạ. Thế nào chị cũng tới nhé. Tôi thấy anh Phương với Mỹ đã lên xe. Tôi nói với thi sĩ Huyền Thu: Thơ anh vẫn có tiếng. Tôi vẫn nghe thơ anh do Du Tử Lê phổ nhạc. Thi sĩ cải chính: Không phải, chắc chị muốn nói nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng chứ gì? Du Tử Lê cũng là thi sĩ như tôi. Đúng rồi, tôi xin lỗi đầu óc hay lẫn lộn, tôi định nói thơ anh với thơ Du Tử Lê rất nhiều bài phổ nhạc, hay lắm. Nhất là những bài của Trầm Tử Thiêng. Ra mắt thơ ở đâu hở anh? Tôi chưa bao giờ đi xem ra mắt thơ cả. Thi sĩ Huyền Thu trỏ ngón tay lên tấm thiệp cho tôi thấy tấm bản đồ chỉ dẫn nơi ra mắt thơ, chỉ tôi biết nếu đến trễ thì đậu xe chỗ nào. Thi sĩ lại nói tiếp để khích lệ tôi đến nghe thơ: Có một bài thơ tặng anh Trí. Nếu anh Trí biết tôi ra mắt tập thơ này thế nào anh ấy cũng đến. Tôi chợt nhớ đến anh Trí: Thế lần chót anh gặp anh Trí tôi đã lâu chưa ạ? Đến ba tháng rồi chị ạ. Thường không bao giờ anh Trí lại nghỉ ba tháng không đi ăn phở. Lúc đầu chúng tôi tưởng anh ấy về Việt Nam, vì nghe tin cụ bà mất. Nhưng không ai về Việt Nam lâu như vậy. Thế là bác Cả đã mất, tôi lại ân hận. Khi bác còn sống tôi chẳng hỏi thăm bác được một câu. Tôi cũng là loại người vụng về không bao giờ biết bầy tỏ tình cảm của mình. Đáng lẽ tôi không nên lấy chồng mới phải.

Tôi không muốn cho ông thi sĩ Huyền Thu biết rằng đến tin bác ruột của mình chết mà tôi cũng không biết. Tôi không hỏi thêm về anh Trí nữa. Nhưng lúc bấm mở khóa xe rồi thì chợt nhớ, ngừng lại không mở cửa ra. Tôi hỏi: Thưa anh, tôi xin phép tò mò một chút, trong đám bạn anh tôi thấy có ông luật sư đó mà. Thi sĩ Huyền Thu cười: Thằng Oánh chứ gì, nó cũng thân với anh Trí lắm, Chủ Nhật tới này nó sẽ làm em xi, chỉ cho nó giới thiệu tiểu sử tôi thôi - ông Huyền Thu chỉ tên ông Oánh in trong chương trình trên thiệp mời. Còn những thi sĩ với các cô ca sĩ khác sẽ giới thiệu các bài thơ soạn thành ca khúc. Tôi ngắt lời, thưa anh, tôi muốn hỏi anh về anh luật sư Oánh. Dễ lắm, chị có đụng xe thì để vào gặp nó ngay bây giờ, nó chuyên môn những vụ đụng xe. Mà trông xe chị có xây sát gì đâu nhỉ? Không, thưa anh, tôi xin phép hỏi anh một chuyện tò mò thôi, nếu có gì bất tiện anh cứ bỏ qua nhé. Anh Trí tôi nói ông Oánh lúc nào cũng mặc áo mầu vàng, tại sao hôm nay ông ấy mặc áo xanh vậy anh? Thi sĩ Huyền Thu bật cười, tiếng cười ròn, lại kéo dài. Nghe tiếng cười thấy ông bớt có vẻ một thi sĩ. Xưa nay tôi vẫn nghĩ các thi sĩ thì không cười, như các ông Cao Bá Quát hoặc Thanh Tâm Tuyền chẳng hạn chắc không bao giờ cười cả. Thi sĩ Huyền Thu cười xong rồi mới giải thích. Nó theo tử vi đấy chị ạ. Trước đây thằng Oánh nó tưởng nó tuổi Tý, nhưng mà thật ra nó tuổi Hợi chị ạ. Nghĩa là tính ngày Tây ra ngày Ta phải là cuối năm Hợi chứ không phải là đầu năm Tý, cái thằng thầy bói đầu tiên lấy số cho nó tính sai mất mấy ngày.

Tôi bớt được một thắc mắc. Từ nay tôi biết thêm tên ông luật sư, lại biết ông không phải mạng Thổ mà thực ra là mạng Thủy. Như vậy thì nếu ông Oánh cãi cho tôi chắc sẽ được, vì tôi mạng Mộc, Thủy sinh Mộc, có phải không nhỉ. Nhưng như vậy tôi lại sắp bị đụng xe sao? Tôi hứa với thi sĩ Huyền Thu sẽ đến dự đêm ra mắt tập thơ thứ bẩy của ông, ông có vẻ tin. Ông bảo: hay là để tôi giữ một chỗ đậu xe cho riêng chị gần cửa ra vào. Tôi lắc đầu: Không, nếu tôi đi tôi sẽ nhờ các bạn nó chở đi, tôi tìm đường dở lắm, đi một mình sợ lạc không tới được. Nói câu đó thì tôi nghĩ ra một cách cáo lỗi, nhưng tôi để dành tuần sau mới nói. Càng sống dai mình càng biết nhiều cách nó dối.

VIII

Chiều hôm đó tôi gọi cho Mỹ. Anh Phương không có nhà. Tôi hỏi tại sao buổi sáng Mỹ với anh Phương vội vã đi khỏi quán Phở Bắc như thế, có phải vì thấy những người lạ mới vào không.

Mỹ nói đúng vậy. Mà đây không phải là lần đầu chị ạ. Lúc anh Phương nhìn thấy, anh ghé tai em nói nhỏ: "Tụi nó" là em hiểu phải đi ngay. Chị Thúy có thấy mặt anh ấy thất sắc đi không? Không, nhưng tụi nó là tụi nào vậy? Thì Việt Cộng, em đã nói với chị rồi đó. Anh Phương nói bây giờ tụi nó đã sang đây, ảnh gặp đầy ngoài đường. Nhiều thế cơ à? Vâng, có mấy thằng ngày xưa đã tới lên lớp dạy chủ nghĩa cách mạng cho các anh ấy ở trong trại cải tạo, anh ấy đã gặp chúng nó đi ăn phở ở

ngay Bolsa. Có cả mấy thằng công an khu vực cũ bây giờ cũng ở gần nhà em nữa. Anh ấy gặp chúng nó đổ xăng ở đầu đường nhà em. Anh nói chắc nó đã vào nhà mình lục lọi khám xét trong lúc mình đi vắng.

Tôi không hiểu nổi. Tôi hỏi Mỹ có tin như vậy không? Em không biết nữa. Anh Phương nói có những thằng công an đem mấy cái quần áo đến cho vào máy giặt ở tiệm, chỉ có mấy cái áo quần không đầy một thùng mà cũng giặt rồi xấy, chắc chắn nó chỉ tới để theo dõi ảnh thôi. Có đứa giả bộ đến gửi đồ giặt ủi, trông tụi nó biết ngay là công an. Có bữa anh về nhà, hỏi em hôm nay có thằng công an nào vào khám nhà trong lúc anh ấy đi vắng không. Làm gì có. Anh ấy bảo em đừng có sợ, nếu nó dọa không cho nói cũng đừng sợ, cứ nói. Anh còn hứa cứ nói đi, ảnh sẽ không khai cho em đâu. Em đâu có sợ gì mà không nói chứ, nhưng anh ấy nhất định đã thấy đồ đạc của anh ấy đã bị lục lọi. Trước khi đi ảnh có đánh dấu, tối về thấy biết liền. Em bảo chắc là anh ấy lục ra rồi chưa xếp lại, hay em đã mở ra rồi quên, nhưng anh ấy không tin chị ơi.

Bây giờ tôi mới hiểu lần gặp lại nhau, khi Mỹ nói anh Phương vẫn sống với quá khứ thì sự thật nặng đến như thế. Cái quá khứ đó không biết anh còn đeo tới bao giờ? Thảo nào khi tôi nói đến chuyện sinh con thì Mỹ có vẻ mặt kinh hoàng. Tôi bảo Mỹ đừng có tin, đừng có sợ, lâu ngày rồi anh Phương cũng sẽ quên đi. Mỹ cảm ơn. Nghe giọng nói có vẻ Mỹ tin anh Phương hơn là tin tôi.

Nhưng chuyện đó xảy ra gần đây hay là đã có từ lâu rồi? Từ ngày em về ở với anh Phương chị ạ. Lúc đầu em không hiểu tại sao anh ấy không treo quần áo trong tủ mà lại cứ xếp trong va li, anh ấy bảo đã quen rồi, phải đổi chỗ ở luôn luôn, xếp sẵn đồ để lúc cần đi ngay được. Bây giờ thì tôi hiểu tại sao anh Phương hay đổi nhà, đổi sở làm như vậy. Chưa hết đâu chị Thúy. Những ngày mới quen nhau anh Phương còn nghi em là Việt cộng cho đi theo dõi anh ấy. Anh ấy nhất định không cho Mỹ biết địa chỉ, mà mỗi khi đến tìm Mỹ thì cũng không báo trước, tới là đòi đi ngay. Đi ra đường thì lâu lâu lại ngó kính coi có xe nào theo dõi mình hay không. Khi lấy nhau rồi Mỹ mới biết. Anh ấy nhất định không cho mở cửa sổ, lúc nào cũng kéo màn xuống kín mít để ở ngoài không thấy được trong nhà mình. Buổi tối bao giờ anh ấy cũng đi kiểm soát lại hết các cửa, các cửa sổ, coi đã khóa, đã cài kỹ hay chưa. Mỗi lần đi qua cửa vào phòng ngủ là anh ấy lại cúi đầu xuống, mà cửa cao chứ có thấp gì đâu. Cả tháng trời em mới nhận ra. Em hỏi, anh ấy chối là không, anh có cúi đầu bao giờ đâu? Một hôm em chờ anh ấy vừa mới cúi đầu bước vào trong phòng, em chỉ cho anh ấy thấy ngay lập tức, lúc đó anh ấy mới nhận ra. Anh ấy bảo có lẽ tại vì đã quen chui vào phòng biệt giam, chui vào là phải cúi đầu thật thấp, cái đầu nó quen mất rồi.

Bây giờ anh ấy còn hay cúi đầu nữa hay không? Hết rồi chị ạ. Em tập cho anh ấy mãi. Đêm đêm em bảo anh ấy phải bế em lên rồi mang em vào phòng ngủ, lúc vừa đi vừa bế em thì anh ấy không cúi đầu xuống. Bây giờ đi một mình anh ấy cũng không cúi đầu nữa.

Rồi sẽ quen hết Mỹ ạ. Tôi an ủi Mỹ, cũng tự an ủi mình. Nếu như ở đời chỉ gặp nhau trong quán phở thôi thì mình đâu phải gánh chịu thêm những nỗi đau khổ của nhau như vậy. Nhưng không biết Mỹ sẽ chịu đựng được cho đến bao giờ?

QUẬN CAM

Ra mắt tác phẩm "Lối Cũ Chẳng Sao Quên" của Bích Huyền

Hơn 300 tân khách cùng anh chị em văn nghệ sĩ đã đến tham dự buổi ra mắt tác phẩm "Lối Cũ Chẳng Sao Quên" của nhà văn nữ Bích Huyền vào chiều ngày thứ Bẩy Mồng 8 tháng Tư năm 2000 tại Trung Tâm Công Giáo Việt Nam.

Sau nghi thức thường lệ, Minh Phượng điều khiển chương trình giới thiệu nhà văn Quyên Di lên giới thiệu tác phẩm Lối Cũ Chẳng Sao Quên được mô tả như là một cuốn hồi ký sống thực của nữ sĩ Bích Huyền. Cuốn sách đã kể lại chuyện của tác giả sau chuyến thăm nuôi chồng có sáu tuần lễ đã nhận được hung tin chồng bà một sĩ quan cao cấp trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã bỏ mình trong một trại cải tạo khổ sai ở miền Bắc. Tâm sự của bà cũng là tâm sự đau khổ của nhiều phụ nữ miền Nam Việt Nam sau ngày 30 tháng Tư năm 1975 có chồng đi cải tạo.

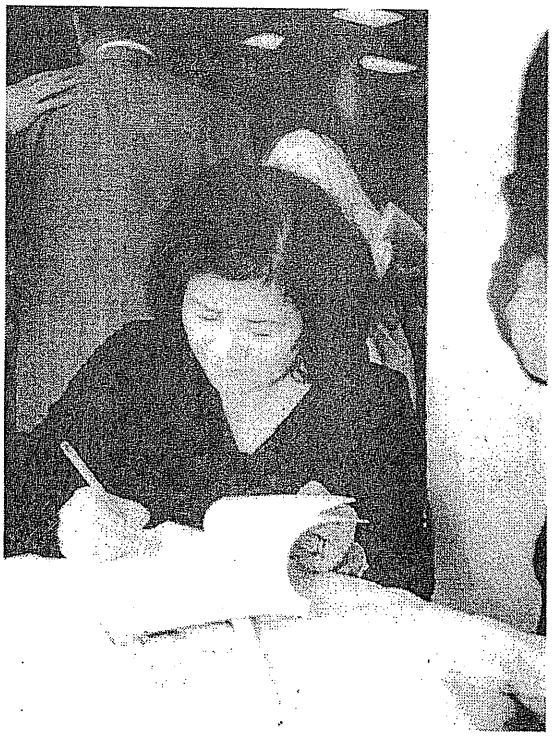

Nhà văn Bích Huyền đang ký sách

Nhà văn Quyên Di đã giới thiệu nữ sĩ Bích Huyền lên sân khấu ngỏ lời cảm tạ quan khách hiện diện đông đảo ngoài sự ước lượng của ban tổ chức. Trong dịp này bà đã giới thiệu Quỳnh Lưu người đã dịch Lối Cũ Chẳng Sao Quên của bà sang phần Anh ngữ.

Quỳnh Lưu, một kỹ sư tốt nghiệp Đại Học Hoa Kỳ đã nói sự xúc động khi đọc tác phẩm Lối Cũ Chẳng Sao Quên trong lần xuất bản trước cách đây mấy năm. Có một số ý kiến khuyên bà nên cho dịch cuốn này sang Anh ngữ để có thể chia xẻ đến giới trẻ Việt Nam ở hải ngoại. Và Quỳnh Lưu, vốn là một cộng tác viên với Bích Huyền trong những chương trình phát thanh, đã dành thời gian bỏ công ra dịch thuật nên lần xuất bản này có thêm phần Anh ngữ với tựa đề là *The Trail I Will Never Forget.*

Quỳnh Lưu cũng nói thêm cuốn sách sau khi được dịch xong, bà đã đưa cho một số giáo sư trong vài lớp trong đại học Fullerton và được các giáo sư dùng làm tài liệu giảng dậy.

Hiện diện trong buổi ra mắt hôm nay có cả bà giáo sư Sử Học trường Đại Học Fullerton. Bà giáo sư Wendy Elliot Schreinberg lên diễn đàn bầy tỏ những xúc động của bà khi đọc xong bản dịch tác phẩm Lối Cũ Chẳng Sao Quên.

Ông Đặng Nguyên Phả, chủ bút tạp chí Saigon Post, một người bạn trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa với cựu Trung Tá Nguyễn Quang Hưng, phu quân của Bích Huyền, kể lại những kỷ niệm gian khổ trong nhà tù ngoài miền Bắc.

Chen vào giữa những ý kiến đóng góp của cử tọa là một chương trình văn nghệ với sự đóng góp của rất nhiều anh chị em nghệ sĩ như Nam Lộc, Vũ Khanh, La Sương Sương, Mỹ Thúy...

Lối Cũ Chẳng Sao Quên dầy khoảng 220 trang với hai phần Việt ngữ và Anh ngữ đối chiếu song song. Có một số hình ảnh đặc biệt của tác giả cùng với gia đình. Đặc biệt có cả phóng ảnh nhật ký của cựu Trung Tá Hưng ghi chép vào những ngày sau cùng. Sách in đẹp, trong Lời Tâm Sự mở đầu, Bích Huyền đã viết:

"Là một trong những nạn nhân trực tiếp của Cộng Sản Việt Nam sau 1975, tôi thiết nghĩ mình có bổn phận nói lên tiếng kêu than uất nghẹn, cũng như ghi lại trung thực một khía cạnh nào đó của tôi cũng giống như biết bao nhiêu nạn nhân thuộc gia đình Cựu Quân Nhân, Quân Lực việt Nam Cộng Hòa khác. Chúng tôi đã phải khổ sở chịu đựng cả về vật chất lẫn tinh thần khi bị người Cộng Sản liệt vào loại vợ con 'ngụy quân, ngụy quyền' để phân biệt đối xử."

Đêm Nhạc Văn Phụng Suối Tóc

Hơn 600 khán giả đã cùng với nhiều nghệ sĩ của nhiều thế hệ đã tham dự Đêm Nhạc Văn Phụng vào tối thứ Sáu ngày 14 tháng Tư năm 2000 tại vũ trường Majestic, thành phố Huntington Beach.

Chương trình mở đầu với một bản nhạc thật vui tươi và quen thuộc của Văn Phụng bản Ghé Bến Sài Gòn với các giọng ca Anh Ngọc, Quỳnh Giao, Mai Hương và Kim Tước. Một khán giả cao niên cho biết bản nhạc này với những giọng ca này làm ông nhớ đến những ngày xưa đi xem đại nhạc hội trên sân khấu Thanh Bình vào thập niên 1960. Tiếng đàn vĩ cầm réo rắt của nhạc sĩ Đan Thọ hòa cùng tiếng đàn dương cầm của nhạc sĩ Nghiêm Phú Phi làm cho mọi người say sưa tưởng như mình đang sống giữa Saigon hoa lệ năm nào.

Ca sĩ Anh Ngọc về từ Hoa Thịnh Đốn đã nói về những nét nhạc đa dạng của Văn Phụng. Trong lần về Little Sàigon này, ông còn được sự ủy nhiệm của ca sĩ Châu Hà, vợ của nhạc sĩ Văn Phụng vì bệnh không về được đêm nay, cảm tạ tấm lòng của tất cả những anh chị em nghệ sĩ, nhà sản xuất, các Mạnh Thường Quân cùng tất cả khán giả đã dành cho nhạc sĩ Văn Phụng những tình cảm tốt đẹp. Sau đó nhạc sĩ Anh Ngọc đã trình bầy bản Mưa Trên Phím Ngà với phần đệm dương cầm của Nghiêm Phú Phi được sự tán thưởng nồng nhiệt của khán giả.

Từ trái: Đan Thọ Nghiêm Phú Phi, Anh Ngọc, Quỳnh Giao, Kim Tước, Mai Hương.

Mộng Lan, Thụy Trinh, Phạm Long lần lượt giới thiệu các giọng ca Kim Tước, Mai Hương, Quỳnh Giao, Mỹ Thúy, Phượng Khánh, Ngọc Huệ, Trọng Nghĩa... với những bản nhạc từng làm nên tên tuổi của Văn Phụng: Suối Tóc, Các Anh Đi, Ô Mê Ly, Tôi Đi Giữa Hoàng Hôn...

Ban tổ chức cho biết đêm nhạc Văn Phụng đã thành công về mọi mặt. MC Phạm Long trong đêm này đã có ý kiến là những nghệ sĩ đã sáng tác ra những tác phẩm đẹp làm cho đời sống tinh thần của chúng ta phong phú hơn, đáng yêu hơn, đáng sống hơn... và đáp lại chúng ta nên bày tỏ lòng yêu mến của mình đối với họ. Phạm Long cho biết trong thời gian sắp tới, sẽ còn có những chương trình vinh danh các nghệ sĩ đã từng có những đóng góp đáng kể cho văn học nghệ thuật Việt Nam.

Luật sư Nguyễn Hữu Thống mở đầu sinh hoạt của Câu lạc bộ Văn Hóa

Mở đầu cho buổi sinh hoạt đầu tiên của Câu Lạc Bộ Văn Hóa Việt Nam giáo sư Đỗ Quí Toàn đã giới thiệu đây là một diễn đàn trình bầy, hội thảo, đối thoại về những vấn đề văn hóa, giáo dục, kinh tế, xã hội và chánh trị thời sự liên quan đến Việt Nam. Giáo sư Phạm Cao Dương sau đó cũng nói rõ thêm về mục tiêu và danh xưng của Câu Lạc Bộ, cùng một số vị hợp tác trong Câu Lạc Bộ như Nguyễn Hữu Thống, Vũ Quốc Thúc, Hà Thượng Nhân, Nguyễn Minh Cần, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Viết Khánh, Trần Huy Bích, Đoàn Thanh Liêm, Nguyễn Thanh Trang, Ngô Văn Hiếu v.v... Hôm nay là buổi sinh hoạt đầu tiên của CLB, với thuyết trình viên là luật sư Nguyễn Hữu Thống nói về đề tài *Công cuộc đấu tranh giành độc lập và vai trò của đảng Cộng sản.*

Mở đầu, ông nhận định về đường lối của Đảng Cộng Sản Đông Dương là chủ trương võ trang và cấu kết với Cộng Sản Quốc Tế. Đứng trên quan điểm khách quan của một nhà sử học và của một nhà luật học ông chứng minh rằng Đảng CSVN không có công thống nhất đất nước bao giờ cả. Đất nước Việt Nam thật sự đã được thống nhất từ năm 1949 khi Pháp trao trả chủ quyền lại cho Việt Nam nhưng còn ở trong Liên Hiệp Pháp như một số các nước khác ở Phi Châu hay của Ấn Độ được độc lập trong Liên Hiệp Anh... Cộng Sản Việt Nam đã phát động một cuộc chiến tranh ý thức hệ giữa Cộng Sản và Dân Chủ lúc ấy gồm có Việt Nam trong Liên Hiệp Pháp và khối Cộng Sản Quốc tế.

Nhà văn Hà Kỳ Lam trong buổi ra mắt sách Núi Vẫn Xanh.

Luật sư Thống cho biết sau đệ nhị Thế Chiến toàn vùng Đông Nam Á có 14 nước thuộc địa thì trong đó có 11 nước đã thu hồi độc lập bằng cách hợp tác với các nước đô hộ, như Hoa Kỳ trả độc lập cho Phi Luật Tân; Anh trả độc lập cho Tích Lan, Ấn Độ; Pháp trả chủ quyền cho Syrie-Lybian; Hòa Lan cho Indonesia. Các nước này không đi theo đường lối của Cộng sản Quốc tế. Duy chỉ có ba nước Đông Dương phát động chiến tranh võ trang và liên kết với Quốc tế Cộng Sản gây chiến tranh và hận thù suốt 40 năm làm cho đất nước bị tàn phá và tụt hậu thê thảm. Vậy đảng Cộng Sản Việt Nam chỉ có công với phong trào Cộng sản quốc tế, chứ không có công giành độc lập cho Việt Nam và cũng không có công thống nhất đất nước và cũng không có tính chính thống để lãnh đạo quốc gia.

Câu Lạc Bộ Văn Hóa sẽ còn tổ chức nhiều buổi hội thảo với các đề tài khác do các thành viên của CLB phụ trách thuyết trình.

PHILADELPHIA

Nhà văn Hà Kỳ Lam ra mắt tập truyện "Núi Vẫn Xanh"

Nhật Phong ghi

Buổi ra mắt tác phẩm NÚI VẪN XANH của nhà văn Hà Kỳ Lam tổ chức tại nhà hàng Vietnam Palace, thành phố Philadelphia, tiểu bang Pennsylvania ngày 25-3-2000 đã gây được nhiều ấn tượng tốt đẹp, với số văn thi hữu, thân hữu và quan khách tham dự đã lên đến mức khá kỷ lục (khoảng 180 người).

Nhà văn Trần Quán Niệm, một khuôn mặt rất quen thuộc với đồng hương tại Philadelphia đảm nhận vai trò điều hợp viên, đã giới thiệu các văn thi hữu, thân hữu cùng quan khách đến tham dự:

- Đến từ Massachusetts, Connecticut, New Jersey có Trần Doãn Nho, Lê Mai Lĩnh, Trần Hoài Thư, Lương Thư Trung, Hàn Trúc, Phan Xuân Sinh, Anh Vũ, Phạm Cơ, Xuân Thiên Vị, Phạm Nghệ.
- Từ Virginia, Maryland: giáo sư Nguyễn Ngọc Bích (đài Á Châu Tự Do), Nguyễn Thị Ngọc Dung, Vũ Hối, Lưu Nguyễn Đạt, Vũ Thất, Lê Tống Mộng Hoa.
- Ông bà Lê Văn Lân, nhà biên khảo, đến từ Texas.

Cùng rất đông văn hữu, bạn bè tại địa phương.

Nhà văn Huỳnh Văn Phú đã đảm nhận phần giới thiệu tác giả, vốn là bạn học trước đây với nhau tại trường trung học Võ Tánh, Nha Trang. Ông Huỳnh Văn Phú đã ca tụng tinh thần hiếu học của nhà văn Hà Kỳ Lam, nhất là khả năng ngoại ngữ của tác giả tập truyện Núi Vẫn Xanh trong thời gian đi học.

Bác sĩ kiêm nhà văn Lê Văn Lân tái ngộ Philadelphia sau một năm xa cách, đã nói đại cương về tập truyện Núi Vẫn Xanh trong đó tác giả Hà Kỳ Lam đã đặc biệt chú trọng đến vai trò người lính và thân phận của họ trong cuộc chiến tranh trước đây tại Việt Nam. Ông đã đem đến cho cử tọa một niềm cảm thông chân thành với sứ mệnh của những người cầm

súng trên chiến tuyến kháng Cộng trước đây.

Nhạc phẩm Bến Xuân của Văn Cao đã được nhà văn Hà Kỳ Lam lấy làm bối cảnh cho truyện ngắn Mưa Gió Xa Muôn Trùng trong tập truyện Núi Vẫn Xanh, được ca sĩ Hoàng Vân trình bày đã mang lại một chút gì êm đềm của quá khứ xa xưa. Bà Lê Tống Mộng Hoa thuộc Hội Quảng Đà vùng Đông Bắc Hoa Kỳ đã phát biểu bày tỏ lòng cảm mến văn tài Hà Kỳ Lam, vốn là người đồng hương với bà.

Một nhà văn đại diện cho nhóm văn hữu Boston, ông Trần Doãn Nho, cho biết ban đầu ông cứ ngỡ Hà Kỳ Lam là người Huế, gốc Huế (của mình) nhưng khi đọc vào tiểu sử in trong Núi Vẫn Xanh ông mới vỡ lẽ ra là Hà Kỳ Lam người Quảng Nam. Trần Doãn Nho sau lời cầu mong nhà văn Hà Kỳ Lam sẽ tiếp tục cho ra đời thêm các tác phẩm mới sau này, đã đi đến kết luận tác giả Núi Vẫn Xanh là "của chung" của văn giới Việt Nam.

Phần văn nghệ của nhà thơ Dạ Lữ, nhạc sĩ Nguyễn Thiện Lý, ca sĩ Mỹ Hạnh, cùng những đóng góp ý kiến, thảo luận của một số các văn thi hữu khác, và phần khoản đãi thực phẩm của nhà hàng Vietnam Palace đã làm cho bầu không khí của buổi ra mắt tác phẩm Núi Vẫn Xanh mang một vẻ đầm ấm, tươi vui của một sắc thái văn nghệ đứng đắn và trang trọng.

FLORIDA

Tố Anh ra mắt tác phẩm đầu tay

Dường như chưa có buổi ra mắt sách nào ở Florida được đón nhận nhiều ủng hộ của các thân hữu như đêm ra mắt tuyển tập *Thôi Anh Vĩnh Viễn Làm Người Không Quen* của Tố Anh vào đêm thứ bảy mùng 1 tháng 4 năm 2000 vừa qua tại nhà hàng China Jade ở thành phố Orlando, với sự hỗ trợ của các thân hữu thuộc Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) Chi Hội Florida cùng sự có mặt của nhiều khuôn mặt trong giới văn học và báo chí như nhà văn Nguyễn Đức An, nhà báo Văn Bia, nhà thơ Triều Hoa Đại... đã không ngại đường xa từ khắp nơi trong ngoài tiểu bang đến tham dự.

Trước gần hai trăm quan khách hiện diện, nhà văn nữ Ái Khanh, chủ tịch VAALA Florida đã ngỏ lời chào mừng quan khách và giới thiệu tác giả Tố Anh, một khuôn mặt rất quen thuộc được hảo cảm trong nhiều lần trình diễn thơ nhạc trên các sân khấu của các buổi sinh hoạt văn học nghệ thuật trong cộng đồng người Việt hải ngoại tại vùng nắng ấm Florida. Lần này Tố Anh đã đem lại nhiều ngạc nhiên thích thú cho mọi người khi cô cho trình làng lần đầu tiên thi phẩm đầu tay của mình. Ngạc nhiên vì trước đây nhiều người ái mộ và chỉ được biết tác giả như một người yêu văn học nghệ thuật, một người yêu thơ, nên hình như ít ai biết Tố Anh lại còn làm thơ và cũng ít ai ngờ Tố Anh đã thành công xuất sắc từ những sáng tác xuất phát bằng những rung động của một thi nhân có hồn thơ phong phú và nhạy cảm.

Quang cảnh buổi ra mắt Thơ Tố Anh

Tác phẩm *Thôi Anh Vĩnh Viễn Làm Người Không Quen* là một tập thơ gồm hơn 75 bài thơ tình cảm viết qua đủ thể loại đã được Tố Anh thổ lộ là sáng tác từ cảm hứng dựa theo một chuyện tình đau thương của một đôi lứa phải chia ly theo vận nước nổi trôi. Nhà văn Thụy Lữ khi lên phát biểu về tác phẩm này đã nhận xét rằng thơ Tố Anh có nhiều kịch tính và cũng chứa đựng nhiều nhạc tính. Ông đã đặc biệt giới thiệu đến khán giả bản nhạc *Khi Nào Em Về* do chính ông phổ từ một bài thơ cùng tên của Tố Anh trong thi tập này. Khán giả đã yên lặng lắng nghe và tán thưởng nhiệt liệt khi bản nhạc này được trình bày một cách xuất thần qua giọng ca truyền cảm của Bảo Côn.

Buổi ra mắt sách được lồng trong một chương trình văn nghệ đặc sắc qua các tiếng hát được mến mộ tại Florida như Thiên Thanh, Tăng Di Linh, Đan Phượng, Kim Uyên... Phần điều khiển chương trình do MC Tuyết Nga với giọng nói dịu dàng dễ mến đã góp phần không nhỏ làm cho đêm ra mắt tác phẩm đầu tay của Tố Anh trở thành độc đáo và đầy ghi nhớ.

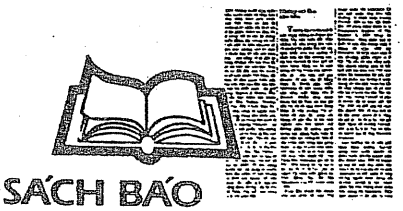

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Rừng Mắm Văn Nghệ

tiểu luận văn học của **Võ Đình**, Văn Nghệ xuất bản, 286 trang, giá US$13.00, ngoài nước Mỹ $15.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster CA 92683, USA. Tel: (714) 934-8574.

Đầu đề cuốn sách là *Rừng Mắm Văn Nghệ*. Tại sao lại Rừng Mắm? và lại là Rừng Mắm Văn Nghệ? Rừng Mắm nguyên là tên một truyện ngắn nổi tiếng của Bình Nguyên Lộc, nhờ truyện này nhiều người Việt Nam mới biết đến một loại cây gọi là cây mắm, mọc trên lớp phù sa mới dọc bờ biển Nam Việt, nhờ nó vùng đất bùn đó mới biến thành đất thịt được. Cây mắm không có một công dụng thực tiễn nào, thậm chí làm củi cũng không được, nhưng lại có công xây dựng lâu dài cho một vùng đất tân bồi. Có lẽ vì đặc tính đó mà tác giả Võ Đình đã lấy tên nó để đặt cho một bài viết về các cây bút trẻ Việt Nam ở hải ngoại, và dùng luôn để gọi quyển sách tập hợp các bài viết về văn nghệ này của mình.

Sách gồm mười tám chuyện văn nghệ và hai phụ lục là hai bài tác giả trả lời phỏng vấn. Tác giả là một họa sĩ, đồng thời là văn sĩ, chuyện văn nghệ ở đây đề cập hai lãnh vực: văn và vẽ. Đây không phải là những lý luận về văn học hay về nghệ thuật tạo hình, mà nói như Thụy Khuê ở phần phụ lục, văn ông *có tính chất tùy bút*. Đó là những "câu chuyện," thường được gợi nên do một bài báo, một tác giả vẽ tranh, hay một vấn đề nào đấy trong giới sáng tác..., tác giả nhân đấy góp ý, bàn thêm, và nói rõ quan điểm của mình. Cách viết ấy của ông tạo sự thoải mái cho người đọc. Ông có tài nói những điều sâu sắc khó diễn tả trong lãnh vực nghệ thuật, nhất là hội họa, một cách dung dị, thân mật, như đang "nói chuyện" với chúng ta. Vấn đề nào ông cũng bàn thật đến nơi đến chốn với kiến thức và kinh nghiệm rất đồi dào của ông: nhiều bài về hội họa có thể được xem như những bài giảng có giá trị kinh điển giúp ích rất lớn cho người đọc. Ông đã vẽ tranh trong gần nửa thế kỷ qua, đã có chỗ đứng trong thế giới hội họa quốc tế, nhưng điều quan trọng là ông luôn luôn ưu tư về vấn đề nghệ thuật Việt Nam, và những ý đóng góp của ông luôn luôn là một khai mở các bế tắc, làm sáng tỏ những lo âu bối rối, giải thích minh bạch những gì mù mờ và hiểu lầm. Đó là một nghệ sĩ có tấm lòng thiết tha.

Ông tinh tế không kém trong lãnh vực văn học. Ông trích Bình Nguyên Lộc: *Phù sa là đất bùn mềm lỏn và không bao giờ thành đất thịt được để ta hưởng, nếu không có rừng mắm mọc trên đó cho chắc đất. Một khi kia cây mắm sẽ ngã rạp. Giống tràm lại nối ngôi mắm. Rồi sau mấy đời tràm, đất sẽ thuần, cây ăn trái mới mọc được.* Lấy hình ảnh rừng mắm để chỉ lực lượng sáng tác trẻ của người Việt hải ngoại, những ấp ủ, những hoài vọng của ông mới cảm động xiết bao! Ông có cái nhìn rất kỹ những cái còn phôi thai bây giờ, nhưng lòng đã tưởng đến khi *cây ăn trái mọc được*, tức hằng bao nhiêu đời cây tràm nữa.

Đã vượt qua được nhiều cái hạn chế trong cách nhìn, cách nghĩ sau một quá trình dài hoạt động hội họa và viết văn, Võ Đình đã viết ra những suy nghĩ thấu suốt và lạc quan. Không đạt được sự chín mùi trong nghệ thuật và sự trong trẻo của tâm thức thì không cống hiến cho chúng ta được những điều ấy.

Tống Biệt Hai Mươi

một tập văn thơ của **Hà Thúc Sinh**, Xuân Thu xuất bản 1999, 625 trang, giá US$20.00. Liên lạc: Xuân Thu, P.O. Box 97 Los Alamitos CA 90720 USA. Tel: (714) 828-9222.

Nhan đề cuốn sách có nghĩa là từ biệt thế kỷ 20. Trước khi năm 1999 chấm dứt, cũng là chấm dứt thế kỷ 20 và cả thiên niên kỷ thứ hai, nhà văn Hà Thúc Sinh nghĩ rằng mình nên làm

một việc gì đó để đánh dấu một chuyến sang trang quan trọng như thế của thời gian, và ông quyết định xuất bản tuyển tập này, một tuyển tập với *năm mươi truyện, một kịch, mười thơ.* Đó là những gì ông viết trong 18 năm qua.

Theo dõi thong thả từng truyện từ đầu sách, người đọc sẽ cùng tác giả làm một chuyến đi ngược thời gian. Ông xếp những truyện mới nhất, viết năm 1998 vào những trang đầu rồi tuần tự theo lối "đếm ngược" xuất hiện các truyện viết vào các năm kế tiếp, lùi dần lùi dần đến năm 1983 là hết phần truyện. Kế đến là một vở kịch viết năm 1997, rồi các bài thơ, mà bài cũ nhất làm năm 1981.

Đọc tuyển tập từ đầu cũng là một cách tiếp cận với tâm hồn tác giả, thoạt tiên của thời gian hiện tại, rồi dần dần đi sâu hơn về quá khứ. Trước ngưỡng cửa của một thế kỷ và một ngàn năm mới, đó là một sự sắp xếp đầy ý thức, để trình bày sự biến thiên của một dòng văn chương - cũng là biến thiên của tâm thức - của một nhà văn Việt Nam lưu vong hải ngoại trong hai thập niên cuối thế kỷ. Ta sẽ có một cái nhìn khá nhất quán về một Hà Thúc Sinh trong thời gian đó, thú vị nhất là sẽ nhận ra cách nhìn cuộc sống, chọn đề tài, cách diễn đạt... thay đổi mỗi năm ra sao. Và sau cùng khi so sánh hai truyện viết cách nhau 18 năm thì sẽ thấy sự khác biệt rất lớn, mà bình thường nếu đọc những tác phẩm riêng rẻ của tác giả vào những thời điểm cách xa nhau thì người ta rất khó mà nhận ra. Càng về trước truyện của ông là những mẫu đời rất sống động, dù là cảnh trong tù, ở Việt Nam hay trong đời sống tị nạn ở Mỹ, nhưng càng về sau, đặc biệt những truyện viết sau cùng, thì như những mảng cô đọng, đầy chất tượng trưng, không phải lúc nào người đọc cũng hiểu ngay được tác giả đang muốn nói gì. Hình như tác giả đang cố gắng dùng những nhân vật và câu truyện để khẳng định một điều gì đấy có tính cách đúc kết cho cả một quãng đời sống mà tác giả đã mô tả qua ngòi bút của mình hai mươi năm qua.

Với cử chỉ khép lại một giai đoạn những gì mình đã viết, Hà Thúc Sinh trình bày theo trình tự thời gian con mắt nhân chứng của mình về một mảng Việt Nam sau 1975, từ trong nước ra hải ngoại, những gì mà không có ngòi bút của nhà văn thì không một thống kê, tài liệu nào có thể nói ra hết được.

Nắng Sài Gòn, Nắng Hoa Kỳ

truyện dài của **Phạm Nguyên Lương**, Đại Nam xuất bản, 530 trang, giá US$18.00. Liên lạc: Bích Ty, 9718 South 93rd East Avenue, Tulsa OK 74133, USA. Tel: (918) 250-4844.

Về đời sống của người Việt đi tị nạn ở nước ngoài thì đã và đang là đề tài của rất nhiều cây bút Việt Nam lưu vong. Nhưng hầu hết là truyện ngắn, diễn tả một số thực trạng, tình huống, vấn đề nhất thời nào đó. Phạm Nguyên Lương có lẽ là tác giả đầu tiên xây dựng một tác phẩm dài hơi về cuộc sinh tồn của người Việt tị nạn tại Mỹ, với một chủ đích rõ rệt là trình bày sự thực nhiều mặt của cuộc sống ấy để chính những người trong cuộc ý thức rõ hơn về mình và trách nhiệm của mình.

Tác giả đã nói rõ từ đầu rằng nước Mỹ thực chất là nước có lắm vấn đề tiêu cực, nhóm di dân nào tới cũng phải đứng trước nguy cơ tiêm nhiễm những cái tiêu cực ấy và làm hư hoại chính mình. Nắng Sài Gòn tượng trưng phẩm chất truyền thống của người Việt, nắng Hoa Kỳ là môi trường sống của Hiệp Chủng Quốc. Những nhân vật của sách này đến Mỹ trong trạng thái "nguyên vẹn," và bắt đầu tham gia vào cuộc sống đa dạng ở đây, và biến dạng dần dần. Nói gì trẻ con, các tâm tính nguyên thủy phai nhạt rất nhanh để biến thành người bản xứ, chỉ trừ màu da và màu tóc.

Phạm Nguyên Lương lại chứng tỏ khả năng viết truyện phong phú của mình. Truyện của ông ít khi nào dừng lại với những biện thuyết dài dòng, thậm chí những đoạn tả tình tả cảnh cũng không nhiều, mà luôn luôn trên dòng chuyển biến, sự kiện liên tiếp nối nhau. Sự kiện tự nó nói lên tính chất và ý nghĩa của người và việc.

Nhà văn Doãn Quốc Sỹ nhận xét: *Truyện dài của Phạm Nguyên Lương đọc kỹ sẽ thấy vị của "thiền," tính của "vô thường": vui đó rồi buồn đó, hết hợp rồi lại tan; hết thương rồi lại ghét; cuộc đời luôn lẫn lộn giữa những xấu và tốt; giữa những mưu mô quỷ quyệt với sự ngây thơ, đứng đắn; giữa những ham hố chỉ biết đến ích kỷ cá nhân và sự tin tưởng ở hạnh phúc chân chính, đặt nặng vấn đề tinh thần trách nhiệm, căn bản của những con người gốc Việt...*

Chuyện Nước Non

tiểu luận chính trị của **Nguyễn Minh Cần,**

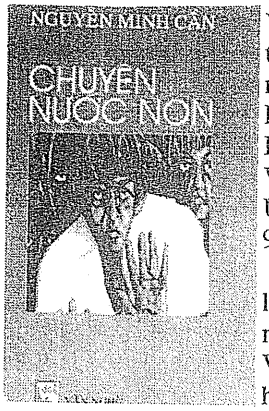

Văn Nghệ xuất bản, 246 trang, giá US$12.00, ngoài nước Mỹ $14.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301, Westminster CA 92683 USA. Tel: (714) 934-8574.

Sách gồm 13 bài tiểu luận tác giả đã đăng rải rác trên các báo tiếng Việt ở hải ngoại từ hơn hai năm qua. Như tên gọi của sách, tất cả các bài viết thuộc đề tài chính trị, cụ thể hơn xoay quanh vấn đề dân chủ cho Việt Nam. Tác giả sống lâu năm ở đất Nga, đã chứng kiến sự tồn tại và tan rã của một chế độ độc tài vào hàng tệ hại nhất trong lịch sử, giờ đây quan sát kỹ tình hình Việt Nam, nước đang sống trong chế độ độc tài đó, và đóng góp những ý kiến thiết thực nhằm xây dựng một cuộc sống tự do cho dân chúng. Ông hiểu rõ bản chất chế độ cộng sản và lớp lãnh đạo chính trị Việt Nam, ông cũng có ưu thế biết được nhiều sự việc và tài liệu thuộc đời sống chính trị trong nước, các bài viết của ông có tính cách vừa thông tin vừa chính luận, một cách chính xác, thông tuệ, nhưng luôn luôn bộc lộ một tình cảm thiết tha với dân tộc và đất nước Việt Nam.

Vạch rõ tội ác của một thể chế chính trị độc ác không bao giờ là một việc thừa, nhất là đối với tình cảnh của Việt Nam hiện nay, dân chúng đang là nạn nhân của một chế độ như vậy, và tương lai của đất nước rõ ràng là đen tối khi bị thao túng bởi một thiểu số chỉ muốn khư khư ôm lấy quyền lực và tư lợi. Công việc làm hiện nay của ông hỗ trợ rất lớn cho những người đang đấu tranh cho dân chủ ở trong nước, một mặt thông tin có chiều sâu cho đồng bào hải ngoại những gì có ý nghĩa đang xảy ra tại Việt Nam, một mặt góp thêm lý luận và động viên tinh thần cho cho đồng bào và lực lượng dân chủ quốc nội.

Chuyện nước non là một cuốn sách cần cho tất cả những ai ưu tư về chuyện đất nước. Chỉ ưu tư mà không biết thông tin, không rõ lý luận thì không thể hòa nhập vào con đường tranh đấu cụ thể. Cuốn sách sẽ là một mời gọi tươi sáng, tích cực mọi người góp một tay vào công việc chung, thay vì ngồi ôm một mối sầu muộn hoặc nguyền rủa.

Lò Cừ

tập truyện của **Lâm Chương**, Văn Học xuất bản, 255 trang, giá US$14.00. Liên lạc: Lâm Chương, 791 Columbia Road # 3, Dorchester MA 02125 USA. Tel: (617) 282-4318.

Đọc truyện Lâm Chương thật thích. Trước tiên truyện nào cũng là một chuyện kể, với một giọng kể không văn hoa cũng không mộc mạc, nhưng thân mật, gần gũi, rất thật và khúc chiết có duyên. Ông người miền Nam, Tây Ninh, nhưng văn không cố tình làm ra vẻ "miệt vườn" mà dùng "ngôn ngữ phổ thông" nhẹ nhàng thanh cảnh, chỉ thỉnh thoảng xen tiếng địa phương vào thì hết sức đắc địa.

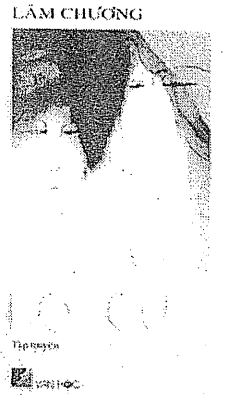

Trả lời phỏng vấn của Triều Hoa Đại (đăng ở cuối sách), Lâm Chương nói mình ít có khả năng hư cấu, chuyện gì viết ra cũng là chuyện thiệt của mình. Người đọc có thể kiểm chứng điều ấy. Quả thế, đọc *Lò Cừ* người ta luôn luôn có cảm giác toàn là chuyện thật, tuy vẫn biết rằng khi viết văn sao tránh được sự sắp xếp trước sau của một cái bố cục, lựa chọn ngôn ngữ sao cho thích hợp v.v... nói chung là kỹ thuật viết. Chuyện của ông có đề tài đa dạng. Độc giả sẽ theo ông đi hành quân ghé buôn người Thượng, uống rượu cần, ăn thịt trâu sống, nghe chuyện đi bắt voi trong rừng về nuôi. Hoặc cùng một toán tù dầm mình dưới ruộng trong một buổi chiều đông, với những chuyện dông dài đầy chất dâm dục của hai nữ cán bộ. Cũng chuyện tù, bạn có thể tham gia vào những ngày bị kỷ luật của một tù nhân (hẳn là tác giả!) bị nhốt vào một cái hầm đào vào núi, chứng kiến cơ thể mình suy tàn dần dần để đi đến cái chết. Có thể quay về thời gian xa xưa thuở trung học mới yêu lần đầu, hay chuyện bây giờ ở đất Mỹ, xảy ra trong gia đình, bên hàng xóm... Truyện đọc thích là nhờ linh động, mà linh động là nhờ tác giả quan sát và nhận xét kỹ, lời kể không bao giờ cường điệu, cứ bình tĩnh, thản nhiên mà luôn quyến rũ và cảm động lòng người.

Ở bìa sau có in mấy câu thơ của ông, coi như một lời đề từ cho cuốn sách: *Ta, con ngựa già thất thế*

Bầm ruột gan không trải được lòng
Thân xiêu tán cõi ngoài muôn dặm
Mùa đông về gió bấc căm căm
Dài cổ ngóng quê nhà con ngựa hí

Duyên Anh và Tôi, Những câu chuyện bên ly rượu

hồi ký của **Vũ Trung Hiền**, Tân Tây Sơn xuất bản, 560 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: Vũ Trung Hiền, 1839 N. Los Robles Ave. Pasadena CA 91104 USA.

(Trích thuật theo bài nói chuyện của GS Nguyễn Đình Cường)

Duyên Anh và Tôi, Những câu chuyện bên ly rượu, có thể coi là một hồi ký mà trong đó, tác giả Vũ Trung Hiền đã ghi lại một cách trung thực rất nhiều kỷ niệm, đặc biệt trong thời gian sau biến cố tháng 4-75, ở Việt Nam, ở Pháp, ở Mỹ, của tác giả với nhà văn Duyên Anh, mà ông coi như một người anh kết nghĩa. Với một trí nhớ thật tốt và những trang nhật ký ghi chép khá kỹ càng, với những cuộn băng ghi âm được giữ gìn cẩn thận, cộng với lương tâm của một người rất thiết tha và tự nguyện đấu tranh cho SỰ THẬT, tác giả Vũ Trung Hiền đã viết nên tác phẩm này.

Qua đó người đọc sẽ thấy rõ thêm nhiều nét, nhiều sự thực chưa hề được tiết lộ về con người, về cuộc sống, về cá tính Duyên Anh, với tất cả những mặt tích cực và tiêu cực của anh. Nhân vô thập toàn, con người của Duyên Anh có những tính tốt và tính xấu gì, cuộc sống của anh thủa thiếu thời cơ cực ra sao, tuổi thanh niên Duyên Anh đã ngây thơ đi theo những tổ chức chính trị nào, lúc thành công trên con đường sáng tác ở miền nam trước 1975 giai đoạn sống trong tù, rồi vượt biển sang Pháp và một số thành công đạt được sau đó, sự phấn đấu để tiếp tục sáng tác dù bị liệt tay phải sau vụ bạo hành mà anh là nạn nhân ở giữa Little Saigon năm 1988, rồi những ngày cuối cùng và tang lễ của Duyên Anh, tất cả đã được tác giả Vũ Trung Hiền trình bầy thật đầy đủ qua một nghệ thuật kể chuyện rất hấp dẫn, cảm động với nhiều chi tiết, sự kiện trung thực bằng một lối hành văn trong sáng, và một bố cục cân đối, khéo léo.

Dù con người, cuộc sống và cá tính của anh có những nét tích cực hay tiêu cực thế nào chăng nữa, Duyên Anh vẫn là một nhà văn đã có những đóng góp to lớn cho văn học Việt Nam, nói chung. Những tác phẩm của anh về tuổi thơ Việt Nam đã cho thấy nhiều nhân vật thật đặc biệt, nhiều hình ảnh thật thơ mộng, nhiều ý nghĩ thật hồn nhiên, dễ thương. Nhưng trong những cuốn nói về du đãng thì lại chứa đựng những tư tưởng nhiều khi thật bi phẫn, nổi loạn. Tất cả đều có tính chất nhân bản và đều là những kinh nghiệm sống phong phú đa diện của anh từ khi còn là một đứa trẻ ở Thái Bình cho đến khi trưởng thành trong xã hội miền nam Việt Nam.

Đặc biệt, sau khi vượt biển và tới Pháp, Duyên Anh đã sáng tác rất mạnh với những tác phẩm có tầm vóc, đã được dịch ra tiếng Pháp và do nhà hai xuất bản nổi tiếng là Belfond và Fayard phát hành, như các cuốn: *Một người Nga ở Saigon, Những đứa trẻ con Mỹ hẩm hiu, Những đứa trẻ Thái Bình* và *Tuổi bướm sầu,* những tác phẩm đã được nhà báo Phạm Kim Vinh, trong cuốn *Duyên Anh và Mặt trận quốc tế vận* (nhà xuất bản Xuân Thu, 1987), đặc biệt ca ngợi vì tác dụng tố cáo các tội ác của Cộng sản và nêu cao chính nghĩa đấu tranh của người Việt quốc gia.

Trong tác phẩm *Duyên Anh và Tôi, Những câu chuyện bên ly rượu,* chúng ta còn được đọc trong phần phụ lục những nhận định, tâm tình của các người bạn, người em, người cháu của Duyên Anh như Phạm Kim Vinh, Vũ Đức Nghiêm, Mai Hương, Julie, Trần Đình Thục, Mai Nguyên, Nguyễn Kim Dung, Nguyễn Đức An, Nguyễn Lê Gia, Kim Việt Hùng. Trong những bài viết đó, chúng ta thấy thể hiện tình cảm tha thiết của người viết đối với Duyên Anh và cũng thấy rõ hơn cá tính, con người, bản lãnh cũng như sự đóng góp của Duyên Anh cho công cuộc đấu tranh chống Cộng sản của người Việt quốc gia.

(Trên đây là một phần bài nói chuyện của Giáo sư Nguyễn Đình Cường trong lễ tưởng niệm Duyên Anh và ra mắt tác phẩm *Duyên Anh và Tôi, Những câu chuyện bên ly rượu* tại Westminster, California, Hoa Kỳ, ngày 13 tháng 2 năm 2000.)

Hành Trang Vào Đời

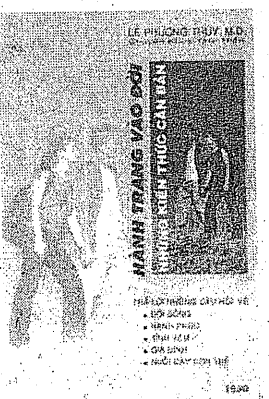

sách biên khảo của bác sĩ **Lê Phương Thúy,** Sống Sao Cho Mạnh Inc. xuất bản, 193 trang, giá US$15.00. Liên lạc với tác giả: 2874 Alum Rock Avenue, Suite C, San Jose Ca 95127 USA. Tel: (408) 259-6022.

Người điểm sách:

Chu Tất Tiến

Thật rất ngạc nhiên và thích thú khi bắt gặp cuốn "HÀNH TRANG VÀO ĐỜI NHỮNG KIẾN THỨC CĂN BẢN" do Bác Sĩ Chuyên Khoa Tâm Thần LÊ PHƯƠNG THÚY tự xuất bản tại San Jose. Đã nhiều năm qua, từ lúc còn say mê với loại sách Học Làm Người do những học giả nước ngoài viết và được dịch sang tiếng Việt, người đọc vẫn luôn mong mỏi được có dịp học hỏi thêm ở những cuốn sách có mục đích tương tự được viết bởi những nhà nghiên cứu Việt Nam. Đi tìm một cuốn sách giáo dục thích hợp cho hoàn cảnh tị nạn, di dân thật rất khó khăn. Bởi thế, cuốn HÀNH TRANG VÀO ĐỜI do Bác Sĩ Lê Phương Thúy biên soạn với tất cả những kinh nghiệm trong nhiều năm giúp đỡ những bệnh nhân tâm thần đã nổi lên trong rừng tiểu thuyết, sách nghiên cứu tử vi lý số, và các loại truyện linh tinh...như một bông sen giữa hồ, quý giá và lấp lánh.

Từ tấm hình chụp ngoài bìa với một đôi thanh thiếu niên nắm tay nhau cùng nhìn về một điểm xa xôi, diễn tả tâm trạng thắc mắc, hăm hở muốn tìm hiểu cuộc đời của những "người lớn" xem có niềm vui, nỗi buồn nào, người đọc sẽ lần lượt gặp rất nhiều dòng tư tưởng lạ, hay, đẹp đã được tác giả trau chuốt trong cuốn sách. Lê Phương Thúy, vì là một y sĩ, nên rất bình thản khi nói về "sự chết" như trong trang 23: "Đời sống là một tiến trình đầy gian lao và thử thách. Bên cạnh đó, cái chết có thể xảy ra..." Tác giả đã đứng bên cạnh thực tế để nói một cách đơn giản: "Con người vốn sợ cái chết." Sợ, dĩ nhiên ai không sợ, nhưng theo Lê Phương Thúy: "Chấp nhận cái chết và cái đau là một phần của đời sống" và chị gợi ý cho những người trẻ (và cả người lớn nữa): "Sống trọn vẹn, hết mình mỗi phút giây, bởi vì cái chết có thể đến bất cứ lúc nào..."

Bởi thế, theo tác giả, những bon chen, dành giật chỉ làm cho con người khổ não một cách vô ích, nhưng ngược lại, chưa chắc những người lánh cảnh trần ai đã hoàn toàn lột xác trong hạnh phúc: "Không bon chen, không gia nhập đời sống, nhưng làm sao bảo đảm cái khổ không đến..." Vậy, làm thế nào để có được hạnh phúc? Người viết cho rằng: "Hạnh phúc là một cảm giác an bình, thư thái mà con người có trong tâm như một khí hậu bao phủ tâm hồn. Để có một "hạnh phúc lâu bền" phải "đòi hỏi kỷ luật, sự kềm chế những dục vọng nhất thời, làm việc chăm chỉ, có một hướng đi rõ rệt, một lý tưởng để phụng sự." Nhưng có phải hạnh phúc, một khi đã đến, sẽ không bao giờ bỏ ta mà đi nữa không? Theo Lê Phương Thúy, chúng ta phải chiến đấu hoài hủy với những luồng dục vọng tiềm ẩn trong ta, luôn thúc đẩy chúng ta làm điều trái: "Ý thức trong bản ngã con người lúc nào cũng phải liên tục chế ngự những luồng năng lượng này, hễ vì lý do gì mà lơ là thì lập tức tham sân si thoát ra như con cọp xổ lồng." Lúc đó, con người sẽ gặp phải những hậu quả ưu tư, lo lắng, phiền muộn đến từ những sai sót đó. Tuy nhiên, với tâm hồn rộng lượng, vị bác sĩ nhân từ đã cho rằng: "Không có lỗi lầm, chỉ có những bài học!" Bằng vào những bài học cay đắng mà con người tiến dần lên, kinh nghiệm hơn, vững vàng hơn, để một ngày nào đó sẽ đạt tới hạnh phúc mà mình kiếm tìm.

Trong cuộc sống văn minh hiện tại, ngoài những đòi hỏi về một chỗ đứng an toàn trong xã hội, sự liên kết giữa cha mẹ và con cái, sự hướng dẫn của học đường, con người còn phải đối diện với một nhu cầu mà từ trước tới nay, với quan niệm cổ điển lý tưởng "nam nữ thụ thụ bất tương thân," nhu cầu này đã bị hạn chế trong một phạm vi nhỏ hẹp của vợ chồng: "Tình dục." Lê Phương Thúy đã thẳng thắn đề cập tới vấn đề cấm kị này: "Tình dục cũng như mọi nhu cầu khác, thưởng thức đúng chỗ, hưởng thụ đúng chỗ, đúng mức thì sẽ góp phần đem lại hạnh phúc cho đời sống. Ngược lại, lạm dụng thì sẽ gây khổ não." Nhưng, tác giả đã không vui khi nhận thấy rằng: "Trên thực tế, tình dục bị xử dụng sai chỗ rất nhiều, và từ đó tạo ra nhiều hệ lụy trong sự tương quan giữa người với người cũng như những tệ đoan xã hội."

Từ quan điểm này, Lê Phương Thúy đã đưa ra nhiều định luật căn bản cho đời sống: Luật Tiến hóa, Luật Thoái Hóa ("Một món đồ để yên không đụng tới cũng bị bụi bặm phủ đầy.") và Luật giữa các Hệ Thống. Với sự hiểu rành rẽ các định luật xã hội như trên, cũng như hiểu được sự quan trọng của "Dục Tình và Trẻ em," con người sẽ tránh qua được biết bao tai họa, chưa kể những phương pháp tạo sự thông cảm giữa cha mẹ và con cái, cách đối thoại trực tiếp với con... mà Bác Sĩ Lê Phương Thúy đã dùng một phương pháp giải thích rất trong sáng, rất đơn giản cùng nhiều thí dụ cụ thể làm cho người đọc hấp thụ một cách dễ dàng. Trừ một đôi chỗ chưa được diễn tả tỉ mỉ, cuốn HÀNH TRANG VÀO ĐỜI của Bác Sĩ Lê Phương Thúy là một cuốn sách đáng quý đem lại một số vốn rất bổ ích cho những ai muốn tạo cho chính mình và cho gia đình, con cháu mình một niềm hạnh phúc trọn vẹn.●

"Đôi Mắt Là Cửa Sổ Của Tâm Hồn"

ThanhThảo đã được Bác Sĩ Michael Rose điều chỉnh thị giác bằng phương pháp LAZIK và nay đã có thị giác toàn hảo. Cuộc sống của Thanh Thảo đã có nhiều thay đổi tốt đẹp hơn từ ngày không còn bị lệ thuộc vào kính cận và contact lenses.

Nếu quý vị muốn có thị giác toàn hảo và khỏi phải lệ thuộc vào kính mắt hoặc contact lenses, xin hãy đến với những bác sĩ chuyên nghiệp. ***Bác sĩ Michael Rose*** và ***Bác sĩ Marc Rose*** là hai bác sĩ chuyên ngành về phương pháp ***LAZIK*** với trên 10 năm kinh nghiệm và đã hoàn tất trên 20,000 cuộc giải phẫu Laser và điều chỉnh thị giác. ***Bác sĩ Michael Rose*** là vị bác sĩ thứ nhì được chứng nhận được phép áp dụng phương pháp giải phẫu ***LAZIK*** tại miền Nam California.

SOUTH COAST LASER CENTER

3420 Bristol Street, Ste. 700
Costa Mesa, CA 92626
(714) 957-0272

ROSE EYE MEDICAL GROUP

3325 North Broadway
Los Angeles *(Lincoln Heights)*, CA 90031
Tel: 1-888-LASER-03

Để được tham khảo miễn phí, xin gọi:

(714) 957-0272

Nguyệt San Phát Hành Mỗi Giữa Tháng, Khổ Lớn Nhiều Hình Ảnh Bài Vở Tài Liệu Giai Thoại Về Nhân Văn, Văn Học Nghệ Thuật VN và Thế Giới.

Khởi Hành

NGUYỆT SAN NHẬN ĐỊNH SINH HOẠT VĂN HOÁ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

ĐANG CÓ BÁN SỐ 42, THÁNG 4.2000:
THÁNG 4.75 TRÊN BIỂN VÀ GIỮA SAI GÒN
CHỦ ĐỀ: **TÁC GIẢ ▪ TÁC PHẨM ▪ BẠN ĐỌC**

Trong số này, bài vở, phát biểu của các tác giả trí thức văn nghệ sĩ tên tuổi:

NGUYỄN KHẮC HOẠCH ▪ TRẦN NGỌC NINH ▪ PHẠM HẬU ▪ NGUYỄN HỮU HIỆU ▪ NGUYỄN SỸ TẾ ▪ PHẠM CAO DƯƠNG ▪ LƯU VĂN VỊNH ▪ DU TỬ LÊ ▪ NGUYỄN XUÂN QUANG ▪ NGUYỄN TÀ CÚC ▪ VIÊN LINH

CÁC SỐ TRƯỚC (CÒN ĐỦ BỘ): KHỞI HÀNH 41: Hiện Tượng Trùng Hợp Định Mệnh trong Lịch Sử, giữa 8 tổng thống Mỹ, các Lãnh tụ Nga KH 39-40 Giai Phẩm Xuân dầy gần 70 trang ▪ KH 38: Rùa Vua Lê; 4 ấn bản Bài Hồ Trường KH 37: *Ai Lãnh đạo Vatican thế kỷ XXI?* KH 36: *Sấm Trạng Trình*, bài Lưu Văn Vịnh Trần Ngọc Ninh Lê Huy Oanh Ng Hữu Hiệu Ng Tà Cúc ▪ KH 35: *chủ đề VŨ HOÀNG CHƯƠNG* bài bà VHC Viên Linh Đặng Tiến Trần Ngọc Ninh ▪ KH 34: chủ đề *THÂM TÂM* ▪ KH 33: *Nhân vật Nữ trong Tiểu thuyết Tiền chiến:* Lê Huy Oanh Lô Răng ▪ KH 32: Đỗ Khánh Hoan Trần Quốc Vượng Ng Đình Hoà. Phạm Xuân Hy Trần Hồng Châu ▪ KH 31: *Đặc Biệt TUỆ SỸ* bài Viên Linh thơ truyện Tuệ Sỹ ▪ KH 30: *Chủ đề 30 THÁNG 4*: bài Nguyễn Tú Ng Thanh Giang Ng Sỹ Tế Vương Đức Lệ Ng Phương Tuấn ▪ KH 29 *Chiêu niệm TRẦN VIỆT SƠN Nhớ NGUYÊN BÍNH* truyện ngắn Tuệ Sỹ ▪ KH 28: Bùi Khánh Đản Trần Lam Giang Mặc Thu Đào Hữu Dương ▪ KH 27 *HỒI KÝ NGUYÊN THỤY LONG* với Trần Tuấn Kiệt Phạm Ngọc Luỹ Hà Thúc Sinh Thuỵ Khuê ▪ KH 26 *Chủ đề TÔ THUỲ YÊN* với Võ Phiến Văn Quang Đặng Tiến Nguyễn Tà Cúc Ký giả Lô Răng. *Nostradamus tiên tri* ▪ KH 25: *Chủ đề BÙI GIÁNG* với Huyền Viêm HuyTưởng Bùi Luân. *Các bài về Trạng Trình Anh quốc* ▪ KH 24 *Chiêu niệm TRẦN VĂN TUYÊN* bài Nguyễn Đình Hoà Thơ và Con người Hồ Dzếnh ▪ KH 23 *Đặc biệt PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG* với Phan Lạc Phúc *Vĩnh Biệt TRẦN TRỌNG SAN* bài Phạm Ngọc Lũy Vương Đức Lệ Mặc Thu Đỗ Khánh Hoan ▪ KH 22: *Chủ Đề ĐINH HÙNG* bài Mặc Thu Ng Ngọc Bích: *Tình sử Hồ Xuân Hương* Lưu V Vịnh: *Nhà Tiên Tri Cheiro* Trần Trọng San: dịch thơ Tiểu Thanh Truyện Viên Linh Thơ Ngân Giang Ng Sỹ Tế ▪ KH 21: *Chiêu Niệm HỒ HỮU TƯỜNG* với Ng V Sâm Phạm Long Trần Trọng San Lê Trọng Nguyễn Hà Thúc Sinh ▪ KH 20 *Chiêu Niệm Nguyễn Mạnh Côn* bài Đỗ Quí Toàn Thế Uyên Tạ Tỵ Phạm Long ▪ KH 19: *Tưởng Niệm Nữ Sĩ HỒ ĐIỆP*/30.4.75: *Chi Tiết 5 Vị Tướng Anh Hùng Tuẫn Tiết*/ Đàm Trung Pháp ▪ KH 18: *Đặc Biệt 30 Tháng 4* Nền Văn Học của những người Vắng Mặt *Nhớ HIẾU CHÂN* / Tường Vũ AnhThy KH 17: Nền Văn Minh Ông Đồ *Victor Hugo 2 Năm Với Thần Linh* ▪ K H 16: *Đặc Biệt BÙI GIÁNG* & bài Phạm Cao Dương ▪ KH 15: Ngồi Thiền Ở Hà Nội Với Phùng Quán Ng Hữu Hiệu Phan Nhật Nam ▪ KH 13-14: *VŨ ĐÌNH LIÊN* & bài Huy Trâm Lâm Lễ Trinh KH 12: *Hai Giờ với TT NHẤT HẠNH bài Viên Linh / Nhớ BẰNG BÁ LÂN* ▪ KH 11: *HỮU LOAN* & bài Màu Tím Hoa Sim. Và bài LM Vũ Đình Trác Đỗ Khánh Hoan KH 10: *SINH NIỆM MAI THẢO*: Mặc Thu Viên Linh Phan Lạc Tiếp Phạm Duy Nguyễn Tà Cúc ▪ KH 9: *VĂN CAO Giấc Mơ Một Đời Người* bài Ký giả Lô Răng Trần Trọng San Hoàng Hải Thủy KH 8: *Cuộc đời THANH NAM* bài Mặc Thu Vũ Đức Vinh Thơ W. Szymborska Lê Trọng Phương ▪ KH 7: *Vụ Thủ Tiêu KHÁI HƯNG* bài Phạm Ngọc Lũy Tạ Tỵ Vương Đức Lệ Phòng Tuyên Truyền Địa Ngục: *Di cảo của Phùng Cung* Truyện dịch Đỗ Khánh Hoan KH 6: *Tưởng Niệm CHU TỬ* với Mặc Thu Viên Linh *Ba Cái Chết Sau 30 Tháng Tư* Lô Răng Phan Lạc Phúc KH 5: *Kỷ Niệm Với BÌNH NGUYÊN LỘC*/*Kỷ Niệm Với ĐINH HÙNG* Thái Văn Kiểm Mặc Thu Trọng Minh Đào Mộng Nam ▪ KH 4: *Gặp TRẦN DẦN* bài NgHữu Hiệu *Chiêu niệm NHƯỢNG TỐNG*: Phan Lạc Phúc Phùng Cung Bùi Bích Hà Luân Hoán ▪ KH 3: *Di Cảo PHÙNG QUÁN* với Trần Trọng San Cao Tiêu ▪ KH 2: *Chiêu Niệm sử gia PHẠM V SƠN* Hoàng Ngọc Liên Vũ Đình Trác ▪ KH 1 (11.1996) số ra mắt: *Dạ Ký PHÙNG CUNG* từ Hà Nội ▪ ***Khởi Hành còn đủ bộ từ số 1*** ▪ *Gửi $84 mỹ kim, bạn sẽ nhận được báo từ số 1 (tháng 11.96 tới số 36, tháng 10.99). Gửi 114 mk bạn sẽ nhận từ số 1 cho tới số 48, tháng 10.2000). Nguyệt san Khởi Hành: Đã đọc một số, bạn sẽ muốn có đủ bộ.*

Mỗi số một chủ đề, còn đủ bộ 3 năm đầu từ 1 đến 36, giá 84 mk kể cả bưu phí (ở Mỹ). Nếu gửi 114 mk, bạn sẽ nhận được từ số 1 tới số 48, tháng 10.2000.

Chủ nhiệm Chủ Bút: VIÊN LINH

Báo đề giá $4.00 mk 1 số ▪ Giá dài hạn: 30 mk một năm 12 số ($2.50 mk 1 số kể cả bưu phí) ▪ Canada 42 mk, Âu châu 54 mk Úc 61.8 mk 1 năm ▪ Thư từ, chi phiếu đề Khởi Hành và gửi về

Khởi Hành
P.O.BOX 670 MIDWAY CITY, CA 92655
TEL: (714) 554-1886 ▪ FAX: (714) 554-7086
▪ *Số 43 sẽ phát hành ngày 15 tháng 5.2000*

CÓ CĂN BẢN ANH VĂN VỮNG CHẮC LÀ

CHÌA KHÓA THÀNH CÔNG

TRAU GIỒI ANH NGỮ NHANH NHẤT BẰNG PHƯƠNG PHÁP TÂN TIẾN

MODERN ENGLISH

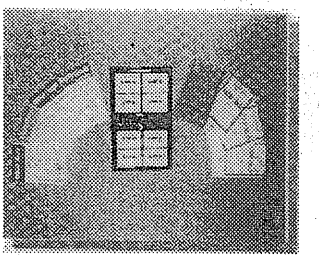

Bộ sách giáo khoa này được hàng trăm ngàn bà con đồng hương tán thưởng suốt 25 năm qua vì nó thích hợp nhất đối với người Việt. Soạn giả là giáo sư giàu kinh nghiệm dạy Anh văn và viết sách giáo khoa đặc biệt để giúp người Việt học sinh ngữ này trong hơn 40 năm. Nhiều độc giả có thư hỏi về cách thức học nó với kết quả tốt và mau chóng nhất. Chính vì vậy, chúng tôi thấy cần có đôi lời hướng dẫn này để góp ý kiến cùng quý bạn đang hoặc sắp dùng bộ sách hữu ích này để tự trau giồi Anh ngữ.

Tại sao nên dùng cassettes để học sinh ngữ ?

Bằng chứng là hiện nay nhiều cơ quan chính quyền Hoa Kỳ như Peace Corp (Đoàn Thể Hòa Bình), FBI, CIA, Foreign Services (Bộ Ngoại Giao), chuyên viên ngoại ngữ các binh chủng quân đội Hoa Kỳ, v.v... đều học ngoại ngữ bằng cassettes hơn là dùng video.

Bộ Modern English có những lợi điểm độc đáo nào ?

Nó có những đặc điểm này mà phương pháp khác không có:

- Bài vở giảng giải theo sư phạm thích hợp với người Việt.
- Cách dẫn giảng văn phạm và cú pháp nhằm độc giả Việt làm đối tượng, trong khi các phương pháp khác bỏ qua rất nhiều điểm cần thiết, chẳng hạn cách dùng danh từ và tĩnh từ kép (*compound nouns and adjectives*), các thời (*tenses*) như: *have been waiting, will be working, would have told, may be telling, ..., passive voice* như: *would have been, could have been killed,...*, và hàng trăm trường hợp khác.
- Hướng dẫn cách phát âm chính xác, phân biệt âm dài âm ngắn, phụ âm S, SH, CH, J, TCH, ..., như: *fill, feel, food, foot, sip, ship, chip, jogging, wash, watch, ...*, vần cần nhấn mạnh (*stress*), lên xuống giọng (*intonation*), ... Bài học nào cũng có phần dành riêng luyện về phát âm (*pronunciation / word drills*).
- Sau mỗi bài học, có nhiều bài tập và bài dịch áp dụng những điều mới học và ôn lại bài cũ, rồi tới phần đặt câu hỏi và trả lời từ dễ đến khó, làm người học thấy thích thú trong việc học tập.

Bộ sách gồm 4 cuốn giáo khoa trình độ từ Sơ Học tới Hoàn Bị: mỗi cuốn có 40 bài học, vị trí cả bộ sách gồm 160 bài học dẫn tới trình độ đọc được văn chương và báo chí Anh Mỹ, vì nó đề cập tới 3,000 ngữ vựng căn bản để tạo thành hàng chục ngàn từ ngữ (vốn liếng vài trăm ngữ vựng thì nhất định không đủ để hiểu được Anh Văn thiết yếu vì nó quá sơ đẳng). Tất cả 160 bài học đều được dịch ra Việt ngữ để tiện cho người học đối chiếu để hiểu thấu bài học.

Cách thức thâu lượm kết quả tốt nhất:

Qua xứ này bản thân chúng tôi đã học thêm hai sinh ngữ bằng cassettes thì thấy đã thâu lượm được kết quả rất tốt đẹp. Vậy xin mách quý độc giả về kinh nghiệm đó, nhưng cần nhớ là phải có sách và phương pháp thích hợp. Quý vị theo từng bước chỉ dẫn dưới đây:

1. Trước hết phải học thuộc Ngữ vựng (*vocabulary-new words*); cần đọc lớn giọng từng chữ, chú ý phân biệt âm ngắn với âm dài, vần nào phải lên giọng xuống giọng cho đúng, thuộc nghĩa từng chữ.
2. Học tới phần Văn phạm (*grammar*); đọc chậm chạp, tìm hiểu từng lời hướng dẫn, phải học cho tới khi hiểu thấu từng điểm.
3. Chú ý cách đặt câu, dùng chữ và từ ngữ cũng như thành ngữ. Ta có thể ví ngữ vựng là vật liệu, văn phạm là cách thức xây được căn nhà ngoại ngữ. Thuộc nhiều ngữ vựng mà không biết văn phạm thì không khác gì có nhiều vật liệu mà không xây được căn nhà, và ngược lại.
4. Khi đã học thuộc ngữ vựng và văn phạm của một bài, bây giờ tới đâu mình hiểu tới đó. Cứ cố gắng tìm hiểu toàn bộ bài học đó; bí lắm mới nhìn qua bài dịch Việt ngữ trong cuốn hướng dẫn (kèm theo sách giáo khoa). Sau khi đã hiểu thấu cả bài học, bạn hãy tự dịch ra tiếng Việt.
5. Bây giờ hãy đọc lớn tiếng bài học nhiều lần cho tới khi chính bạn cảm thấy mình đã thuộc bài học rồi, thì qua giai đoạn quan trọng này.
6. Nghe cassette: mở sách ra để nghe theo giọng đọc của xướng ngôn viên (giọng New York) chừng ba bốn lần (đừng đọc theo), chú ý phân biệt rõ ràng cách phát âm. Khi đã nghe quen nội dung cả bài học, cách phát âm ngữ vựng, biết cách đặt câu, cách trả lời, ..., qua giọng xướng ngôn viên, bây giờ bạn hãy gấp sách lại và tập trung thính quan để nghe lại cassette và đọc theo cho tới khi bạn cảm thấy mình thuộc lầu bài học mới thôi. Khi lái xe, hoặc làm việc linh tinh, bạn vẫn có thể mở cassette nghe học rất tiện và thích thú !
7. Làm các bài tập: khi đã thuộc hẳn bài học, bây giờ bạn cần làm hết các bài tập. Lần đầu tiên, hãy cố gắng làm bằng khẩu đáp (*oral*), rồi làm bài tập ra giấy. Sau cùng mở cuốn hướng dẫn (*guide*) ra để đối chiếu với phần sửa các bài tập, bạn có thể tự cho điểm. Nếu được số điểm tối thiểu 80/100 thì mới chuẩn bị học qua bài học mới.
8. Học kỹ như vậy và làm hết các bài tập, nhất định bạn sẽ có một căn bản tiếng Anh đáng kể (giàu ngữ vựng và từ ngữ, thấu hiểu văn phạm, biết tường tận cách đặt câu, ...) tức là bạn có thể tự tin là vốn liếng tiếng Anh của bạn đủ để hòa mình vào xã hội lấy tiếng Anh làm ngôn ngữ chính. Học mà không vững căn bản thì dù lên tới đại học vẫn nói và viết sai mẹo mực nhiều.
9. Văn ôn võ luyện: Học ngoại ngữ phải ôn lại luôn luôn. Cứ tiến được ba bài thì nên bỏ ra một buổi để học ôn lại ba bài cũ. Ôn đi ôn lại như vậy mới ghi được điều học hỏi vào tiềm thức mình, rồi dần dần bạn sẽ nói được tiếng Anh lưu loát tự nhiên, nhất là đúng tiêu chuẩn.
10. Tiềm thức: Người ta đã thí nghiệm với kết quả tốt đẹp là dù khi bạn ngủ, nếu nghe cassettes với âm thanh dịu dàng thì vẫn thâu lượm được kiến thức. Điều này đúng vì chính soạn giả đã thí nghiệm.

Kính chúc quý độc giả đạt được kết quả mong muốn. Trân trọng,

Soạn giả cố giáo sư ***Lê Bá Kông***

Giá toàn bộ **Modern English** là **US$99 và US$10 cước phí.**

Giá đặc biệt khi mua chung bộ **Modern English** và bộ **TỰ ĐIỂN ANH-VIỆT & VIỆT-ANH**, loại mới, hơn 900 trang, chữ lớn, đặc biệt có 2 lối phiên âm Quốc Tế và Ziên Hồng (phát âm tiếng Anh theo vần Quốc ngữ ta), bìa bọc plastic, là **US$120 và US$12 cước phí.**

Canada xin thêm 15%, các nước khác 30% cho cước phí.

Zieleks Company Inc.
2109 Kilkenny Dr. - Dept. TK
Pearland, TX 77581, USA
(281) 481-3783
Xin gửi check hay money-order
Có nhận credit card

Bolsa Medical Center

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - **(714) 531-2091**

AMVI, AMVI / PROSPECT SỐ 27 & BOLSA MEDICAL GROUP

in affiliation with

FOUNTAIN VALLEY REGIONAL HOSPITAL

17100 Euclid Ave., Fountain Valley, CA 92708 - **(714) 966-7250**

TRUNG TÂM Y TẾ TOÀN KHOA

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU NGOẠI CHẨN
PHÒNG ĐIỀU TRỊ KHẨN CẤP, QUANG TUYẾN & THỬ NGHIỆM

- Trung tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà ngay không cần ở lại đêm.
- Trung tâm có bác sĩ chuyên khoa về gây mê, bác sĩ chuyên khoa về tim thường trực để bảo đảm và theo dõi sự an toàn của quý vị.
- Trung tâm được công nhận bởi các cơ sở y tế địa phương và tiểu bang.

CHUYÊN TRỊ:

* Nội, Ngoại Thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Nha Khoa, Bệnh Người Già, Bệnh Đường Tiêu Hóa, Ruột....
* Các bệnh khẩn cấp, nóng sốt, tiêu chảy, ói mửa, tiểu rát, tiểu ra máu người lớn và trẻ em.
* Các tai nạn xe cộ, nghề nghiệp, ở nhà & ở sở - Khâu các vết thương.
* Các bệnh cấp tính đau nhức, đau xương, đau bụng, đau lưng, nhức đầu, đau mắt, bong gân, gẫy xương.
* Các bệnh khó thở, tức ngực, suyễn, sưng phổi, đau tim.

Xin mời quý vị đón nghe Chương trình Hội Thoại Y Khoa của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group, hàng tuần vào mỗi thứ Tư, từ 2:15 PM - 3:15 PM và sáng thứ Sáu từ 6:15 AM tới 6:30 AM trên băng tần 106.3 FM, VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

* *Nhận Medi-Cal, Cal OPTIMA, Medi-Care, HMO & PPO & hầu hết các loại bảo hiểm.*
* *Giá đặc biệt cho khách trả tiền mặt hoặc thẻ tín dụng với các dịch vụ giải phẫu & săn sóc thai nhi.*
* ***Có xe chuyên chở cho quý vị không có phương tiện di chuyển (Xin lấy hẹn)***
* *Có chỗ đậu xe rộng rãi và an toàn đằng sau Trung Tâm.*

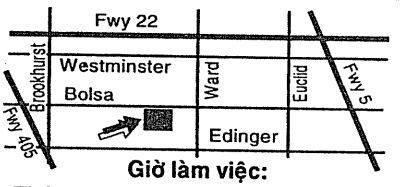

Giờ làm việc:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 8 PM & Thứ Bảy: 9 AM - 4 PM

AMVI Medical Group, Fountain Valley Regional Hospital and Medical Center, affiliated with Telnet HealthSystem

DANH SÁCH CÁC BÁC SĨ CỦA BOLSA MEDICAL GROUP

B.S. PHẠM ĐĂNG LONG CƠ, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THỊ LÃM THÚY, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. NGUYỄN HỮU HÙNG, M.D.
Nội Khoa, Bệnh Người Già

B.S. VĂN KỲ CHƯƠNG, M.D.
Giải Phẫu Tổng Quát

B.S. NGUYỄN VĂN LỘC, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. DƯƠNG HỒNG TẠO, M.D.
Tim Mạch, Nội Thương

B.S. HOÀNG THANH VINCENT, M.D.
Nội Khoa và Y Khoa Gia Đình

B.S. HOÀNG THẢO CHRISTINE, M.D.
Sản Phụ Khoa

B.S. NGÔ NGỌC TRÂN, M.D.
Chỉnh Xương

B.S. DAVID NGUYỄN, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. PHẠM VIỆT ANH, M.D.
Gia đình, Gây mê, Đau nhức

B.S. PHAN QUỐC QUANG, M.D.
Bệnh Bao Tử, Đường Ruột

B.S. QUẢN TRỌNG THANH LAN, M.D.
Nhãn Khoa

B.S. PETER NGUYỄN, M.D.
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

B.S. VŨ QUỐC ĐỊNH, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THIỆN TRIỆU, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Trẻ Em

BS. NGUYỄN SONG ANH TÚ, M.D.
Nội Khoa, Y Khoa Gia Đình

B.S. LƯU THỊ LỢI, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. LAUREN YẾN CHÂU TRẦN, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. HOÀNG QUÝ MINH, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

B.S. NGUYỄN THANH THÙY, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

Khi quý vị chọn BOLSA MEDICAL GROUP, quý vị đã chọn một Trung Tâm Y Tế có khả năng đem lại cho quý vị những dịch vụ y tế đầy đủ và phẩm chất cao. Trung Tâm Y Tế Bolsa được trang bị bởi những dụng cụ tối tân nhất như hệ thống Laser, Video và đặt trọng tâm vào lãnh vực săn sóc sức khỏe, chẩn và trị bệnh cho cộng đồng Việt Nam. Ngoài Phòng Thử Nghiệm và Phòng Quang Tuyến tối tân đúng tiêu chuẩn của Cơ Quan Y Tế Tiểu Bang California, Trung Tâm Giải Phẫu Ngoại Chẩn của Bolsa Medical Group còn chuyên về các dịch vụ giải phẫu mà bệnh nhân không cần ở lại qua đêm, giúp quý vị tiết kiệm thời gian và tiền bạc.

Sa Mưa Giông

tình khúc **Bắc Sơn**

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

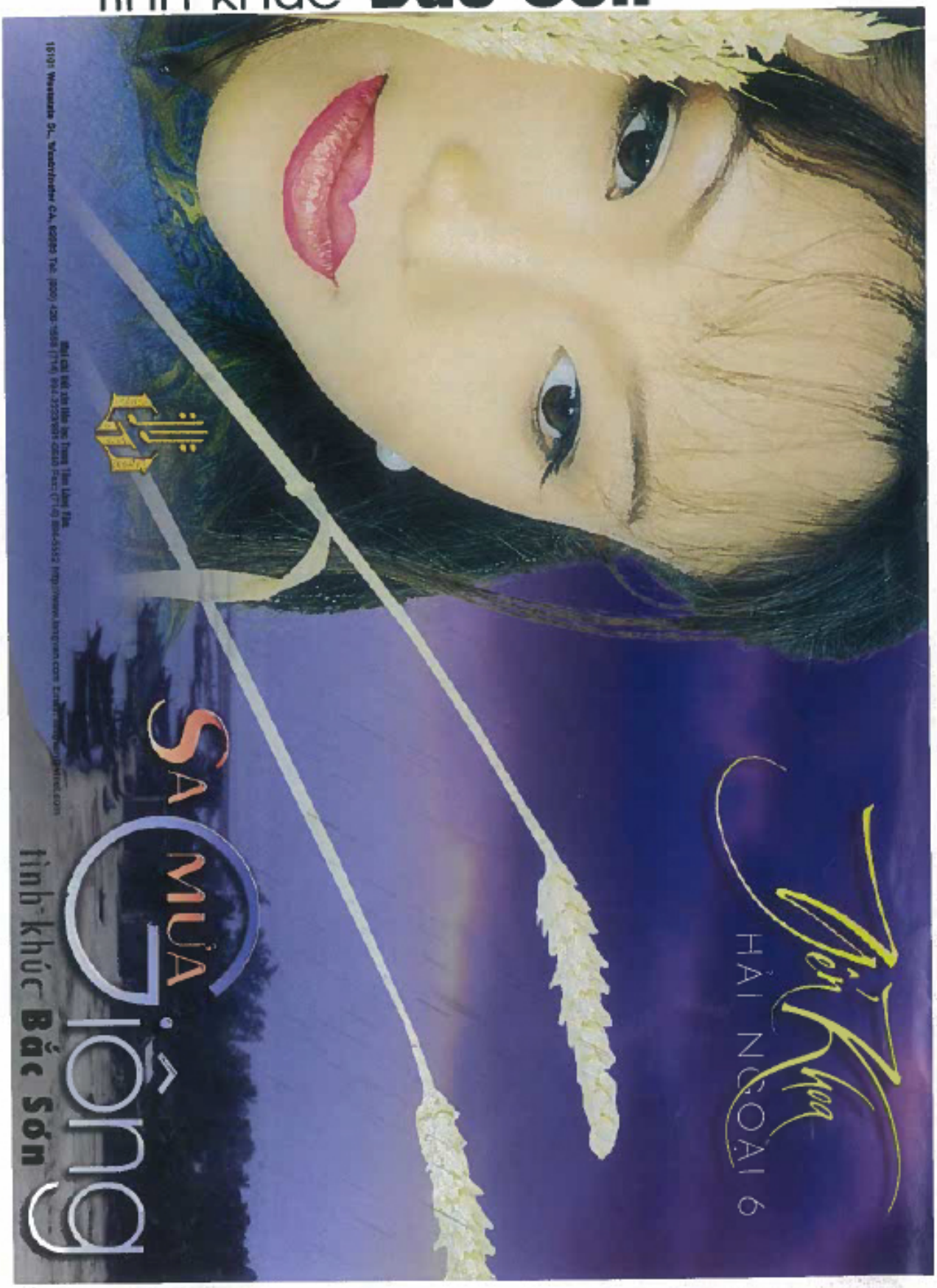

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim